

TỬ – VI CHỈ NAM

Lời Nói Đầu

Ở thế kỷ 20 này khoa học tiến đến cùng cực nhiều người đã những tưởng rằng loại người đến đây có thể thắng được tạo hóa, mà tạo hóa đối với loài người sẽ không còn sức lực gì nữa. Song nào ai có biết đâu rằng, tạo hóa bao giờ cũng cầm lỏng cái vận **Mệnh** muôn vật ở trong tay. Bởi thế các vật tiền triết Á-đông ngày xưa mới phát minh ra được khoa học Tử-vi đó vậy.

Nói qua cái căn nguyên khoa học Tử-vi, để những nhà có khảo sát rộng đến các khoa cùng rõ.

Khoa học Tử-vi đây là người ta xem sao Tử-vi và các vị sao khác ra phân phối đi khắp mười hai cung tron một cái số như : Bản-mệnh, Huynh-đệ, Thê-thiếp, Tử-tức, Điền-trạch, Giải-ách, Quan-lộc, Thiên-di, Phúc-đức, Phụ-mẫu, Tài-bạch và Nô-bộc.

Trong một cái số **Mệnh** người ta, thời sao Tử-vi và các vị sao khác cứ luân chuyển lần lượt đóng ở các cung, mà biến hiện nên các sự cát, hung, họa, phúc, suốt từ một giờ, một ngày, một tháng, một năm, cho đến hết một đời người thì thôi.

Kể cả các vị sao, vẫn có vị thì hay, vị thì dở, vị thì chỉ làm phúc, vị lại chuyên làm họa, vị nào đều chuyên làm việc của vị ấy, không vị nào giống vị nào. Nhưng đến khi thi hành quyền chức thời lại tất phải có cái địa vị cho mà đứng, thời mới có thể làm nên được việc, nhược bằng không có địa vị, thời dầu từ bi đến đâu cũng không làm nên được phúc mà hung ác đến đâu cũng không gieo được họa. Lại thay có một nhẽ là, vị sao nọ vốn là các tinh, nhưng khi đóng đó, không phải là chỗ mình làm việc phúc thời vị hung tinh ấy lại là một vị làm được một việc phúc rất nhậy. Ấy chỉ bởi có thể mà trong một đời con người ta mới diễn nên có lúc hay, có lúc dở, lúc vinh, lúc nhục, lúc thăng, lúc giáng, lúc bổng, lúc trầm, không lúc nào giống lúc nào, mà cũng không người nào lại có giống người nào vậy.

Khoa học Tử-vi là một khoa lý-học đã hẳn, lý nếu không thông, làm gì tính nên được số, lại còn lấy đâu có sự xét đoán được hay. Tôi vốn chỉ cay vì cái đời ly kỳ của tôi khi gặp người tri-kỷ, dặt dứu thang mây, khi bị ke đố tài, vùi dập đất đỏ, dùng một cái có bạc vạn, vượt một chốc tay không vì thế tôi mới phải lần mò tìm đến các ông thầy số hay. Khốn thay, chẳng tìm được ông nào là xem ra được số, vì thế mà tôi lại phải để tâm đến việc xem số. Trước đã trải qua một thời kỳ lục lợi hết các sách, mà mãi mới tìm ra được cách xem số ngày nay. Sau lại trải qua một thời kỳ xem tập nghiệm nhiều số, mà càng ngày càng thấy mình xem đoán được tinh. Đến đây nghĩ đến cái nỗi làm sao mà xã-hội không có người xem số hay, rút lại chẳng qua chỉ không có học là hết. Song lại nghĩ có một nỗi nữa là : học thì phải có sách, lấy sách nào làm sách số Tử-vi học ngày nay, sách cũ toàn là sách chữ nhỏ, có ông có học đâu mà xem được sách, đọc được sách nhỏ cho thông thạo. Thời đến lúc khai thông, gì bằng đem hẳn cái cách của mình đã nghiên cứu được, là một cách xem số rất hiệu nghiệm đó mà diễn ra quốc văn, in ra thành sách, để cống hiến cho xã-hội, họa chẳng có giúp cho những nhà vốn theo đuổi về nghề xem số và cả đến những nhà có rồi thì giờ muốn nghiên cứu về khoa Tử-vi tưởng cũng không đến nỗi vô ích vậy. Vậy bộ sách “Tử-vi chỉ-nam” mà chúng tôi đem ra xuất bản ngày nay, thực chỉ vì một chút nhiệt-thành làm việc công ích. Về phần văn chương chả dám nói hay đã đành đến chỗ khảo cứu dù chưa được mười phần hoàn thiện, cũng quyết đã được chín phần hơn.

Mong duyệt giả chữ tôn, nếu khi có thấy chỗ nào khuyết điểm, xin cứ thực lòng chỉ bảo cho, để đến khi tái bản sẽ bỏ vào, đó chưa dễ không phải là các ngài cũng có giúp nên việc công ích đấy vậy! Nay xin viết mấy lời để ghi lên đầu sách.

Viết tại Nam-Định ngày mồng 1 tháng giêng 1934.

SOẠN GIẢ

Song-An ĐỖ-VĂN-LƯU

QUYỂN I

TỬ-VI CHỈ-NAM

Cách lấy số TỬ-VI vắn tắt

Trước hết phải tra ở cái bảng dưới đây xem tuổi người ấy là **MỆNH** gì.

	➤	Mậu-tí	➤	Giáp-dần
Tuổi Giáp-tí	➤	Canh-dần	➤	Bính-thìn
➤ Bính-dần	➤	Nhâm-thìn	➤	Mậu-ngọ
➤ Mậu-thìn	➤	Giáp-ngọ	➤	Canh-thân
➤ Canh-ngọ	➤	Bính-thân	➤	Nhâm-tuất
➤ Nhâm-thân	➤	Mậu-tuất		
➤ Giáp-tuất	➤	Canh-tí		Ất-sửu
➤ Bính-tí	➤	Nhâm-dần		Đinh-mão
➤ Mậu-dần	➤	Giáp-thìn		Kỷ-tị
➤ Canh-thìn	➤	Bính-ngọ		Tân-mùi
➤ Nhâm-ngọ	➤	Mậu-thân		Quý-dậu
➤ Giáp-thân	➤	Canh-tuất		Ất-hợi
➤ Bính-tuất	➤	Nhâm-tí		Đinh-sửu

Kỷ-mão	Kỷ-mùi	(Trần lưu thủy)
Tân-tị	Tân-dậu	(Sa trung kim)
Quý-mùi	Quý-hợi	(Sơn hạ hỏa)
Ất-dậu	BẢN MỆNH	(Bình địa mộc)
Đinh-hợi	(Hải trung kim)	(Giảm hạ thổ)
Kỷ-sửu	(Lô trung hỏa)	(Kim bạch kim)
Tân-mão	(Đại lâm mộc)	(Phú đẳng hỏa)
Quý-tị	(Lộ bàng thổ)	(Thiên hà thủy)
Ất-mùi	(Kiếm phong kim)	(Đại trạch thổ)
Đinh-dậu	(Sơn dầu hỏa)	(Thoa xuyên kim)
Kỷ-hợi	(Giảm hạ thủy)	(Tang gia mộc)
Tân-sửu	(Thanh dầu thổ)	(Đại khe thủy)
Quý-mão	(Bạch lập kim)	(Sa trung thổ)
Ất-tị	(Dương liễu mộc)	(Thiên thượng hỏa)
Đinh-mùi		(Thạch lưu mộc)
Kỷ-dậu	(Tuyền trung thủy)	(Đại hải thủy)
Tân-hợi	(Ốc thượng thổ)	
Quý-sửu	(Tích lịch hỏa)	
Ất-mão		
Đinh-tị	(Tòng bách mộc)	

Âm hay dương

Tuổi	Tý	là	Dương	Tuổi	Sửu	là	Âm
Dần	>>	>>	>>	Mão	>>	>>	
Thìn	>>	>>	>>	Tị	>>	>>	
Ngọ	>>	>>	>>	Mùi	>>	>>	
Thân	>>	>>	>>	Dậu	>>	>>	
Tuất	>>	>>	>>	Hợi	>>	>>	

Tên các tháng

Tháng Giêng là Dần		Tháng Hai là Mão		Tháng Ba là Thìn					
>>	Tư	>>	Tị	>>	Năm >> Ngọ	>>	sáu	>>	Mùi
>>	Bảy	>>	Thân	>>	Tám >> Dậu	>>	Chín	>>	Tuất

>> Mười >> Hợi >> Một >> Tý >> Chạp >> Sửu

Tên các cung

Cung này là Tị – Hỏa Nam	Cung này là Ngọ – Hỏa Nam	Cung này là Mùi – Thổ Nam	Cung này là Thân – Kim Tây
Cung này là Thìn – Thổ Đông			Cung này là Dậu – Kim Tây
Cung này là Mão – Mộc Đông			Cung này là Tuất – Thổ Tây
Cung này là Dần – Mộc Đông	Cung này là Sửu – Thổ Bắc	Cung này là Tý – Thủy Bắc	Cung này là Hợi – Thủy Bắc

Tương sinh (tốt)

Thủy sinh Mộc Mộc sinh Hỏa Hỏa sinh thổ
Thổ sinh Kim Kim sinh Thủy

Tương khắc (xấu)

Kim khắc Mộc Mộc khắc Thổ Thổ khắc Thủy
Thủy khắc Hỏa Hỏa khắc Kim

Nhập nhi chi hợp nhau (tốt)

Tý hợp Sửu Thìn hợp Dậu Dần hợp Hợi
Tị hợp Thân Mão hợp Tuất Ngọ hợp Mùi

Thập nhị chi xung nhau (xấu)

Tý sung Ngọ Sửu sung Mùi Thìn sung Tuất
 Dần sung Thân Tỵ sung Hợi Mão sung Dậu

Thập can hợp nhau (tốt)

Giáp hợp Kỷ Đinh hợp Nhâm Ất hợp Canh
 Mậu hợp Quý Bính hợp Tân

Thập can phá nhau (xấu)

Giáp phá Mậu Kỷ phá Quý Ất phá Kỷ
 Canh phá Giáp Bính phá Canh Tân phá Ất.
 Đinh phá Tân Nhâm phá Bình Mậu phá Nhâm
 Quý phá Đinh

Tam hợp

Dần, Ngọ, Tuất Tị, Dậu, Sửu Thân, Tí, Thìn
 Hợi, Mão, Mùi

Ngũ hành

Tháng	Giêng		Tháng	Tư	
>>	{ Hai	Mùa Xuân	>>	{ Năm	Mùa Hạ
>>	Ba	thuộc Mộc	>>	Sáu	thuộc Hỏa
Tháng	Bảy			Mười	
>>	{ Tám	Mùa Thu	>>	{ Một	Mùa Đông
>>	Chín	thuộc Kim	>>	Chạp	thuộc Thủy

12 tháng chia ra 4 mùa, còn thiếu hành Thổ, xem giải rõ như sau này :

Mùa xuân bắt đầu từ mồng một tháng giêng đến 12 tháng 3 thuộc Mộc, còn 13 đến 30 tháng 3 thuộc Thổ

Mùa Hạ bắt đầu từ mồng một tháng Tư đến 12 tháng sáu thuộc Hỏa, còn từ 13 đến 30 tháng sáu thuộc Thổ.

Mùa Thu bắt đầu từ mồng một tháng bảy đến 12 tháng chín thuộc Kim, còn từ 13 đến 30 tháng chín thuộc Thổ.

Mùa Đông bắt đầu từ ngày mồng một thán mười đến 12 tháng chạp là Thủy, còn từ 13 đến 30 tháng chạp là Thổ.

Tính tháng nhuận

Tính tháng nhuận thì từ mồng một đến rằm thuộc về tháng chính, từ 16 đến 30 thuộc về tháng sau, ví dụ : để mồng 5 tháng năm nhuận thì tính là mồng 5 tháng năm, để 25 tháng nhuận thì tính là để 25 tháng sáu.

Nên chú ý : – Tính ngày thì cứ giờ Tý là thuộc về ngày hôm sau. (giờ Tý từ 23 giờ đến 1 giờ).

Tuổi Giáp hoặc Kỷ, Mệnh lập ở cung :

Tý hoặc	Sửu	là	<i>Thủy nhị cục</i>
Dần >>	Mão	>>	<i>Hỏa lục cục</i>
Thìn >>	Tị	>>	<i>Mộc tam cục</i>
Ngọ >>	Mùi	>>	<i>Thổ ngũ cục</i>
Thân >>	Dậu	>>	<i>Kim tứ cục</i>
Tuất >>	Hợi	>>	<i>Hỏa lục cục</i>

Tuổi Ất hoặc Canh, Mệnh lập ở cung :

Dần hoặc	Mão	là	<i>Thổ ngũ cục</i>
Thìn >>	Tị	>>	<i>Kim tứ cục</i>
Ngo >>	Mùi	>>	<i>Mộc tam cục</i>
Thân >>	Dậu	>>	<i>Thủy nhị cục</i>
Tuất >>	Hợi	>>	<i>Thổ ngũ cục</i>

Tuổi Bính hoặc Tân, Mệnh lập ở cung :

Tý hoặc	Sửu	là	<i>Thổ ngũ cục</i>
Dần >>	Mão	>>	<i>Mộc tam cục</i>
Thìn >>	Tị	>>	<i>Thủy nhị cục</i>
Ngọ >>	Mùi	>>	<i>Kim tứ cục</i>
Thân >>	Dậu	>>	<i>Hỏa lục cục</i>
Tuất >>	Hợi	>>	<i>Mộc tam cục</i>

Tuổi Đinh hoặc Nhâm, Mệnh lập ở cung :

Tý hoặc	Sửu	là	<i>Mộc tam cục</i>
Dần >>	Mão	>>	<i>Kim tứ cục</i>

Thìn	>>	Tị	>>	Hỏa lục cục
Ngọ	>>	Mùi	>>	Thủy nhị cục
Thân	>>	Dậu	>>	Thổ ngũ cục
Tuất	>>	Hợi	>>	Kim tứ cục

Tuổi Mậu hoặc Quý, Mênhlập ở cung :

Tý hoặc	Sửu	là	Kim	tứ	cục	
Dần	>>	Mão	>>	Thủy	nhị	cục
Thìn	>>	Tị	>>	Thổ	ngũ	cục
Ngọ	>>	Mùi	>>	Thổ	ngũ	cục
Thân	>>	Dậu	>>	Hỏa	lục	cục
Tuất	>>	Hợi	>>	Thủy	nhị	cục

Tìm sao Tử – vi

8	10	12	14
9	11	13	15
Tị	Ngọ	Mùi	Thân
6	Thủy nhị cục _____ Cứ xem Thủy Nhị Cục để ngày nào mà thấy ngày để ở cung nào thì an TỬ-VI ở cung ấy		16
7			17
30 Thìn			Dậu
4			18
5			19
28			Tuất
29 Mão			
2	1	23	20
3	14	14	21
26	25	Tý	Hợi
27 Dần	Sửu		

6	10		
16	11	14	18
19	23	24	28
Tị 25	Ngọ 29	Mùi 27	Thân
6	Kim tứ cục Cứ xem Kim Tứ Cục để ngày nào mà thấy ngày để ở cung nào thì an TỬ-VI ở cung ấy		22
7			Dậu
30 Thìn			
4			
5			26
28			Tuất
29 Mão			
4			1
7	3	5	30
Dần 13	Sửu 9	Tý	Hợi

4	7	10	13
12	15	18	21
14	17	20	23
1	Mộc tam cục Cứ xem Mộc Tam Cục để ngày nào mà thấy ngày để ở cung nào thì an TỬ-VI ở cung ấy		16
9			24
11			26
6			19
8			27
			29
3	2	25	22
5	28		30

	1	6	
8	13	18	11

20 24	25 29	30	23
3 15 19 27	Thổ ngũ cục Cứ xem Thổ Ngũ Cục để ngày nào mà thấy ngày để ở cung nào thì an TỬ-VI ở cung ấy		16 28
10 14 22			21
5 9 17	4 12	7	2 26

10 24 Tị 29	2 16 Ngọ 30	8 22 Mùi	14 28 Thân
4 18 Thìn 23	Hỏa lục cục Cứ xem Hỏa Lục Cục để ngày nào mà thấy ngày để ở cung nào thì an TỬ-VI ở cung ấy		1 20 Dậu
12 17 Mão 27			7 26 Tuất
6 11 Dần 21	5 15 Sửu 25	9 19 Tý	3 13 Hợi

Giờ sinh

Từ 23 giờ đến 01 giờ là Tý	11 giờ đến 12 giờ là Ngọ
Từ 01 giờ đến 03 giờ là Sửu	13 giờ đến 15 giờ là Mùi
Từ 03 giờ đến 05 giờ là Dần	15 giờ đến 17 giờ là Thân
Từ 05 giờ đến 07 giờ là Mão	17 giờ đến 19 giờ là Dậu
Từ 07 giờ đến 09 giờ là Thìn	19 giờ đến 21 giờ là Tuất
Từ 09 giờ đến 11 giờ là Tỵ	21 giờ đến 23 giờ là Ngọ

Cách xem giờ sinh đúng hay sai

Lấy số Tử-Vi cần nhất giờ sinh cho đúng, nếu sai giờ tức là giờ sinh củ người khác thì không đúng, số không đúng chỉ tại người ấy nói sai giờ sinh.

Sinh giờ Tý, Ngọ, Mão, Dậu là TỬ VƯỢNG thì ra ngựa, đầu có một khoáy lệch sang bên tả, dáng người sừng sừng, tầm thước, tính trực, dễ nuôi.

Sinh giờ Dần, Thân, Tị, Hợi là TỬ SINH thì ra nghê, cũng là một khoáy nhưng lệch về bên hữu, người thanh cao, trắng trẻo, xảo quyết, hay nói, cũng dễ nuôi.

Sinh giờ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, là TỬ MỘ thì ra sập, 2 khoáy, béo và đen, mắt sáng quắc và gan góc, nhưng khó nuôi.

Phép lấy số Tử – Vi

Lấy một tờ giấy rồi kẻ từng ô như sau này :

Tị	Ngọ	Mùi	Thân
Thìn			Dậu
Mão			Tuất
Dần	Sửu	Tý	Hợi

Ở giữa viết năm, tháng ngày và giờ, Dương-Nam hay Âm-Nữ, Âm-Nam hay Dương-Nữ và thuộc về cục gì.

A.–Phép tìm xem Mệnhở cung nào :

Muốn tìm cung **Mệnh**ở ô nào, thì tính **THÁNG** với **GIỜ** sinh thì ra. Khởi từ cung Dần là tháng Giêng, tính thuận đến tháng sinh, rồi từ chỗ tháng sinh khởi giờ, giờ Tý bấm ngược trở lại cho đến giờ sinh, trùng ở ô nào thì an **Mệnh**ở ô ấy.

Điền trạch	Quan Lộc	Nô Bộc	Thiên Ri
Phúc Đức (Thân)	Sinh tháng 2 giờ Sửu thì Mệnh ở cung Dần và Thân ở cung Thìn		Giải Ách
Phụ Mẫu			Tài Bạch
Mệnh	Bào	Phu hoặc Thê	Tử Đức

Thuận

Nghịch



An **Mệnh**ở ô nào thì cứ lần lượt viết các cung tính thuận như sau này :

12 cung số

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| 1 . Mệnh (là mình) | 7 . <i>Thiên-Ri</i> (ra ngoài) |
| 2 . <i>Phụ-Mẫu</i> (bố mẹ) | 8 . <i>Giải-Ách</i> (bệnh tật) |
| 3 . <i>Phúc-Đức</i> (mồ mả) | 9 . <i>Tài-Bạch</i> (đền cửa) |
| 4 . <i>Điền trạch</i> (ruộng nhà) | 10 . <i>Tử-Đức</i> (con) |

- 5 . *Quan lộc* (công việc làm) 11. *Thê* (vợ) Lấy số đàn ông để chữ Thê, số đàn bà để chữ Phu
6 . *Nô Bộc* (đầy tớ hoặc vợ lẽ) 12. *Bào* (anh em ruột)

B.– Phép tìm xem THÂN đóng ở cung nào :

Phép an **Thân** cũng bắt thàng với giờ sinh và cũng khởi từ cung Dần, nhưn bắt *thuận* cả.

Như để tháng hai, giờ Sửu thì khởi thàng giêng ở Dần, tháng hai ở Mão, rồi giờ Tý bấm ở Mão, giờ Sửu ở Thìn vậy an **Thân** ở cung Thìn. Thế là tuổi Giáp-Thìn **Mệnh** ở Dần, **Thân** ở Thìn, tức là **Thân** cư *phúc-đức*.

C.– An các Chính Tinh :

Tử-vi tính thuận cách 3 cung đến *Liêm – trinh*. Lại ở từ *Liêm–trinh* cách 2 cung đến *Thiên–đồng*, *Vũ khúc*, *Thái–dương*; ba sao ba cung liền nhau, rồi từ *Thái–dương* cách một cung đến *Thiên–cơ*.

Tử-vi ở cung Dần hay cung Thân thì *Thiên–phủ* và *Tử-vi* ở một cung, còn cung khác đối với *Tử-vi* là *Thiên–phủ*, như *Tử-vi* ở Sửu thì *Thiên–phủ* ở Mão, *Tử-vi* ở Tý thì *Thiên phủ* ở Thìn (xem trang 18). Sau *Thiên–phủ* thuận đến *Thái âm*. *Tham–Lang*, *Cự–Môn*, *Thiên–tướng*, *Thiên–lương*, *Thất–sát*, lại từ *Thất–sát* cách 3 cung đến *Phá–quân*.

C.– Cách lấy các sao ở vòng Tràng-sinh :

Thủy và Thổ-cục thì Tràng-sinh ở cung Thân.

Hỏa cục : Tràng-sinh ở cung Dần.

Mộc cục : Tràng-sinh ở cung Hợi.

Kim cục : Tràng sinh ở cung Tị.

Dương-nam hay Âm-nữ thì đi thuận (xuôi). Âm-nam và Dương nữ đi nghịch (ngược) đặt mỗi cung một sao Tràng-sinh, Mộc-dục, Quan-đái, Lâm-quan, Đế-vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng.

Tử-vi, Thiên phủ

Thiên–phủ bên này thì chéo sang bên kia là *Tử-vi*. *Tử-vi* bên này thì chéo sang bên kia là *Thiên–phủ*, Ở cung Dần hoặc cung Thân thì *Tử-vi* và *Thiên–phủ* ở cùng một cung.

5 . Tử-vi	3 . Tử-vi	1 . Tử-vi	Tử-vi
-----------	-----------	-----------	-------

6 . Thiên-phủ Ty	4 . Thiên-phủ Ngọ	4 . Thiên-phủ Mùi	Thiên-phủ Thân
7 . Tử-vi 8 . Thiên-phủ Thìn			1 . Thiên-phủ 2 . Tử-vi Dậu
9 . Tử-vi 10. Thiên phủ Mão			3 . Thiên-phủ 4 . Tử-vi Tuất
Tử-vi và Thiên-phủ Dần	9 . Thiên-phủ 10 . Tử-vi Sửu	7 . Thiên-phủ 8 . Tử-vi Tý	5 . Thiên-phủ 6 . Tử-vi Hợi

14 sao chính

Điền trạch Thiên cơ	Quan Lộc Tử vi (1)	Nô Bộc	Thiên Ri Phá quân
Phúc Đức (Thân) Thất sát	<div> <div>Tý</div> <div>Sửu</div> <div>Hợi</div> <div>Dần</div> <div>Tháng 2 ngày 30</div> <div>Giờ sửu.</div> <div>Tuất</div> <div>Dương Nam</div> <div>Năm Giáp Thìn,</div> </div>		Giải Ache

Phụ Mẫu Thái dương Thiên lương	<div> <div>Mẹo</div> <div>Hỏa Mệnh, Hỏa lục</div> <div>Dậu Thìn</div> <div>Thân</div> <div>Mùi</div> <div>Tỵ</div> <div>cục</div> <div>Ngọ</div> </div>	Tài Bạch Thiên phủ (1) Liêm chính
Mệnh Vũ khúc Thiên tướng	Bào Thiên đồng Cự Môn	Thê Tam lang Tử Đức Thái âm

Số Giáp Thìn sinh ngày 30 tháng 2, giờ Sửu thì Tử vi ở cung Ngọ, Thiên phủ ở cung Tuất (xem bảng hỏa lục cục ở trang 14).

Thái tuế

Lấy sao Thái tuế thì tuổi gì đặt sao Thái tuế vào cung tuổi ấy, như số tuổi Thìn thì Thái tuế ở cung Thìn, bất cứ Dương Nam, Âm nữ hay Âm nam, Dương nữ, cứ Thái tuế thuận đến Thiếu dương, Tang môn, Thiếu âm, Quan phù, Tử phù, Tuế phá, Long tức, Bạch hổ, Phúc đức, Điều khách, Trục phù, mỗi cung một sao, 12 cung 12 sao.

Thiên không

Như tuổi Giáp Thìn thì Thái tuế ở cung Thìn, cung tới cạnh cung Thái tuế là cung Tị thì đặt sao Thiên không ở cung Tị (Thiên không bao giờ cũng ở trước cung Thái tuế).

Lộc tồn

THEO HÀNG CAN

Tuổi Giáp	thì	Lộc tồn	ở	Dần
>> Ất	>>	>>	>>	Mão
>> Bính và Mậu>>	>>	>>	>>	Tị

>> Đinh và Kỷ	>>	>>	>>	Ngọ
>> Canh	>>	>>	>>	Thân
>> Tân	>>	>>	>>	Dậu
>> Nhâm	>>	>>	>>	Hợi
>> Quý	>>	>>	>>	Tý.

Lộc tồn ở đâu thì Bác sĩ ở đấy. Như Dương Nam, Âm nữ thì tinh thuận. Âm Nam, Dương Nữ thì nghịch theo thứ tự mỗi cung một sao : Bác sĩ, Lực sĩ, Thanh Long, Tiểu hao, Tướng quân, Tấu thư, Phi liêm, Hỷ thần, Bệnh phù, Đại hao, Phục binh, Quan phủ.

Kinh Dương, Đà La

Tinh thuận, cung trên lộc tồn là Kinh Dương, cung dưới là Đà la.

THIÊN KHÔI, THIÊN VIỆT

Tuổi Giáp, Mậu Thiên khôi ở cung Sửu. Thiên việt ở Mùi

>> Ất, Kỷ	>>	>>	Tý	>>	Thân
>> Bính, Đinh	>>	>>	Hợi	>>	Dậu
>> Nhâm, Quý	>>	>>	Mão	>>	Tị
>> Tân, Canh	>>	>>	Ngọ	>>	Dần

TÀ PHỤ, HỮU BẬT

Khởi tháng giêng tự cung Thìn tính thuận đến tháng sinh là Tả phụ, khởi tháng giêng tự cung Tuất tính nghịch đến tháng sinh là Hữu bật.

VĂN XƯƠNG, VĂN KHÚC

Khởi giờ Tý tự cung Tuất, tính nghịch đến giờ sinh là văn xương, khởi giờ Tý tự cung Thìn tính thuận đến giờ sinh là văn khúc.

ĐỊA KHÔNG, ĐỊA KIẾP

Khởi giờ Tý tự cung Hợi nghịch đến giờ sinh là Địa không, thuận đến giờ sinh là địa kiếp.

HÓA LỘC, HÓA QUYỀN, HÓA KHOA, HÓA KỶ

Theo hàng can cứ tìm 4 sao sau này ở đâu thì Hóa Lộc, Hóa Quyền, Hóa Khoa, Hóa Kỵ ở đấy.

Tuổi Giáp : Hóa lộc ở cùng Liêm trinh, Hóa quyền ở cùng Phá quân, Hóa khoa ở cùng Vũ khúc, Hóa kỵ ở cùng Thái dương.

Tuổi Ất : Hóa lộc cùng với Thiên cơ, hóa quyền cùng với Thiên lương, Hóa khoa cùng với Tử vi, Hóa kỵ cùng với Thái âm.

Tuổi Bính : Hóa lộc cùng Thiên đồng, Hóa quyền cùng Thiên cơ, Hóa khoa cùng Văn xương, Hóa kỵ cùng Liêm trinh.

Tuổi Đinh : Hóa lộc cùng Thái âm, hóa quyền cùng Thiên đồng, Hóa khoa cùng Thiên cơ, Hóa kỵ cùng Cự môn.

Tuổi Mậu : Hóa lộc cùng Tham lang. Hóa quyền cùng Thái âm, Hóa khoa cùng Hữu bật, Hóa kỵ cùng Thiên cơ.

Tuổi Kỷ : Hóa lộc cùng Vũ khúc, hóa quyền cùng Tham lang, Hóa khoa cùng Thiên lương, Hóa kỵ cùng Văn khúc.

Tuổi Canh : Hóa lộc cùng Thái dương, Hóa quyền cùng Vũ khúc, Hóa khoa cùng Thiên đồng, Hóa kỵ cùng Thái âm.

Tuổi Tân : Hóa lộc cùng Ngự môn, Hóa quyền cùng Thái dương, Hóa khoa cùng Văn khúc, Hóa kỵ cùng Văn xương.

Tuổi Nhâm : Hóa lộc cùng Thiên lương, Hóa quyền cùng Tử vi, Hóa khoa cùng Tả phụ, Hóa Kỵ cùng Vũ khúc.

Tuổi Quý : Hóa lộc cùng Phá quân, Hóa quyền cùng Cự môn, Hóa khoa cùng Thái âm, Hóa kỵ cùng Tham lang.

THIÊN MÃ

Tuổi Thân, Tý, Thìn,	Thiên mã	ở cung	Dần
>> Dần, Ngọ, Tuất >>	>>	Thân	
>> Hợi, Mão, Mùi >>	>>	Tị	
>> Tị, Dậu, Sửu >>	>>	Hợi	

HOA CÁI

Tuổi Dần, Ngọ, Tuất, thì	Hoa cái	ở cung	Tuất
>> Thân, Tý, Thìn >>	>>	Thìn	
>> Tị, Dậu, Sửu >>	>>	Sửu	
>> Hợi, Mão, Mùi >>	>>	Mùi	

ÂN QUANG, THIÊN QUÝ

Tìm xem Văn xương ở cung nào thì bắt đầu gọi cung ấy là ngày mồng một, tính thuận đến ngày sinh, lùi lại một cung là Ân quang. Tìm xem văn khúc ở cung nào thì bắt đầu gọi cung ấy là ngày mồng một, tính nghịch đến ngày sinh lùi lại một cung là Thiên quý.

TAM THAI, BÁT TỌA

Tính xem Tả phụ ở cung nào thì gọi cung ấy là ngày mồng một, tính thuận đến ngày sinh là Tam thai. Tìm xem Hữu bật ở cung nào thì gọi cung ấy là ngày mồng một, tính nghịch đến ngày sinh là Bát tọa.

LONG TRÌ, PHƯỢNG CÁC

Gọi cung Thìn là năm Tý tính thuận đến năm sinh thì đặt Long trì vào cung ấy, gọi cung Tuất là năm Tý, tính nghịch đến năm sinh thì đặt Phượng các vào cung ấy.

HỒNG LOAN

Gọi cung Mão là năm Tý tính nghịch đến năm sinh là an Hồng loan.

Đối với cung Hồng loan là Thiên hỷ vì như Hồng loan ở cung Dần thì Thiên hỷ ở cung Thân, Hồng loan ở Mão thì Thiên hỷ ở Dậu.

ĐÀO HOA

Tuổi Dần, Ngọ, Tuất, thì	Đào hoa	ở cung	Mão
>> Thân, Tý, Thìn >>	>>	>>	Dậu
>> Tị, Dậu, Sửu >>	>>	>>	Ngọ
>> Hợi, Mão, Mùi >>	>>	>>	Tý.

THIÊN QUAN QUÝ NHÂN

Tuổi Giáp, thì	Thiên quan	Quý nhân	ở cung	Mùi
>> Bính,	>>	>>	>>	Tị
>> Mậu,	>>	>>	>>	Mão
>> Canh	>>	>>	>>	Hợi
>> Quý	>>	>>	>>	Ngọ
>> Ất >>	>>	>>	>>	Thìn

>> Đỉnh	>>	>>	>>	Dần
>> Kỷ, Tân	>>	>>	>>	Dậu
>> Nhâm	>>	>>	>>	Tuất

THIÊN PHÚC QUÝ NHÂN

Tuổi Giáp, thì	Thiên quan	Quý nhân	ở cung	Dậu
>> Đỉnh,	>>	>>	>>	Hợi
>> Kỷ,	>>	>>	>>	Dần
>> Canh và Nhâm	>>	>>	>>	Ngọ
>> Ất	>>	>>	>>	Thân
>> Bính	>>	>>	>>	Tý
>> Mậu	>>	>>	>>	Mão
>> Tân, Quý	>>	>>	>>	Tị

THIÊN ĐỨC, NGUYỆT ĐỨC

Gọi cung Dậu là năm Tý, tính thuận đến năm sinh thì an nguyệt Đức

Gọi cung Tị là năm Tý, tính thuận đến năm sinh thì an Nguyệt đức.

THIÊN TÀI, THIÊN BẠN

THIÊN ĐỨC, NGUYỆT ĐỨC

Gọi cung **Mệnh** là năm Tý, tính thuận đến năm sinh thì an Thiên tài.

Gọi cung Thân (là thân mình) là năm Tý, tính thuận đến năm sinh thì an Thiên thọ

THAI PHỤ, PHONG CÁO

Tìm xem Văn khúc ở cung nào thì gọi cung ấy là cung thứ nhất, tính thuận sang đến cung thứ ba thì an Thai phụ, tính nghịch đến cung thứ ba thì an Phong cáo, (nghĩa là văn khúc ở giữa cách một cung đằng trước thì an Thai phụ, cách một cung đằng sau thì an Phong cáo).

QUỐC ẤN, ĐƯỜNG PHÙ

Kể từ lộ Tồn thuận đến cung thứ chín thì an Quốc Ấn, nghịch đến cung thứ tám thì an Đường phù.

THIÊN HÌNH

Gọi cung Dậu là tháng giêng tính thuận đến tháng sinh thì an Thiên hình.

THIÊN RIÊU, THIÊN Y

Gọi cung Sửu là tháng giêng, tính thuận đến tháng sinh thì an Thiên riêu và Thiên y.

ĐẦU QUÂN

Tìm xem sao Thái tuế ở đâu thì bắt đầu gọi cung ấy là tháng giêng, tính nghịch đến tháng sinh rồi lại gọi cung ấy là giờ Tý tính thuận đến giờ sinh thì an Đầu quân.

CÔ THẦN QUẢ TÚ

Tuổi, Dần, Mão, Thìn thì Cô thần ở Tị Quả tú ở Sửu

>> Tị, Ngọ, Mùi >> >> Thân >> >> Thìn

>> Thân, Dậu, Tuất >> >> Hợi >> >> Mùi

>> Hợi, Tý, Sửu >> >> Dần >> >> Tuất

HỎA TINH LINH TINH

Tuổi Dần, Ngọ, Tuất, đàn ông Dương nam, Đàn bà Âm nữ thì bắt đầu gọi cung Sửu là Tý, tính thuận đến giờ sinh thì an Hỏa tinh và gọi cung Mão là giờ Tý, tính nghịch đến giờ sinh thì an Linh tinh. Nhưng nếu đàn ông Âm nam, đàn bà Dương nữ thì cũng gọi cung Sửu là giờ Tý, nhưng phải tính nghịch đến giờ sinh thì an Hỏa tinh và gọi cung Mão là giờ Tý tính thuận đến giờ sinh thì an linh tinh.

Tuổi Thân, Tý, Thìn, đàn ông Dương nam, đàn bà Âm nữ thì gọi cung Dần là giờ Tý, tính nghịch đến giờ sinh thì an Linh tinh. Nhưng đàn ông Âm nam, đàn bà Dương nữ thì cũng gọi cung dần là giờ Tý nhưng tính nghịch đến giờ sinh thì an Hỏa tinh, và gọi cung Tuất là giờ Tý, tính thuận đến giờ sinh thì an Linh tinh.

Tuổi Tỵ, Dậu, Sửu, đàn ông Dương nam, đàn bà Âm nữ thì gọi cung Mão là giờ Tý, tính nghịch đến giờ sinh thì an Hỏa tinh và gọi cung Tuất là giờ Tý tính nghịch đến giờ sinh thì an Linh tinh. và gọi cung Tuất là giờ Tý, tính thuận đến giờ sinh thì an Linh tinh. Nhưng đàn ông Âm nam, đàn bà Dương nữ thì cũng gọi cung Mão là giờ Tý tính nghịch đến giờ sinh thì an Hỏa tinh và gọi cung Tuất là giờ Tý, tính thuận đến giờ sinh thì an Linh tinh.

Tuổi Hợi, Mão, Mùi, đàn ông Dương nam, đàn bà Âm nữ thì gọi cung Dậu là giờ Tý, tính nghịch đến giờ sinh thì an Hỏa tinh và gọi cung Tuất là giờ Tý tính nghịch đến giờ sinh thì an Linh tinh. và gọi cung Tuất là giờ Tý, tính nghịch đến giờ sinh thì an Linh tinh. Nếu đàn ông Âm nam, đàn bà Dương nữ thì cũng gọi cung Dậu là giờ Tý tính nghịch đến giờ sinh thì an Hỏa tinh và gọi cung Tuất là giờ Tý, tính thuận đến giờ sinh thì an Linh tinh.

THIÊN KHỐC, THIÊN HƯ

Khởi cung Ngọ là năm Tý, tính nghịch đến năm sinh thì an Thiên khốc và khởi tự cung Ngọ là năm Tý, tính thuận đến năm sinh thì an Thiên cư.

THIÊN HƯƠNG

Bao giờ cũng ở cung Nô bộc.

THIÊN SỬ

Bao giờ cũng ở cung Giải ách.

KIỆP SÁT

Tuổi Dần, Ngọ, Tuất	Kiếp sát	ở cung	Hội
>> Thân, Tý, Thìn	>>	>>	Tị
>> Tị, Dậu, Sửu	>>	>>	Dần
>> Hợi, Mão, Mùi	>>	>>	Thân

GIẢI THẦN

Gọi cung Tuất là năm Tý, tính nghịch đến năm sinh thì an Giải thần, hoặc cực sao Phượng các ở đâu thì Giải thần ở đây.

THIÊN GIẢI

Gọi cung Thân là tháng giêng, tính thuận đến tháng sinh là an Thiên giải.

PHÁ TOÁI

Tuổi Tý, Ngọ, Mão, Dậu	thì	Phá toái	ở	cung	Tị
>> Dần, Thân, Tị, Hợi	>>	>>	>>		Dậu
>> Thìn, Tuất, Sửu, Mùi	>>	>>	>>		Sửu

TRIỆT KHÔNG

Tuổi Giáp và Kỷ thì an triệt ở hai cung Thân, Dậu giáp nhau

>> Dần, Thân, Tị, Hợi	>>	>>	Ngọ, Mùi	>>
-----------------------	----	----	----------	----

>> Bính và Tân	>>	>> Thìn, Tị	>>
>> Đinh và Nhâm	>>	>> Dần, Mão	>>
>> Mậu và Quý	>>	>> Tý, Sửu	>>

TUẦN KHÔNG

An tuần phải theo lục giáp như sau :

1 . – Giáp tý, Ất Sửu, Bính dần, Đinh mão, Mậu Thìn, Kỷ tị, Canh ngọ, Tân mùi, Nhâm thân, Quý Dậu.

Những tuổi ấy an Tuần ở 2 cung Tuất, Hợi giáp nhau.

2 . – Giáp tuất, Ất Hợi, Bính tí, Đinh Sửu, Mậu dần, Kỷ Mão, Canh Thìn, Tân tị, Nhâm ngọ, Quý mùi.

Những tuổi ấy an Tuần ở 2 cung Thân, Dậu giáp nhau.

3 . – Giáp thân, Ất Dậu, Bính tuất, Đinh Hợi, Mậu tí, Kỷ Sửu, Canh dần, Tân Mão, Nhâm Thìn, Quý tị.

Những tuổi ấy an Tuần ở 2 cung Ngọ, Mùi giáp nhau.

4 . – Giáp ngọ, Ất mùi, Bính thân, Đinh Dậu, Mậu tuất, Kỷ Hợi, Canh tí, Tân Sửu, Nhâm dần, Quý Mão.

Những tuổi ấy an Tuần ở 2 cung Thìn, Tị giáp nhau.

5 . – Giáp Thìn, Ất tị, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu thân, Kỷ Dậu, Canh tuất, Tân Hợi, Nhâm tí, Quý Sửu.

Những tuổi ấy an Tuần ở 2 cung Dần, Mão giáp nhau.

6 . – Giáp Dần, Ất Mão, Bính Thìn, Đinh tị, Mậu ngọ, Kỷ mùi, Canh thân, Tân Dậu, Nhâm tuất, Quý Hợi.

Những tuổi ấy an tuần ở 2 cung Tí, Sửu giáp nhau.

LƯU NIÊN VĂN TÍNH

Tuổi Giáp	thì	Lưu niên văn tính	ở	cung	Tuất
>> Ất >>	>>	>>	>>	>>	Ngọ
>> Bính, Mậu >>	>>	>>	>>	>>	Ngọ
>> Đinh, Kỷ >>	>>	>>	>>	>>	Dậu
>> Canh >>	>>	>>	>>	>>	Hợi
>> Tân >>	>>	>>	>>	>>	Tị
>> Nhâm >>	>>	>>	>>	>>	Dần
>> Quý >>	>>	>>	>>	>>	Mão

TÍNH TIỂU HẠN

PHẢI THEO NĂM SINH MÀ LƯU

Người nào sinh năm Dần, Ngọ, Tuất thì bắt đầu từ cung Thìn, (cạnh trong tức là ô viết năm, tháng, ngày giờ sinh), tuổi Dần thì bắt đầu viết chữ Dần ở cung Thìn, tuổi Ngọ thì viết chữ Ngọ, chữ Tuất thì viết chữ Tuất, đàn ông thì theo chiều thuận, đàn bà thì theo chiều nghịch, bất cứ Dương nam hay Âm nữ, hay Âm nam, Dương nữ, cứ mỗi khung viết 12 chữ địa chỉ là Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, cứ viết đủ 12 cung 12 chữ.

Người sinh năm Thân, Tý, Thìn thì bắt đầu từ cung Tuất, như tuổi Thân viết chữ Thân, tuổi Tý viết chữ Tý, tuổi Thìn viết chữ Thìn.

Người sinh năm Tị, Dậu, Sửu thì bắt đầu từ cung Mùi, như tuổi Tị viết chữ Tị, tuổi Dậu viết chữ Dậu, tuổi Sửu viết chữ Sửu.

Người sinh năm Hợi, Mão, Mùi thì bắt đầu từ cung Sửu, như tuổi Hợi viết chữ Hợi, tuổi Mão viết chữ Mão, tuổi Mùi viết chữ Mùi.

LƯU ĐẠI HẠN 10 NĂM

ĐẠI HẠN LÀ XEM TRONG 12 NĂM HAY DỞ NHƯ THẾ NÀO

Phải xem cục người ấy là gì ? Như là Thủy nhị cục, Mộc tam cục, Kim tứ cục, Thổ ngũ cục, Hỏa lục cục, đàn ông Dương nam, đàn bà Âm nữ thì theo chiều thuận bắt đầu từ cung Mệnh, ví dụ Thủy nhị cục thì viết chữ mồng 2, thuận sang cung Phụ Mẫu viết chữ 12, thuận sang cung Phúc đức viết chữ 22 cứ lần lượt mỗi cung là viết đi đến hết 12 cung thì thôi, các cục khác cũng viết như thế (như Mộc tam cục thì viết bắt đầu chữ mồng 3, Kim tứ cục thì viết chữ mồng 4, Thổ ngũ cục thì viết chữ mồng 5, Hỏa lục cục thì viết chữ mồng 6).

Nhưng Âm nam, Dương nữ cũng bắt đầu từ cung Mệnh, nhưng phải theo chiều nghịch rồi cứ từng cung một mà

viết (xem là số đã viết thành ở trên thì sẽ biết).

Các vị sao thì vị nào cũng có 2 chữ, nay theo cách viết tắt chỉ nói một chữ cho tiện (xem bảng viết tắt ở dưới).

Các sao tốt nhất là ở cung Miếu, Vượng hoặc Đắc địa, xấu là cung Hãm; sao nào cũng thuộc về Kim hoặc Mộc hoặc Thủy hoặc Hỏa hoặc Thổ, Dương hoặc Âm, Nam đẩu hoặc Bắc đẩu, nói tóm lại tuy rằng gặp sao tốt ở **Mệnh** nhưng phải hợp với **Mệnh** (vì như **Mệnh** Thủy mà gặp sao Kim là hợp) và ở cung Miếu, Vượng hoặc Đắc địa mới tốt, tuy rằng số có cách tốt, nhưng cách ấy có hợp với **Mệnh** và không gặp phải các sao Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Kinh, Đà, Linh, Hỏa mới làm nên to được (xem các bảng viết tắt các sao thuộc về hành gì và ở cung Miếu, Vượng hoặc Đắc địa không ? Hay là ở cung Hãm địa sẽ hiểu).

Tuy trong sách này chỉ nói các sao ở **Mệnh** hoặc cung khác có đắc địa và hợp **Mệnh** thì tốt, nghĩa là nói cả Miếu, Vượng hoặc Đắc địa, nhưng vì viết tắt cho nên chỉ nói có đắc địa

BẢN ĐỒ LƯU TIỂU HẠN

Điền trạch Lên 12	Quan lộc Lên 6	Nộ bộc Lên 7	Thiên ri lên 8
Phúc đức Lên 5	Hợi Tý Sửu Dần Viết chữ 12 chi ở Tuất trong cái ô vuông này Mão Đây nói về tiểu hạn Tuổi Giáp Thìn và Dậu đồng hạn tuổi ấy. Thìn Thân Mùi Ngọ Tị		Giải Ach Lên 3
Phụ Mẫu Lên 11			Tài Bạch Lên 2
Mệnh Lên 1	Bào Lên 10	Thê Lên 4	Tử tức Lên 9

Tam Hợp – Lục Hợp - - - Đối Chiếu

Đoán số tử vi cần phải biết tam hợp.

lục hợp và đối chiếu.

Tam hợp : Thân, Tý, Thìn, Dần, Ngọ, Tuất
Hợi, Mão, Mùi, Tị, Dậu, Sửu.

THÍ DỤ : Muốn xem cung Thân lại phải xem cả 2 cung Tý, Thìn và 2 cung đối chiếu là cung Dần, lại xem cả cung Tị là cung Hợp nữa, rồi hợp cả các sao trong 5 cung ấy mà xem mới biết tốt hay xấu.

Lục hợp : Tý hợp Sửu, Dần hợp Hợi,
Mão hợp Tuất, Thìn hợp Dậu
Tị hợp Thân Ngọ hợp Mùi.

Khi xem cung Tý phải xem cả cung Sửu, xem cung Hợi phải xem cả cung Dần mà đoán. 4 cung Thìn, Dậu, Mão Tuất đối chiếu. Lục hợp dạng chéo hình Nguyễn nằm ngang và như chữ Z

trái cửa, những sao ở 5 cung ấy có ảnh hưởng tốt xấu cho nhau, cứ xem ở các 5 cung sẽ biết tốt xấu. Còn như cung Đối chiếu cứ theo chỗ giải nghĩa sao Hồng Loan sẽ hiểu.

XEM SỐ ĐƯỢC NHỮNG “CÁCH” GÌ ?

Lấy số xong rồi thì xem cung Mệnh, Quan Lộc, Thiên rí, Tài Bạch hợp nhau lại xem các sao có đúng được cách gì không, rồi xem Mệnh. Ví dụ là Dương nam có ở cung Dương không; sao có đắc địa và hợp **Mệnh** không, **Mệnh** và Cục có tương sinh không; **Mệnh** và Cung có hợp nhau không; xem cung Phúc Đức có tốt không, rồi hãy xem đến các cung khác, Tuy rằng **Mệnh** tốt nhưng cung Phúc Đức xấu thì cũng kém nhiều.

ĐẠI, TIỂU HẠN

Xem đại, tiểu hạn thì phải xem Mệnh, thuộc về hành gì và đi đến hạn ấy là cung gì như Mộc **Mệnh** mà hạn đi đến cung Hợi hoặc Tí là Thủy thì tốt, nhưng cũng xem cả các sao ở hạn ấy nữa, tuy rằng gặp cung ấy hợp **Mệnh** mà các sao xấu thì cũng bớt được sự xấu đi, nếu gặp cung ấy hợp và các sao lại tốt thì càng tốt lắm.

Tiểu hạn : – Xem tiểu hạn thì cứ xem chữ ở chung quanh cái ô vuông to ở giữa như là Dậu thì tiểu hạn là năm Dậu ở đấy, chữ Tí thì năm Tí ở cung ấy. Xem tháng thì tính từ năm tiểu hạn ấy, thí dụ năm Dậu tính tháng giêng từ cung Dậu nghịch đến tháng sinh rồi tính đầu từ cung ấy gọi là giờ Tí tính thuận đến giờ sinh tức là tháng giêng năm tiểu hạn ở đấy.

Đại hạn : – Tính đại hạn 10 năm thì cứ bắt đầu ở Mệnh, như người ấy là thổ ngũ cục thì tính lên 5 đến 14 ở **Mệnh** 15 đến 24 ở Phụ mẫu (là Dương nam thì tính thế) nếu Âm nam lại tính từ 15 đến 24 lại cung Bào, (nghĩa là Dương nam, Âm nữ tính thuận, Âm nam Dương nữ tính nghịch).

TÓM TẮT CÁCH LẤY SỐ TỬ VI

Muốn lấy số tử vi phải theo thứ tự như sau này :

1 . – Lấy số người nào, bao nhiêu tuổi, thì xem người ấy tuổi gì ? (Bính Dần, Đinh Mão . . .) mình gì ? (**Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, hay Thổ**). Xem trang 7.

2 . – Giai hay gái (nam là giai, nữ là gái).

3 . – Âm hay dương (xem trang 8).

a) An sao lộc tồn với 1 sao tiếp (trang 20).

b) An sao Trường sinh với 1 sao tiếp.

c) Tính Đại, tiểu hạn (trang 31) phải theo Dương hay Âm mà tính thuận hay nghịch :

Dương Nam	}	Tính thuận
Âm Nữ		
Âm Nam	}	Tính thuận

Dương Nữ

Tính nghịch

(Xem cách tính thuận hay nghịch ở trang 16)

4 .– Xem **Mệnh** đóng ở cung nào (trang 15).

5 .– An 1 cung khác (trang 16).

6 .– Xem thân ở khung nào (trang 17).

7 .– Tìm Cục (trang 11 và 12).

8 . – An tử vi (trang 12, 13, 14).

9 . – An Thiên phủ (trang 18).

10 . – An 14 sao chính tinh (trang 17).

11 . – An các sao khác (trang 20 đến 28).

12 . – Tính tiểu hạn (trang 28).

13 . – Lưu đại hạn 10 năm (trang 29).

Lá số của cụ Thượng Phạm, Văn, Toán.

(Xem trang 33).

ĐOÁN QUA VỀ LÁ SỐ CỤ THƯỢNG P . V . TOÁN.

Vì có Tuần, Triệt đương đầu cho nên khi còn bé cụ vất vả, cụ 25 tuổi cụ xuất thân làm việc là vì gặp Thái dương, Thiên lương, đến năm 36 cụ được bổ làm quan là vì đại hạn gặp Tả, Hữu, Xương, Khúc, Ân quang. Thiên quý, – đến 46 tuổi cụ được bổ làm quan tỉnh là vì gặp Tử vi ở Ngọ, Thiên phủ ở Tuất, đến năm 56 tuổi cụ được thăng Tổng đốc là vì gặp Khôi, Việt, Quang, Quý và Đại hạn ở cung Thổ thì hợp, – đến năm 66 cụ về hưu trí là về gặp hạn Sát, Phá Tham, và đi đến cung Kim, đáng nhẽ cụ từ trần.

Số Tử vi của cụ Thượng PHẠM VĂN TOÁN

Diễn trạch Thiên cơ Cô thân, Thiên không, Thiên hỷ, Tả phụ, Văn khúc, Lâm quan, Tiểu hao, Thiếu dương, Kiếp sát, Lưu niên văn tinh. 36	Quan lộc Tử vi Tang môn, Tướng quân, Đế vương, Phụng các, Thiên tài, Giải tuyền. 46	Nô bộc SUY Thiên-quan quý-nhân, Đương-phù, Thái-phụ, Thiên-việt, Tấu-thư, Thiếu-âm. 56	Thiên di Phá quân BỆNH Quan-phù, Phi-liêm, Long-tri, Hóa-quyền, Thiên thọ. 66
Phúc đức (Thân) Thất sát Thái-tuế, Thanh-long, Quan-đới, Bát-tọa, Đầu-quân, Hoa-cái. 26	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div> Hợi Tuất Thân </div> <div> Tý Sửu Dần Mẹo Thìn Mùi Ngọ Tỵ </div> </div> <p> Cách, Tử, Phủ, Vũ, Tướng tuổi Giáp thì làm to. Lộc, Mã ngộ Tràng sinh ở Dần, Tử-vi ở Ngọ, Thiên-phủ ở Tuất tốt lắm. Năm Giáp-thìn tháng 2 ngày 30 giờ Sửu, Dương Nam Hỏa Mệnh Hỏa lục cục. </p>		Triệt Giải ách TỬ Thiên-phúc quý-nhân, Tử-phù, Hệ-thần, Văn-xương, Hữu-bát, Đào-hoa, Nguyệt-đức, Thiên-giải, Linh-tinh. 76
Phụ mẫu Thiên lương Thái dương Trục-phù, Lục-sĩ, Mộc-dục, Hóa-ky, Phong-cáo, Kinh-dương, Hỏa-tinh. 16	Tuần Mệnh Vũ khúc, Thiên tướng, Thiên-y, Thiên-riêu, Hóa-khoa, Thiên mã, Trường sinh, Thiên-khốc, Lộc-tồn, Điều-khách, Bác-sĩ. Lén 6	Bào Thiên đồng, Cự môn DƯƠNG Phá-toái, Quả-tú, Đà-la, Thiên-đức, Thiên-khôi, Thiên quý, Ân-quang, Quan-phủ, Phúc-đức. 116	Tài bạch Thiên phủ Liêm trinh MỘ Tuế-phá, Bệnh-phù, Thiên-hư, Tam-thai, Hóa-lộc, Quốc-ấn, Thiên-hình, Địa-không. 88
		Thê Tham lang THAI Bạch-hổ, Địa-kiếp, Phục-binh, 106	Tử tước Thái âm TUYỆT Hồng-loan, Đại-hao, Long-đức. 96

Năm ấy nhưn đại tiểu, hạn gặp Tuần, Triệt cho nên giải được đến năm cụ 68 tuổi thì cụ từ trần. Cụ được nhiều con gái ít con trai (8 gái, 5 trai) là Tử vi có Thái âm ngộ Hồng loan và 2 sao thuộc âm cả cho nên nhiều con gái, đáng nhẽ như theo số chỉ được 5, 6 người con nhưng cũng nhờ ở số vợ nữa, vì cụ có nhiều vợ. Cung thê, có Bạch hổ cho nên sát vợ. – Cung Bảo có Cự. Đồng cho nên được hai anh em trai và 1 gái nhưng bất hòa vì có Cự môn. – Cụ đi ra ngoài phát võ là vì co phá quân ngộ Hóa quyền cho nên nhà nước Bảo hộ cử cụ đánh giặc bao giờ cũng dẹp yên ngay.

Cung Phúc đức phát to và chóng lên là vì có Thanh long, Hoa cái, ngộ Thất sát, lại có Hóa lộc, Hóa quyền, Quốc ấn chiếu.

Cung Diễn trạch có Thiên cơ lại có Cự môn, Thái âm, Tả hữu, Xương, Khúc cho nên nhiều nhà và ruộng nhưng ngộ Đại tiểu hao cho nên tuy đối với người dân thì gia sản ấy cho là to ma đối với các quan thì cụ nghèo. Cụ thanh liêm là vì cung Tài ngộ, Thiên phủ là Liêm trinh và Mệnh lại có Thiên tướng. – Đây tổ của cụ đánh giá là vì có Khôi, Việt, Âm, Dương. Cụ mất

năm 68 tuổi về tháng tư là về tiểu hạn năm ấy ở cung Tị gặp Thiên cơ, Cự môn, Tả, Hữu, Thiên không, Linh tinh, Đà la mà đại hạn ở cung Thân có Sát, Phá, Tham, Ngộ, Bạch hổ, Địa kiếp, Phục binh, Thái tuế mà tháng tư cũng đi đến cung Thân.

Trong sách nói rằng già gặp Thiên cơ hoặc Đào hoa thì chết, thực là sách dạy không sai, vì cụ gặp cả Thiên cơ và Đào hoa.

Đoán số nếu cứ theo trong sách Tàu dạy thì nhiều câu không đúng, ví dụ sách Tàu nói rằng : **Mệnh** giáp Kinh, Đà thì ăn mày , lại nói Lộc tồn ở **Mệnh** thì giàu sang, bao giờ **Mệnh** có Lộc tồn thì phải có Kinh, Đà hai bên, thế ra ai có Lộc tồn ở **Mệnh** là đi ăn mày cả sao, nói tóm lại học số hoặc làm sách số phải có kinh nghiệm lâu năm mới hay, dịch giả trong 18 năm lấy giúp có hàng vạn lá số không lấy tiền để xem mà kinh nghiệm, mới dám làm ra sách này, cho nên những cách dạy đoán đây chắc là đúng cả. Sách này còn nói nhiều chỗ các thầy số hoặc các ông đã giỏi số cũng phải cho là lạ, vì chưa thấy nói đến bao giờ, như là trong sách Tàu nói rằng “ Kiếp, Không lâm Tài, Phúc, Sinh, sinh lai bần tiện” mà vẫn có người giàu to, chẳng qua người ấy gặp Đại hạn 10 năm có Lộc tồn, Hóa lộc cùng các sao tốt cho nên làm nên giàu nhưng ăn ở vẫn ra cách bần tiện. Lại như nói Tuần, Triệt, ở Quan lộc thì làm việc quan phải cách, nhưng cũng có người bị cách mà có người vẫn được làm cho đến hưu trí, như thế có phải sách cũng có chỗ sai không, cho nên cần nhất phải kinh nghiệm suy xét lâu năm mới tìm ra chân lý. Tuy rằng có Tuần, Triệt ở Quan lộc nhưng cung ấy không có chính tinh (14 sao to ở hàng Tử vi Thiên phủ) thì lại tốt, hoặc là Tuần, Triệt đắc địa, lại cùng các sao tốt và có nhiều sao giải cũng không việc gì Cung Quan lộc kị nhất là sao Hóa kị và Đại , Tiểu hao, nếu có làm nên rồi cũng ngăn trở mà phải về.

CÁC CUNG SỐ

Sinh, Vượng, Tuyệt, Mộ

Dần, Thân, Tỵ, Hợi là Tứ sinh hoặc Tứ vượng.

Tý, Ngọ, Mão, Dậu là Tứ tuyệt.

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là Tứ mộ.

Các cung Âm , cung Dương

Tý	là	Dương	Sửu	là	Âm
Dần	>>	>>	Mão	>>	>>
Thìn	>>	>>	Tỵ	>>	>>
Ngọ	>>	>>	Mùi	>>	>>
Thân	>>	>>	Dậu	>>	>>
Tuất	>>	>>	Hợi	>>	>>

NAM, BẮC ĐẦU**NAM ĐẦU**

Hỏa tinh(hỏa)	viết tắt là	Hỏa
Linh tinh	(hỏa)	>> Linh
Thất sát (kim)	>>	Sát
Thái dương	(Hỏa)	>> Dương
Thiên cơ	(Mộc)	>> Cơ
Thiên đồng	(Thủy)	>> Đồng
Thiên khôi	(Hỏa)	>> Khôi
Thiên lương	(Mộc)	>> Lương
Thiên phủ	(Thủy)	>> Phủ
Thiên tướng	(Thủy)	>> Tướng
Thiên việt	(Hỏa)	>> Việt
Tử vi (t)	(Thổ)	>> Tử
Văn xương	(kim)	>> Xương

BẮC ĐẦU

Cự môn	(thủy)	viết tắt là	Cự.
Đà la	(hỏa)	>>	Đà
Tử vi	(thổ)	>>	Tử
Kinh dương	(hỏa)	>>	Kinh
Lộc tồn	(thổ)	>>	Tồn
Liêm trinh	(hỏa)	>>	Liêm
Phá quân	(thủy)	>>	Phá
Tả phụ	(thổ)	>>	Tả
Hữu bật	(thổ)	>>	Hữu
Thái âm	(thủy)	>>	Âm
Tham lang	(mộc)	>>	Tham
Văn khúc	(mộc)	>>	Văn
Vũ khúc	(kim)	>>	Vũ

Viết tắt các sao nhỏ

Ân quang	(mộc)	viết tắt là	Quang
Bác sỹ	(thủy)	>>	Sỹ
Bạch hổ	(kim)	>>	Hổ
Bát tọa	(mộc)	>>	Tọa
Bệnh	(hỏa)	>>	Bệnh
Bệnh phù	(thổ)	>>	Bệnh phù
Trực phù	(kim)	>>	Trực phù
Cô thân	(thổ)	>>	Cô
Đà la	(hoả, kim)	>>	Đà
Nguyệt Đức	(hỏa)	>>	Nguyệt Đức
Đại hao	(hỏa)	>>	Đại
Đào hoa	(mộc)	>>	Đào
Đẩu quân	(hỏa)	>>	Đẩu
Địa kiếp	(hỏa)	>>	Kiếp
Địa không	(hỏa)	>>	Địa không
Điều khách	(hỏa)	>>	Điều
Dưỡng	(mộc)	>>	Dưỡng
Đường phù	(mộc)	>>	Đường
Giải thần	(mộc)	>>	Giải
Hoa cái	(kim)	>>	Cái
Hóa khoa	(thủy)	>>	Khoa
Hóa kỵ	(thủy)	>>	Kỵ
Hóa lộc	(thổ)	>>	Lộc
Hóa quyền	(thủy)	>>	Quyền
Hồng loan	(thủy)	>>	Hồng loan
Hỏa tinh	(hỏa)	>>	Hỏa
Hỷ thần	(hỏa)	>>	Hỷ thần
Kiếp sát	(hỏa)	>>	Kiếp sát
Kinh dương	(hỏa)	>>	Kinh
Linh tinh	(hỏa)	>>	Linh
Long đức	(thủy)	>>	Long đức
Long trì	(trì)	>>	Trì

Lực sỹ	(hỏa)	>>	Lực
Lưu niên văn tinh		>>	Lưu niên
Mộ	(thủy)	>>	Mộ
Mộc dục	(thủy)	>>	Mộc
Phá toái	(hỏa)	>>	Toái
Phi liên	(hỏa)	>>	Phi
Phong cáo	(thổ)	>>	Cáo
Phục binh	(hỏa)	>>	Binh
Phúc đức	(thổ)	>>	Phúc đức
Phượng các	(thổ)	>>	Các
Quả tú	(thổ)	>>	Quả
Quan đới	(kim)	>>	Đới
Quan phù	(hỏa)	>>	Quan phù
Quan phủ	(hỏa)	>>	Quan phủ
Quốc ấn	(thổ)	>>	Ấn
Suy	(thủy)	>>	Suy
Tam thai	(hỏa)	>>	Thai
Tang môn	(mộc)	>>	Tang
Thiên riêu	(thủy)	>>	Riêu
Thiên đức	(hỏa)	>>	Thiên đức
Thiên giải	(hỏa)	>>	Thiên giải
Thiên hình	(hỏa)	>>	Hình
Thiên hỷ	(thủy)	>>	Hỷ
Thiên phúc	(thổ)	>>	Phúc
Thiên mã	(hỏa)	>>	Mã
Thiên khốc	(thủy)	>>	Khốc
Thiên không	(hỏa)	>>	Quan
Thiên quý	(thổ)	>>	Quý
Thiên sứ	(thủy)	>>	Sứ
Thiên thương	(thủy)	>>	Thương
y		>>	Y
Thai	(thổ)	>>	Thai

Tái phụ	(thổ)	>>	Thai phụ
Thái tuế	(hỏa)	>>	Tuế
Thanh long	(thủy)	>>	Thanh
Thiếu âm	(thủy)	>>	Thiếu âm
Thiếu dương	(hỏa)	>>	Thiếu âm
Tiểu hao	(hỏa)	>>	Tiểu
Tràng sinh	(thủy)	>>	Sinh
Triệt không			triệt
Tử	(hỏa)	>>	Tử
Tử phù	(thủy)	>>	Tử phù
Tuần không		>>	Tuần
Tuế phá	(hỏa)	>>	Tuế phá
Tướng quân	(mộc)	>>	Quân
Tuyệt	(thổ)	>>	Tuyệt.

CÁCH ĐOÁN SỐ TỬ VI

Phân xen **Mệnh** phải xem các sao chính ở Mệnh, hoặc chiếu Giáp hoặc giáp Mệnh, tuy có sao giáp xấu nhưng ở **Mệnh** có sao tốt thì cũng tốt. Nếu sao giáp xấu, nhưng ở Mệnh

V. Dương Đồng Đ. Tử. Tướng B. Cơ. Vũ. Phủ Cự. Lương Sát. Phá. H. Âm. Tham Liêm Tị	V. Cơ. Lương Dương. Sát Phá Đ. Vũ. Cự Tham. Phủ B. Liêm. H. Đồng. Âm Ngộ	V. Tử. Phủ. Vũ Liêm. Tham Đ. Tướng Lương B. Âm. Cự. H. Cơ. Đồng Mùi	V. Liêm. Sát Đ. Tử. Đồng B. Cơ. Phủ Âm. Tham H. Vũ. Lương Phá Thân
V. Lương. cơ. Vũ. Tham. Đ. Dương. Phủ B. Đồng. Tướng Liêm. Cự. Sát. H. Tử. Âm Thìn	Bản đồ để tra xem sao nào ở cung nào thì tốt hay xấu. V Vượng } tốt Đ Đắc-địa } B Bình } trung bình H Hãm } xấu		V. Liêm. Cự Đ. Cơ. Phủ. Âm Sát Tham Linh. Hỏa B. Tử H. Tướng. Ph Vũ. Đồng Dậu
V. Đồng. Liêm Cự. Tham. Linh. Hỏa. Đ. Tử. Dương Tướng. Sát B. Phủ. Tham. Lương H. Vũ. Âm. Phá Mão			V. Cơ. Lương Tham Sát Đ. Vũ. Phủ. Âm Phá B. Đồng. Liêm Cự. Tướng H. Tử. Dương Tuất
V. Đồng. Liêm Lương. Tướng Tử. Phủ Đ. Dương B. Cơ. Tham. H. Vũ. Âm. Dần	V. Vũ. Phủ. Âm Đồng Lương Sát. Tử Đ. Liêm. Cự B. Tham Dương H. Cơ Sửu	V. Cơ. Đồng Phủ. Âm Lương. Phá Đ. Vũ. Trinh Tham. Cự. Sát. B. Tử H. Dương Tý	V. Đồng. Âm Đ. Cự. Tướng B. Cơ. Vũ. Ph Sát. Phá. H. Dương. Th Liêm. Lương Hợi

V. Xương. Khúc Không. Kiếp Đ B. Khoa. Quyền Lộc. Linh. Hỏa H. Kinh. Đà. Ky	V. Hỏa. Linh Tồn. Loan Khốc. Hư Đ B H. Kinh. Lộc Quyền. Xương Khúc. Ky	V. Kinh. Đà Hỏa. Linh. Quý Tả. Hữu Đ. Xương. Khúc Khoa. Quyền Lộc H. Tồn. Ky	V. Khoa Đ. Xương. Khúc Kinh. Linh Khốc. Ky B H. Lộc. Quyền Đà, Tuế
V. Khoa. Quyền Lộc. Long Loan. Kinh Đà. Linh Đ. Xương. Khúc Hỏa. Tồn Thai. Tọa B. Khốc. Ky H. Kiếp. Không	<p>Bản đồ đề tra xem sao nào ở cung nào thì tốt hay xấu.</p> <p>V. = Vượng Đ. = Đắc-dịa B. = Bình H. = Hãm</p>		V. TUẦN TRIỆT V. Đại. Tiểu Riêu. Hình. Hồ Đ. Xương. Khúc Loan. Ky. Tả. Hữu. Hỏa. Kinh B. Kinh H. Tuế. Đà. Khoa Quyền. Lộc
V. Hình. Ky Riêu. Đại Tiểu. Tồn Đ. Tả. Hữu Xương. Khúc Hỏa. Linh B. Khốc. Hư H. Kinh. Đà V. TUẦN TRIỆT	V. Quang. Quý Thai. Tọa Xương. Khúc Tả. Hữu. Kinh Đà. Kinh. Hỏa Quyền. Lộc Đ. Khốc. Hư B H. Tồn. Ky	V. Khốc. Hư Hỏa. Koan. Tồn Xương. Khúc Đào Đ. Kinh. Đà B H. Hỏa. Linh Khoa. Quyền Lộc Ky	V. Hình Riêu Kinh. Đà. Kinh Hỏa. Thai. Tọa Quyền. Lộc. Khoa. Ky Đ B H. Kiếp. Không Xương. Khúc Hỷ-thần Quan-phủ V. Kiếp. Không Riêu Tả Hữu. Xương Lộc. Khoa Đ. Kinh. Đà. Khúc B. Hỏa H. Mã. Quyền Linh. Ky

Mệnh xấu thì cũng xấu. **Mệnh** có sao Thái dương mà ở vào cung Dương thì người ấy văn hay chữ tốt, nếu có sao Thái âm ở vào cung Âm thì người ấy giỏi về đả võ, (Từ Mão đến Thân là Dương, từ Dậu đến Dần là âm), có người sao âm dương phản đối mà sao lại giàu sang là vì còn có sao chiếu tốt phải nên biết sinh khắc chế hóa và nên xem **Mệnh** có Trường Sinh Đế Vương không và có Tử vi, Thiên phủ, Lộc tồn, hóa lộc, Thiên mã nhưng rất kỵ (Thiên không, Địa không, Địa kiếp tuần và Triệt).

Sao Tử vi Thiên phủ phải đi cùng với sao tướng tá thì tốt, các sao Sát tinh như là Địa kiếp, Thiên không, Kinh Dương, Đà la, vân vân, không nên ở cùng với nhau tức là tức là hung tinh hợp thành bè đảng thì xấu lắm. Như Tử vi, Thiên phủ giáp **Mệnh** là quý cách như Liêm trinh, phá quân, Đại, tiểu **Mệnh** thì xấu.

Xem đại hạn là xem họa phúc trong 10 năm, tiểu hạn là một năm nếu đại hạn gặp sao xấu thì tiểu hạn chẳng ra gì, ví như tiểu hạn gặp các sao xấu như là Bệnh phù, Tử phù, Bạch hổ, Thái tuế, Linh tinh, Hỏa tinh, Quan phù, Diêu khách, Tang môn nhưng đại hạn 10 năm và thân **Mệnh** tốt thì chỉ gặp sự không hay qua loa mà thôi không đến nỗi nguy quá, nên xem **Mệnh** người ta thuộc Kim thì lấy sao Kim làm chủ ví như dao Vũ khúc là Kim ở cung nào mà cùng với sao quý nhân, nhất là ở vào cung quan lộc thì tốt lắm, nếu ở cùng với Thất sát, Thiên hình, Hóa kỵ thì xấu.

Nên lấy thân **Mệnh** làm chủ, người như Thổ **Mệnh** gặp sao Cự môn ở **Mệnh** tuy gọi là sao ám, nhưng ở vào cung Miếu vượng hoặc Đắc địa lại có thêm sao tốt thì lại tốt.

Khi lấy số thì phải xem **Mệnh** người ấy có ở vào cung Sinh, Vượng, Mộ, Khố không? mà có phải sao Không vong không? tuy rằng có Lộc tồn Hoá lộc Thiên mã mà gặp sao Không vong cũng không tốt, rồi xem đến sao đế tinh, tức là Tử vi Thiên phủ có đắc địa không? nên xem các sao Tả phụ, Hữu bật, Thiên khôi Thiên việt, Hoá quyền, Hóa khoa, Hóa lộc, vân vân và sao Vũ khúc, có chiếu về **Mệnh** cùng Tử vi, Thiên phủ không? nếu có đủ các sao tốt như thế mới có thể đoán là giàu sang được.

Tuy rằng thân **Mệnh** có sao tốt mà lạc hãm, lại đi cùng với sao hung tinh thì người ấy cũng nghèo hèn, Thân **Mệnh** đã tốt, lại gặp hạn tốt thì tốt lắm, nếu thân **Mệnh** tốt mà lại gặp hạn xấu thì bình thường, nếu có gặp nhiều sao sát tinh thì chỉ gặp sự không hay qua loa thôi, nếu thân **Mệnh** xấu lại gặp hạn có sao ác sát thì xấu lắm.

Phạm xem sống chết thì phải xem đại, tiểu hạn, nếu có Thái tuế ập ác sát tinh, như là Thiên không, Địa kiếp, Địa không, Kinh dương, Hỏa tinh, Linh tinh, Cự môn, Thất sát, Phá quân, Liêm trinh, Tham lang, Thiên thương, Thiên sứ, mà có sao Tử vi, Thiên phủ, Lộc tồn chiếu hay hợp vào tiểu hạn hoặc đại hạn thì không chết chỉ ốm, và gặp sự không may, như là tố tụng, tang thương, khẩu thiệt, vân vân. . .

Tuy rằng gặp sao Thái tuế Tử vi Thiên phủ, Lộc tồn cùng với không vong (là sao Không, Kiếp, Tuần, Triệt) thì đã chết mất giá trị của sao Tử vi, Thiên phủ, Lộc tồn rồi thì cũng chết nếu không chết thì cũng gặp đủ mọi sự không hay đưa đến.

Con gái cần xem Thân, Mệnh, Phu, Tử và Phúc đức nếu các cung ấy gặp phải sao Không, Kiếp, Tuần Triệt hay là chiếu vào các cung ấy những sao sát tinh và cô độc (sao cô độc là Cô thần, Quả tú, Đẩu quân, Hóa kỵ Thiên hình) thì xấu nhất là Thân **Mệnh** gặp sao Đào hoa Thiên

hình và Thất sát thì lẳng lơ và nghèo hèn, lại như Thiên đồng, Thiên lương ở cung Tị, Hợi, Thiên cơ Thái âm ở cung Dần, Thân, Phá quân ở Mão Dậu đều là những người dâm đảng cả, nếu người ấy có đứng đắn thì cũng sinh ra bỏ chồng hoặc chết con. Lại xem cả cung Điền, Tài có tốt thì mới đoán được giàu sang được.

GẶP SAO HÂM THÌ NGHÈO HÈN

Cự môn, Thiên cơ ở Sửu, Mùi thì hạ cách – Thiên cơ, Thái âm, ở Dần, Thân cũng xấu, Kinh dương ở Mão, Dậu xấu – Tử vi, Phá quân ở Thìn, Tuất cũng xấu và bất nhân – Thiên đồng, Liêm trinh, tham lang, Thiên lương ở Tị, Hợi, xấu – Thái âm Thiên đồng ở Ngọ xấu – Tham lang, Vũ khúc ở Thân xấu – Tham lang Thất sát ở Tị, Hợi xấu – Phá quân ở Mão, Dậu xấu, nếu gặp sát tinh và Địa kiếp thì gian phi, - Tham lang và Hóa lộc ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi mà gặp sao tốt thì bình thường, nếu ở các cung khác lại gặp Hóa kỵ hoặc Địa kiếp, Thiên không, Địa không, Kinh dương, Hỏa tinh, Linh tinh thì chẳng chết non cũng nghèo hèn.

CUNG NÀO THUỘC HÀNH GÌ ?

Cung Dần Mão là Mộc, cung Tị, Ngọ là Hỏa, cung Thân, Dậu là Kim, cung Hợi, Tý là Thủy, cung Thìn, Tuất Sửu, Mùi là Thổ.

Ví như sao Kim ở cung Hỏa sao Mộc ở cung Kim, Sao Thủy ở cung Thổ, sao Hỏa ở cung Thủy, sao Thổ ở cung Mộc thế là xấu. Như sao Văn xương là Kim mà ở cung Ngọ thì xấu nếu lại gặp Không vong thì xấu lắm, nếu gặp Thiên cơ ở đấy sinh Hỏa lại tốt, như Văn khúc là Thủy ở Ngọ cung với sao Kim thì tốt, nếu lại cùng với Phá quân là Thủy thì nước nhiều quá vàng chìm sâu, dù có nhập Miếu hoặc Đắc địa cũng vô dụng.

Như sao Kim ở cung Thổ, sao Mộc ở cung Thủy, sao Thủy ở cung Kim, sao Hỏa ở cung Mộc, sao Thổ ở cung Hỏa như thế là tốt, ví dụ sao Liêm trinh, thuộc Hỏa ở cung Dần, Mão là Mộc thì tốt, nhưng nếu có Vũ khúc là Kim cùng với Liêm trinh lại kém đi, như Liêm trinh ở Hợi, Tý thì xấu, nhưng cùng với Hóa kỵ thì lại tốt.

Người **Mệnh**Kim mà gặp sao Thủy hoặc ở cung Thủy thì tốt thêm 4 điểm, người **Mệnh**Hỏa thì giảm bớt 4 điểm, người **Mệnh**Mộc gặp sao Hỏa hoặc ở cung Hỏa thì thêm 3 điểm, nếu gặp Kim thì giảm 3 điểm, người Thủy gặp Mộc thêm 2 điểm, mà gặp Thổ thì bớt 2 điểm, người Hỏa gặp Thổ thêm 6 điểm, gặp thủy bớt đi 5 điểm.

Tuổi Thổ mà **Mệnh**lập ở phương Đông Nam thì hay có bệnh nung huyết và kinh sợ tuy rằng có cát tinh cũng không tránh khỏi được.

XEM ĐẠI, TIỂU HẠN

Đại hạn có Đại hao, đi cùng Hóa lộc hoặc Lộc tồn lại gặp Thiên không, Địa kiếp, Hỏa tinh, Linh tinh, Tuần Triệt, dù có phát tài cũng tán hết. – Hạn gặp Cự môn, Thiên không, Địa kiếp, Hỏa tinh, Linh tinh thì xấu lắm. – Hạn gặp Tham lang, Thất sát, Phá quân thì ốm nặng, chết đi sống lại. Hạn gặp Liêm trinh, Cự môn, Hỏa tinh, Linh tinh, mà đại tiểu hạn cũng gặp, lại

ngộ thêm hung tinh cùng Thất sát, Phá quân thì chết – Hạn gặp các sao xấu đi cùng Thái tuế, Bạch hổ, Bệnh phù, Tử phù thì ốm nặng.

Người Dương nam, âm nữ gặp hạn sao Nam đầu thì tốt – Âm nam, Dương nữ gặp Bắc đầu thì tốt. – Sao Bắc đầu mà gặp đại hạn thì ứng năm năm về trước, tiểu hạn thì ứng nửa năm về trước. Sao Nam đầu thì đại hạn ứng năm năm về sau, tiểu hạn ứng nửa năm về sau.

Người tuổi Giáp mà gặp Thiên thương, Thiên sứ ở cung Dần nếu đại , tiểu hạn cùng gặp thì nguy lắm; tuổi Bính gặp 2 sao ấy ở cung Tị cũng thế : Tuổi canh ở cung Thân cũng thế.

Thiên thương, Thiên sứ, ở cung Tý, cùng Kinh dương, Đà la, Thái tuế, hoặc chiếu, đại tiểu hạn đều gặp thì chết. Thiên thương ở cung Tý, Thìn, Mão, Ngọ, Mùi. Thiên sứ ở cung Dần, Thân, Tị, Hợi mà cùng Thái tuế, thì dữ lắm, nếu đại, tiểu hạn đều gặp ở chính cung ấy thì chết, nếu gặp các sao Giải thì sống.

Người tuổi Thân hạn gặp Thiên thương rất hại, đại, tiểu hạn mà gặp Thái tuế đi cùng với Tử vi, Thiên phủ, Văn xương, Văn khúc, Thiên khôi, Thiên việt, Tả phụ, Hữu bật thì chỉ tổn hại lục súc và sinh khẩu thiệt. – Nếu gặp Kinh dương, Đà la, Linh tinh, Hỏa tinh, Thiên không, Địa kiếp, Thiên thương, Thiên sứ, tán tài ốm đau và chết ; đàn bà vì sinh bệnh hậu sản mà chết.

Hạn Thiên không, Địa kiếp gặp Thái tuế, Cự môn, Kinh dương, Đà la, Linh tinh, Hóa kỵ cũng chết.

Hạn Kinh dương, Đà la mà người tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì không việc gì, nếu gặp Tử vi, Thiên phủ, Văn xương, Văn khúc thì tài quan hiển đạt (tốt).

Hạn Hỏa tinh mà ở cung hãm thì sinh quan tai khẩu thiệt, hoặc bố mẹ chết, tán tài khốn khổ.

Hạn Linh tinh hãm địa sinh bệnh nung huyết rồi sinh ra lời thòitrốn tránh, chớ làm càn mà bị tội.

Hạn Thiên không, Địa kiếp cũng sinh nhiều chuyện lời thòi.

Hạn Cự môn, Hóa kỵ đi cùng các sao xấu thì sinh tang thương, yếu đau, quan tụng. – Như Thiên thương ở cung Tý, Thiên sứ ở Dần, Thái tuế ở Sửu, hoặc gặp Thiên thương, Thiên sứ đi cùng Kinh dương, Đà la, thì nguy lắm, nếu có Tử vi, Thiên đồng, Thiên lương thì giải được.

Người tuổi Canh, **Mệnh**ở Mão, Thiên ri ở Dậu mà cung Thân có Lộc tồn mà hạn năm ấy ở cung Mão gặp Kinh dương, Đà la, thì độc lắm, như **Mệnh**có Thất sát, hạn năm ấy có Kinh dương, Đà la cũng độc lắm. – Nhưng Thất sát nhập Miếu thì đỡ xấu, nếu hãm địa lại gặp Hóa kỵ mà ở cung Mão, Mậu gặp Kinh dương, mà người tuổi Ngọ thì độc lắm, nếu gặp Tử vi Thiên tướng, Lộc tồn thì giải được , nói tóm lại hạn Thái tuế gặp cả Kinh dương, Đà la mà đại tiểu hạn trùng phùng thì khó lòng qua khỏi được.

TUỔI NÀO KỶ NĂM NÀO

1. Người tuổi Tý thì kỷ năm Dần, Thân, Tý, Ngọ.
2. Người tuổi Dần, Mão thì kỷ năm Tỵ, Hợi, Mão, Dậu.

3. Người tuổi Sửu thì kỵ năm Sửu, Ngọ và kỵ Thất sát.
4. Người tuổi Ngọ thì kỵ Thất sát và năm Sửu, Ngọ.
5. Người tuổi Tỵ thì kỵ năm Tỵ và hạn đến cung Tỵ.
6. Người tuổi Thìn thì kỵ năm Thìn hoặc kỵ đến cả cung Thìn và Tuất nữa, hay sinh quan tai, khẩu thiệt, tang thương.
7. Người tuổi Thân thì kỵ hạn Linh tinh, Hỏa tinh và kỵ năm Dần, Ngọ, nếu gặp thì sinh tai thương, tán tài.
8. Người tuổi Mùi gặp năm Dậu, Hợi và kỵ cả sao Kinh dương nữa, nếu gặp cũng sinh nhiều việc lỗi thôi.
9. Người tuổi Tuất, Hợi gặp hạn Kinh dương, Đà la cũng sinh tai họa, và tuổi Tuất thì kỵ năm Thìn, Tuất và cung Thìn, Tuất nữa, nếu gặp cũng sinh quan tai, khẩu thiệt, tán tài.
10. Người tuổi Dậu thì kỵ năm Mão, Dậu và kỵ cả sao Kinh dương và Đà la, nếu gặp cũng sinh quan tai, tang thương, mất trộm, tán tài.
11. Người tuổi Thổ, **Mệnh**ở Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi thì hay có bệnh nung huyết và kinh sợ, tuy có cát tinh cũng hay sinh bệnh tật, quan tai.

NÓI VỀ CÁC CÁCH

Mệnhở cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, mà gặp sao tốt tức là trời cho mình ở chỗ vừa ý, tức là một đời được sung sướng, nếu gặp Hóa quyền thì hiển đạt.

Mệnhcon giai ở Hợi, con gái ở Dần mà có Tử vi tuổi Nhâm thân thì giàu sang.

Người nào gặp sao Tham lan, Liêm trinh ở Tị, Hợi lại có Hóa kỵ, nếu có nhiều sao tốt cũng chỉ được 30 năm tốt còn về sau xấu.

Người nào gặp Tham lang, Liêm trinh, phá quân đi cùng địa kiếp hóa kỵ ở cung hãm địa thì trai gian trá, gái giang hồ.

Nếu gặp lại Thất sát nữa thì xấu lắm.

Tham lang, Thất sát ở Tỵ, Hợi và phá quân ở Mão, Dậu thêm sao xấu và địa kiếp người ấy đại gian trá.

Thiên cơ ở Tỵ, Hợi thì người ấy hoạt lắm nhiều kẻ thích buôn bán và đi ra ngoài.

CÁC CÁCH THỌ

Tử phủ vũ tướng cách : Người tuổi canh Thọ 70, người tuổi Bính thọ 60, người mệnh Mộc và Kim cũng thọ.

Cơ, Nguyệt, Đồng Lương cách : Tuổi Bính sống 80, tuổi Mậu 90, tuổi Tân 60, tuổi Tỵ, Thìn, Dần, cũng thọ.

Tả, Hữu Đồng Cun Cách : Người mệnh Thủy, Mộc **Mệnh**lập ở Dần, Thân Tỵ, Hợi thì thọ, người Thủy thọ 73, người Mộc thọ 60.

Thiên y Cự Tuất cách : Người tuổi Thổ có nhiều sao, thọ thì thọ những lúc già hay bị chứng trường tích.

Phá Quân Tý, Ngọ : Người tuổi Dần, Thân, Thìn, Ngọ và Hoa thì thọ năm sáu mươi.

Thất sát Dần Thân : Người tuổi Thân và Mão thì thọ 80, nếu danh giá thì giảm bớt thọ.

Tử, Phủ đồng cung : Người tuổi Tý, Ngọ, Dần thọ 90 tuổi.

Nhật Nguyệt đồng cung : thọ 80, đối cung cũng thế.

Mệnh, Dương Thân Âm : Nghĩa là ở **Mệnh** có Thái dương, trắc địa, Thân (thân mình) có Thái âm đắc địa người tuổi Thìn thọ 70, người tuổi Tuất thọ 87.

Thiên Phủ Cự Mão : Người tuổi Mùi thọ 85, người tuổi Sửu thọ 72.

Thiên Lương Cự Ngọ : Người tuổi Tý, Thân thọ 70 và vinh hoa, người tuổi Bính thọ 60, người tuổi Đinh thọ 70 nhưng nghèo.

Nhật Nguyệt Thuận Vị : Người **Mệnh** Dương mà ở cung Dương gặp Thái dương, người **Mệnh** Âm ở cung Âm gặp Thái âm thọ 80.

Thiên cơ cư Tý : Tuổi Giáp thọ 65, tuổi Mậu thọ 70 và vinh hoa.

Thân Vũ Văn Mệnh: Thân có sao Vũ khúc, **Mệnh** có sao văn khúc, người tuổi Thìn, Dần thọ 70.

Thân Vũ Mệnh Văn : Như Thân có Đồng Lương **Mệnh** có sao Phục binh, tướng quân, người tuổi Kỷ hoặc canh thọ 67.

Thiên tướng ở cung Sửu và Mão : Tuổi Canh Tý và Nhâm Tý danh giá và Thọ 69.

Kinh dương nhập miếu : Tuổi Thìn Tuất gặp Kinh dương ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi mà có cả các sao Thiên không, tuần và triệt thì thọ 90, tuổi Sửu Mùi thọ 70.

CÁC CÁCH PHÚ VÀ QUÝ

Tử, Phủ, Vũ, Tướng : Tuổi Tý, Ngọ thì phú quý.

Cự, cơ, Mão, Dậu : Tuổi Sửu, Mão phú quý, tuổi Tân, Ất **Mệnh** lập ở cung Mão, lại có Xương Khúc, Tả, Hữu là thượng cách, người Bính thứ nhì, người Đinh thì xoàng thôi.

Mão, Dậu, Nhị, Hao : ở cung Mão, Dậu gặp Đại, tiểu hao thì không gọi là hao, chỉ có tuổi Dần, Thân thì bông lông mà là nên phú quý.

Cự, Lương, Thìn, Tuất : chỉ buôn bán mà làm nên phú quý.

Thiên không, Địa không, Địa kiếp : ở cung Tị, Hợi, tuổi Thìn, Tuất thì phú quý.

Song, Lộc, Chiêu, Nguyên : Lộc tồn và Hóa lộc ở Mệnh, Quan lộc, Tài bạch, hoặc Thiên ri chiếu về **Mệnh** tuổi Dần, Mùi, Tị, Hợi thì phú quý, có tuổi Thìn, Tuất tuy giàu nhưng không có danh giá.

Mệnh không, Thân kiếp : **Mệnh** có Địa không, **Thân** có Địa kiếp, Tuổi Thìn, Tuất Sửu, Mùi thì giàu có tuổi Kim, Thổ thì tốt hơn.

Cự môn Tý, Ngọ : Tuổi Mộc Thổ thì phú quý.

Tả Hữu cư Tứ Mộ : Tả phụ, Hữu bật ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi cũng tốt.

QUÝ CÁCH

1 . Tử Phủ Đồng Cung : Tuổi Dần, Thân, Tị, Hợi và Hỏa thì làm đến Nhất phẩm. – Nếu có Tả, Hữu, Khôi, Việt, mà người tuổi Giáp thì làm đến Công khanh.

2 . Phá quân Tý, Ngọ : Tuổi Canh, Nhâm, Bính, Đinh làm quan danh giá.

3 . Phủ tướng Triều Viên : Tuổi Giáp, **Mệnh** ở Sửu có Thiên phủ ở cung Tị, Dậu, có thiên tướng chiếu thì làm nên to (không có sao sát mới được).

4 . Nhật xuất Phù Tang : Thái dương ở Mão mà tuổi Thìn, Tuất thì làm to, tuổi Hỏa làm đến Tể tướng, các tuổi khác trước tốt hay xấu.

5 . Tiền cái Hậu Mã : Trước có Hoa cái, sau có Thiên mã, **Mệnh** ở giữa thì tốt lắm.

6 . Thiên phủ Lâm Tuất : người tuổi Giáp, Kỷ, **Mệnh** ở Tuất có Thiên phủ, Tả, Hữu, Khôi, Việt khoa, Quyền, Lộc thì làm nên to lắm, nếu không có sao tốt thì soàng thôi.

7 . Tử vi Cư Ngọ : Tuổi Giáp, Đinh, Tị nếu không có hung tinh mà gặp nhiều cát tinh thì làm nên to lắm.

8 . Ngọ Thượng, Thiên Lương : Thiên lương ở Ngọ và tuổi Đinh thì tốt nhất, tuổi Mậu, Kỷ, Quý bình thường nhưng nửa đời về sau mới tốt.

9 . Tam hóa Liên Châu : Hóa khoa, Hóa quyền, Hóa, lộc ở Tý, Sửu, Dần mà **Mệnh** ở 3 cung ấy người tuổi Canh và Tân thì làm nên to, nhưng yếu.

10 . Mã Ngọ Trường Sinh : Người tuổi Dần gặp thiên mã và trường sinh ở cung Thân thì tốt lắm.

11 . Thiên Mã ở Dần gặp Đà la : Phát đạt rất chóng nhưng không bền.

12 . Kinh Dương Gặp Hỏa Tinh : Ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì văn võ kiêm toàn.

13 . Thiên khốc gặp Khôi Việt, Xương Khúc cũng tốt lắm.

14 . Tướng Quân gặp Liêm Trinh : **Mệnh** ở cung Thân thì danh giá và hách lắm.

15 . **Mệnh** ở cung Thân mà cung Tý có Thiên đồng, cung Đồng có Cự môn, cung Thìn có Thiên lương mà có tam Hóa thì tài giỏi lắm.

16 . Đồng, Lương, Dần, Thân : Tuổi Giáp Canh, Tân thì làm nên danh giá.

17 . Tuổi Giáp **Mệnh** lập ở Hợi có Hóa khoa mà cung Dần có Lộc tồn thì làm nên danh giá và oanh liệt lắm.

18 . Tham lang gặp Linh tinh hoặc Hỏa tinh ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, tuổi Dậu và Kỷ thì làm nên, nếu ở Mão cũng tốt, nếu gặp Kinh dương, Đà la, Thiên không, Địa kiếp thì chả ra gì.

19 . Thái dương và cự môn ở cung Dần hoặc ở cung Thân cũng tốt, nếu Thái dương ở Tý, cự môn ở Hợi cũng tốt.

20 . Văn xương văn khúc ở cung Thìn, Tuất, Hợi, Mão, Dậu thì làm nên.

21 . **Mệnh** có quyền và lộc cũng tốt lắm.

22 . Sát pha liên tham cách : Tuổi Thìn, Tuất, Sửu. Mùi thì tốt lắm, tuổi Kim, Mộc thì làm to, các người khác thì xấu, hay bị trách oán.

23 . Cơ Nguyệt Đồng Lương : Tuổi Thân, Tý, Thìn, Hỏa, Thổ thì tốt lắm, tuổi Dần, Mão, Mùi, Hợi thì làm soang thôi, tuổi Mộc cũng khá.

24 . Liêm trinh Dần Thân : Tuổi Thìn, Tuất, Mộc, Kim, dũng lược làm nên về đảng võ.

25 . Thiên tướng Sửu, Mão : Tuổi Tý, Ngọ tốt nhất, tuổi Thủy, Mộc thì trung bình, tuổi Kim thì văn võ đều giỏi.

26 . Tả phụ củng Văn Xương : tốt và thông minh.

27 . Thiên phủ Dần, Mão : Tuổi Tý, Sửu làm nên sớm, dù có bị cách cũng lại được phục sự.

28 . Tọa Khôi Hường Việt : Tuổi Tý, Mão, Thủy, Hỏa gặp Khôi, Việt thì làm nên.

29 . Hồng loan Đào hoa Cư Tý : tuy rằng làm nên nhưng yếu.

30 . Lộc Mã cư Dần : tuổi Thìn thì tốt, **Mệnh** Hỏa công danh sớm.

31 . Đà la Thiên khốc cư Quan lộc : Tuổi Thân văn võ kiêm toàn công danh sớm.

32 . Xương, Khúc cư Sửu Mùi : tuổi Mão, Dần, Thân gặp Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc thì phú quý và thọ.

33 . Thiên lương cùng Văn khúc ở Ngọ, hoặc lương ở Ngọ Khúc thì Tý làm nên to.

34 . Tam hóa củng **Mệnh**: **Mệnh** có một Hóa tài có một Hóa quan hoặc Ri có một hóa lại gặp tả, hữu thì làm đến Công Khanh.

35 . Vũ Khúc cư Thìn Tuất : danh giá lừng lẫy : ở Sửu, Mùi thì trung bình nhưng phải có tam hóa, xương, khúc, tả, hữu mới làm nên to được.

36 . Vũ khúc cư Mão : Người tuổi Thổ hoặc Kim thì tốt lắm.

37 . Uyên Ương Lộc Hội : lộc tồn và hóa lộc cùng ở **Mệnh** hoặc chiếu **Mệnh** thì tốt lắm.

38 . Thái dương ở Ngọ thái âm ở Thân ở giữa có Thiên phủ, hai bên có tả, hữu cũng làm nên to, nếu ở cung Tài hoặc Quan lộc thì cũng giàu lắm.

39 . Lộc tồn và Thiên tướng ở đằng sau , Thiên mã ở đằng trước, **Mệnh** ở giữa cũng làm nên danh giá.

40 . **Mệnh** ở Ngọ có Đồng và Kinh dương, làm nên danh giá, nhất là về đảng võ nhưng chết non.

41 . **Mệnh** có Mã, giáp ở bên cạnh có Vũ, hoặc Tướng cũng tốt lắm.

42 . Thạch Trung Ẩn Ngọc : là cự môn ở Tý, Ngọ, người tuổi Đinh, Quý mà có khoa, lộc chiếu thì làm nên to lắm.

43 . **Mệnh** có hóa quyền, sát sát và hóa lộc thì làm về đảng võ thì giỏi lắm.

44 . **Mệnh** có cơ lương thì chịu suy xét và giỏi về đảng võ.

45 . **Mệnh** ở Dần, Thân, Tý, Ngọ gặp xương, khúc và hoá khoa chiếu **Mệnh** thì đỗ sớm.

46 . **Mệnh** ở Sửu, Mùi gặp Thái dương, Thái âm và khoa quyền, lộc làm đến Công Hầu.

47 . Cung quan lộc Thiên ri hoặc tài có xương khúc và hóa khoa chiếu **Mệnh** thì đỗ sớm.

48 . **Mệnh** có Thái dương đắc địa, lại có Thái âm đắc địa chiếu mà có cả xương khúc nữa thì làm đến Nhất Phẩm.

49 . **Mệnh** có khôi việt, thiên quan thiên phúc, hóa lộc **Mệnh** thì làm nên và giàu.

50 . Cung quan giáp long mã cũng tốt lắm.

51 . **Mệnh** có Liêm trinh và thiên hình đắc địa về đặng võ thì giỏi lắm.

52 . Người tuổi Đinh gặp Thiên đồng ở cung Tuất và người tuổi Tân, **Mệnh** ở Thìn, Tuất có cự môn lại có khoa, lộc chiếu nữa thì làm nên to giàu có, còn các tuổi khác thì xấu.

53 . **Mệnh** ở Sửu có âm, dương ở Mùi chiếu, hoặc **Mệnh** ở Mùi có âm dương ở Sửu chiếu mà người tuổi Bính hoặc Tân thì làm nên to.

54 . Tử phủ, âm, dương ở cung Vượng thì làm đến Công Hầu, là tử vi ở Ngọ thiên phủ ở Tuất, Thái dương ở Mão, Thái âm ở Hợi mà có thêm khoa, quyền, lộc, xương, khúc, khôi, việt, tả, hữu mà không gặp phải các sao xấu như là : thiên không, địa không, địa kiếp, tuần, triệt, thiên hình, hóa kỵ, kình dương, đà la thì làm đến Công Khanh.

NHỮNG CÁCH XẤU

Những Cách Chết Non Và Nghèo Hèn

Âm Dương phản đối : là thái dương từ cung Dậu đến Sửu, thái âm từ Dần đến Thân thì nghèo hèn và yếu, quy có tuổi Thìn và Tý tuy chết non nhưng nhiều người tiếc.

Thân và Mệnh không hợp nhau lại gặp các sao xấu thì chỉ sống 25 tuổi (Như Thân ở cung Dương mà **Mệnh** ở cung Âm là không hợp).

Kình dương, Đà là, Thiên không, Địa không, Địa kiếp ở Mệnh hoặc chiếu **Mệnh** lại bị các sao ấy hãm thì chết yếu, duy có người tuổi Ngọ, Mão và Dần tuy chết non nhưng giàu.

Mệnh không có cách gì tốt thì chỉ sống được 30 tuổi.

Mệnh có hỏa tinh và linh tinh hãm và gặp các sao xấu thì chết non hoặc chết dịch.

Mệnh ở Ngọ gặp Kình dương thì chết non. **Mệnh** ở Mão hay ở Dậu thì còn khá hơn.

Mệnh ở Tý có tham, xương lại thêm hóa kỵ và hung tính thì chết non, nếu ở cung Quan lộc thì không bền.

Thiên mã ở Hợi thì người ấy vất vả khổ sở và chết non, duy có người tuổi Thủy , Hỏa lại thọ 70.

Sát, phá, liêm, tham lại thêm linh, hỏa mà các sao ấy đều hãm, thêm các sao xấu thì chỉ sống một hai tuổi thôi.

Người tuổi Tân, Nhâm, Kỷ có linh tinh, kình dương, đà la, mà đại tiểu hạn đều gặp thì chết đuối, nếu không cũng chết đường. Hoặc **Mệnh** có các sao ấy. Ở Thìn, Tuất cũng thế.

Mệnh có cự môn, hỏa tinh và kinh dương mà hạn gặp ác tinh thì chết tự vẫn.

Đào hoa gặp kiếp, không ở **Mệnh** hoặc chiếu chỉ sống 30 tuổi, nếu gặp sao tốt thì sống được 49 tuổi.

Mệnh tuy có nhiều sao tốt mà không hợp với mình cũng chết non.

Thiên cơ hoặc Thiên lương ở Sửu, Mùi lại có thêm kinh dương hoặc đà là chỉ sống được 39 tuổi.

Mệnh có kinh dương, đà la, hỏa tinh hoặc linh tinh, mà gặp tử, phủ cũng chết non nhưng danh giá.

Giàu có mà không giữ được, là vì hóa lộc, hoặc lộc tồn gặp không, kiếp, hoặc hoá lộc ở các cung Tý, Ngọ, Thân, Dậu.

Đại tiểu hạn gặp tham vũ, ở Thìn, Tuất lại có Thái tuế, điều khách, tang môn, bạch hổ, thiên không, địa không, kinh dương, địa kiếp, đà la, hoặc gặp một hai sao dữ này cũng chết đuối.

Mệnh có Thiên không mà **Mệnh** ở cung Ty, Hợi, Tý, Ngọ lại dễ vào các giờ ấy thì chết non, nếu gặp các sao tốt cũng bình thường.

Văn xương, văn khúc gặp phá quân, hóa kỵ thì vất vả.

Đại tiểu hao ở cùng với sao tuyệt hoặc bốn cung Tý, Ngọ, Mão, Dậu, mà gặp Thiên hình, hóa kỵ lại ở vào cung Quan lộc thì người ấy ăn may. (Người tuổi Dần, Ngọ, Tuất, **Mệnh** ở Ngọ, tuổi Tị, Dậu, Sửu **Mệnh** ở Dậu; Tuổi Hợi, Mão, Mùi, **Mệnh** ở Mão; tuổi Thân, Tý, Thìn, **Mệnh** ở Tý, thì bị phải sự không may ấy).

5 – TỬ VI Ở GIẢI ÁCH

Phải nên xem **Mệnh** có tốt hay xấu rồi mới xem đến Giải ách, có Tử vi ở cung giải ách thì ốm đau và ít vận hạn, nếu cùng với Thiên phủ thì tốt, cùng Thiên tướng hay có bệnh ngoài da, cùng phá quân, khí huyết kém, nếu có kinh, đà, linh, hỏa, kị thì ám tật như là mất mờ, cùng, không, kie761p thì có bệnh Tâm khí.

Người Kim thì khí huyết tốt, người Thủy mà có kinh, đà, hình, kị, linh, hỏa, không, kiếp và bệnh phù thì có nhiều tật bệnh, người mộc cũng xấu, người Thổ thì tốt, người hỏa thì tốt lắm, vì Tử vi là Âm Thổ cho nên đại, tiểu hạn gặp sao dữ thì hay đau bụng, tuy rằng ở cung Miếu, Vượng nhưng khắc **Mệnh** (không hợp với **Mệnh**) thì sinh ra bệnh thầy trưởng, nếu ở cung hãm thì sinh Phế hư, triết tả, hoặc đau bụng và ứng trệ, hoặc sinh đờm chứng, nếu có thêm sao Thủy và Hình, Kỵ và Bệnh phù thì sinh chứng Âm hư, nếu có đà, riêu, linh, hỏa thì sinh tà ma và điên cuồng, nếu có tuần, triệt, đại, tiểu hao thì tốt lắm, giải được bởi xấu và bớt ốm đau.

6 – TỬ VI Ở ĐIỀN TRẠCH

Tử vi cùng xương, khúc, tả hữu thì có nhiều cửa nhà và ruộng, cùng, kinh, đà, linh, hỏa, không, kiếp, đầu có cửa nhà và ruộng cũng bán hết rồi lại có, cùng với phá quân thì bỏ làng đi

nơi khác nhưng cũng có nhà và ruộng cùng với thiên tướng thì tậu được nhiều. Tử vi hợp **Mệnh** và gặp các sao khác cũng hợp thì có nhiều nhà nhiều ruộng. Người Hỏa gặp tử vi Miếu, Vương đi cùng phượng các thiên hỷ và hỷ thần thì tậu được nhiều, nếu ở cung Miếu, Vương mà không hợp **Mệnh** lại cùng với 5 sao tốt thì tậu được 15 mẫu ruộng trở lên, nếu hãm địa thì chỉ có mẫu hoặc 5 sào, nếu **Mệnh** có nhiều sao Tài như là Lộc tồn và Hóa lộc thì lại có nhiều thêm lên, nếu có hỷ thần, thiên hỷ, tấu thư, xương, khúc, lại cùng với Không Kiếp thì tổ nghiệp để lại cho bao nhiêu cũng bán hết nhưng lại tậu được đủ số bán đi. Như **Mệnh** có thiên không cùng Điền trạch có tử vi gặp tuần, triệt là người ấy bỏ làng đã hai đời rồi, nếu **Mệnh** có sao xấu và Đại, tiểu hao thì người ấy làm nhà nhờ đất của người ta, nhưng về sau cũng có nhà và đất, nếu cùng với tham lang thì tay mình làm nên 2, 3 lần mới thành được cơ nghiệp, tử vi ở Điền dù hãm và gặp sao xấu cũng có cửa nhà.

7 – TỬ VI Ở PHÚC ĐỨC

Tử vi ở Phúc đức thì người ấy sung sướng suốt đời và thọ 93, nhưng phải hợp với **Mệnh** mới được, nếu có trường sinh đề vương, tả, hữu, xương, khúc, khô, việt, khoa, quyền, lộc, và lộc tồn thì làm nên và họ hàng đều thịnh vượng, nếu khắc **Mệnh** và hãm địa lại gặp Tuần, triệt thì khó nhọc và vất vả, nếu có thịnh vượng cũng không bền, nếu có không, kiếp, kinh, đà, linh, hỏa, không những mình và họ hàng không được thịnh vượng và có người để trộm mả ở gần mộ tổ xa đời, hoặc mất mả, con trưởng bại, con thứ làm nên. Tuy tử vi có đắc địa và hợp **Mệnh** nhưng có Tuần, Triệt thì còn phát nhưng không bằng trước, nếu có Tang môn, Đại, tiểu hao thì làm ăn không được vượng, như người Mộc mà gặp Quan phủ, Phục binh, Hóa kỵ, Thiên hình, thì họ hàng không hòa thuận với mình hay sinh kiện tụng và đánh nhau.

Người Thủy gặp kinh, đà, linh, không, kiếp, tuần, triệt, hình, kỵ thì không thể ở nhà của tổ nghiệp để cho được, phải đi ở làng khác, nếu không thì sinh ra ốm đau, như Tử vi đắc địa và hợp **Mệnh** nhưng lại gặp sao xấu thì họ hàng còn thịnh vượng, nhưng có nhiều người bị bệnh tật, nếu đi cùng Thất sát, Phá quân thì phát võ, nếu hãm địa mà gặp các sao Sát, Phá thì sinh ra hung nghịch trộm cắp, nếu có Phục binh, Tướng quân ngộ Tử (là sao Tử) thì họ hàng có người đi lính chết trận, nếu gặp một hai văn tinh thì phát văn học, nếu có sao xấu khắc sao văn tinh ấy thì tuy có văn học nhưng không có đỗ cao được, như tử vi ở Phúc đức thì được 5 đời thịnh vượng, đắc địa thì là mả tổ, hãm thì xa đời, ví dụ sao ấy là Thổ thì sinh Kim, nếu gặp Văn xương là Kim thì lại càng vượng lắm, nếu lại cùng Phá, Cự tức là Thủy thì tốt thêm mãi ra, cung Phúc đức có nhiều sao Văn mà **Mệnh** có nhiều sao Vũ cũng kém nhiều, **Mệnh** có hung tinh mà Phúc đức có nhiều Phúc tinh cũng xấu. Nói tóm lại cung Phúc đức tuy có Tử vi, đắc địa và hợp **Mệnh** nhưng gặp Không, Kiếp, Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Tuần, Triệt, Đại, Tiểu hao, Tang môn, Phục binh, Hình, Kỵ, Tử, Tuyệt, là giảm mất nhiều.

8 – TỬ VI Ở THIÊN RI

Người **Mệnh** Kim mà gặp tử vi miếu vượng thì ra ngoài làm ăn thịnh vượng và làm nên, gặp Phúc tinh ra ngoài được Phúc, gặp Quý tinh ra ngoài làm nên, gặp Tài tinh ra ngoài làm giàu, người Thổ và Hỏa cũng hợp, chỉ có người Mộc và Thủy thì không hợp nên gặp nhiều sao xấu ra ngoài chẳng ra gì; nếu cùng với Tả, Hữu, Quyền, Khoa, Lộc, Lộc tồn, Quốc ấn, Phong cáo ra ngoài làm nên to cùng với Thất sát chỉ nên ở ngoài thì tốt cùng với Tham lang ra ngoài nên ở

chỗ đông người như là ở thành phố thì tốt, cùng với Phủ hoặc Tướng ra ngoài cũng tốt, cùng với Phá quân ra ngoài khó nhọc nhưng cũng tốt, nếu cùng với Đào hoa, Thiên ri ra ngoài chỉ rượu chè, trai gái cùng Đại, tiểu hao ra ngoài tán tài như tử vi ở một mình tại hãm địa tức là cô quân mà gặp các sao dữ thì chả ra gì.

1 – THIÊN PHỦ Ở MỆNH

Thiên phủ là Nam đẩu dương thổ là sao lành chủ về tài bạch, ở **Mệnh** người nào thì người ấy sắc trắng mặt vuông, tính ngay thẳng, nếu đắc địa thì tính khoan hòa, có tài giỏi nếu hãm địa thì biển lận xảo trá như người Kim hoặc Thổ thì tốt nhất, người Mộc hoặc Hỏa thì bình thường, duy người Thủy thì xấu, nếu thiên phủ ở cung Tý và Ngọ cùng vũ khúc, tả, hữu, lộc tồn, hóa lộc thì phú quý, nếu có xương, khúc, khô, việt, khoa, quyền thì làm quan văn, nếu hãm địa lại gặp tuổi Thủy hoặc Mộc và có kinh, đà, linh, hỏa, không, kiếp, tuần, triệt thì xảo trá phải bôn tẩu khó nhọc mà cũng chỉ làm soàng thôi, cùng với Tử vi ở Dần, Thân và các sao tốt thì làm nên to lớn, nếu Sửu, Mùi mà cùng với không, kiếp, tuần, triệt thì chả ra gì, chỉ làm nghề dung thân.

Thiên phủ ở Dần, Ngọ, Tuất, Hợi, Mão mà gặp các sao tốt mà người ấy tuổi Kỷ thì làm nên to, người Tị, Dậu, Sửu, Mậu, Bính, Tân, thì văn võ toàn tài và làm nên; người Giáp, Canh ở Hợi, Mão, Mùi thì trước làm nên, sau kém dần địa và không có tính thật thà.

Thiên phủ, Vũ khúc ở Tý, Ngọ, người Đinh, Kỷ, Quý thì làm nên to; ở Mão, Dậu, người Ất, Bính, Tân thì làm nên; ở Dần, Thân người Đinh, Kỷ làm nên to; ở Thìn, Tuất người Giáp, Canh, Nhâm thì làm nên; ở Sửu, có gặp nhiều sao tốt cũng làm nên; ở Tị, Hợi; người Ất, Bính, Mậu, Tân thì làm nên, Thiên phủ gặp Thiên tướng, chiếu thì tốt lắm; ở Ngọ, Tuất gặp người tuổi Giáp làm nên Côn hầu, Thiên tướng; ở Dần, Thân mà có Thiên phủ ở cung Quan hoặc Tài bạch chiếu lại tức là cả nhà ăn lộc, tức là cả nhà đều được nhờ người ấy, còn ở các cung khác mà có Phủ, Tướng ở **Mệnh** hoặc chiếu thì tốt vừa.

Thiên phủ, xương khúc, lộc tồn ở **Mệnh** thì giàu có hàng vạn.

Thiên phủ, vũ khúc ở Tài bạch hoặc Điền trạch lại có lộc tồn, tả hữu thì đại phú.

Cung Mệnh, Thân, Phúc đức, Điền, Tài, Thiên ri có giáp Tử, Phủ cũng tốt hoặc **Mệnh** và các cung ấy có Thiên phủ giáp Âm, Dương, tả, hữu, khô, việt, xương khúc, ấn quang, thiên quý, tam thai, bát tọa, long trì, phượng các đều tốt cả.

2 – THIÊN PHỦ Ở CUNG HUYNH ĐỆ

Thiên phủ ở cung huynh đệ mà hợp **Mệnh** lại ở cung Miếu vượng lại gặp sao tốt thì được 5 anh em cứ thêm một sao tốt là đoán thêm được một người là cùng với Trạng sinh thì thêm một người, đế vượng cũng thêm một người, thiên phủ là Dương cho nên nhiều anh em giai, ở cung Dương lại thêm có sao Dương thì lại càng nhiều anh em giai, ở cung Âm lại gặp nhiều sao âm thì nhiều chị em gái, nếu có Vũ, tướng, lộc tồn, hóa lộc thì anh em giàu, nếu có khô, việt, khoa quyền, tả, hữu, xương khúc thì anh em làm nên và đỗ, có Thiên phủ ở huynh đệ thì bao giờ anh em cũng yêu mến nhau; nếu có kinh, đà, linh, hỏa, không, kiếp, tuần, triệt thì anh em ít đi và không làm nên được, cùng Đại, tiểu hao thì nghèo cùng Tang môn, Bạch hổ thiên khốc thì có

người chết không nuôi được cả, cùng cô thân thì anh em giai hiếm con, cùng Thái tuế, Quan phù, Phục binh, thiên hình, hóa kỵ thì ghét nhau.

THIÊN PHỦ Ở CUNG PHU HOẶC THÊ

Thiên phủ ở cung Miếu vượng lại hợp **Mệnh** và đi cùng các sao tốt thì lấy vợ chồng sớm, người con nhà danh giá và đứng đắn, nếu không giàu rồi lấy nhau cũng làm nên giàu có thành vợ chồng yêu mến nhau, nếu người Mộc, Thủy lại ở cung hãm địa và cùng các sao xấu như là kinh, đà, linh hỏa không, kiếp, tuần triệt, hình, kỵ, thì sung khắc hoặc bỏ nhau, gặp Tang môn, Thiên khốc, Bạch hổ, thì sát, gặp hình, kỵ, thiên mã, và tuần triệt thì đánh nhau rồi bỏ mà trốn đi, gặp lộc tồn, hóa lộc, bà hồng loan có của đem về làm giàu; có Thiên phủ ở vào cung Phu thì chồng có quyền hơn vợ, nếu ở cung Thê thì vợ có quyền hơn chồng.

Nói tóm lại Thiên phủ cùng lộc tồn, khoa, quyền, lộc, khôi, việt, tả, hữu thì vợ chồng danh giá và giàu, nếu có thiên khôi thì nên lấy con trưởng, thiên việt thì con thứ, gặp đào hoa ngộ Thai thì nhân tình trước rồi lấy nhau sau hoặc vợ chữa hoang, nên có Thai, Phục binh, hoặc Tướng quân thì vợ chồng đã có con riêng rồi mới lấy nhau, có đà la ngộ Mã thì vợ chồng có tật, tùy liệu các sao đi cùng mà đoán.

4 – THIÊN PHỦ Ở NÔ BỘC

Thiên phủ ở hãm địa nhưng hợp **Mệnh** lại có nhiều sao xấu thì đầy tớ tốt, nếu đắc địa lại không hợp **Mệnh** và cùng các sao tốt thì đầy tớ xấu.

Như người nhà giàu, làm quan, làm thầy giáo hoặc người cho vay nợ mà gặp Thiên phủ ở nô thì đầy tớ danh giá giúp đỡ mình.

Thiên phủ cùng các sao kinh, đà, không, kiếp, hình, kỵ, khốc, hư thì đầy tớ tốt.

5 – THIÊN PHỦ Ở PHỤ MẪU

Thiên phủ ở cung bố mẹ mà ở cung Miếu vượng, người tuổi Kim, Thổ hoặc Hỏa thì bố mẹ danh giá và thọ. Gặp vũ khúc, lộc tồn, hóa lộc thì bố mẹ giàu. Gặp tả, hữu, xương, khúc, khôi, việt, khoa, quyền, thì làm nên danh giá lắm và hòa thuận, như hãm địa mà người Thủy, Mộc lại gặp kinh, đà, hỏa, linh, không, kiếp, tuần, triệt, thì bố mẹ không song toàn và trước thịnh sau suy. Gặp bạch hổ, Thiên khốc thì chết sớm, nếu gặp Thiên hư, Tang môn, Cô, Quả thì hay sầu thảm, gặp Bệnh phù, Hình, Kỵ, hay đau ốm, nếu Thiên phủ ở cung Dương thì mẹ chết trước, nếu ở cung Âm thì bố chết trước, nên tùy theo các sao xấu tốt mà đoán.

1 – VŨ KHÚC Ở MỆNH

Vũ khúc là sao Bắc đẩu thuộc Âm Kim, nếu ở cung Miếu vượng hoặc đắc địa mà **Mệnh** Kim, Thủy hoặc Thổ thì người ấy mình dài, mặt vuông, tiếng nói to và có nốt ruồi ở chỗ kín và

mạnh bạo, quả quyết, tài giỏi, nếu hãm địa lại gặp người Hỏa, Mộc thì bé nhỏ, thấp và hơi đen lại có nhiều ngấn vết tóc rậm và xấu, tính bủn xỉn, ương ngạnh, nếu hợp **Mệnh** lại gặp sao tốt thì làm nên quan võ to lắm cùng với Tham lang ở Sửu, Mùi và có Lộc tồn hoặc hóa lộc và không có kình, đà, không, kiếp, tuần, triệt thì làm nên và giàu to có cửa để kín; nếu khắc **Mệnh** lại có sao xấu thì nghèo hèn, du đàng người Kim gặp Vũ và Thiên phủ ở Tý. Ngọ thì giàu to hoặc làm chức giữ kho tiền. Như vũ ở Mão, Dậu cùng hỏa tinh thì quan võ, nếu người Mộc chỉ gặp Vũ không có hỏa thì cô độc, hiếm con, chỉ làm nghề dung thân, như là thợ rèn, người Kim, Thủy gặp phá quân ở Ty, Hợi thì bình thường, nếu có làm nên cũng không đứng đắn, ở Dần, Thân cùng với Thiên tướng thì làm nên, người Mộc gặp Vũ ở Thìn, Tuất cùng với văn xương, linh tinh thì hay trăm mình, nếu có tuần triệt thì giải đi được, nếu co tả, hữu thì có người với lên không chết. Vũ khúc cùng kình, kỵ không những hiếm con lại tàn tật nữa. Người nào gặp Tham, Vũ thì ngoài 30 tuổi mới gặp sự hay, nếu có Vũ cùng Sát, Phá, Tham, thì làm Võ, nếu gặp Kình, Đà, Không, Kiếp thì làm nên soàng thôi nhưng hiếm con.

Người Giáp hoặc Kỷ gặp Vũ, Xương, Tham, Hỏa thì làm võ giỏi lắm.

Người Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý thì bình thường nếu vũ cùng Thiên tướng, Lộc tồn, hóa lộc và Mả thì giàu lắm.

Người Đinh, Canh có Vũ ở Tý, Ngọ, cùng Phủ thì làm nên.

Người Ất, Tân cùng Thất sát ở Mão, Dậu làm nên.

Người Đinh, Kỷ, Giáp, Canh cùng Tướng ở Dần, Thân làm nên.

Người Nhâm, Mậu gặp Phá ở Tị, Hợi làm nên.

Người Ất, Giáp ở Thìn, Tuất làm nên.

Người Mậu, Tân gặp Tham ở Sửu, Mùi làm nên, Vũ cùng Khôi Việt cũng làm nên, Vũ ở Thiên ri là người buôn bán to va giàu, Tham, Vũ ở Tài hoặc Điền làm giàu tự nhiên, Tham, Vũ cùng các sao Sát và Kỵ chỉ làm nghề dung thân, Vũ phá trình ở Mão, Dậu cây gãy đề hoặc sét đánh, có tuần, triệt, không việc gì, Vũ phá cùng kinh dương hoặc đà la thì bị hại vì cửa.

2 – VŨ KHÚC Ở TÀI BẠCH

Vũ ở Tài mà hợp **Mệnh** và đắc địa lại gặp sao tốt như là tràng sinh, đế vương, phủ, lộc và lộc tồn thì giàu lắm, nếu khắc **Mệnh** và hãm địa lại gặp Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Đại, tiểu hao cả đời không giữ được bền, nhất là người Kim, Thổ, Thủy gặp Phủ, Lộc và Lộc tồn thì giàu lắm, nhờ buôn bán mà nên giàu cùng Tham ở Sửu, Mùi và cùng với Linh, Hỏa, Hình, Kỵ thì có cửa chôn. Nếu có Tuần, Triệt, Không, Kiếp thì không có, vì Vũ là sao Tài thì thể nào cũng có cửa, nhưng không giữ được bền là vì có nhiều sao xấu và khắc Mệnh, chỉ nên làm nghề thợ sắt hoặc buôn bán nên nghề kim khí thì tốt lắm.

Vũ khúc cùng với Hỏa, Linh, Hình, Kỵ, Cô, Quả thì tự nhiên làm giàu và giữ được bền, gặp lộc tồn, hóa lộc, Ân quang, Tang môn có người không con ăn thua tự để của lại cho mình, nếu hãm địa lại gặp Đại, tiểu hao, Tuần, Triệt thì chỉ ở Thành phố mà làm thợ sắt mới phát tài, nếu Ngọ Phục binh thì trộm lấy của, gặp Thái tuế, Tử phù, Quan phủ hay sinh kiện tụng mà hết tiền, nói tóm lại Vũ gặp Tham hay Phá thì trước nghèo sau giàu.

3 – VŨ KHÚC Ở QUAN LỘC

Tuổi Thổ, Thủy, Kim gặp Vũ ở cung đắc địa lại gặp sao tốt thì làm võ oai vệ lắm nhưng phải luồn lọt mới làm được, nên xem cả **Mệnh** có sao xấu tốt, mà đoán, nếu hãm địa lại khắc **Mệnh** và gặp sao xấu chỉ làm lính thì được, như người Kim, Thủy mà **Mệnh** có Phá, Sát mà Vũ đi cùng Tả, Hữu, Khôi, Việt thì làm võ to và lừng lẫy danh giá lắm; nếu **Mệnh** có sao Hóa lộc, Thiên phủ, Lộc tồn mà cung Quan, có Vũ và Khúc, Xương thì văn võ đều làm được và giàu, người Hỏa, Mộc gặp Sát, Phá, Tham, Vũ. Chỉ làm lính mà người ấy hung ngược, gian xảo, nếu có Đà, Không, Kiếp, Tuần, Triệt, chỉ làm người dân mà thôi, nếu có Kinh, Linh, Hỏa thì hách ai cũng sợ.

4 – VŨ KHÚC Ở THIÊN RI

Người Thủy, Thổ, Kim mà gặp Vũ đắc địa lại cùng các sao tốt đi ra ngoài làm giàu chóng lắm, nên ở thành phố buôn bán thì giàu. Nếu hãm địa và khắc **Mệnh** lại gặp sao xấu thì chả ra gì, chỉ buôn bán nhỏ hoặc làm nghề dung thân và vất vả lận đận. Nếu hợp **Mệnh** lại gặp Thiên phủ, Lộc tồn và hóa lộc ra ngoài giàu lắm, có chức tước danh giá, hãm địa gặp Ninh, Kỵ ra ngoài hay đánh nhau nếu gặp Tuần, Triệt, Không, Kiếp, đi không về rồi chứ chả ra gì. Nếu ngộ Thái tuế, Bệnh phù, Quan phù, Tử phù, Quan phủ, ra ngoài sinh ốm đau và kiện tụng, gặp Đại, tiểu hao ra ngoài tán tài. Người Mộc gặp Vũ, Xương, Linh mà không có Tuần, Triệt thì thế nào cũng trầm mình, (ở cung Thìn, Tuất mới bị như thế). Vũ, Phá ở Tị, Hợi chỉ nay đây mai đó mà buôn bán mới có Tài, nếu ở cung Tý cùng Thiên phủ chỉ đi buôn bán ở thuyền mới phát tài, ở Ngọ thì buôn bán ở chỗ đông người mới phát tài, ở Mão, Dậu cùng sát ra ngoài có danh tiếng ai cũng sợ, nếu hãm địa và khắc **Mệnh** nên phòng trộm cướp, nếu gặp Phục binh, Thiên hình và Tử (sao Tử) ra ngoài nên phòng người ta thù đánh mình hoặc chết ở ngoài, nên xem cả **Mệnh** nữa mới biết được tốt xấu.

5 – VŨ KHÚC Ở GIẢI ÁCH

Nếu hợp **Mệnh** lại đắc địa thì khí huyết tốt, mạnh khỏe luôn luôn, nếu hãm địa lại khắc **Mệnh** thì hay có bệnh phong hoặc Trĩ, người Kim, Thủy gặp nhau thì tốt, như là Phủ, Lộc tồn, Tả, Hữu, Thiên quan, Thiên chức, Giải thần, Thiên giải, Đại, tiểu hao thì phổi và hạ bộ đều tốt không hay có bệnh tật, nếu người Mộc, Hỏa lại hãm địa và gặp Kinh, Đà, Khốc, Hư, Linh, Hỏa, Kỵ thì phổi kém hay sinh ra bệnh đờm xuyên hoặc bệnh trĩ ở hạ bộ. Nếu khắc **Mệnh** và đắc địa lại gặp các sao tốt thì hạ bộ cũng có tật, nên tùy theo sao tốt xấu cùng với Vũ khúc mà đoán.

1 – THIÊN CƠ Ở MỆNH

Thiên cơ là Nam đầu Ấm Mộc, ở về cung Huynh đệ thì tốt nhất, nếu người Mộc, Hỏa và Thủy gặp cơ đắc địa lại cùng sao tốt thì mình dài, mặt đẹp, tính nết phép tắc, lanh lợi và khéo lắm, giỏi về cách ăn nói, nhanh trí khôn, cùng với xương, khúc, khô, việt, lộc tồn, khoa, quyền, lộc thì làm nên và giàu. Người Thủy cùng cự, người Thổ cùng Lương thì tốt, nếu có một mình

thì xoàng thôi, nếu hãm địa gặp Tuần, Triệt là cây khô thì yếu, gặp kinh, đà, không, kiếp, linh, hỏa, hình, kỵ thì chân tay có tật, hoặc nhiều bệnh tật, và nghèo hèn, nếu có thêm khô, việt, xương, khúc, thì làm nên xoàng thôi, nếu gặp sao xấu thì người ấy nói khéo và thật thà.

Ở Thìn, Tuất gặp Lương thì hay thích làm võ, ở về Đông Bắc (Đông là Dần, Mão, Thìn, Bắc là Hợi, Tý, Sửu), là cây có rễ ở Tây Nam (Tây là Thân, Dậu, Tuất, Nam là Tị, Ngọ, Mùi) là cây không rễ.

Người Ất, Bính, Đinh, gặp cơ cùng xương, khúc, tả, hữu, khoa, quyền, lộc, âm mà ở cung Tị, Dậu, Sửu, Hợi, Mão, Mùi, đại phú quý, nếu gặp kinh, đà, cự, linh, hỏa, kỵ ở Tị, Dậu, Sửu, Hợi thì hèn hạ, nếu có làm nên cũng không bền hoặc phải cách, người đàn bà gặp Cơ thì tốt cho chồng, ích cho con, nhưng tính ương ngạnh, nếu gặp cự, lương, kinh, đà, kỵ, linh, hỏa, thì sát chồng và hiếm con.

Người Đinh, Kỷ, Giáp, Canh, Nhâm, Quý gặp cơ ở Tý, Ngọ thì làm nên.

Người Đinh, Kỷ, Giáp, Canh, Quý gặp cơ ở Dần, Thân cùng âm cũng làm nên.

Người Ất, Mậu, Canh, Quý, cùng cơ ở Mão, Dậu cũng làm nên.

“Cơ ,Nguyệt, Đồng. Lương, tác lại nhân” nghĩa là làm về đằng lại, như là thư ký, Thừa phải vân vân . . .

2 – THIÊN CƠ Ở TÀI BẠCH

Thiên cơ đắc địa lại gặp người tuổi Hỏa, Mộc, hoặc Thủy và cùng với các sao đó như là Lộc tồn, Hóa lộc, Trùng sinh, Tế vượng thì giàu, như người Thổ hoặc Kim mà gặp Thiên cơ hãm địa lại gặp Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Đại, tiểu hao thì nghèo., sao Thiên cơ không tụ tài, nếu cùng cự môn thì làm việc bằng lời nói mà có tài, hoặc làm nghề cày cấy mà có tài, Thiên cơ cùng với Long trì, phượng các làm thợ vẽ có tài nếu có hình, kiệt, chỉ làm thợ làm tượng gỗ mà có tài, nếu hãm địa lại gặp sao xấu thì phải chạy ngược chạy xuôi mới có tiền mà cũng không giữ được bền.

3 – THIÊN CƠ Ở ĐIỀN TRẠCH

Người tuổi Mộc, Thủy, Hỏa mà gặp sao Thiên cơ đắc địa lại có Lộc tồn, Hóa lộc, Thái âm, Hóa kỵ thì có nhiều ruộng và nhà, ở Mão cùng Cự thì giàu, cửa nhà to như lâu đài nên theo số ba mà đoán nghĩa là có từ 3 mẫu ruộng hoặc 3 cái nhà trở lên, cứ lấy thêm một cái sao tốt lại thêm lên nhiều nhà và ruộng, gặp Long trì, Mộc dục thì nhiều ao và ruộng sâu, cùng Thiên lương, Hóa lộc thì hoa quả ở vườn ruộng được tươi tốt. Cùng đào hoa, hồng loan, xương, khúc cũng tậu được nhà và ruộng, nếu người Kim, Thổ gặp cơ cũng không, kiếp, thì hoa quả xấu và bán hết ruộng nhà. Cùng Quan phủ, Quan-phù hoặc Thái tuế thì vì mua ruộng nhà sinh ra kiện tụng mà hết. Nếu có thiên hình ngộ Phục binh, địa kiếp thì kẻ trộm lấy mất hoa lợi ở ruộng vườn và cây ở vườn ruộng sinh ra khô héo cả.Cùng Tang môn ,Hoả linh thì cháy nhà. Cùng khốc hự, Đà thì nhà sinh ra mối sông mục nát cả.– Có tuần, triệt thì bán hết cửa nhà và ruộng của ông cha để lại và bỏ nhà đi nơi khác đã 2 đã 2 đời rồi.

Thiên cơ ở Tý, Hợi là cung Thủy mà gặp Lộc tồn cùng Thái âm, Long trì Mộc dực thì tậu nhiều ruộng sâu và ao mới tốt, nói tóm lại Thiên cơ ở Điem rất kỵ, không, kiếp, linh, hỏa và sao kim như là kinh, đà, bạch hổ, hình và việt nếu gặp các sao ấy dù có cũng không giữ được bền.

4 – THIÊN CƠ Ở QUAN

Thiên cơ đắc địa lại hợp **Mệnh** và cùng sao tốt như là xương, khúc, khôi, việt, lộc tồn, khoa, quyền, hóa lộc thì làm nên lúc còn trẻ tuổi, nếu đắc địa nhưng không hợp **Mệnh** mà cùng các sao tốt, có làm nên cũng phải chật vật hoặc chỉ làm xã tuần hoặc nho ở huyện thì được ở Mão Dậu cùng Cự trẻ tuổi đã làm nên. Ở Thìn, Tuất cùng Lương thì đúng tuổi mới làm nên. Gặp khôi, việt, khoa thì làm quan văn, cùng Âm, lương thì làm lại. Cùng thiên đồng cũng làm lại, nếu ngộ Tuần, Triệt thì không bền, ngoài 30 tuổi hãy làm thì đỡ được cái xấu ấy, nếu có Thiên hình, Quan phủ, quan phù, Tang môn thì có làm nên cũng bị tù và cách chức hoặc bị tội vì giả mạo quan tước, nếu gặp Tuần, Triệt, Không, Kiếp, Đại, tiểu ha, chỉ làm nho ở phủ, huyện, làm thầy số, thầy học, thầy cúng hoặc làm thợ mộc mà dung thân.

5 – THIÊN CƠ Ở GIẢI ÁCH

Nếu hợp **Mệnh** mà đắc địa ít tật bệnh, nếu khắc **Mệnh** lại hãm địa và gặp kinh, đà, linh, hỏa, không, kiếp, bệnh phù thì nhiều bệnh tật, gặp Thiên hình, Bệnh phù và sao bệnh thì có bệnh phong, gặp Thái âm và hóa kỵ thì có tàn tật hoặc hay đau mắt và kém mắt, nếu gặp Đại, tiểu hao, Tuần, Triệt Phá toái thì ích bệnh tật, chân tay mạnh, huyết tốt, lông mày đậm, nếu hãm địa lại gặp sao xấu không những nhiều bệnh tật, chân tay không được toàn thể nào cũng có tật và hay đứt xương hoặc bị trúng phong nhất là gặp nhiều sao kim thì đứt xương lăm, nếu gặp Tang môn thì cây gãy đè phải mình hoặc nhà đổ đè phải mình vì Thiên cơ là cái cây thì gio hay lung lay cho nên không được khoẻ mạnh lăm hay yếu đau luôn luôn.

I. – THÁI DƯƠNG Ở MỆNH

Thái dương là dương hỏa, Nam đẩu ở vào cung Quan thì tốt nhất, sao này ở **Mệnh** mà đắc địa lại hợp mà đi cùng các sao tốt và gặp người đẻ ban ngày thì tốt lắm, người Hỏa, Thổ và Mộc là hợp, người Thủy và Kim là khắc.

Nếu hợp **Mệnh** và đắc địa thì người ấy mặt mũi khôi ngô và đẹp, gặp Khôi, Việt, Xương, Khúc, Lộc tồn, Khoa, Quyền, lộc thì làm nên to, nếu khắc **Mệnh** lại đẻ ban đêm và cùng các sao Kinh, Đà, Tuần, Triệt, Không, Kiếp, Kinh, Kỵ thì không làm nên được và có tàn tật. Người đẻ ban ngày **Mệnh** ở Dần cùng cự thì làm nên nhưng tánh hay rối trí, nếu thêm một sao Thủy nữa thì kém, bớt tốt, cùng Thiên lương ở Mão thì người ấy ngay thẳng và làm nên to. Nếu ở Thìn thì không làm to được, nếu ở Tý thì tính nóng, nhưng cũng làm nên, nếu cùng các sao Mộc ở đấy thì làm nên to lắm. Ở Ngọ cùng với sao Mộc thì tốt nhất, tất làm nên to lắm, nếu không có sao Mộc thì tuy có làm nên nhưng không được bền. Nếu ở Sửu, Mùi thì phải cùng Thiên không, Địa không, Tuần, Triệt thì mới tốt, nếu không có các sao ấy thì là mặt trời lẫn mặt trăng ắt người ấy dốt. – Ở thân cùng cự cũng tốt, nếu có tứ Không là mặt trời có thêm ánh sáng thì lại càng sáng ra nhiều thì cũng tốt, nếu không có tứ Không thì xấu, nếu ở Dậu thì tất gặp Thiên

lương cũng tốt vừa thôi, nếu có tứ Không ở đấy hoặc chiếu thì tốt thêm lên, ở Tuất, Hợi, Tý, Sửu cũng thế, cũng phải cùng tứ không mới tốt (Tứ không là Thiên không, Địa không, Tuần, Triệt).

Thái dương hãm địa cùng kinh, đà, hình, kỵ thì mất và đầu có tật, nếu ở cung Hợi, Tý gặp Long trì, Mộc dục thì phòng chết đuối, nếu có Tuần, Triệt thì không việc gì.

Thái dương ở Mão, tuổi Giáp thì tốt nhất, tuổi Nhâm thì nhỏ, nếu ở Hợi thì tuổi Giáp thì bình thường và yếu, tuy có làm nên nhưng không bền; nếu gặp tứ không thì lại bền, nếu có các sao xấu thì bần tiện, – tuổi Canh, Tân, Tị, Kỷ, Đinh ở Ngọ thì làm nên to, tuổi Nhâm, Bính, Mậu thì bình thường, ở Mão, Dậu mà gặp tuổi Ất, Tân thì tốt, tuổi Giáp, Canh bình thường.

Thái Dương cùng Xương, khúc ở Quan lộc làm đến công khanh. Đàn bà gặp Thái Dương đứng địa thì đứng đắn.

2 – THÁI DƯƠNG Ở TÀI BẠCH

Nếu hợp **Mệnh** lại đắc địa và gặp người để ban ngày thì nhiều tài, nếu cùng Xương, Khúc, Khôi, Việt, Lộc tồn, Khoa, Quyền, Lộc thì làm nên và giàu có nếu cùng Lộc tồn, Hóa lộc, Thiên quý, Ân quang thì dễ làm giàu, nghĩa là có người danh giá, giúp tiền cho mình và làm nên giàu. – Nếu có Đại, tiểu hao, tuy có nhưng không bền, nếu có Kiếp, Không, Tuần Triệt và các sao xấu, dù có làm quan cũng vẫn nghèo.

THÁI DƯƠNG Ở PHỤ MẪU

Thái dương hợp Mệnh, đắc địa và để ban ngày lại cùng các sao tốt thì bố mẹ giàu có, thọ và hòa thuận, nếu hãm địa không hợp **Mệnh** lại để ban đêm và gặp Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Kinh, Đà, Hình, Kỵ thì bố mẹ nghèo và không song toàn, thế nào bố cũng chết trước, hoặc gặp Đại, tiểu hao Tang môn thì bố mẹ nghèo khổ, nếu sao tốt mà gặp Tuần, Triệt thì bố mẹ trước nghèo sau giàu và trước bố mẹ đã bất hòa rồi sau lại hòa thuận với nhau.

4 – THÁI DƯƠNG Ở QUAN LỘC

Nếu hợp **Mệnh** lại đắc địa, để ban ngày, lại cùng các sao tốt như là Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Lộc tồn thì làm đến công khanh. Nếu hãm địa khắc Mệnh, để ban đêm mà gặp không, kiếp, tuần, triệt, kinh, đà, hình, kỵ thì xấu, nếu có làm nên cũng không bền và yếu, lại ần tật nữa, hoặc chỉ làm thầy dạy học, thầy cúng, thầy số, hoặc làm nghề mà trở nên danh giá, có phẩm hàm. Nói tóm lại Thái dương ở Quan lộc dù có hãm địa và gặp người để ban đêm thì làm soàng thôi, nhưng cũng danh giá hơn người là vì sao này chủ về cung Quan lộc.

1 – NÓI VỀ THÁI ÂM Ở MỆNH

Thái âm là âm thủy, bắc đầu, ở cung Điền trạch thì tốt nhất. Từ cung Dậu đến Sửu là tốt mà lại gặp người để ban đêm mà tuổi Thủy, Mộc, Kim lại gặp Khoa, Quyền, Lộc Xương

,Khúc, Khôi, Việt, Lộc tồn thì làm quan văn; nếu hãm địa là ở từ cung Dần đến cung Thân gặp người tuổi Thổ, Hỏa và đề ban ngày lại gặp các sao xấu là kinh, đà, không, kiếp, hình, kỵ thì nghèo, yếu và có tật, chỉ làm nhỏ ở các phủ, huyện, hoặc làm thầy số, thầy cúng, thầy đồ mà dung thân, nhưng cũng nổi tiếng là người giỏi. – Nói tóm lại Thái âm cứ theo như Thái dương mà đoán, nếu ở hãm địa mà gặp Thiên không, Địa không, Tuần, Triệt, Hỏa, Linh thì lại sáng ra nghĩa là lại tốt lên.

2 – THÁI ÂM Ở ĐIỀN TRẠCH

Nếu đắc địa lại hợp **Mệnh** mà người ấy đề ban đêm mà gặp các sao tốt như là Tấu thư, Xương khúc, Thiên đồng, Long trì, Phượng các, thì tay mình tựu được nhiều nhà, ruộng và ao; nếu có lộc tồn, hóa lộc thì bố mẹ để lại cho; nếu có hình, kỵ, cô, quả, tang thì nhân được của bố mẹ để lại cho, mà là m nên giàu có, nếu có Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Kinh, Đà, Đại, tiểu hao thì bán hết rồi bỏ làng; nếu có Trạng sinh và Đề vượng thì vì ở nhà ấy mà được đất rồi phát giàu sang, nếu cùng với sao Tuần, Triệt thì trước giàu sau suy dần đi, nếu có Hỏa, Linh, Tang môn, Thiên không, Địa không thì nhà bị cháy, nếu có Tang môn và Ân quang thì có người vô tự đề của cho, nếu có sao Tử hoặc sao Tuyệt thì nhà ở ngõ hẻm, có Khốc, Kiếp, Mộc dục và Long trì thì ấy nhà ấy có nước tụ, nếu có Bệnh phù, Hóc kỵ thì ở nhà ấy hay sinh bệnh tật nhưng nếu gặp Thái dương đồng cung thì giàu.

3 – THÁI ÂM Ở GIẢI ÁCH

Nếu đắc địa lại hợp **Mệnh** và cùng với Lộc tồn, Hóa lộc, Thiên giải, Đại, tiểu hao, Phá toái và Tuần, Triệt thì mạnh khỏe luôn, nếu hãm địa, khắc **Mệnh** mà gặp Kinh, Đà, Hình, Kỵ, Không, Kiếp thì có tật và hay ốm đau, có khi đau mắt đến mù.

Thái âm ở mặt là mặt, ở hạ bộ là chỗ kín, ở ngũ tạng là thận, thủy, nếu ngộ Long trì, Tham lang, Hóa kỵ thì hay có bệnh triết tả hoặc phù thũng. – ngộ Đào, Hồng, Riêu, Thiên hỷ thì vì chơi bời mà mắc bệnh hoa liễu, hoặc di tinh, mộng tinh; nếu thêm có Linh, Hỏa, Khốc, Hư trệ vì chơi quá độ mà chỗ kín có tật dù Thái âm có đắc địa ở Giải ách khí huyết cũng không được tốt, nếu hãm địa thì vì âm hư mà sinh lắm tật bệnh.

4 – THÁI ÂM Ở TỬ ĐỨC

Sao Thái âm đắc địa lại gặp tuổi Mộc, Thủy và Kim lại đề ban ngày thì được 6 người con, phần nhiều con gái, nếu có Trường sinh Đế vương thì thêm lên : nếu khắc **Mệnh** lại hãm địa thì con nhiều người có bệnh tật, nếu có Linh, Hỏa thì đẻ nhiều nuôi ít ; ó sao Thai, Tướng quân hoặc Phục binh thì vợ chồng có con riêng rồi mới lấy nhau, nếu có Tuần, Triệt tuy chết nhiều nhưng cũng còn lại 2, 3 người, nếu có sao Thai thì phải cầu tự mới có con, nếu có thêm Bạch hổ thì hay tiểu sản (đẻ non), nếu có Thanh long, Mộc dục thì con hay chết đuối, có Đào hoa, ngộ Thai thì chữa hoang. – Thái âm cùng Đào, Riêu, Kỵ, Thai, về sau có con gái đa dâm và lăng lợ.

1 – THÊN ĐỒNG Ở MỆNH

Thiên đồng là Bắc đẩu, âm thủy, ở cung Phúc đức thì tốt nhất, đắc địa thì người ấy phúc hậu hòa nhã, mặt mũi vuông vắn, hãm địa ngu xuẩn, ám muội, người Kim, Thủy, Mộc thì tốt, người nào **Mệnh** không có sao chính tinh mà có Thiên đồng chiếu cũng thọ, ở cung Tý, cùng Thái âm thì người ấy điên đảo và chua ngoa lại hay ngờ vực ; ở Dần, Thân cùng Thiên lương thì tốt nhất ; ở Mão, Dậu, thì người ấy chỉ làm lại thôi ; ở Thìn, Tuất, Tỵ, Ngọ thì xấu, tuy ở Thìn, Tuất xấu nhưng người tuổi Tân thì lại tốt, nếu đắc địa lại cùng Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc và Lộc tồn thì làm nên to được và thọ ; nếu gặp Không, Kiếp, Kinh, Đà, Linh, Hỏa thì đối tạt và hèn hạ – nếu Thiên đồng hãm địa thì người ấy béo và đen, tính chậm chạp và nghèo nhưng thọ.

Thiên đồng cùng với Lương, Tả, Hữu mà tuổi Bính, **Mệnh** ở Tị, Dậu, Hợi, làm nên và giàu sang, ở Mùi là thứ nhì, ở Ngọ thì tuổi Đinh cũng làm nên và giàu, ở Hợi mà tuổi Canh thì nghèo hèn, nếu cùng Kinh, Đà, Kỵ thì hiếm con, nếu có Tướng, Phá chiếu thì có tật ở mắt.

Người đàn bà mà **Mệnh** gặp Thiên đồng ở Tị, Hợi tuy tốt nhưng đa dâm.

Mệnh ở Tý, Ngọ mà tuổi Kỷ, Đinh, Quý, Tân thì làm nên danh giá.

Tuổi Ất, Bính, Tân ở Mão, Dậu cũng làm nên người Ất, Giáp, Đinh gặp Lương thì phúc hậu và thọ. Tuổi Bính, Đinh, Tân ở Thìn, Tuất thì làm soàng thôi, nhưng tuổi Canh, Quý tuy thọ nhưng không bền. Tuổi Ất, Nhâm, Giáp, Tân, Canh cùng Cự ở Sửu cũng làm soàng thôi.

Thiên đồng ở **Mệnh** gặp Hóa kỵ mà ở cung Tuất, người tuổi Đinh thì tốt lắm.

Đồng, Lương cùng sao Sát tức là sao dữ, cử làm lật vật mà dung thân.

Kinh, Đà cùng Đồng, hoặc Tham ở Ngọ thì làm đàng võ to lắm (tức là Mã đầu đối kiếm cách).

Đàn bà gặp Thiên đồng thì hiền lành và thọ như tuổi Tý, **Mệnh** lập ở Dần, tuổi Tân **Mệnh** ở Mão, tuổi Đinh **Mệnh** ở Tuất thì hợp cách, tuổi Bính, Tân, **Mệnh** ở Thân cũng tốt, nhưng ở Tý, Hợi tuy tốt nhưng đa dâm.

2 – THIÊN ĐỒNG Ở PHÚC ĐỨC

Thiên đồng đắc địa lại hợp **Mệnh** và cùng các sao tốt, thì thọ và cả đời phú quý, nếu hãm địa lại khắc **Mệnh** lại cùng các sao xấu thì nghèo hèn, nếu cùng Thiên lương, Thiên to, Tràn sinh, Đế vương thì họ hàng đều xung túc và thọ, nếu khắc **Mệnh** lại hãm địa và cùng kinh, đà, không, kiếp, linh, hỏa, kinh, kỵ, đại, tiểu hao thì họ hàng đều nghèo hèn, tuy có gặp sao tốt mà cùng với Tuần, Triệt, Đại, tiêu hao thì trước tốt sau suy dần đi, nếu Thiên đồng cùng với các sao âm thì con gái tốt, nếu có cả sao Dương thì đàn ông trong họ hoặc mình lấy được vợ phúc hậu, nếu gặp Tang môn, Cô thần, Quả tú, Hóa kỵ thì mình và họ hàng hiếm con, con gái gặp quả tú cũng thế.

LIÊM TRINH Ở MỆNH

Liêm trinh là sao Nam đầu (Dương hỏa là sao Phù tinh hóa ra sao Tù tinh lại là sao đào hoa thứ nhì), ở cung Quan lộc thì tốt nhất. Tuổi Hỏa, Thổ, Mộc thì hợp tuổi Thủy, Kim thì khắc nếu hãm địa và khắc **Mệnh** thì người đen và xấu, mặt gầy, lộ hầu, tính ương ngạnh, nếu đắc địa thì người ấy đứng đắn và sáng sủa, đẹp đẽ, minh mẫn, tài giỏi, quả quyết, – nếu gặp các sao tốt như Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Lộc thì anh hùng và làm nên danh võ, tiếng tăm lừng lẫy, ai cũng phải sợ; nếu cùng tước quân thì tài giỏi lắm; cùng với Thất sát ở Sửu, Mùi thì chết đường, nếu có Tuần, Triệt, Không, Kiếp thì chỉ lôn bông suốt đời, chả ra gì; cùng Phá quân ở Mão, Dậu lại có Hỏa, Linh, và Thiên hình mà không có Tuần, Triệt thì giới đánh, hoặc chết về điện; cùng Thiên hình ở Ngọ mà không có Tuần, Triệt mà hay bị tù tội; cùng với Tham ở Hợi hoặc Tị thì làm gì cũng có tình xảo trá, cũng hay bị tù. Gặp Thiên phủ ở Thìn, Tuất thì được giải xấu, nếu gặp Bạch hổ thì chết về tù tội, nếu **Mệnh** có Liêm trinh, mà cùng Quan lộc có Tham, Triệt, Thiên quan, Thiên phúc, Thiên đức, Nguyệt đức, thì làm nên và bền, nếu không có các sao ấy, tuy làm nên chón nhưng không bền, Liêm trinh cùng với Xương khúc thì bất đắc kỳ tử.

Như Liêm trinh, Thiên phủ, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc và Lộc tồn, thì làm danh võ mà giàu, cùng Lương, Khúc, và Thất sát cũng làm về danh võ danh giá, nếu có kinh dương thì hay có miệng tiếng, nhất là tuổi Tí ở Dần, Thân thì tốt nhất, người Đinh, Kỷ thứ nhì, người Bính ở Tý, Ngọ, Mão, Dậu, chóng làm nên lại chóng xuống, tuổi Giáp ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì cũng tốt và làm nên nhưng tuổi Bính, Mậu hay bị tai tiếng, lúc lên lúc xuống – nếu ở Tý, Hợi gặp Xương, Khúc, Kỵ thì hay gặp sự tai biến. – Tuổi Mùi, Thân ở cung Mùi gặp Hóa lộc thì giàu sang, ở các cung khác lại gặp Kinh, Đà, Hỏa, Linh, Kị thì hay có bệnh tật và phá hết cơ nghiệp.

THIÊN LƯƠNG Ở MỆNH

Thiên lương là Nam đầu, và Mộc, Âm tinh chủ quý, ở cung Phúc đức thì tốt nhất, nếu đắc địa thì tính ôn hòa từ lương phúc hậu và thọ – tuổi Hỏa, Mộc, Thủy thì hợp, – tuổi Thổ, Kim thì khắc, nếu cùng với các sao tốt như là Khoa, Quyền, Lộc, Khôi, Việt, Xương, Khúc, thì văn học thành danh, nếu hãm địa ngộ Đà, Kỵ, Riêu, Mã thì yếu.

Thiên lương ở Ngọ mà người tuổi Đinh, Tý, Quý thì làm nên. Đàn bà gặp Lương ở Tị, Hợi Âm ở Dần, Thân thì đa dâm. Đàn bà gặp Thiên lương và Thái âm thì đa dâm. Thiên lương gặp sao tốt ở Thiên ri là người buôn bán to.

Thiên lương cùng Cơ, Tả, Hữu, Xương, Khúc mà đắc địa thì làm quan võ to lắm và giàu, nhưng phải tuổi Nhâm mà **Mệnh** ở Hợi, Mão, Mùi, Mùi mới được. Con gái gặp Thiên lương thì người ấy có trí như con gái và giàu sang, nếu hãm địa lại gặp Kinh, Đà, Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Linh, Hỏa thì không lợi cho chồng con; – Tuổi Đinh, Kỷ, Quý ở Tý, Ngọ thì làm nên danh giá và thọ. Tuổi Đinh, Nhâm, Thân ở Mão, Dậu cùng Thái dương thì làm nên to; – Tuổi Đinh, Kỷ, Canh, Giáp ở Dần, Thân thì làm nên; – Tuổi Đinh, Kỷ, Nhâm, Canh ở Thìn, Tuất thì làm nên; – Tuổi Ất, Nhâm ở Sửu, Mùi thì làm nên; – Tuổi Mậu thì làm nên to lắm. Ở Dần, Thân, Tị, Hợi gặp Thiên cơ, Văn xương, Văn khúc, Tả, Hữu làm đến Công Hầu – Đàn bà mà gặp Thiên lương cùng Linh, Hỏa, Kiếp, Không thì sát chồng, khắc con.

THAM LANG Ở MỆNH

Sao Tham lang là Bắc đẩu và Mộc, chủ hoạn tài – sao này vừa là sao Sát vừa là sao Đào hoa thứ nhì, cùng với linh, Hỏa, mà tuổi Mậu hoặc Kỷ thì làm nên. – Người tuổi Quý thì không tốt. – Đàn bà gặp Tham lang thì xấu lắm, và không đứng đắn. – Ở Tý, Ngọ, người tuổi Đinh, Kỷ thì làm nên – tuổi Bính, Mậu, Canh ở Dần, Thân thì hèn hạ – Ở Mão, Dậu cùng Tử vi, Hỏa tinh thì làm nên ở Sửu, Mùi cùng Vũ, Linh mà tuổi Mậu, Kỷ, Canh thì làm nên. – Ở Thìn, Tuất mà tuổi Mậu, Kỷ thì làm nên. – Ở Tị, Hợi mà tuổi Bính Mậu, Nhâm, hưởng phúc không được bền. – Nói tóm lại Tham lang cùng Vũ khúc Sát phá, Khoa, Quyền, Lộc thì làm nên. – Nếu cùng với Riêu, Ky, Kinh, Đà, hay sinh ốm đau hoặc điên và yếu. – Tham lang ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi gặp Linh, Hỏa thì làm nên to lắm. Tham lang cùng sao Sát thì làm đồ tể. – Tham lang ở **Mệnh** mà gặp người tuổi Dần, Ngọ, Tuất, Hỏa ở cung Dần, Thân thì thọ. – Tham vũ thì 30 năm về sau mới giàu to được. – Tham lang thủ **Mệnh** thì người thanh tú nhưng có tính tham, hợp nhất là tuổi Mậu và Kỷ.

CỰ MÔN Ở BỆNH

Sao Cự môn là Bắc đẩu và Thủy, tính chua ngoa hay sinh miệng tiếng. – Nếu gặp tuổi Thủy, Mộc, Kim cùng các sao tốt như là Khoa, Quyền, Khôi, Việt thì thi đỗ và làm nên, nếu hãm địa lại gặp Linh, Đà, Riêu, Ky, Thái tuế, thì không làm việc gì thành ngay được và hay sinh kiện tụng lời thôi, – tuổi Quý, Thân ở Tý hoặc Mão lại cùng Lộc tồn, Tả, Hữu, thì làm nên và giàu – Tuổi Canh, Đinh, **Mệnh** ở Thìn, Tuất thì chả ra gì, nhưng tuổi Tân thì lại tốt, – Ở Tý, Ngọ mà người tuổi Đinh, Kỷ, Quý, Thân thì làm nên, nhưng tuổi Bính, Mậu chả ra gì. – Ở Mão, Dậu gặp tuổi Ất, Tân cũng làm nên to ; người Đinh, Mậu không bền. – Ở Dần, Thân cùng Dương mà gặp tuổi Canh, Quý, Tân thì làm nên to.

Tuổi Quý, Tân, Bính **Mệnh** ở Sửu, Mùi thì làm nên ; tuổi Quý, Tân ở Ty, Hợi cũng làm nên.

Cự, Cơ ở Mão mà tuổi Ất, Tân, Kỷ, Bính lại gặp Khoa, Quyền, Lộc hoặc Lộc tồn thì làm đến Công khanh, nếu gặp tuổi Giáp hoặc Kinh, Đà thì không làm gì được nhưng nếu phú quý thì yếu. Gặp Cự, Hỏa, Kinh, Đà và sao dữ thì chết đuối. – Cự, Hỏa, Linh ở hãm địa gặp thêm sao xấu thì chết đường. – Đàn bà **Mệnh** ở Mão, Dậu tuy giàu sang nhưng đa dâm.

THẤT SÁT Ở MỆNH

Thất sát là Nam đẩu, Hỏa kim là sao Tướng tinh, gặp Tử vi thì tốt, tính lúc vui, lúc sầu không nhất định, đặc địa thì có mưu trí, tính nóng và anh hùng, người gầy. – Nếu đặc địa lại cùng Tử vi, Tả, Hữu, Khôi, Việt, Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc thì văn võ đều giỏi và làm nên to, nếu gặp Tuần, Triệt, Không, Kiếp thì bình thường. – Nếu gặp hung tinh và hãm địa thì làm hàng thịt, – tuổi Đinh, kỷ ở Dần, Thân, Tý, Ngọ thì làm nên, – ở Thìn thì tuổi Canh cũng tốt, – ở Mão, Dậu gặp tuổi Ất, Tân thì làm nên và phúc hậu và làm nên to, – ở Thìn, Tuất cùng các sao tốt và hợp **Mệnh** cũng làm nên, nhưng chết đường hoặc chết ở nơi xa quê quán mình, nếu có Tử vi, Lộc tồn, Thiên tướng thì giải được xấu ấy đi, – Thất sát hãm địa gặp Đà la, Kinh dương thì chết non.

Hạn có Thất sát chiếu, lại có Kinh, Đà mà tuổi Ngọ, **Mệnh** ở Mão, Dậu thì nguy lắm, các cung khác gặp hạn Thất sát, lại có Kinh, Đà chiếu cũng xấu lắm (nếu gặp phải thì sinh ra ốm đau, tang thương và tán tài).

PHÁ QUÂN Ở MỆNH

Phá quân là Bắc đẩu, Thủy và là sao Háo tán, tính nóng nảy nếu đắc địa và hợp **Mệnh** lại cùng Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc thì làm nên về đẳng võ to lắm, gặp Tử vi thì có uy quyền, nếu gặp Văn xương thì là người có văn học nhưng nghèo, – tuổi Bính, Mậu gặp Tử vi ở Sửu, Mùi thì làm nên to, nếu gặp Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Liêm trình mà hãm địa thì ương ngạnh và có tật, – tuổi Quý hoặc Giáp ở Tý, Ngọ làm nên to lắm, – nếu tuổi Bính, Mậu, Dần, Thân thì cô độc, có tật, nếu có làm nên cũng không bền và chết con, tuổi Đinh, Kỷ Quý ở Tý, Ngọ thì phúc hậu, – ở Mão, Dậu mà tuổi Ất, Tân, Quý thì làm nhỏ thôi, nhưng tuổi Giáp, Canh, Bính không trường cửu, – người Giáp hoặc Quý ở Thìn, Tuất thì có phúc, và người Canh, Đinh, Kỷ, Giáp thì làm nên, người Mậu ở Tị, Hợi cũng làm nên. – Phá quân và Tham lang cùng Thiên mã, con giai thì chơi bời, du đàng, con gái thì bất chính.

Sát, Phá, Liêm, Tham cách : Tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì làm nên đẳng võ to ; người tuổi Kim, Mộc cũng thế, còn các tuổi khác không tốt và cả đời hay bị oán trách. – Sao Phá quân ở Thìn, Tuất thì người ấy bất nhân, bạc ác. – Phá quân ở Mệnh, nên ra ngoài thì tốt, – Phá quân cùng Tuần, Triệt thì chết đường.

THIÊN TƯỚNG Ở MỆNH

Thiên tướng là cái Ấn và là sao Nam đẩu và Thủy, ở cung Quan thì tốt nhất, nếu ở **Mệnh** thì người ấy đứng đắn và trung thực, nếu đắc địa và hợp **Mệnh** lại cùng Tả, Hữu, Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc, thì làm nên về đẳng Văn to lắm. – Nếu hãm địa cùng với Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Tuần, Triệt thì nghèo hèn. – Sao Thiên tướng có thể giải được ác của sao Liêm trình, nếu ở Tý, Ngọ mà tuổi Đinh, Kỷ, Quý, Giáp thì làm nên. – Ở Mão, Dậu gặp tuổi Ất, Tân thì làm nên, nhưng tuổi Canh, Giáp thì xấu, gặp Tử vi ở Thìn, Tuất thì tốt, nếu ở Sửu, Mùi thêm sao tốt cũng làm nên. – Nếu ở Dần, Thân thì tuổi Đinh, Giáp, Canh làm nên. – Tuổi Bính, Mậu, Nhâm ở Tý, Hợi thì phúc thọ. – Đàn bà gặp Thiên tướng ở Mậu thì giàu, vượng phu, ích tử, – nếu có các sao sát và kinh, đà, linh, hỏa thì bố mẹ mất sớm và mình thì cô độc nghèo hèn. – Tuổi Tị ở cung Tý, tuổi Giáp ở Ngọ, tuổi Canh ở Thìn thì phú quý. – Tuổi Quý ở Tý cùng với Tả, Hữu, tuổi Quý và Tị ở Dần, tuổi Canh, Giáp và Quý ở Thân đều phú quý cả, nếu ở cung Sửu, Mùi, Hợi thì bình thường và ở Tý, Ngọ, Mão, Dậu thì kém thọ cả.

VĂN XƯƠNG Ở MỆNH

Văn Xương là Kim vừa là Nam và Bắc đẩu và sao Văn khôi, ở **Mệnh** thì thông minh, tuấn tú, cùng Lộc tồn, Thái dương, Thiên lương thì làm nên và giàu có, nếu cùng Kinh, Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa, Ky, Tuần, Triệt, thì đối tật và chỉ làm nghề xướng ca.

Tuổi Đinh, Kỷ, Giáp, Canh ở Dần, Ngọ, Tuất, thi đỗ và làm nên. Tuổi Quý, Canh ở Thân, Tý, Thìn cũng làm nên. – Tuổi Ất, Mậu, Tân ở Tị, Dậu, Sửu cũng làm nên. – Tuổi Ất, Mậu ở Hợi, Mão, Mùi thì làm nên.

Văn xương cùng Vũ khúc học giỏi và làm nên, (**Mệnh**ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi và Mão, Dậu, Tị, Hợi cùng Khoa quyền, Lộc thì hợp cách).

Văn khúc chiếu **Mệnh**là cùng Tả, Hữu thì tài giỏi lắm (Vũ khúc ở Tý, Ngọ, Dậu, Vũ khúc ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì tốt lắm).

Văn xương Văn khúc, đắc địa thì danh giá lừng lẫy.

Văn xương Văn khúc, ở cung Sửu hoặc Ngọ gặp Tham lang phòng chết đuối.

Xương khúc cùng Thiên thương thì chết non.

(Như tuổi Sửu mà **Mệnh**ở cung Dần và gặp Văn xương ở cung Mùi và năm ấy hạn gặp Thất sát và Kinh, Đà thì chết).

Tuổi Tân, Kỷ, Nhâm gặp Xương, Khúc, hạn đến cung Thìn, Tuất cũng chết đuối.

Xương, Khúc, cùng Liêm, Tham ở Tị, Hợi khó mà tránh được tử tội.

SAO VĂN KHÚC Ở MỆNH

Sao Văn khúc là Bắc đẩu và Thủy cùng với Văn xương, Khôi, Việt Khoa, Quyền, Lộc và hợp **Mệnh**lại đắc địa thì người ấy Văn học mà làm nên to. – Hễ một mình lại có sao xấu và hãm địa thì có học như không làm nên được, (Các sao xấu như là Không, Kiếp, Kinh, Đà, Kỵ, Linh, Hỏa, Tuân, Triệt).

Tuổi Giáp mà có Văn khúc ở Tý, Dậu, Sửu thì làm đến Công hầu, nếu cùng với Tham, Linh hoặc hỏa thì làm đẳng võ to và lừng lẫy lắm.

Nếu cùng Liêm trinh, Sát, Phá, Kinh, Đà, mà ở hãm địa thì chết non mà chả ra gì, nếu cùng Lương hoặc Vũ thì thông minh quả quyết.

Tuổi Giáp, Canh ở Dần, Tuất thì làm nên.

Tuổi Đinh, Quý, Tân, Canh ở Thân, Tý, Thìn thì phúc hậu.

Tuổi Tân cùng tử vi ở Tị, Dậu, Sửu thì làm nên to, tuổi Bính, Nhâm, Mậu ở Hợi, Mão, Mùi cũng làm nên.

TẢ PHỤ VÀ HỮU BẬT Ở MỆNH

Sao Tả phụ và Hữu bật đều là Nam đẩu và Thổ và là sao lạnh, cùng với Tử vi, Tướng, Cơ, Xương, Khúc, Vũ và Hữu bật thì phú quý, nếu gặp Kinh, Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa, Kỵ và Sát thì bình thường, nếu có giàu sang cũng có tật, – Sao Hữu bật là Thủy cũng giống như sao Tả phụ.

Tả phụ, Hữu bật cùng Xương, Khúc nên Tả, Hữu, trinh, Kinh, Đà ở **Mệnh**thì người ấy có tính gian phi hay bị tù tội hoặc bị ám tật, Tả, Hữu ở Tài bạch hoặc Giáp thì người ấy y tộc phong túc (phong lưu lắm) – Tả, Hữu, Khôi, Việt ở **Mệnh**thì người phúc thọ.

THIÊN VIỆT VA THIÊN KHÔI Ở MỆNH

Thiên khôi, Thiên việt đều là Nam đẩu và là Hỏa, 2 sao này là quý nếu cùng Xương, Khúc, Khoa, Quyền. Lộc thì đỗ và làm nên, nếu gặp Thiên mã thì công danh hiển đạt và lừng lẫy. – Nếu gặp Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Kinh, Đà tuy có văn học nhưng không làm to được.

HÓA QUYỀN Ở MỆNH

Hoá quyền là Thủy, nếu đắc địa lại gặp Khoa, Lộc, Xương, Khúc, Khôi, Việt thì đỗ và làm đến đại thần. – Nếu gặp Kinh, Đà, Không, Kiếp, Đại, tiểu hao thì bình thường, chỉ có 3 cung Thân, Tý, Thìn là hãm, còn các cung khác thì tốt cả.

Hoá quyền cùng với Cự môn hoặc Vũ khúc thì làm nên và quyền hành.

Hóa quyền và Hóa lộc cùng nhau thì phúc quý vinh hoa – Khoa, Quyền hoặc Lộc giáp **Mệnh** cũng làm nên, Quyền, Lộc ở Tài bạch, Phúc đức suốt đời sung sướng. – Quyền, Lộc và sao tốt ở cung Nô bộc, nếu có làm nên cũng khó nhọc vất vả.

HÓA LỘC Ở MỆNH

Sao Hóa lộc là Thổ, là sao Phúc tinh, ở **Mệnh** và Tài bạch hoặc Quan lộc thì tốt nhất, – cùng Hóa khoa và Quyền thì làm đến đại thần ; có 4 cung là Tý, Ngọ, Thân, Tuất. Là hãm còn thì đắc địa cả. – Nếu cùng với Lộc tồn và Thiên Mã thì làm nên và giàu tự nhiên. – Nếu hãm địa lại cùng Tuần, Triệt, Không, Kiếp, tuy giàu nhưng không bền, – hạn xấu gặp Hóa lộc cũng giải đỡ được cái xấu ấy đi.

HÓA KHOA Ở MỆNH

Hóa khoa là Thủy, chỉ ở cung Dậu là hãm địa, còn thì đắc địa cả, nếu cùng với Khôi, Việt thì đỗ cao và làm nên, cùng Xương, Khúc, Âm, Dương, Quyền, Lộc thì giỏi mọi nghề. – Nếu gặp Tuần, Triệt, Kinh, Đà, Không, Kiếp, Kỵ thì bình thường và làm gì thành rồi lại hỏng. – Giáp khoa, Quyền, Lộc : là **Mệnh** ở giữa, 2 bên có Khoa, Quyền, Lộc thì cũng làm nên danh giá.

Tuy có học giỏi mà không đỗ là vì Hóa khoa hãm địa lại cùng Kinh, Đà, Không, Kiếp, Tuần và Triệt.

HÓA KỶ Ở MỆNH

Sao Hóa kỷ là Thủy và là ác tinh chỉ ở cung Dậu, Tuất là đắc địa, còn thì hãm địa cả, duy còn ở cung Sửu thì cũng đỡ xấu. Chỉ ở cung Điền hoặc Tài thì tốt. Còn ở cung nào cũng xấu. – Ở **Mệnh** thì hay đau bụng và ai cũng ghét, – Ở Quan thì khó mà làm bền được, – Nếu cùng Không, Kiếp, Cơ, Lương. Làm gì cũng không nên. – Nếu đàn bà có Hóa kỷ cùng với Kinh, Đà, Riêu, thì hay bị huyết hư, hoặc huyết đen và đa dâm. – Đàn ông thì hay có người oán ghét

và mình cũng hay gây sự với người ta, Â, Dương hãm địa ngũ Kỵ thì kém mắt, ở Tuất ngũ Kỵ, người tuổi Đinh thì tốt. Cự môn ở Thìn ngũ Kỵ, người tuổi Tân thì tốt.

LỘC TÔN Ở MỆNH

Sao này thuộc Thổ, nếu hợp **Mệnh** lại đắc địa cùng với Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Lộc, thì tốt nhất, người thông minh có thể làm nên danh giá được. – Nếu cùng Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Kinh, Đà thì không thể phát đạt được nhưng cũng phong lưu.

KINH DƯƠNG Ở MỆNH

Kinh dương là Hỏa, Kim, Bắc đẩu và là sao Hình nếu đắc địa mà gặp tuổi Hợi, Tý, Sửu thì tính, quả quyết mạnh bạo, có mưu trí, – Nếu ở Thìn, Tuất, Sửu Mùi là nhập miếu. – Ở Tí, Thân, Dậu, Hợi và là vượng, Mão, Tị, Ngọ là hãm nếu gặp tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, thì hạnh phát công danh. – cùng Âm, Dương thì giai khắc vợ, gái khắc chồng. – Cùng Xương, Khúc, Tả, Hữu, thì sinh ám tật. – Nếu ở Mão, Dậu thì có tật ở mắt, – nếu tuổi Giáp, Mậu, Dần, Thân thì cô độc và không giữ được của tổ nghiệp để cho. – Nếu cùng Liêm, Cự, Hỏa, Kỵ, thì có tật ở chân tay và hay bị tù tội.

Nói tóm lại nếu Kinh dương ở **Mệnh** mà đắc địa và hợp **Mệnh** lại cùng Khoa, Quyền, Lộc, Tham, Vũ thì làm nên dễ dàng. – Nếu hãm địa mà gặp Đà, Kỵ, Không, Kiếp thì chết phi mạng.

ĐÀ LÀ Ở MỆNH

Đà là là Hỏa, Kim và Bắc đẩu lại là sao Phù tinh, nếu đắc địa thì tính quả quyết, – hãm địa thì tính ương ngạnh, gàn dở, nói thì ấp úng không ra lời, gặp sau này tuy hạnh phát nhưng lại hoạnh phá chứ không bền. – Nếu gặp Khoa, Quyền, Lộc, Tham, Vũ, thì làm nên to, – nếu hãm địa lại gặp Kỵ, Riêu, Linh, Hỏa, Hình và Mã, thì có tật và chơi bời phá hết của tổ nghiệp để cho. – Ở 4 cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi mà gặp tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì làm nên, nhưng ăn ở hữu thủy vô chung và không bền, – nếu gặp Âm, Dương và Kỵ thì hay đau mắt và gia, khắc vợ, gái khắc chồng, nếu cùng Xương, Khúc, Tả, Hữu thì có tật. – Nói tóm lại cứ theo như sao Kinh dương mà xem vì sinh 2 sao giống nhau : Ở Tý, Ngọ, Mão, Dậu là Bình ; ở Dần, Thân, Tỵ, Hợi là hãm địa.

THIÊN KHÔNG, ĐỊA KIẾP.

ĐỊA KHÔNG Ở MỆNH

Ba sao này đều là Hỏa cả, tính hung ác và gian tà, chẳng tử tế với ai cả, nhưng ở vào 4 cung Dần, Thân, tị, Hợi thì hoạnh phát, nhất là cung Tị, Hợi cùng Khoa, Quyền, Lộc, thì làm nên dễ dàng lắm.

Kiếp không ở Tài hoặc Phúc thì nghèo hèn ăn ở bần tiện. – Giáp Kiếp, Không thì người ấy lang thang nay đây mai đó, nếu gặp hạn Thái tuế thì dữ lắm.

Đào khoa ngộ Địa kiếp thì đắm thuyền, Hồng loan ngộ Kiếp, Không thì chết non. – **Mệnh** vô chinh diệu (là không có các sao thuộc vào hàng Tử vi, Thiên phủ) mà người Hỏa hoặc Kim lại gặp Thiên không, Địa không, Tuần, Triệt thì rất tốt, làm giàu tự nhiên.

THIÊN HÌNH Ở MỆNH

Thiên hình thuộc Hỏa, ở Dần, Mão, Dậu, Tuất là đắc địa thì hóa là sao Hỷ thần lại tốt lắm, – nếu cùng Xương, Khúc thì học giỏi lắm, – nếu hãm địa đi cùng các sao xấu thì cô độc, bần tiện và hay bị quan tụng, – nếu cùng Liêm trinh ở Hợi và Tị thì hay phải tù tội, nếu ở Ngọ cùng Thất sát và Kinh dương thì hay phải tù tội.

THIÊN Y Ở MỆNH

Thiên y ở **Mệnh** thì ít ốm đau, làm thầy thuốc thì giỏi – ở Mão, Dậu, Tuất thì tốt lắm, trước nghèo sau giàu và nhiều đầy tớ.

THIÊN RIÊU Ở MỆNH

Thiên Riêu thuộc Thủy là sao yêu quái, tính độc ác và đa nghi, – nếu ở **Mệnh** ở cung Mão, Dậu, Tuất cùng với Tướng, Đồng, Quyền, Khoa, Lộc, thì người đẹp đẽ, tươi tỉnh, thông minh và làm nên to – nếu hãm địa lại khắc **Mệnh** thì chơi bời trai gái, rượu chè, cờ bạc, – Nếu gặp Kỳ, Đà, Cự, Linh, Hỏa, Kinh, Không, Kiếp thì hại trăm mình, – nếu ngộ Thái tuế, Thất sát ở cung Thổ thì khéo nói, – văn võ đều giỏi, – nếu ở cung Thủy thì hay ốm đau, – Thiên riêu ở Hợi cùng Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Lộc thì thi đỗ và làm nên.

HỎA TINH Ở MỆNH

Hỏa tinh thuộc Nam đẩu và là Hỏa , ở cung Dần, Ngọ, Tuất là nhập miếu. – Ở Tị, Dậu, Sửu là đắc địa, nếu cùng Tham lang là làm nên to. – Tuổi Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý. Sửu thì tốt, còn các tuổi khác thì không tốt, – tuổi Dần, Mão, Tị, Ngọ cũng khá, – nếu cùng Kinh thì người ấy hay có tai ách và hèn hạ, – nếu cùng Khoa, Quyền thì văn võ đều giỏi, – nếu Ngọ, Liêm, Phá, Hình, Linh hoặc Hỏa ở Mão, Dậu mà không có Tuần, Triệt thì xét đánh, – nếu Ngọ Thái tuế, Thiên hình thì ngã gãy chân tay.

LINH TINH Ở MỆNH

Linh tinh là Nam đẩu va là Hỏa, ở Dần, Mão, Ngọ, Tuất là miếu, – Ở Thìn, tị, Mùi, Thân là đắc địa, – Tuổi Dần, Ngọ, Tuất thì làm nên, – tuổi Mão, Thìn, Ty, Mùi thì tốt, – nếu cùng Tử, Phủ, Tả, Hữu, Xương, Khúc chẳng giàu cũng làm nên to, gặp Vũ thì giàu có, gặp Không, Kiếp, Tuân, Triệt thì hèn hạ. – Nếu gặp sao Linh tinh hãm địa thì yếu, – nếu đắc địa lại gặp Tướng hoặc Phá thì thọ.

Linh và Hỏa cùng gặp nhau ở một cung thì làm nên to lắm, – Linh Hỏa giáp **Mệnh** thì nghèo hèn, – Tham lang gặp Linh hoặc Hỏa cũng làm nên to lắm.

THIÊN MÃ Ở BỆNH

Thiên mã là Hỏa, cùng Lộc tồn hoặc Hóa lộc thì tốt, – nếu gặp Không, Kiếp, Tuân, Triệt thì xấu lắm, – như **Mệnh** ở Dần, Thân, Ty, Hợi mà cung Phu hoặc Thê có Thiên mã và có sao tốt thì lấy vợ hay chồng giàu sang, – nếu gặp sao sát thì xấu, – nếu có Quyền, Lộc, và Âm Dương, chiếu về **Mệnh** thì làm nên to.

Thiên mã gặp Thái tuế thì chết non, gặp Đà, Kỵ thì què, – Lộc, Mã, ở cung Thê thì vợ giàu. – Tiền cái, hậu Mã, **Mệnh** ở giữa cũng tốt lắm, – Mã gặp Long Phượng, Xương, Khúc thì văn giỏi, – nếu cùng Vũ, Tướng, Sát, Phá, Tham thì võ giỏi ; Trường sinh ngộ Thiên mã thì làm nên ; mã ngộ Tuân, Triệt, Kinh, Đà ở Hợi là ngựa què thì người ấy có tật.

THIÊN KHỐC , THIÊN HƯ Ở MỆNH

Hai sao này đều thuộc Thủy và là sao ưu phiền, – Ở Tý, Ngọ là miếu, – Ở Sửu, Mùi, Thân, Mão là đắc địa. – Nếu cùng Lộc tồn hoặc hóa lộc mà tuổi Dần, Thân thì hiển vinh và trước nghèo sau giàu. – **Mệnh** có hai sao này thì người ấy mồm nói dữ tợn nhưng bụng tốt ; Thiên mã ngộ Khốc và Điều khách cũng tốt lắm ; Thiên khốc gặp Khoa, Quyền, Xương, Khúc, Khôi, Việt, cũng làm nên to.

Thiên khốc gặp Đại, tiểu hao, Tang môn, Bạch hổ, Kinh dương, Đà la thì có tật và cả đời lo phiền.

Thiên hư cùng Khoa, Đồng, Quyền, Lương, Lộc, Tham, Vũ làm nên dễ lắm. – Nếu gặp Đà, Kỵ, Riêu, Thái tuế cả đời vất vả và hay bị kiện tụng miệng tiếng.

LONG TRÌ Ở MỆNH

Sao này là Âm Thủy và là sao Văn tinh, – gặp Âm, Dương, Khoa, Quyền, thì đỗ và làm nên nếu ngộ Không, Kiếp Riêu, Kỵ, thì chết đuối, Giáp Long, Phượng thì danh giá.

PHƯƠNG CÁC Ở MỆNH

Sao này thuộc Âm thổ và là sao quyền quý, nếu gặp Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Quyền thì đỗ và làm nên – nếu gặp Riêu, Kỵ, Không, Kiếp thì vất vả.

TAM THAI Ở MỆNH

Tam thai là Hỏa, đài các tinh, – nếu ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi lại gặp sao Mộ và Tả, Hữu thì làm nên to lớn. – Nếu gặp Tuân, Triệt, Không, Kiếp thì kém bớt đi, – nếu cùng Bát toạ thì cũng tốt.

BÁT TỌA Ở MỆNH

Bát toạ là Mộc và là sao Văn tinh, ở bốn cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi cùng Quyền, Lộc, Khoa, Xương, Khúc, Khôi, Việt thì đỗ và làm nên to lớn. – Nếu cùng Tuân, Triệt, Không, Kiếp thì bình thường, – **Mệnh**giáp Thai, Tọa thì ít tuổi đã làm nên.

ÂN QUANG Ở MỆNH

Ân quang là Mộc gặp Âm, Dương, Khoa, Quyền, thì chung thân phúc thiện, – nếu đã gặp Đà, Kỵ, Cự, Thái tuế làm ơn nên oán, – **Mệnh**giáp Ân quang, Thiên quý, cũng danh giá, – Ở hai cung Sửu, Mùi thì tốt nhất, còn các cung khác thì bình thường, nếu gặp Không, Kiếp, Kinh, Đà thì xấu lắm.

THIÊN QUÝ Ở MỆNH

Thiên quý là thổ, ở hai cung Sửu, Mùi thì tốt nhất, nếu gặp Âm, Dương, Xương, Khúc, Quyền, Lộc thì đỗ và làm nên to, – nếu ở các cung khác mà cùng với Không, Kiếp, Dương, Đà, Linh, Hỏa thì chẳng ra gì và hay bị người ta chế bác.

THAI PHỤ Ở MỆNH

Thai phụ là Thổ gặp Xương, Khúc, Âm, Dương thì làm nên to, – nếu gặp Không, Kiếp, Kinh, Đà, Linh, Hỏa chung thân vất vả.

PHONG CÁO Ở MỆNH

Phong cáo là Thổ gặp Khoa, Quyền, Lộc, Khôi, Việt, Thiên tướng thì làm đến Tể tướng, gặp Sát, Phá, Tham, Vũ làm quan võ to lớn, – nếu gặp Không, Kiếp, Đà, Kỵ thì hèn hạ nhưng thọ.

BÁC SĨ Ở MỆNH

Bác sĩ là Thủy, nếu gặp Âm, Dương, Xương, Khúc thì làm nên. – Nếu gặp Không, Kiếp, Riêu, Kỵ thì yếu.

TƯỚNG QUÂN Ở MỆNH

Tướng quân là Mộc, gặp Khoa, Quyền Khôi, Việt, Xương, Khúc thì làm nên quan văn, – gặp Sát, Phá, Liêm, Tham thì làm nên quan võ, nếu gặp Tuần, Triệt thì tan cửa nát nhà và chết ở thiên hạ.

TẤU THƯ Ở MỆNH

Tấu thư là Kim, nếu ở **Mệnh** thì người ấy hay thích làm đơn từ và thích kiện tụng, cùng Thiên quan, Thiên phúc, Khoa, Quyền, Khôi, Việt thì làm nên to lớn. – Cùng Thái tuế, Ky, Đà và sao Thai thì làm thầy kiện nhưng nghèo cùng, Tham, Vũ chỉ làm Nho ở Phủ, Huyện mà dung thân.

LỤC SĨ Ở MỆNH

Sao này là Hỏa và có quyền hành về đẳng võ, nếu gặp Thiên mã thì làm nên lừng lẫy, – nếu gặp Không, Kiếp, Tuần, Triệt thì làm công nghệ để dung thân.

THANH LONG Ở MỆNH

Thanh long là Thủy, ở **Mệnh** thì người vui vẻ, nếu đại tiểu hạn gặp thì hay có sự mừng vui, nếu cùng Khôi việt, Hồng loan, Thiên hỷ thì đỗ, nếu gặp Đà, Ky, Không, Kiếp, Khốc, Hư thì hèn nhát và yếu.

TIỂU HAO Ở MỆNH

Sao này là Hỏa, ở cung Mão, Dậu thì hoạnh phát nhưng hoạnh phá, – nếu đại , tiểu hạn gặp thì tán tài, – ở **Mệnh** thì người ấy khó giữ được của tổ nghiệp và của mình, - nhưng ở cung Giải ách, bớt sự ốm đau thì lại tốt.

ĐẠI HAO Ở MỆNH

Đại hao là Hỏa, ở cung Mão, Dậu thì hoạnh phát lại hoạnh phá, nếu đại tiểu hạn gặp thì tán tài, – ở **Mệnh** thì người ấy phải bỏ lần đi nơi khác. – ở Giải ách thì tốt.

QUỐC ẤN Ở MỆNH

Sao này ở **Mệnh** thì người ấy được làm chính thức, – nếu gặp Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc, Khôi, Việt, thì làm nên to lớn, – nếu gặp Tuần, Triệt, Không, Kiếp và các sao xấu thì vất vả.

PHI LIÊM Ở MỆNH

Phi liêm là Hỏa tinh cô độc nên cùng Thiên không, Địa không, Tuần, Triệt thì học giỏi và ngạo ngược, – nếu cùng Phá, Liêm và Riêu thì cả đời vất vả.

HỈ THẦN Ở MỆNH

Hỉ thần là sao Hỏa, tính vui vẻ gặp Đại, tiểu hạn thì hay có sự mừng vui, nếu cùng tang môn thì hay có tang, cùng với sao Dương ở Tử tức là đẻ con quý tử. – Cùng Khoa, Quyền, Lộc, Mã thì làm nên, cùng Riêu, Kỵ, Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Tuần, Triệt thì hiếm con.

BỆNH PHÙ Ở MỆNH

Bệnh Phù là sao Thổ, ở **Mệnh** thì hay có bệnh tật, gặp Thiên hình thì hay có bệnh phong, – nếu cùng Tham, Vũ, Khoa, Quyền thì làm nên, nếu cùng Đà, Kỵ, Riêu thì què.

PHỤC BINH Ở MỆNH

Phục binh là Hỏa ở **Mệnh** thì gian tà, – nếu Đại, tiểu hạn gặp thì cẩn thận kẻ có người lập tâm làm hại mình hoặc bị mất trộm cắp, – nếu cùng Khoa, Quyền, Tuần, Triệt thì uy hùng và làm gì cũng hay chóng chán, – nếu Ngọ, Kiếp, Hình, Kỵ, Riêu thì gian phi.

QUAN PHỦ Ở MỆNH

Quan phủ là Hỏa, ở **Mệnh** mà cùng với Thái tuế thì xấu lắm, hay bị kiện tụng lôi thôi, – nếu đại, tiểu hạn gặp hay bị quan tụng, cùng Thiên ri có Thiên hình, hoặc Liêm trinh giáp quan tụng, Quan phù, ra ngoài hay bị kiện tụng.

TRÀNG SINH Ở MỆNH

Tràng sinh là sao Thủy, ở **Mệnh** thì người ấy danh giá, – nếu cùng Thiên mã à Khoa, Quyền, Lộc thì thi đỗ và làm nên, – nếu gặp Không, Kiếp, Tuần, Triệt thì bình thường.

ĐẾ VƯƠNG Ở MỆNH

Đế vương là Thủy, ở **Mệnh** là thượng cách, nếu gặp Xương, Khúc, Khoa, Quyền thì làm nên, nếu gặp Kinh, Đà, Tuần, Triệt cả đời chỉ bị trốn tránh.

MỘC DỤC Ở MỆNH

Sao này là Thủy nếu gặp Đồng, Lương, Xương, thì phong lưu lắm, – nếu gặp Hoa cái, Đà, Kỵ thì dâm dục và hay rượu chè, trai gái, phóng đãng.

QUAN ĐỐI Ở MỆNH

Sao này là Kim, nếu gặp Khoa, Quyền, Xương, Khúc, Khôi, Việt thì đỗ và làm nên, nếu gặp Tham, Vũ, Đồng, Lương thì làm lại, – nếu gặp Không, Kiếp, Tuân, Triệt thì bình thường.

SAO SUY Ở MỆNH

Sao này là Thủy gặp Không, Kiếp, Cơ thì khá, – nếu gặp Đà, Kỵ, Linh, Hỏa hay bị các bệnh và tù tội.

SAO BỆNH Ở MỆNH

Sao bệnh là Hỏa, cùng Sát, Phá, Tham, Vũ cả đời ít bệnh tật, – nếu gặp Kinh, Đà, Riêu, Kỵ hay ốm đau.

SAO TỬ Ở MỆNH

Sao này là Hỏa, ở cung Tài thì giữ được của, nếu cùng Tham, Vũ, Kỵ, có của chôn, – nếu cùng Đà, Riêu, Linh, Hỏa, Kinh thì có tật và yếu.

SAO MỘ Ở BỆNH

Sao này là Thủy, nếu cùng Tham, Vũ, Quyền thì giàu có, nếu cùng Không, Kiếp, Riêu thì bản tiện ngu dốt, con cái gặp Mộ hay phải theo chồng đi xa.

SAO TUYỆT Ở MỆNH

Sao này là Thổ ở cung Kim thì thông minh, nếu cùng Thiên không, Địa không, Tuân, Triệt, thì học một biết mười, – nếu gặp Riêu, Kỵ thì chết đuối.

SAO DƯỠNG Ở MỆNH

Sao Dưỡng là Mộc, **Mệnh** thì người lanh lợi, nếu gặp Thiên quan, Thiên phúc, Tả, Hữu, người xoàng thì hay gặp người trên giúp đỡ, người trên thì ai ai cũng kính trọng.

SAO THAI Ở MỆNH

Sao Thai là Thổ **Mệnh** có Thai thì người ấy đa dâm, – gặp Hồng loan, Khôi, Việt là người văn chương, – gặp Kinh, Đà, Linh, Hỏa thì ngu dốt. – Đàn bà có Đào hoa ngộ Thai thì chữa hoang, hoặc theo trai, – cung Thê có Đào hoa ngộ Thai thì vợ chữa hoang, hoặc lấy nhau không phải cưới, – Đại tiểu hạn gặp Thai và Thanh long, Thiên hỷ thì vợ đẻ con quý tử, – nếu gặp phong cáo thì được thăng chức. – Đàn bà có Đào hoa và Riêu thì lăng lợ, nếu gặp Tử, Phủ thì đứng đắn nhưng đa dâm.

SAO THIÊN PHÚC Ở MỆNH

Sao này là thổ, nếu gặp Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Hồng, Đào, Thiên hỷ, làm quan cận thần, – gặp Không, Kiếp, Đà, Riêu, Xương làm nghề khéo.

THIÊN QUAN Ở MỆNH

Sao này là Hỏa, nếu gặp Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Tử, Phủ thì làm nên, gặp Đà, Kỵ, Không, Kiếp thì làm nghề khéo.

NGUYỆT ĐỨC VÀ THIÊN ĐỨC Ở MỆNH

Hai sao này đều là sao Hỏa, chủ về giải hạn nếu hạn xấu mà gặp hai sao này thì giải được, – nếu ở **Mệnh** thì tính nết tốt, hay làm việc phúc đức, – nếu cùng Khoa, Quyền, Lộc, Khôi, Việt, Xương, Khúc thì đỗ làm nên, – nếu gặp Không, Kiếp, Kinh, Đà thì bình thường.

THIÊN HỖ Ở MỆNH

Thiên hỷ là Thủy, nếu cùng Âm, Dương, Khoa, Quyền, Long, Phượng thì đỗ và trẻ tuổi đã làm nên, nếu cùng Đào, Kỵ, Hình, Không, Kiếp thì chơi bởi dâm đảng, bị người ta đánh chết, – sao này ở **Mệnh** thì tính người vui vẻ, – đại tiểu hạn gặp thì hay có sự vui mừng.

ĐÀO HOA Ở MỆNH

Sao này thuộc Mộc ở **Mệnh** thì tính người vui vẻ hay chơi bởi trai gái. – Ở cung Tý cùng với Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc, và Tử vi thì đỗ sớm và làm nên, – ở cung Quan cũng làm nên sớm, – nếu cùng địa kiếp thì phòng đám thuyền. – Đàn bà có Đào hoa ngộ Riêu thì lăng ló, chả ra gì, nếu cùng sao Thai thì chữa hoang hoặc theo trai, cùng với Tử, Phủ, Tả, Hữu thì làm nên to lắm, – cùng Thiên không Tuần, Triệt, Lương, Mã thì đa dâm, – đại, tiểu hạn gặp thì có tin mừng.

HỒNG LOAN Ở MỆNH

Sao này thuộc Thủy, cùng Khoa, Quyền, Xương, Khúc, Khôi, Việt thì đỗ sớm và làm nên, – nếu cùng Không, Kiếp, Đà, Kinh thì yếu, – đại tiểu hạn gặp thì có tin mừng, – đàn bà có Hồng loan ở **Mệnh** thì hai đời chồng ; Hồng loan ngộ Kỵ ở cung Phu thì sát chồng, – Hồng, Tấu, Vũ, Hỷ, Đào thì làm con hát, – Hồng, Cơ, Tấu, Vũ thì làm thợ may khéo, – Hồng, Đào ở Thiên rì thì người ấy đi nơi khác làm ăn.

HOA CÁI Ở MỆNH

Hoa cái là sao Kim nếu cùng Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Khôi, Việt thì làm quan võ to lắm, – nếu cùng Kinh, Đà, Không, Kiếp, Phá, Tham thì phá hết của bố mẹ, – **Mệnh** có Hoa cái, hoặc cung Thiên ri có sao ấy thì ra ngoài nhiều người yêu.

PHÁ TOÁI Ở MỆNH

Sao này là Hỏa và là sao phá tán và ương ngạnh, – ở Diên. Tài và **Mệnh** thì tán tài, – ở cung Giải ách thì ít ốm đau. – Nếu cùng Khoa Quyền thì tốt, nếu cùng Kinh, Đà, Phá, Kỵ, có tật. – Nếu cùng Hỏa, Linh, Hình chết vì ác tật.

THIÊN THƯƠNG, THIÊN SỬ

Hai sao này là hai sao hung ác đều là Thủy, chủ về việc làm hao tổn, ốm đau tức là sao Sử là sai đi làm việc xấu cho người ta, như Thân ở Thiên ri giáp Thương, Sử, hạn đến đấy gặp Không, Kiếp, Kinh, Đà, Linh, Hỏa và Thái tuế thì nguy lắm, khó lòng khỏi chết được.

THÁI TUẾ Ở MỆNH

Sao này là Hỏa và là sao chủ về việc tụng. – Ở **Mệnh** thì người ấy ưa tĩnh, ghét, náo, – nhưng giỏi về khoa kiện tụng, – nếu cùng sao Tử, Phủ, Tả, Hữu, Khôi, Việt, Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc mà ở vào Quan lộc Thiên ri, Tài bạch, thì làm nên và lý sự, – nếu đại tiểu hạn gặp thì hay sinh ra quan tụng khẩu thiệt. **Mệnh** ở Dần hoặc ở Dậu mà gặp Tuế, Hình thì hay bị tù tội.

THIẾU DƯƠNG Ở MỆNH

Là sao Hỏa và là sao tốt nếu gặp Khoa, Quyền, Xương, Khúc, Khôi, Việt thì đỗ sớm và làm nên, – gặp Không, Kiếp, Kinh, Đà thì nghèo hèn.

TANG MÔM Ở MỆNH

Là sao Mộc chủ về tang thương, đại tiểu hạn gặp thì có tan thương, – nếu cùng Thiên mã thì có súc vật chết, nếu **Mệnh** có Tang, Hỏa, Linh, và Mã thì hay bị bệnh lao hoặc bị bỏng hay chết cháy, nhưng có Tuần, Triệt thì nhà cửa bị cháy thôi.

THIẾU ÂM Ở MỆNH

Là sao Thủy và sao tốt, nếu cùng các sao tốt như là Tử Phủ, Khoa, Quyền, Tả, Hữu thì làm nên to, cùng Không, Kiếp, Kinh, Đà thì nghèo hèn.

QUAN PHÙ Ở MỆNH

Quan Phù là Hỏa, chủ về quan tòng, nếu đại, tiểu hạn gặp cũng hay sinh ra cãi nhau và kiện tụng.

TỬ PHÙ Ở MỆNH

Tử Phù là Thủy cũng là sao xấu, nhưng không can hệ gì, gặp sao tốt thì tốt, gặp sao xấu thì xấu.

TUẾ PHÁ Ở MỆNH

Tuế phá là Hỏa, cũng là sao xấu, nhưng gặp sao tốt thì tốt, gặp sao xấu thì xấu.

LONG ĐỨC Ở MỆNH

Long đức là Thủy, ở **Mệnh** thì tính nết vui vẻ gặp sao tốt thì tốt thêm lên, gặp sao xấu thì xấu.

BẠCH HỔ Ở MỆNH

Sao này là Kim ở **Mệnh** mà ở cung Dậu thì tốt lắm, nếu ở các cung khác thì hay có chứng yếu đau vặt ; đại, tiểu hạn gặp thì hay ốm đau, nếu hạn gặp Riêu và hổ phòng ác thú cắn, – nếu gặp Đà, Kinh, Kỵ thì chó dại cắn, – nếu **Mệnh** ở Dần, Ngọ có Bạch hổ lại gặp sao xấu như là Không, Kiếp, Sát, Hình hãm địa mà đại, tiểu hạn gặp thì hổ cắn chết, nếu ngộ Tuần, Triệt thì giải được. – **Mệnh** ở Tị mà gặp các sao ấy thì rắn cắn, – ở cung Tuất thì chó cắn, – nếu ở Điền Tái mà ở Tuất thì lại tốt, tức là chó trắng giữ nhà và cửa, – nếu Bạch hổ lạc hãm ngộ Thái Dương, Không, Kiếp, Kinh, Đà ở dưới đất chỗ nhà mình ở có hòn đá chôn thành tinh hoặc có cốt người chết chôn ở đấy.

PHÚC ĐỨC Ở MỆNH

Sao này là Thổ và là sao tốt, gặp các sao tốt thì tốt thêm lên, gặp sao xấu thì xấu.

DIẾU KHÁCH Ở MỆNH

Sao này là Hỏa và là sao xấu, ở **Mệnh** thì người ấy hay nói, – nếu ở Dần cùng Mã thì tốt lắm, đại, tiểu hạn gặp Tang môn chiếu thì hay có tang, – nếu gặp Quan phù thì hay sinh ra cờ bạc, chơi bởi mà tán tài.

TRỰC PHÙ Ở MỆNH

Sao này là sao Kim, bình thường, trẻ con **Mệnh** đã xấu lại gặp Tả phù, Trực phù và Quan phù thì khó nuôi.

THIÊN GIẢI VÀ GIẢI THÂN Ở MỆNH

Đều là sao lành cả, chủ về giải các sự không may xảy ra, ở **Mệnh** thì người ấy có tính vui vẻ, hiền hậu phúc đức.

ĐẤU QUÂN Ở MỆNH

Sao này là Hỏa ở **Mệnh** thì người ấy thích ở rảnh một mình, ở Tử tức thì hiếm con, ở Điền Trạch thì có nhiều ruộng,

CÔ THẦN QUẢ TÚ Ở MỆNH

Hai sao này đều là Thổ cả, tính cô độc ở **Mệnh** thì không hợp với ai cả và hiếm con, – đàn ông kỵ Cô thần, đàn bà kỵ quả tú, ở cung tử đức thì hiếm con, ở Điền Tài thì giữ được của và ruộng nhà.

KIỆP SÁT Ở MỆNH

Sao này là Hỏa ở **Mệnh** thì nóng nảy, hay làm sự bất chính, – nếu gặp sao tốt thì giảm mất tốt đi, – gặp sao xấu thì xấu lắm, ở **Mệnh** thì yếu và nghèo hèn.

TUẦN KHÔNG VÀ TRIỆT KHÔNG Ở MỆNH

Hai sao này ở Mão, Dậu là đắc địa thì hoạnh phát và thông minh phát phúc, – ở Ngọ thì tính rộng rãi, – nếu **Mệnh** không có sao chính tinh mà gặp hai sao này cùng Thiên không hoặc địa không thì làm giàu rất dễ, – nói tóm lại 2 sao này mà gặp nhiều sao tốt thì bớt mất tất đi, nhưng gặp vận hạn xấu thì đỡ được xấu.

Phá quân phùng Triệt thì chết đường, – nếu Tuần, Triệt đắc địa thì không việc gì, – Tuần, Triệt đương đầu lúc còn ít tuổi vất vả, – Thiên mã ngộ Tuần, Triệt thì người ấy bỏ làng, – Tuần, Triệt đồng cung thì người ấy hoang lắm, – Thiên tướng ngộ Tuần, Triệt ở cung Quan thì làm việc quan thế nào cũng bị cách. – **Mệnh** có Riêu, Đồng, Phá, Triệt thì rụng răng sớm, – Tuần, Triệt ở cung Phúc đức thì mồ mã bị đoàn thương long mạch, – Thiên mã ngộ Tuần, Triệt ở cung Thê thì vợ bỏ chồng trốn đi.

LƯU NIÊN VĂN TINH

Sao này chủ về học hành, ở **Mệnh** thì người ấy học giỏi, nếu Đại, tiểu hạn gặp Khoa, Quyền thì đi thi đỗ.

ĐƯỜNG PHÙ Ở MỆNH

Sao này gặp nhiều sao tốt thì tốt thêm, gặp nhiều sao xấu thì càng xấu lắm.

NÓI VỀ CUNG NÔ BỘC

Nói tóm lại cứ sao nào ở cung Nô bộc mà đắc địa, hoặc miếu, vượng thì đầy tớ hơn thầy tức là xấu, – nếu gặp sao tốt mà hãm địa thì đầy tớ tốt, còn các cung khác tuy nói vắn tắt là đắc địa, nghĩa là nói gộp cả, miếu, vượng hoặc đắc địa và khắc **Mệnh** thì xấu, nếu hãm địa lại hợp **Mệnh** thì tốt cứ suy như thế mà xem các sao.

Cung Tài thì rất kỵ Không, Kiếp, Đại, tiểu hao và Phá toái.

Cung Điền trạch rất kỵ Linh, Hỏa và Tang môn thì cháy nhà.

Cung Giải ách klại có Tuần, Triệt, Đại, tiểu hao Phá toái thì tốt

Cung Phúc đức cứ xem sao thuộc Âm thì được mã đàn bà và sao thuộc Dương là được mã đàn ông, rất kỵ Không, Kiếp, Phục binh, Tướng quân, Tử, Tuyệt, Bệnh phù, Thiệt hình, Khốc, Hư, thì xấu lắm.

Cung quan rất kỵ Đại, Tiểu hao, Không, Kiếp, Tuần, Triệt, khó mà làm nên được. – Cung Thê, Tử, Bào rất kỵ Tuần, Triệt, Không, Kiếp, Khốc, Hư, Tang môn, Bạch hổ, Kinh, Đà, Linh, Hỏa thì xấu lắm

NÓI TÓM TẮT VỀ CÁC SAO Ở NÔ BỘC

Tử vi ở cung Nô bộc tức là đầy tớ, bạn bè hoặc vợ lẽ thì các người ấy làm vượng cho mình, Kinh, Đà, Hỏa, Linh thì kém đi, cùng Phá thì trước xấu sau tốt, – cùng Thiên tướng thì giúp mình, – cùng Không, Kiếp hay oán mình.

Thiên cơ thì vừa ý mình, cùng Lương thì về sau mới tốt, – cùng Âm, Cự cũng hay oán, – cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp thì xấu lắm.

Thái dương thì làm vượng cho cả chủ nhưng chóng chán chủ, cùng Sát vô ơn, cùng Tham cũng khôn tốt mấy.

Thiên đồng được việc cho chủ, làm vượng cho chủ, cùng Cự trước xấu, sau tốt cùng Âm được việc, cùng Lương giúp được nhiều việc tốt, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa vô ơn chủ, cùng Không, Kiếp oán chủ.

Liêm trinh nhiều đầy tớ, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, thì lại càng xấu lắm và không có đầy tớ, cùng Tham cũng xấu, cùng Sát vô ơn chủ.

Thái âm đầy tớ tốt, cùng Dương nhiều đầy tớ nhưng oán chủ, cùng Cơ thì xấu, cùng Đồng thì tốt, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp thì xấu lắm. Thiên phủ thì nhiều đầy tớ tốt, cùng Vũ hay chóng chán chủ, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Kiếp, Không thì chả ra gì.

Tham lang ít đầy tớ và hại chủ, cùng Liêm cũng chả ra gì cùng Tử vi nhiều đầy tớ tốt, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp thì đầy tớ chả ra gì và không ở lâu, nhưng về sau cũng khá.

Thiên tướng về sau mới tốt, cùng Tử vi nhiều đầy tớ, cùng Vũ thì oán chủ, cùng Liêm lúc tốt lúc xấu, nhưng về sau thì tốt, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp thì xấu và không ở lâu với chủ.

Thiên lương nhiều đầy tớ làm tốt cho chủ, cùng Đồng có nhiều đầy tớ giúp chủ, cùng Cơ ăn ở hài lòng.

Thất sát đầy tớ bạo ngược hay đối chủ, cùng Vũ vô ơn chủ, cùng Liêm cũng xấu, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp không có đầy tớ hoặc có ít nhưng chả ra gì.

Phá quân đắc lực, làm việc cũng được vừa ý, cùng Vũ vô ơn chủ, cùng Tử vi được việc cho chủ, cùng Liêm kém bớt tốt đi, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp thì không có đầy tớ, dù có cũng chả ra gì.

Văn xương, Văn khúc có đầy tớ biết chữ và tử tế với chủ gặp nhiều sao xấu thì xấu, người nào có văn xương ở Nô bộc tức là Văn xương gặp Thiên hương thì yếu.

Tả, Hữu thì giúp chủ, được việc cho chủ.

Lộc tồn thì giúp chủ, nếu gặp sao xấu thì kém bớt tốt, nhưng người nào có Lộc tồn ở Nô bộc mà **Mệnh** xấu thì vất vả lận đận cả đời.

CÁC SAO Ở QUAN LỘC.

Tử vi cùng Miếu, Vượng và đắc địa lại cùng Tả, Hữu, Xương, Khúc, Khôi, Việt thì làm quan to lắm, – cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa thì làm soàng thôi, – cùng Không, Không, Kiếp, thì bình thường – cùng Phủ thì giàu sang, - cùng Tướng cũng tốt lắm và thẳng, - cùng Phá ở chỗ đông người mà buôn bán làm ăn bình thường.

Thiên cơ đắc địa thì làm nên, cùng Văn khúc cũng làm nên, – cùng Cự cũng tốt, – cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, xấu lắm, – cùng Lương thì làm nên.

Thái âm đắc địa làm to, nếu gặp các sao xấu thì kém nhiều.

Thái dương đắc địa, văn võ đều làm được cả, Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp thì kém nhiều, – cùng với Âm cũng làm nên, – cùng Tả, Hữu, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Lộc thì làm nên to.

Vũ khúc, đắc địa lại cùng Tả, Hữu, Xương, Khúc, thì Văn Vũ kiêm toàn lừng lẫy lắm, – gặp Khoa, Quyền, Lộc làm nên và giàu. – cùng Tham thì làm nên nhưng tham tang, – cùng Phá vì có công về đảng vạ mà làm nên, cùng Thất sát làm nên rất dễ, nếu hãm địa lại cùng Kinh, Đà, Không, Kiếp thì kém nhiều.

Thiên đồng đắc địa văn võ đều giỏi, cùng Kinh, Đà, Không, Kiếp chả ra gì, cùng cự trước làm nhỏ sau to, – cùng Âm hãm không làm nên, cùng Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc làm nên to.

Liêm trinh đắc địa làm đảng võ to lắm, nhưng không bền, – cùng Tham, ở chỗ đông người làm ăn danh giá nhưng không có chức tước gì cả, – cùng Phủ thì làm quan văn, – cùng Thất sát đi lính làm nên, – cùng Thiên tướng làm nên và giàu, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp thì chả ra gì.

Thiên phủ đắc địa thì văn võ kiêm toàn, – cùng Kinh, Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa và Đại tiểu hao chả ra gì và không bền, cùng Tử vi làm nên, – cùng Liêm hoặc Vũ cũng danh giá.

Tham lang đắc địa cùng Linh, Hỏa, làm võ to lắm, – cùng Tử vi văn võ đều tốt, nếu hãm địa thì làm quan hay tham tang, – cùng Kinh, Đà, Không, Kiếp thì bình thường.

Cự môn đắc địa làm nên về đảng võ tốt hơn văn, – cùng Dương hãm địa tuy làm nên nhưng hay lúc lên, lúc xuống, cùng các sao xấu thì chả ra gì.

Thiên tướng đắc địa làm nên được lâu bền, cùng Tử vi, Tả, Hữu, Xương, Khúc, làm nên to, cùng Vũ thì làm nên nhưng phải đi xa, nếu cùng Tuần, Triệt, Không, Kiếp, Kinh, Đà, Linh, Hỏa và Hóa kỵ, Đại, tiểu hao có khi phải giáng chức.

Thiên lương đắc địa nhất là ở Ngọ lại cùng Tả, Hữu, Khôi, Việt và Khoa, Quyền, Lộc vẫn vô đều giỏi, cùng Đồng làm to, cùng cơ khó nhọc mới có thể làm nên được, cùng các sao xấu thì bình thường.

Thất sát đắc địa tuy làm võ to nhưng nay đây mai đó, làm văn thì xấu, cùng Vũ cũng tốt lắm, cùng Liêm làm đẳng võ tốt lắm, cùng các sao xấu thì bình thường.

Phá quân đắc địa làm võ to, – cùng Liêm thì làm lại, nếu cùng Vũ, Tử vi, Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc thì làm nên to, – cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp thì bình thường.

Lộc tồn cùng các sao tốt thì làm nên, cùng các sao xấu thì bình thường.

CÁCH LÀM QUAN TO

Tả phụ Hữu bật ở cung Quan cùng Tử, Phủ thì làm nên đến Nhất Phẩm, – cùng sao xấu chỉ được vinh hàm chứ không được chính trực.

Vũ xương, Vũ khúc cùng các sao tốt thì được phong hầu, – cùng các sao xấu thì chỉ được Phẩm hàm chứ không làm quan được,

CÁCH LÀM QUAN VĂN

Xương, Khúc cùng Tử, Tướng, Quyền lộc thì làm đến Thủ tướng.

Tướng quân cùng Vũ khúc làm võ đến cực phẩm, nếu có Tả, Hữu chiếu thì là quan cận thần.

CÁCH LÀM LẠI

Thái dương ở cung Dương, Thái âm ở cung Âm lại gặp Tả, Hữu làm lại rồi lên to.

CÁC SAO Ở ĐIỀN TRẠCH

Tử vi đắc địa, ruộng nhà đều có, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Tuần, Triệt tuy có nhưng bán hết, – cùng Phá thì bỏ làng đi nơi khác mới có, – cùng Tướng cũng tậu được nhiều, có thêm Tả, Hữu, Xương, Khúc, Lộc tồn, Hóa lộc, Hóa kỵ thì tậu được nhiều lắm

Thiên cơ bố mẹ để cho cũng bán hết rồi lại tậu được nhiều, – cùng Cự ở Mão có nhiều, ở Dậu tuy có sau lại bán đi nhưng cũng còn, cùng Lương hậu vận mới có, cùng Âm, tự mình tậu được.

Thái dương đắc địa thì có nhiều ruộng nhà; cùng Cự cũng có nhiều, nếu ở từ cung Thân đến Sửu lại gặp sao xấu tuy có cũng bán hết, nếu cùng các sao Không, Kiếp, Tuần, Triệt thì không có.

Vũ khúc đắc địa, tổ nghiệp để cho nhiều, nếu hãm địa bán hết lại tậu được, cùng Phá hoặc Đại, Tiểu hao chơi bởi bán hết, – cùng Tướng bán đi lại có, cùng Thất sát có ít, – cùng Phủ giữ được của cha mẹ để cho, chứ khó tậu được thêm, – cùng Tham muôn mới có, cùng Linh, Hỏa, Không, Kiếp bán đi lại tậu được.

Thiên đồng chính mình làm ra mà có, cùng Cự có ít, cùng Âm đắc địa có nhiều nếu hãm địa cùng các sao xấu kém nhiều.

Thiên lương đắc địa trước không có, sau mới có, cùng các sao xấu thì có ít.

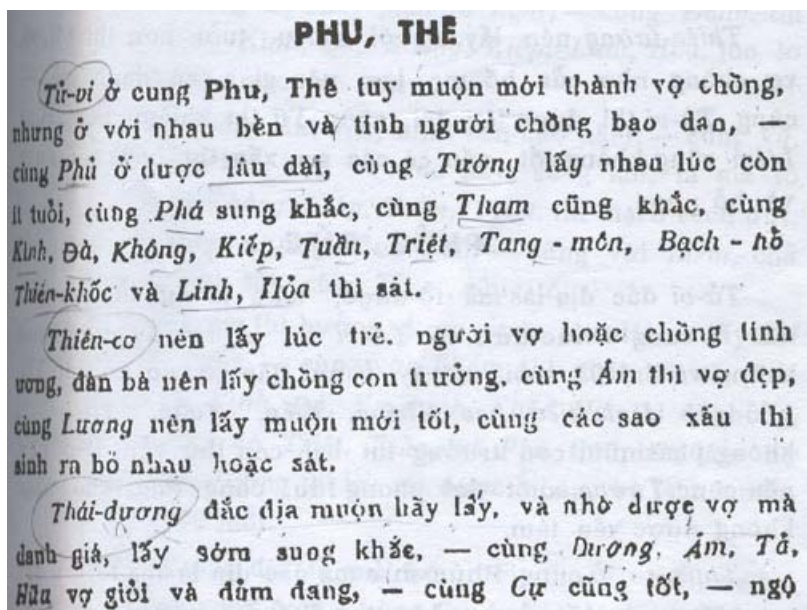
Liêm trinh đắc địa thì đi nơi khác mới có, cùng Tham chậm mới có, cùng Sát hoặc cùng Phủ tay mình làm ra, cùng Tướng trước không có sau có.

Thái âm đắc địa có nhiều, cùng Cơ tự mình nhậu được, cùng Đồng cũng thế, cùng Tả, Hữu, Quyền, Lộc và Lộc tồn có nhiều lắm, cùng các sao xấu thì bán gần hết.

Tham lang đắc địa ra ngoài mới có ít, cùng Liêm không có, – cùng Vũ chậm mới có, – cùng các sao xấu thì có cũng bán đi, nhưng cũng có ít.

Cự môn đắc địa tự nhiên có nhiều, – hãm địa tuy có nhưng hay sinh ra lời thôi về nhà và ruộng đất, cùng Dương có nhiều, cùng các sao xấu khó giữ được.

Thiên tướng đắc địa có nhiều, cùng Tử vi tự tay mình tậu, cùng Vũ, Trinh và các sao xấu bán hết tổ nghiệp, sau có tý chút, – cùng Điền trạch tối kỵ sao Linh, Hỏa, và tang môn nếu giải 3 sao ấy hay cháy nhà, nhưng gặp Tuần, Triệt lại giải được.



Đại, tiểu-hao không phải cười, — cùng các sao xấu thì chẳng ra gì.

Vũ-khúc sung khắc, lấy người bằng tuổi và muợn thì tốt, nếu có *Lộc-tồn, Hóa-lộc, Thiên-phủ* nhờ của vợ đem về làm giàu, — nếu ngộ *Thiên-mã, Tuần, Triệt* thì vợ bỏ trốn đi, cùng *Tham* nên lấy muợn cho đỡ sung khắc, — cùng *Sát* thì phải lấy hai ba lần mới thành, — nếu thêm các sao xấu thì sát mấy lần vợ.

Thiên-Đồng muợn mới bền, chồng nhiều tuổi hơn vợ, cùng *Cự* sung khắc, — nếu thêm các sao xấu thì bỏ nhau, hoặc *Sát*, cùng *Âm*, thì vợ đẹp, — cùng *Lương* lấy vợ cùng một họ thì tốt (ví dụ người họ *Đỗ* lại lấy người khác cũng họ *Đỗ*).

Liêm-trinh ba lần mới thành, — cùng *Tam* lại càng xấu lắm, — cùng *Sát, Phá*, cũng thế, — cùng *Phủ*, lấy người danh giá thì không khắc, — cùng các sao xấu thì bỏ nhau đến mấy lần, nếu không cũng sát.

Thiên-lương vợ đẹp, cùng *Đồng* hoặc *Cơ* cũng đẹp, và hòa thuận, nếu có các sao xấu thì không hòa thuận.

Thiên-tướng nên lấy người nhiều tuổi hơn thì tốt, và vợ chồng nhờ của bố mẹ làm nên giàu có danh giá, — cùng *Tử-vi* thì được lâu dài, cùng *Vũ* thì khiêm hòa, cùng *Liêm* cũng không tốt, nếu có các sao xấu thì hay cãi nhau và bỏ nhau.

PHÚC - ĐỨC

Tử-vi đắc địa là mả tổ được, hãm là mả tổ xa đời, nếu ở cung **Phúc-đức** có *Tử-vi* thì người ấy được sung sướng và thọ 93 tuổi, mộ ấy ở núi gập gò cao có linh khí, nếu gặp *Đại, tiểu-hao, Không, Kiếp, Tuần, Triệt*, thì không phát nữa, con trưởng thì bại, con thứ vẫn làm nên, nếu cùng *Tướng* suốt đời phong lưu, cùng *Phá*, khó nhọc không được yên tâm.

Thiên-cơ ở cung **Phúc-đức** mà đắc địa là mả tổ sáu đời, người ấy trước vất vả sau phàn, thọ 63 tuổi. — nếu gặp sao *Thái*,

Dương, Hoa-cái, Hồng-loan thì còn phát, gặp *Riêu, Đà* thì không phát nữa,— cùng *Cự* cũng khó nhọc, cùng *Lương* thọ vả thanh nhân,— cùng *Âm* suốt đời sung sướng, cùng *Không, Kiếp, Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Tuân, Triệt* thì ít phúc,— nói tóm lại, *Cơ ở Phúc-đức* thì được hưởng phúc trọn đời.

Thái-dương, bố còn là mả ông, nếu ông còn là cụ, bố chết rồi thì là mả bố, nếu đặc địa thì thọ 70 tuổi, cùng *Xương, Khúc hoặc Lương* thì phát và họ hàng đông nhiều,— nếu cùng *Kinh, Đà, Linh Kỵ* thì đốt nát tàng tật,— cùng *Cự* ít khi được nhân thân,— cùng *Lương* thì có nhiều phúc và được hưởng, cùng *Âm* cũng thế, cùng *Kinh, Đà, Linh, Hỏa Không, Kiếp* ít khi được yên thân.

Thái-âm là mả mẹ, nếu mẹ còn là bà, nếu bà còn là cụ, ở đất ấy cao, hình con ngựa,— nếu cùng *Khoa, Quyền* tốt lắm,— nếu cùng *Phúc-đức* có nhiều sao *Thủy* hoặc *Mộc* thì đồ cao lắm, nếu có *Khốc, Hư, Đà, Kỵ, Tuân, Triệt* tuy mả trông đẹp nhưng không kết,— nếu cùng *Dương* thì tốt lắm,— cùng *Cơ* hay phải lo nghĩ,— cùng *Đông*, thì yên thân,— cùng *Kinh, Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa*, lúc lo lúc mừng, không được yên thân.

Tham-lang ở đấy đất đen, hình con chó nằm,— cùng *Vũ, Khoa, Quyền* thì kết, văn võ đều hay, sống lâu, là mả tổ năm đời, nếu có *Không, Kiếp, Tuân, Triệt*, thì mạch cách đứt, chỗ cao chỗ thấp nhưng cũng yên,— cùng với *Liêm*, chả ra gì, cùng *Vũ*, thì tốt, cùng *Tử-vi*, cũng tốt.

Vũ-khúc đặc địa thì hưởng được phúc lâu dài, ở đấy đất hình như hòn ngọc,— cùng với *Tham* thì phát võ và phải đi xa,— nếu có *Kinh, Đà, Kỵ, Linh, Khốc, Hư* thì đất hồng, không kết,— nếu có *Triệt, Tuân*, và *Phá* thì phát, làm thợ khéo, cùng *Thiên-tướng* thì lúc già được nhân, và là mả năm đời, thọ ngoài 60 tuổi.

Thiên-đồng đặc địa là mả bốn đời, thọ 93 tuổi, người ấy sung sướng suốt đời,— cùng *Cự* hay phải lo nghĩ cùng

Âm hoặc *Lương* cũng sung sướng suốt đời, — cùng các sao xấu lại kém nhiều.

Liêm-trinh là mả tổ 7 hoặc 8 đời, chỉ có một mình thì tốt, nếu gặp *Thiên-tướng*, *Lộc-tồn* thì đất tốt, — nếu cùng *Tham* chả ra gì, cùng *Phá* hoặc *Sát* cũng thế, cùng *Phủ* thì tốt.

Thiên-phủ đặc địa thọ 84, là mả tổ và đất ấy ở gần đền chùa và phát to, — cùng *Tử-vi* thì tốt lắm, — cùng *Liêm* tuy sung sướng nhưng phải lo nghĩ, cùng *Vũ* thì cũng được sung sướng, — cùng *Tuần*, *Triệt*, *Không*, *Kiếp* thì nghèo hèn.

Cự-môn là mả 7 đời hình như cái chiếu ngọc, ở dưới đất sắc vàng thọ được ngót 60 tuổi, — cùng *Thái-dương* lúc vui lúc buồn, — cùng *Đồng* thì tốt, — cùng *Cơ* hay phải lo nghĩ, — cùng các sao xấu chả ra gì.

Thiên-tướng đặc địa là mả 5 đời, thọ ngoài 70 cùng *Khoa*, *Quyền*, *Khôi*, *Việt* thì làm nên to, — cùng *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt* thì mả bị triệt, có làm nên cũng bị cách và nghèo hèn, — cùng *Vũ* thì về sau tốt, — cùng *Tử-vi* càng tốt lắm.

Thiên-lương đặc địa là mả 8 đời, đất hình con rắn già, cùng *Xương*, *Khúc*, *Khoa*, *Quyền* thì làm nên, người ấy thọ ngoài 80, — cùng *Mã*, *Kỵ*, và *Tuần* họ hàng và mình hay chơi bời phá tán cơ nghiệp, — cùng *Dương* thì sung sướng danh giá, — cùng *Cơ* thì khó nhọc lo nghĩ, — cùng các sao xấu chả ra gì.

Thất-sát đặc địa thì thọ ngoài 50 và mả tổ xa đời, — cùng *Tử-vi*, *Khoa*, *Quyền* thì đất có long, hồ chiếu về, phát võ anh hùng lắm, nếu ngộ *Kiếp*, *Không*, *Đà*, *Riêu*, *Tuế* chỉ có tay Long, thôi, ít đình và nghèo hèn, — *Đàn bà* cùng **Phúc-đức** có *Thất-sát* chỉ làm con hát hoặc vợ lẽ, nếu cùng *Liêm* hoặc *Vũ* chả ra gì.

Phá-quân đặc địa thì thọ, nếu hãm thì yếu, cùng *Vũ*, *Khoa*, *Quyền*, *Khôi*, *Việt* phát văn võ đều to, — nếu gặp *Liêm*,

Hình, Hóa hay chết tự nhiên, nếu cùng các sao xấu nữa thì nghèo hèn và yếu.

Lộc-tồn là hình cái kho, nếu cùng Cự, Cơ, Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc, Khôi Việt thì làm nên to và giàu.

PHỤ - MẪU

Phàm xem cha mẹ thì lấy Thái-dương là bố, Thái-âm là mẹ, sao nào đắc địa lại gặp các sao tốt và mình hợp sao ấy lại để vào giờ cũng hợp với sao ấy, (như để đêm thì hợp Thái-âm, để ngày hợp Thái-dương) vì như hợp Dương thì bố thọ, hợp Âm thì mẹ thọ, — có Tử-vi hoặc Thiên-phủ thì song toàn, cùng Tướng hoặc Tham cũng tốt, cùng Phá không song toàn, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Tuân, Triệt thì chết sớm và sung khắc bố mẹ.

Thiên-cơ đắc địa cũng tốt, nếu hãm lại cùng các sao xấu thì nên đi làm con nuôi thì bố mẹ mới thọ.

Thái-dương đắc địa thì cha thọ, cùng với Âm cũng tốt lắm, cùng các sao xấu thì bố chết sớm.

Vũ-khúc thì xung khắc, nếu ở xa bố mẹ thì đỡ được xấu, — cùng với Cự thì xung khắc.

Liêm-trình thì chết sớm, cùng Tham cũng thế, cùng Sát bố chết trước hoặc mẹ trước, nghĩa là một người chết trước ; cùng các sao xấu, cha mẹ nghèo hèn và chết non, cùng với Phủ thì song toàn.

Thiên-dồng bố mẹ thọ, cùng Lương cha mẹ đi xa và thọ, cùng Cự ít khi hòa thuận, cùng Âm cha mẹ sung sướng, nếu có sao xấu tuy thọ nhưng nghèo hèn.

Thiên-lương cũng thọ, nếu cùng các sao xấu nên đi làm con nuôi thì bố mẹ song toàn, — cùng Dương, Cơ tốt lắm

Thất-sát bố mẹ chết sớm, hoặc không song toàn, — cùng Liêm hoặc Phá cũng xấu lắm, cùng Tử-vi thì tốt.

Phá-quán bố mẹ chết sớm, đi làm con nuôi thì đỡ được, — cùng Liêm, Vũ cũng thế, — cùng Tử-vi thì tốt, nếu cùng các sao xấu thì cha mẹ chết sớm lắm.

HUYNH-ĐỆ (*Anh em*)

Phàm xem anh em thì lấy cung Dương là lẽ, cung Âm là chẵn mà hợp với cung **Huỳnh-đệ** mà xem, **Huỳnh-đệ** là anh em ruột đối cung **Huỳnh-đệ** là cùng bố khác mẹ nếu có nhiều sao *Dương* thì nhiều anh em trai, nhiều sao *Âm* thì nhiều chị em gái.

Tử-vi đặc địa có nhiều anh em, cùng *Phủ* 3, 4 người, cùng *Phá* 3 người hoặc cùng bố khác mẹ, — cùng *Thất-sát* hoặc *Tham-lang* cũng thế, cùng *Không*, *Kiếp*, *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hỏa*, *Tuần*, *Triệt* thì bớt đi và không hòa thuận.

Thiên-cơ, đặc địa có 2 người, cùng *Cự* cũng 2, nếu hãm thì không hay hòa thuận, cùng *Lương* 2 người, cùng *Âm* cũng 2, 3 người, nếu có *Linh*, *Hỏa*, *Kinh*, *Đà* thì chết nhiều, có sống cả cũng hay cãi nhau.

Thái-dương đặc địa có 3 người, cùng *Cự* 3 người, cùng *Âm* 5 người, nếu có các sao xấu thì bớt nửa và hay cãi nhau.

Vũ-khúc đặc địa có 2 người, nhưng không hòa thuận, cùng *Sát*, *Phá*, *Tham* 1 người, nếu thêm *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc*, thì 3 người, nếu có các sao xấu chỉ có một mình.

Thiên-đồng đặc địa có 4, 5, người, cùng *Lương* 2, 3 người cùng *Cự* 3 người, cùng *Âm* 4, 5 người nếu có các sao xấu thì giảm nửa và bất hòa.

Liêm-trinh đặc địa có 2 người, cùng *Tham* 1, 2 người, và bất hòa, cùng *Sát*, *Phá* 1 người cùng *Phủ*, *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc* thì 3 người, nếu cùng các sao xấu thì giảm nửa và bất hòa.

Thiên-phủ đặc địa có 5 người, cùng *Tử-vi* *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc* 5, 6 người, cùng *Liêm* 3 người, cùng các sao xấu thì 2 người.

Thái-âm đặc địa thì 5 người, thêm *Dương* 5, 6 người, cùng với *Cơ* 2 người, cùng *Khoa*, *Quyển* 4, 5 người, cùng các sao xấu thì giảm nửa và không hòa thuận.

Tham-lang đặc địa 2 người mà cùng cha khác mẹ, cùng *Liêm* thì bất hòa, cùng *Tử-vi* 3 người, cùng các sao xấu thì chỉ có một mình.

Cự-môn đặc địa có 2 người, nếu cùng *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc* 3 người, cùng *Cơ* 2 người, mà không hòa thuận, — cùng *Đồng* 2, 3 người, cùng các sao xấu thì có một mình.

Thiên-tướng đặc địa có 3 người, cùng *Vũ* 2 người, cùng *Tử-vi* 3, 4 người, cùng *Liêm* 2 người, cùng các sao xấu chỉ có một mình.

Thiên-lương đặc địa có 2 người và hòa thuận, nếu có nhiều thì cùng cha khác mẹ, cùng *Đồng* 3 người, cùng *Thiên-cơ* 2 người, cùng các sao xấu chỉ có một mình.

Thất-sát đặc địa có 3 người, nhưng không hòa thuận nếu cùng *Tử-vi*, *Tả*, *Hữu*, *Xương*, *Khúc* thì hòa thuận, nếu cùng các sao xấu chỉ có một mình.

Phá-quân đặc địa thì 3 người nhưng không hòa thuận, cùng *Sát* có một, cùng *Vũ* 2 người, cùng *Liêm* 1 người, cùng *Tử-vi*, *Tả*, *Hữu* thì 3 người, nếu cùng các sao xấu thì chỉ có một mình thôi.

Lộc-lôn gọi là chủ cô là có một mình, nhưng hợp *Mệnh* lại cùng sao tốt thì có nhiều.

TỬ-TỨC (con)

Nếu trong cung *Tử-tức* có sao Nam-đầu thì đẻ con gái trước, nếu có sao Bắc-đầu thì đẻ con gái trước, nếu ở vào cung *Dương* thì đẻ, cung *Âm* thì chẵn.

<i>Tử-vi</i> 3 gái, 4 gái	<i>Thiên-cơ</i> 1 gái, 1 gái	<i>Thiên-tướng</i> 3 gái, 1 gái	<i>Tham-lang</i> 2 con
<i>Thái-âm</i> 3 gái, 2 trai	<i>Liêm-trinh</i> 1 con	<i>Cự-môn</i> 2 gái, 1 gái	<i>Thiên-phủ</i> 5 con
<i>Thất-sát</i> 3 gái	<i>Vũ-khúc</i> 2 gái	<i>Thái-dương</i> 3 gái, 2 gái	<i>Thiên-đồng</i> 4 con
<i>Văn-xương</i> 5 con	<i>Văn-khúc</i> 5 con	<i>Đà-la</i> 1 con	<i>Kinh-dương</i> 1 con
<i>Địa-kiếp</i> 1 con	<i>Thiên-không</i> 1 con	<i>Phá-quân</i> 3 con	

Đây nói vắn tắt, phải xem các sao có đặc địa và cung các sao tốt xấu thế nào mà đoán mới đúng. Càng *TỬ-TỨC* thì phải xem cả số vợ hay chồng thì mới đúng nhất định vì con là của chung của 2 vợ chồng.

TÀI-BẠCH

Tử-vi thì phong túc, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Tuần, Triệt tuy có nhưng tán tài lắm, — cùng Phá trước nghèo sau giàu, cùng Phủ, Tả, Hữu, Quyền, Lộc và Lộc-tồn thì làm quan mà giàu, cùng Sát tự nhiên giàu, không bao giờ làm sự gì trái phép mà lấy tiền.

Thiên-cơ thì có tiền luôn luôn nhưng phải khó nhọc nghĩ ngợi mới có, — cùng Cự phải ở chỗ đông người mà buôn bán thì có tài, — cùng Lương làm nghề khéo có tài, cùng Âm cũng nhiều tài, cùng các sao xấu, lúc có lúc không.

Thái-dương đắc địa thì nhiều tiền, cùng Âm, Tả, Hữu và Lộc-tồn, Hóa-lộc thì giàu lắm, cùng Cự tuy giàu sớm sau lại kém.

Vũ-khúc thì giàu có, cùng Phá có rồi lại hết, hết rồi lại có, — cùng Tướng nhiều tài, — cùng Thất-sát tay trắng làm giàu, — cùng Tham thì ngoài 30 tuổi mới giàu, — cùng các sao xấu có tài nhưng tán nhiều.

Thiên-đồng tay trắng làm nên giàu, cùng Cự lúc có lúc không, cùng Lương thì giàu, cùng các sao xấu tuy có rồi lại có khi tán.

Liêm-trình thì ở chỗ đông người mới có tài, — cùng Tham chóng có chóng hết, — cùng Sát, Phá lúc có lúc không, — nếu cùng các sao Không, Kiếp, hay sinh kiện tụng mà hết của.

Thiên-phủ hoặc Tử-vi thì giàu to, cùng Vũ, Liêm-trình, Quyền, Lộc là tay trợ phú, cùng các sao xấu khó lòng giữ bền, nhưng hết lại có.

Thái-âm thì giàu, cùng Dương càng về sau càng giàu, cùng Cự hay Đồng tay trắng làm giàu, cùng Lộc-tồn, Hóa-lộc đại phú — nếu cùng các sao xấu thì tán.

Tham-lang hoạnh phát, — cùng Tử-vi bao giờ thành gia thất mới giàu, cùng Linh, Hỏa 30 năm về sau thì giàu, nếu cùng Kinh, Đà, Không, Kiếp, tuy có nhưng lại hết.

Cự-môn tay trắng làm nên giàu và nên ở chỗ đông thì tốt tài, nhưng không ganh đua mà hết, — cùng Cơ phát tài, — cùng Dương cũng tốt, cùng Đồng thì làm việc quan có tài.

Thiên-lương đắc địa thì giàu to. — cùng Đồng tay trắng làm giàu, — cùng Cơ khó nhọc mới có, không nên nay làm việc này mai làm việc khác mà không giàu được. — Nền cùng các sao xấu thì tán lằm.

Thiên-tướng thì giàu, — cùng Tử-vi cũng chóng giàu, — cùng Vũ và các sao xấu chỉ làm thợ mà có, — cùng Liêm buôn bán mà có, — cùng các sao xấu tuy làm ra nhưng tán tài, Phá-quản có của nhưng tán lằm, cùng Sát hoặc cùng Vũ thì tán tài, cùng Liêm hoặc cùng Tử-vi trước nghèo sau giàu, cùng các sao xấu không giữ được của. ✖

Thất sát chóng có chóng hết, nếu cùng Tử vi thì giữ được, cùng Lộc tồn, Hóa lộc, Hóa kỵ, Cô thân, Quả tú, Đẩu quân cũng giàu và giữ được bền, nếu cùng các sao xấu như là Đại, tiểu hao, Không, Kiếp, Kình, Đà, Tuần, Triệt, Phá toái thì khó lòng mà giàu được.

GIẢI ÁCH

Trước hết hãy xem mệnh tốt xấu thế nào, nếu có Tử vi thì ít vận hạn và ít ốm đau, cùng Phủ cũng thế, cùng Tướng hay có bệnh ngoài da, cùng Phá khí huyết kém, cùng Kình, Đà, Kỵ, Linh, Hỏa thì có tật hoặc mất mờ, cùng Không, Kiếp hay có bệnh tâm khí.

Thiên cơ lúc bé nhiều bệnh tật, nếu hãm địa, đầu và mặt hay lở, cùng Cự hay có bệnh khí huyết — cùng Lương có bệnh ở hạ bộ — cùng Âm hay có bệnh lở ghẻ, cùng Kình, Đà, Linh, Hỏa hay có tật ở mắt và chân tay yếu ớt. Thái dương hay rức đầu, cùng Âm, Kình, Đà, Kỵ mắt có vết, nếu hãm địa thì kém mắt.

Vũ khúc hay ốm đau, mặt và chân tay hay có tật, có Kình, Đà cả đời hay ốm đau.

Thiên tướng hay bị ám tật, cùng các sao xấu thì hay bị huyết hư, mặt và chân tay có vết, hoặc bị bệnh trĩ hay là phong sang.

Thiên đồng đắc địa hay ốm đau, cùng cực có bệnh tẩm khí — cùng Kình, Đà, Linh, Hỏa có bệnh huyết hư — cùng Lương có ít bệnh — cùng Không, Kiếp hay có bệnh tâm khí.

Liêm trình lúc còn bé lở ghẻ và chân tay hay đau — nếu đắc địa và cùng Việt, Thiên giải, Giải thân, Lộc tồn, Hoá lộc, ít đau ốm — cùng tham hay đau mắt — cùng Sát, Phá hay đau ốm — cùng Phủ ít ốm — cùng các sao xấu thì hay yếu đau luôn luôn.

Thiên phủ đắc địa lại cùng các sao tốt thì ít ốm đau, nếu gặp tai nạn thì có người cứu ngay, cùng Tử vi ít ốm đau, cùng Kình, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Bệnh phù, Hình, thì có bệnh phong — cùng Liêm, Kiếp sát, Thiên không, Địa không, Địa kiếp bị người ta đánh ở giữa đường.

Thái âm đắc địa hay không có bệnh tật, nếu hãm địa thì hay có chứng đau bụng và lao thương, nếu là đàn bà thì phải người ta đánh bị thương – cùng Dương ít ốm – cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Kỵ, Hình hay đau mắt – cùng Không, Kiếp có bệnh phong – cùng Thiên đồng cũng hay ốm đau.

Cự môn còn bé hay bị chứng nung huyết – cùng Dương đầu và mặt hay có mụn nhọt – cùng đồng có bệnh ở hạ bộ, hoặc có chứng phong – cùng Kinh, Hỏa có bệnh tửu sắc, cùng Kỵ đau tai, hoặc mắt và mặt có vết hoặc có tật.

Thất sát lúc bé hay ốm, nhớn lên hay có bệnh trĩ hoặc lở ở hạ bộ, cùng Vũ và Kinh, Đà, Linh, Hỏa chân tay bị thương – cùng Liêm hay đau mắt hoặc đau mặt, cùng Tử vi ít ốm đau – Phá quân còn bé hay bị lở ghẻ, cùng Vũ thì hay đau mắt, Tử vi ít ốm, cùng Liêm và Linh, Hỏa, Kinh, Đà chân tay có thương tích.

Văn xương, Văn khúc ở một mình không có chính tinh thì ít ốm đau và ít tai nạn – cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp hay có tai nạn và ốm đau luôn.

Tả phụ, Hữu bật ít tai nạn và không hay ốm đau, cùng các sao xấu thì hay ốm và có tai nạn.

Lộc tồn còn bé hay ốm đau nếu cùng các sao tốt thì ít ốm, cùng sao xấu chân tay có tật, nhưng sống lâu.

Kinh, Đà đắc địa một mình không chính tinh, có chứng lở ở đầu và chân tay yếu ớt, đầu mặt và môi hay lở, răng sứt thì mới sống lâu được.

Linh, Hỏa ở một mình không có chính tinh mà đắc địa thì ít tai nạn và khỏe mạnh.

Đẩu quân gặp sao tốt thì tốt, gặp sao xấu thì ốm đau luôn và hay có tai nạn.

THIÊN RI

Tử vi đắc địa cùng g Tả, Hữu, Khôi, Việt ra ngoài nhiều người danh giá giúp đỡ mà làm nên – cùng Phủ cũng thế, cùng tướng ra ngoài phát tài – cùng Phá có người danh giá yêu mến – cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Quan phù, Quan phủ, Thiên hình, Phục binh, Đại tiểu hao ra ngoài chẳng ra gì, tán tài và hay sinh sự lời thôi, đi không lại về rồi, Thiên ri giúp Lộc tồn, Hoá lộc ra ngoài làm giàu.

Thiên cơ ra ngoài mới hay, nếu ở nhà hay có miệng tiếng – cùng cự có đi mới tốt – cùng Lương ra ngoài được vừa ý – cùng Âm làm sự bình tĩnh thì hay, cùng Kinh, Đà, Linh, Hỏa ra ngoài không yên hay rất rối.

Thái dương ra ngoài phát phúc – cùng Âm cứ bình tĩnh ở yên một chỗ mới tốt – cùng Cự khó nhọc vất vả – cùng Lương thì tốt nếu cùng các sao Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Tuần, Triệt không được yên thân.

Vũ khúc ra buôn bán chỗ thành thị thì phát tài – cùng Tham làm lái buôn và ngoài 30 thì giàu – cùng Sát, Phá khó nhọc vất vả – cùng Tướng ra ngoài tốt, nếu cùng các sao xấu thì chẳng ra gì và hay bị lời thôi.

Thiên đồng ra ngoài gặp quý nhân giúp đỡ, cùng cự phải lo nghĩ nhiều – cùng Âm hoặc Lương cũng tốt – cùng cùng các sao xấu không mấy khi được vừa lòng.

Liêm trinh ra ngoài gặp người danh giá giúp đỡ, cùng Liêm hoặc Vũ thì buôn bán chỗ đông người mới phát tài.

Thái âm hoặc Thái dương đắc địa ra ngoài thì phát tài tốt lắm, cùng Đồng tay trắng làm nên giàu.

Tham táng đắc địa ra ngoài ở chỗ đông người thì tốt, cùng gLiêm ra ngoài cũng khá – cùng vũ thì buôn bán nhưng ngoài 30 mới giàu, nếu cùng Kinh, Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa, Đại,

tiểu hao mà hạn đến cung ấy ra ngoài bị trộm cướp lấy hết của – cùng Mã, Đà, ở cùng Hợi ra ngoài bị què.

Cự môn ra ngoài ai cũng ghét và phải lo nghĩ luôn luôn, cùng Dương hoặc Cơ thì tốt, cùng các sao xấu hay sinh lời thôi, nếu cùng Thái tể, Quan phủ, Thiên hình có khi bị tù tội.

Thiên tướng ra ngoài có người danh giá giúp đỡ – cùng gtu cũng tốt, cùng vũ ra ngoài buôn bán phát tài – cùng gLiêm cũng khá, nếu cùng các sao xấu thì cũng chả ra gì và hay sinh lời thôi

Thiên lương ra ngoài gặp người danh giá giúp đỡ – cùng gCơ hoặc đồng cũng tốt nhưng nên làm thợ thì phát tài.

Thất sát phải ở ngoài luôn thì khá – cùng Liêm và các sao xấu thì chết đường – cùng Tử vi ra ngoài được vừa ý, cùng các sao xấu thì hay sinh ra chơi bởi du đãng chả ra gì.

Phá quân ra ngoài khó nhọc vất vả – cùng Tuần, Triệt thì chết đường – cùng Tử vi thì tốt – cùng Liêm chả ra gì, cùng các sao xấu chỉ nên làm thợ thì tốt – cùng các sao Văn xương, Văn khúc, Vũ khúc thì hay thích đi du lịch.

Khôi, Việt khoa, Quyền, Lộc, Tả, Hữu, Lộc tồn ra ngoài làm nên danh giá, giàu có và hay được người danh giá giúp đỡ.

Thiên phủ ở Thiên rì giáp Âm, Dương đắc địa ngoài làm giàu, giáp Tả, Hữu mà ở giữa có Thiên phủ hoặc Tử vi ra ngoài cũng làm nên danh giá và nhiều người giúp đỡ – giáp An quang, Thiên quý cũng hay có người làm ơn cho mình.

Gặp sao đắc địa, miếu vượng lại hợp Mệnh thì tốt – nếu hãm địa lại khắc mệnh thì xấu, nên suy xét cẩn thận vì số Tử vi khó xem lắm, tuy rằng gặp sao hãm địa, nhưng sao cùng với sao ấy lại đắc địa và hợp thì tốt.

XEM SỐ TRẺ CON

Trẻ con mới đẻ lấy số thì xem các sao có Miếu, Vượng hoặc đắc địa không và xem có bị sao ở Mệnh bố nó có khắc sao ở mệnh nó không, nếu sao ở mệnh bố khắc sao ở Mệnh con và sao ở mệnh con lại xấu và cùng các sao ác sát như là Không, Kiếp, Linh, Hỏa, Kinh, Đà, Tuần, Triệt, hoặc phải giờ Kim xà Thiết tảo, hoặc phải giờ quan sát thì khó nuôi, nhưng tuy rằng phải giờ Quan sát, hoặc Kim xà Thiết tảo nhưng Mệnh có Tử, Phủ, Lộc tồn, Họa lộc, đắc địa mà đồng bạn gặp Thái tuế đi cùng các sao tốt thì chỉ hay bị ốm đau, nhưng nuôi được.

Trẻ con tuổi Dần, Ngọ, Ty, Dậu mà đẻ giờ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì xấu lắm – tuổi Tý, Thân, Hợi, Mão thì xấu vừa – tuổi Dần, Ty, Hợi đẻ giờ Ngọ, Thân, Dậu thì khắc bố, nhưng ngoài 16 tuổi thì không khắc nữa – Tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi đẻ giờ Tý, Ngọ, Mão, Thân, Hợi thì khắc mẹ.

GIỜ QUAN SÁT

Những tuổi đẻ giờ gì thì phạm giờ Quan sát

Tháng	Giêng	để giờ	Tị	thì phạm giờ	Quan sát
»	Hai	»	Thìn	»	»
»	Ba	»	Mão	»	»
»	Tư	»	Dần	»	»
»	Năm	»	Sửu	»	»
	Sáu	»	Tý	»	»
»	Bảy	»	Hợi	»	»

»	Tám	»	Tuất	»	»
»	Chín	»	Dậu	»	»
»	Mười	»	Thân	»	»
»	Mười một	»	Mùi	»	»
»	Mười hai	»	Ngọ	»	»

TÍNH GIỜ KIM XÀ THIẾT TỎA

Muốn biết trẻ con mới sinh có phạm giờ Kim Xà Thiết Tỏa hay không thì khởi sự cung Tuất là năm Tý, tính thuận đến năm sinh, đuang vào cung nào, lại bắt đầu từ cung ấy tính là tháng giêng, tính nghịch đến năm sinh, đúng vào cung nào thì bắt đầu từ cung ấy là giờ Tý tính nghịch đến giờ sinh:

Con gái trúng vào cung Thìn hay Tuất.

Con gái trúng vào cung Sửu hay Mùi, thì phạm giờ Kim Xà Thiết Tỏa nghĩa là khó nuôi.

Tuy thế nhưng tuổi bố sinh phải giờ Kim Xà Thiết Tỏa thì con dẫu phạm giờ cũng không ngại gì, chỉ hiểm đứa trẻ hay quặt quẹo mà thôi.

TỊ	NGỌ	MÙI Con gái ky cung này	THÂN
THÌN Con gái ky cung này	Tính Giờø Kim Xaø Thieát Toûa Năm tính thuận Tháng – nghịch Ngày – Thuận Giờ – nghịch		DẬU
MÃO			TUẤT Con gái ky cung này
DẦN	SỬU Con gái ky cung này	TÝ	HỢI

THUẬN

NGHỊCH

Nam ky Thìn, Tuất – Nữ ky Sửu, Mùi

**HÌNH GIÁNG TÍNH NẾT NGƯỜI
TUỖ THEO SAO THỦ MỆNH**

1. Tử vi thủ Mệnh thì người tầm thước, da dâu, chính chực và phúc hậu.
2. Thiên cơ người không cao, không thấp, hiền lành và khéo mọi nghề.

3. Thái dương thì người đẹp, lông mi cầu vồng, tính ngay thẳng.
4. Vũ khúc thì bé nhỏ có nhiều nốt ruồi và tính quả quyết.
5. Thiên đồng người phúc hậu hiền lành nhưng tính hay cạnh cãi.
6. Liêm trinh thì người miệng rộng, cổ cao tính hay cạnh tranh chỉ thích hơn người.
7. Thiên phủ hãm địa thì người đen và to nhớn, tính cần kiệm.
8. Thái âm thì người đẹp tính dịu dàng tử tế và giỏi dang.
9. Tham lang nhập miếu thì đẹp tính giỏi dang, hãm địa thì bé nhỏ, tính hay chơi bởi dâm đảng.
10. Cự môn thì người vừa phải mặt hay có vết, tính chua ngoa và điên đảo.
11. Thiên tướng mặt chữ điền, da đen tính thẳng hay rượu chè, giai gái.
12. Thiên lương thì người cao, đứng đắn, phúc hậu và đẹp đẽ.
13. Thất sát người vừa phải tính cương cường, lúc mừng, lúc giận thất thường, có mưu mẹo giỏi nhưng tính nóng.
14. Phá quân thì da đen lông mày xanh, và tính bướng bỉnh xảo trá.
15. Tử phủ đồng cung thì người phúc hậu và đẹp.
16. Tử, Tham thì người bé, to tiếng và tính tham lam.
17. Tử cùng Sát hoặc Phá thì người nham hiểm bề ngoài ăn nói ôn hòa.

QUYỂN II

TỬ VI CHỈ NAM QUYỂN II 14 SAO TO Ở CÁC CUNG

TỬ VI Ở CUNG BÀO (Huỳnh đệ)

Tử vi ở cung huỳnh đệ mà hợp lại mệnh lại đắc địa mà gặp sao tốt thì gặp sáu, bảy người anh em, cứ thêm một sao tốt là thêm một người, như là cùng Trừng – sinh thêm một người. Vì Tử vi là Dương cho nên nhiều anh em giai, nếu cùng các sát Âm lại ở cung Âm thì nửa giai nửa gái, nếu cùng Thiên tướng, song Lộc thì anh em giàu – cùng với Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Xương, Khúc thì anh em đỗ, làm nên và yêu mến nhau – nếu cùng Thái tuế, Quan phù, Quan phủ, Thiên hình thì hay sinh kiện tụng nhau bất hòa – Nếu cùng Thiên không, Địa không, Địa kiếp, Tuần, Triệt, Tang môn, Bạch hổ, Thiên khốc thì anh em có người chết trước có người nghèo hèn tàn tật.

TỬ VI Ở CUNG PHU THÊ

Tuổi Kim, Hỏa, Thổ mà gặp Tử vi đắc địa thì lấy nhau sớm con nhà danh giá, giàu có và ở với nhau lâu dài, yêu mến nhau suốt đời – Nếu cùng Thiên khôi thì lấy con trưởng có học thức, nếu cùng Thiên việt thì lấy con thứ có học thức – nếu cùng Xuyên, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc, Mã thì vợ hay chồng thì đỗ, làm nên giàu có – Nếu có Thiên mã, Hóa kỵ, Tuần hoặc Triệt thì vợ hoặc chồng bỏ nhau đi lấy người khác – cùng Bạch hổ, Thiên khốc, Tang môn thì chết trước – cùng Không, Kiếp, Đại, Tiểu hao thì chả ra gì, và lấy nhau không phải cưới nhau – cùng với Đào hoa ngộ Thai thì vợ chửa hoang hoặc nhân ngãi rồi mới lấy nhau – Người mình Thủy và Mộc thì hay sung sướng

TỬ VI Ở CUNG NỘ BỘC

Tử vi ở hãm địa lại cùng cá sao tốt thì đầy tớ và bạn tốt, nếu đắc địa lại cùng các sao xấu thì chả ra gì. Nếu nhà giàu, nhà cho vay nợ hoặc các quan hay là thầy học, gặp Tử vi thì đầy tớ và học trò danh giá, giúp đỡ mình.

TỬ VI Ở CUNG PHỤ MẪU

Người tuổi Kim, Thổ, Hỏa mà gặp Tử vi đắc địa lại cùng các sao tốt thì bố mẹ danh giá và thọ. Nếu hãm địa lại cùng các sao Không, Kiếp, Tuân, Triệt, Kinh, Đà thì bố mẹ không song toàn và trước thịnh sau suy. Nếu cùng Tang môn, Bạch hổ, Thiên khốc thì bố mẹ chết sớm. Tử vi ở cung Dương thì bố thọ ở cung Âm thì mẹ thọ.

THIÊN PHỦ Ở CUNG TÀI BẠCH

Thiên phủ ở cung đắc địa lại gặp tuổi Kim, Thổ, Hỏa lại gặp *Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Quyền, song Lộc* thì làm nên to và giàu. Nếu cùng *Vũ khúc* thì làm quan coi về tiền bạc, nhưng phải luồn lụy mới làm được. Cùng các sao xấu như *Là Không, Kiếp, Tuân, Triệt, Kinh, Đà* thì chỉ làm người hào phú nhướng rồi dần dần nghèo đi. Nếu cùng với *Thiên Phúc, Thiên Tài, Thiên Thọ, Tả Hữu* thì làm thầy thuốc. Nếu cùng *Thiên Y, Thiên Riêu, Hỏa, Linh, Hình* và *Bệnh Phù* thì làm thầy phù thủy. Có *Thiên phủ* gặp *Đế vượng* ở cung ngộ chỉ làm ruộng mà giàu có. *Thiên phủ* cùng với *Hỏa tinh, Tả phụ* thì làm thợ rèn mà giàu có. Có *Long trì, Mộc dục* là người chài lưới. Có *Khốc, Hư, Hỏa, Linh* là thợ làm đồ âm nhạc. Có *Tấu thư* là người đàn hát. Cùng *Tả, Hữu* và *Sao mộ* thì được nhiều người cho tiền. Có *Long, Phượng, Tướng quân* hay có người biểu súc vật. Có *Hỏa, Linh* cùng *Kinh dương* thì làm nghề đồ tể hay buôn bán thịt.

THIÊN PHỦ Ở CUNG QUAN LỘC

Nếu ở cung Miếu vượng hoặc đắc địa lại hợp mệnh, lại cùng với *khoa, quyền song lộc, xương, khúc, khôi, việt* thì đỗ và làm nên. Cùng *Vũ khúc* thì làm quan coi về kho nhưng phải luồn lụy mới làm được. Mệnh không có quý tinh mà cung Quan có *Quốc ấn, Phong cáo, Thiên tướng* cũng làm nên to được. Nếu khắc mệnh lại hãm địa và cùng với *Không, Kiếp* hoặc *Tuân, Triệt, Kinh, Đà* thì chỉ làm soàng thôi, mà phải cẩn thận có khi phải cách hoặc sinh yếu đau phải xin nghỉ dài hạn rồi sau đó mới lại ra làm việc.

Người tuổi Tý, Ngọ mà cung Quan ở Mão, Dậu thì cần phải có *Xương, Khúc* mới làm nên to được. Người tuổi Sửu, Mùi mà Quan lộc ở cung Tị, Hợi dù chẳng có *Lộc, Mã* cũng làm nên. Cung Quan ở tứ Mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) chỉ làm ruộng là phong lưu. Ở tứ Sinh (Dần, Thân, Tị, Hợi) thì làm quan. Cung Quan có *Văn tinh* và *Vũ khúc* hoặc *Thiên phúc song Lộc, Không, Kiếp* ở Tị hay Hợi đang là người thường dân được đặc cách ra làm quan to ngay.

Mệnh có sao *thai* phùng *Tử vi* người Tuổi, Dần, Thân đến năm Tị, Hợi được ra làm quan. Người tuổi Thìn, Tuất thì đến năm Sửu, Mùi được ra làm quan.

Cung Quan có *Thiên khốc* không có *Văn tinh* thì làm việc chậm thăng chức.

THIÊN PHỦ Ở CUNG TỬ VỨC

Tuổi Kim, Thổ và Hỏa gặp *thiên phủ* đắc địa lại cùng *xương*, hoặc *khúc*, hoặc *khôi*, hoặc *việt*, thì 5 con trai và làm nên. Nếu có *trường sinh* thì thêm một người là 6 và con thịnh vượng; người Mộc mà gặp *Phủ* hãm địa lại cùng *kinh*, *đà*, *linh*, *hỏa*, *không*, *kiếp*, *tuần*, *triệt*, *hình*, *khốc*, *hư* và *đẩu quân*, *phi liêm*, thì hay hình khắc tuy dễ năm sáu bận cũng chỉ còn 2, 3 người. Nếu ngộ *bạch hổ*, *thiên khốc* cũng hay dễ nhiều nuôi ít. Nói tóm lại *thiên phủ* ở Tử tức cứ theo như Huỳnh đệ mà suy sẽ hiểu.

THIÊN PHỦ Ở CUNG PHÚC ĐỨC

Tuổi Thổ, Kim, Hỏa gặp *Phủ* đắc địa thì cả đời sung sướng và thọ. Tuổi Thủy, Mộc lại gặp nhiều sao xấu như là: Tứ sát tứ là *kinh*, *đà*, *linh*, *hỏa*, và *không*, *kiếp*, *tuần*, *triệt* và *đại tiểu hao* thì vất vả. Nếu gặp phúc tinh như là: *thiên đức*, *nguyệt đức*, *thiên quan*, *thiên phúc* cùng với *trường sinh* thì mình và họ hàng đều thịnh vượng. Nếu có song *Lộc* và *Mã* thì mình và họ hàng giàu, nếu có quý tinh như là: *xương*, *khúc*, *khoa*, *quyên*, *khôi*, *việt* thì mình và họ hàng đỗ và làm nên. Nếu có *Hình*, *Kỵ* nhiều người có bệnh tật, có *Tang*, *Cô*, *Quả*, *Khốc*, *Hư* nhiều người hiếm con, hoặc tuyệt tự, hoặc sinh ra biệt phái mỗi người một nơi. Có *Mã* ngộ *Không* cũng thế. Có *tướng quân* hoặc *phục binh* ngộ sao *tử* có người chết đường hoặc chết trận. Tuy có sao *thiên phủ* và các sao tốt, mà lại có *không*, *kiếp*, *tuần*, *triệt* hoặc sao *tử* hoặc *tuyệt* thì trước thịnh sau suy dần đi.

THIÊN PHỦ Ở CUNG THIÊN RI

Người tuổi Thổ, Kim Hỏa có thiên phủ cung *Khoa*, *Quyên*, *Khôi*, *Việt*, *Xương*, *Khúc*, song *Lộc* và *thiên mã tử*, *Hữu* ra ngoài làm nên và giàu. Người tuổi Thủy, Mộc lại gặp *Kinh*, *Đà*, *Kiếp*, *Không*, *Tuần*, *Triệt*, *Hình*, *Kỵ*, ra ngoài chả ra gì, và hay tán tài lắm. Nói tóm lại cứ xem các sao cùng với thiên phủ ở Mệnh thế nào thì ở *Thiên ri* cũng thế.

THIÊN PHỦ Ở CUNG ĐIỀN TRẠCH

Nếu hợp Mệnh mà cùng với vũ khúc song *Lộc* thì tổ nghiệp để cho nhiều. Nếu có *Xương*, *Khúc*, *Tấu thư*, *Phượng* các chính mình tậu được. Cùng *Hình*, *Kỵ*, *Quả tú*, *An quang* thì ruộng nương tốt lắm và có người để cho ruộng hoặc nhà. Nếu ngộ *Long trì*, *Mộc dục*, *thanh long* thì có nhiều ao và ruộng sâu. Có *Đào Hồng tấu Phượng* thì nhiều nhà đẹp. Có *Lang*, *Am* được cửa vô tự để cho. Có *Đế vượng* thì nhà ở thịnh vượng. Nếu tuổi Thủy, Mộc lại Gặp *Kiếp*, *Khong Tuần*, *Triệt*, hoặc *Đại* hay *tiểu hao* dù có tổ nghiệp để cho cũng ban hết. Nếu có *Khốc* hoặc *Hư* nhà cửa bị mối mọt. Ngộ *Hổ* nhà cũ để cho mình hoặc tậu nhà cũ. Ngộ *lính* hoặc *Hỏa* cùng *tang môn* phòng cháy nhà. Có *Không*, *Kiếp* thì phá hết lại có. Nếu cùng *Không*, *Kiếp*, *Tuần*, *Triệt* lại cùng sao *Tử* hoặc *Tuyệt* tuy nhà trước thịnh sau suy dần. Nói tóm lại *Thiên phủ* chủ về *Điền trạch* dù gặp sao xấu cũng vẫn có nhà ruộng.

THIÊN PHỦ Ở CUNG GIẢI ÁCH

Nếu mệnh thổ, Hỏa và Kim lại cùng các sao *thiên tai*, *thiên thọ*, *tả*, *hữu*, *khôi*, *việt*, *thiên giải*, *giải thần*, *Đại*, *tiểu*, *hao Tuần*, *Triệt*, thì sống lâu và ít bệnh tật, ít tai nạn. Tuổi Thủy, Mộc lại gặp *Kinh*, *Đà*, *Linh*, *Hoả*, *Kỵ* thì hay, có chứng dương hư và nhiều tật bệnh khác nữa. Nếu có

Đào, Riêu, Hỷ hay nằm mơ thấy yêu quái. *Thiên phủ* ở ngũ tạng gọi là lá lách, ở ngoài gọi là mắt, nếu gặp *Hình, Kỵ* hoặc *Bệnh phù* thì hay bị tỳ hư và hay có chứng tiết, tả và phong sang, mắt hay phù, nhưng không đến nỗi nguy vì *phủ* là phúc tinh.

VŨ KHÚC Ở CUNG PHÚC ĐỨC

Tuổi Kim, Thủy, Thổ mà gặp *Vũ* lại ở cung đắc địa mọi sự đều hay càng già càng phát đạt. Nếu cùng *Sát, Phá Tham*, thì phát võ. Cung tài có sao tốt như là song *Lộc*, thì giàu. Nếu *Vũ* cùng *Quyền, Tả, Hữu* thì họ phát hào trưởng trong làng (Chánh, Phó Tổng, Lý trưởng). *Vũ khúc* là mã bốn đời, nên theo như sao thiên phủ mà xem, nếu gặp sao tốt thì tốt gặp sao xấu thì xấu.

VŨ KHÚC Ở CUNG ĐIỀN TRẠCH

Vũ ở Điền lại đắc địa mà tuổi Kim, Thổ và Thủy lại cùng song *Lộc* thì sẽ tậu được từ 4 cho đến 40 hoặc 400 mẫu ruộng, từ 4 cho đến 40 cái nhà. Nếu hãm địa lại gặp tuổi Hỏa, mộc mà có các sao xấu như là: *không, kiếp, tuần, triệt, kinh, đà* thì bỏ làng đi nơi khác và không có nhà, ruộng. Ngộ *linh*, hoặc *hỏa* và *tang* thì nhà cháy. Cùng *hình, kỵ, kinh*, hoặc *đà* thì nhà ở có các đường đi qua và hay yếu đau. Nên theo như các sao cùng với *thiên phủ* mà xem.

VŨ KHÚC Ở CUNG PHỤ MẪU

Nếu đắc địa lại hợp Mệnh và cùng các sao tốt như là: *khoa, quyền, lộc, xương, khúc, khô, khô, việt, lộc tồn* và *mã* thì bố mẹ giàu sang và thọ. Nếu khắc Mệnh lại cùng *hình, kỵ* thì bất hòa; cùng *không, kiếp* thì nghèo, cùng *kinh, đà* thì có tật, cùng *tuần, triệt* thì không sông toàn hoặc bố mẹ mỗi người một nơi.

THIÊN CƠ Ở CUNG TỬ TỨC

Thiên cơ ở *Tử tức* thì được ba người con. Nếu có *Trường sinh, Đế vương* thì thêm lên. Nếu đắc địa và hợp Mệnh lại cùng *Khôi, Việt, Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc, Thiên Mã*, và *Lộc tồn* thì con đỗ, làm nên và giàu. Nếu hãm địa lại khắc Mệnh mà cùng *Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Kinh, Đà, Hỏa, Linh, Hình, Khốc, Hư, Tang, Hổ, Phỉ liêm* thì khó nuôi con lắm, vì *Thiên cơ* là cái cây mà ở hãm địa tức là cây không có rễ cho nên con yếu.

THÁI DƯƠNG Ở CUNG THIÊN RI

Thái dương đắc địa lại gặp tuổi Hỏa, Thổ, Mộc và đẻ ban ngày mà cùng các sao tốt như là: *Xương Khúc, Khoa, Quyền, Tả, Hữu, Khôi, Việt*, song *Lộc* và *mã* thì ra ngoài đỗ và làm nên to và giàu có nếu đẻ ban đêm gặp tuổi thủy và kim lại gặp các sao xấu như là: *Kiếp, Kinh, Đà, Hình, Kỵ*, thì chả ra gì và có tật. Nếu Mệnh vô chính diệu lại phùng tứ *Không* và *Thiên hư* thì là cách “NHẬT, NGUYỆT CHIẾU KHÔNG, HƯ, CHỈ ĐỊA” thì làm nên danh giá, phú quý lắm cung *Thiên ri* kị nhất *Đại, Tiêu Hao, Địa Kiếp, Thiên Hình, Hỏa Kỵ* rất xấu. *Thiên ri* ở *mão* có *Dương* và *Lương* ra ngoài phát phúc, cung cự ở *dần*, thân ra ngoài phát quý và thọ. *Quan phù, Hình, Phục, Khốc* và *thái âm* Sửu Mùi mà không có *Tuần, Triệt, Thiên không, Địa không* thì xấu lắm, *Thái dương* ở *Thiên Ri* ra ngoài nhiều người kính trọng.

THÁI DƯƠNG Ở CUNG PHÚC ĐỨC

Thái dương ở phúc đức mà đắc địa lại hợp Mệnh và có nhiều sao tốt thì chung thân danh giá sung sướng và thọ. Nếu hãm địa lại khắc Mệnh và cùng các sao xấu thì khó nhọc vất vả và yếu. Hoặc về già khổ sở, hoặc vợ chồng bỏ nhau. Tuy rằng Mệnh có Quý Tinh mà hãm địa lại cùng *Tham lang, Đại, tiểu hao* thì cũng xấu. Mệnh thổ mà gặp *Dương* ở phúc đức thì người ấy tự phúc đức bẩm sinh mà Mệnh có cát tinh thì người ấy làm quan to. Nếu *Dương* đắc địa lại cùng các sao xấu như là *Không, Kiếp, Tuân, Triệt* thì khoảng nữa không phải nữa. Nếu hãm địa mà gặp sao *Tử*, hoặc *Tuyệt, Đại, tiểu hao, tang môn, Cô, Quả* thì con trai hay bị độc đinh (như thế gọi là CÔ DƯƠNG)

Cung phúc ở *Dần, Thân*, gặp *Cự* thì chỉ phát xoàng chứ không làm quan được, chỉ ở *Mão* thì mới làm quan to, ở *Thìn*, *Ngọ* chỉ con trai làm nên, con gái chẳng ra gì. Ở *Tuất, Hợi, Tý* mà không có *tứ Không* thì con trai xấu. Nếu có *Đào, Hồng*, tức là cách, ĐÀO HỒNG HƯỚNG DƯƠNG, thì con gái lấy chồng đại quý. Như phúc đức có song lộc *hồng hỷ* và có *Thái dương* chiếu thì con gái lấy chồng danh giá giàu có, nếu có song *Lộc, Đào, Hồng, Riêu, Hỷ* cung *Thái dương* ở đấy thì con gái lấy vợ xa, giàu có danh giá. Nếu có *Thái dương* phùng *Cô, Quả, Tang Hình*, thì chỉ con trai hiếm thôi,

Nói tóm lại sao *Tái dương* với *Tái âm* như nhau cứ theo như ở các cung có *Thái âm* mà xem.

THIÊN ĐỒNG Ở CUNG TÀI BẠCH

Nếu đắc địa lại gặp tuổi Kim, Thủy, Mộc, cùng *Thái âm, lộc tồn* hoặc *hoa' lộc* thì hao tài thịnh vượng. Nếu khắc Mệnh lại hãm địa và cùng không, kiếp, tuân, triệt, kinh, đà thì tàn tài. Cùng *Khoa, Quyền, Khôi, Việt, Xương, Thiên phúc, Thiên thọ*, thì làm thầy thuốc có tài. Cùng *Lộc tồn*, làm ruộng mà có tài. Cung tài có *Thiên đồng*, thì không hạcnhj phát tài, và chỉ giàu về thóc lúa chứ không giàu về tiền bạc. Cùng *Đại, Tiểu hao* hay tán tài. Cùng *Hình, Kỵ, Lính* thì hà tiện mà làm giàu, cùng *Tang, Quả, Âm*, có người thưởng cho hoặc người vo tự để của cho, nhưng là của người đàn bà cho và là của phúc đức. Nếu có *Bệnh phù*, đà la hay có bệnh tật phải tán tài về tiền thuốc. Có *Quan phủ, Cự môn, Phục binh*, vì kiện tụng mà tán tài.

THIÊN ĐỒNG Ở CUNG QUAN LỘC

Nếu hợp Mệnh lại đắc địa và gặp sao tốt thì làm quan. Nếu khắc Mệnh và hãm địa thì không làm nên được, Tuổi Kim hoặc Thủy mà cùng *Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Lộc*, thì đỗ và làm Quan. Nếu cùng *Lương* ở *Dần, Thân* thì người ấy nhờ phúc đức mà làm nên danh giá, như người Hỏa hoặc Thổ mà gặp *Đồng Kỵ, Tang* dù có làm nên rồi cũng về mà chịu hư danh, tuy sách nói rằng: “*Cơ, Nguyệt Đồng, Lương*, tác Lai nhân,” nhưng gặp nhiều sao tốt cũng có thể làm nên quan to được.

THIÊN ĐỒNG Ở CUNG THIÊN RI

Nếu hợp Mệnh và khắc địa lại gặp nhiều sao tốt ra ngoài được sung sướng. Nếu hãm và khắc Mệnh thì ra ngoài chẳng ra gì. Tuổi Kim, Thủy gặp *Đồng, Lương* ở *Dần, Thân* gọi là cách Phúc Âm Đồng Lâm thì tốt lắm. Nếu tuổi Thổ và Hỏa gặp *Cự* ở *Sửu, Mùi* ra ngoài hay sinh khẩu

thiệt, quan tụng. Cung Thiên ri có *Nhật, Nguyệt*, hoặc *Tả Hữu*, giáp thì tốt lắm. Gặp *Khoa, Quyền, Lộc, Khôi, Việt, Xương, Khúc* thì ra ngoài đỗ và làm nên. Nếu có không, kiếp, chỉ long bông lêu lổng chả ra gì. Nếu có *Kinh, Đà, Lính, Hỏa, Hình, Kỵ* hay bị tai ách chả ra gì nhưng có *Tuân, Triệt* giải các sao xấu ấy đi thì lại tốt lên được.

Nếu Mệnh có nhiều sao tốt mà *Đồng* ở Thiên ri cùng các sao sát xấu thì không nên đi xa. Nếu Mệnh có *Hình* và các sao mà Thiên ri có *Đồng* đắc địa lại cùng các sao tốt thì đi ra ngoài tốt hơn ở nhà.

THIÊN ĐỒNG Ở CUNG GIẢI ÁCH

Như hợp Mệnh lại đắc địa và cùng các sao như là: *Lương, Quan, Phúc, Thọ, Giải thần, Thiên giải, Đại, Tiểu hao, Tuân, Triệt* thì ít yếu đau. Nếu hãm địa khắc Mệnh lại cùng các sao như là: *Kinh, Đà, Hình, Kỵ* thì hay ốm đau và có tật. Nếu cùng các sao *Riêu, Đà, Hình, Hỏa* thì có bệnh hoa liễu, hoặc *Đào, Hồng, Riêu, Hỷ*, cũng thế, nên tùy theo sao xấu tởm mà xem. Như *Thiên đồng* ở ngũ tạng là quả bồ dục, ở mình là lưng hoặc là hạ bộ. Nếu gặp *Bệnh phù, Thiên hình* thì có bệnh phong sang. Nếu thêm các sao *Mộc dục, Thanh long* thì hay có bệnh phù thũng. Gặp *hình* và *Kinh dương* thì ở lưng hoặc bụng có tỷ thương. Cung giải có sao *Thiên đồng* là Phúc tinh thì ít ốm đau.

LIÊM TRINH Ở CUNG QUAN LỘC

Nếu tuổi Hỏa, Thổ hoặc Mộc mà có *Liêm* đắc địa lại cùng các sao tốt thì hoành phát công danh về đẳng võ. Nếu hãm địa lại gặp tuổi Kim, hoặc Thủy và cùng các sao xấu thì chả ra gì, hoặc chỉ làm lính mà dung thân.

Mệnh có *Vũ, Tham, Sát, Phá* mà cung quan có *Liêm* đắc địa thì làm đẳng võ hách lắm, Mệnh có *Kinh, Đà, Lính, Hỏa, Kiếp, Không* mà cung quan có *Liêm* thì cả ra gì. Nếu hợp Mệnh lại đắc địa mà cùng *khoa, quyền, khôi, việt, tả, hữu, song lộc* thì làm nên quan võ to và giàu có. Nếu cùng *sát, hình, kỵ, tang* thì hay bị tù tội. Nếu cùng *bạch hổ lính, hỏa* cũng hay bị tù tội. Nếu có *tuân* triệt thì giải được. Cùng *thiên phủ, phục, binh đại, tiểu hao* khó nhọc vất vả, mới có thể làm nên được nhưng công danh trắc trở hay phải giáng phải cách.

LIÊM TRINH Ở CUNG TÀI BẠCH

Nếu hợp Mệnh và đắc địa lại cùng *Song Lộc, Thiên mã* và *Thiên phủ* thì ở chỗ đông người mà khó nhọc mới làm nên giàu được nhưng cũng không bền. Nếu hãm địa lại Khắc Mệnh mà cùng *Không, Kiếp, Đại, tiểu hao* thì hoạch phát lại hoạch phá, lúc có lúc không. Như cung *thiên phủ, thiên tướng* chiếu về cung tài nên ra ngoài thì phát tài. Nếu cùng với *phủ* ở *mão, dậu* thì tuy có tài lại hay tán. Nếu có thêm *hình* và *phục binh* hay bị trộm cướp lấy mất của, mà có khi vì của mà bị hại. Cùng *tham* ở *tị, hợi* chỉ buôn bán tham lam, khó nhọc mà kiếm tiền nhưng cũng không bền. Nếu có *Bạch hổ* thì bị hại về một cách thương sót. Nhưng có *Quan phủ, Phục binh* vì tham tang mà bị lôi thôi, chỉ ở cung Thân thì có thể lần giàu vĩnh viễn được.

LIÊM TRINH Ở CUNG THIÊN RI

Tuổi *Hỏa*, *Thổ* hoặc *Mộc* mà gặp *Liêm* đắc địa lại cùng *Thiên phủ*, *Tả*, *Hữu*, *Khoa*, *Quyền* ra ngoài làm nên danh giá lừng lẫy. Nếu cùng song *Lộc* ra ngoài đại phát tài, người mình *Kim*, *Thủy* gặp cùng *Liêm* hãm địa lại cùng các sao *Hình*, *Kỵ*, *Đại*, *Tiểu hao* ra ngoài vất vả không nhất định chỗ ở nào mà hay bị trách oán và tai nạn.

Người nào có *Liêm* ở thiên ri thì cả đời chỉ thích đi. Nếu cùng *Thất sát* thì chết đường, nếu có *Thiên việt*, *hỏa linh* thì sét đánh hay điện giật hoặc cây gãy đè phải, nhưng có *Tuân*, *Triệt* thì không việc gì, nhưng cũng là du dương. Nếu cùng *Xương*, *Khúc* thì chả ra gì, sẽ bị bất đắc kỳ tử (chết về tai nạn rủi ro).

THIÊN LƯƠNG Ở CUNG QUAN LỘC

Tuổi *Thủy*, *Hỏa*, *Mộc* mà gặp *Lương* đắc địa lại cùng các sao tốt như là *Thái dương*, *Khôi*, *Việt*, *Tả*, *Hữu*, *Khoa*, *Quyền*, *Lộc* thì đỗ và làm nên to. Nếu khắc mệnh lại hãm địa mà gặp *Kình*, *Đà*, *Hình*, *Kỵ*, *Đại*, *Tiểu hao*, *Không*, *Kiếp* thì chả ra gì, dẫu có làm nên cũng bị cách. Nếu hãm địa lại cùng *Tả*, *Hữu*, *Thiên tài*, *Thiên thọ* thì làm thầy thuốc. Cùng *Cơ*, *Quan phù*, *Qệnh phù* là thầy phù thủy. Nếu có *Tuân*, *Triệt* thì nhà ấy có thờ tự gì thiên lăm cho nên nổi tiếng là thầy cao tay. Nếu thêm có song *Lộc* thì làm thầy mà giàu có. Nếu có *Đại*, *Tiểu hao*, *Không*, *Kiếp*, *Kình*, *Đà* thì nghèo.

THIÊN LƯƠNG Ở CUNG TÀI BẠCH

Nếu hợp Mệnh lại đắc địa mà cùng *Lộc tôn*, *Hoá lộc*, *Khoa*, *Quyền*, *Khôi*, *Việt*, *Xương*, *Khúc* thì làm nên và giàu có. Nếu khắc Mệnh và hãm địa lại cùng các sao xấu như là: *Đại*, *Tiểu Hao*, *Không*, *Kiếp*, *Kình*, *Đà*, *Tuân*, *Triệt*, phá toái thì tán tài. Nếu có *Hoá kỵ*, *Quả tú*, *Cô thân*, *Linh*, *Hỏa* thì lại có nhiều tiên, nhưng cũng tán, lúc có lúc không. Như có *Thiên riêu*, *Thiên y* thì hay cờ bạc mà tán tài. Có *Đào*, *Hồng* thì vì mê gái mà tán tài.

THIÊN LƯƠNG Ở CUNG THIÊN RI

Thiên lương đắc địa lại hợp Mệnh thì là người buôn bán to. Nếu có song *lộc* thì buôn bán mà làm giàu. Có *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt*, *Khoa*, *Quyền*, *Tả*, *Hữu* thì ra ngoài làm nên danh giá. Nếu cùng *Thái dương* ở *Mão* thì nhiều người kính trọng. Có *Thiên hình*, *Hoá kỵ*, *Không*, *Kiếp*, *Kình*, *Đà*, *Quan phủ*, *Quan phù*, *Đại*, *Tiểu hao* ra ngoài chả ra gì, hay sinh quan tụng mà tán tài và ai cũng ghét.

THIÊN TƯỚNG Ở CUNG QUAN LỘC

Nếu đắc địa lại gặp tuổi *Thủy*, *Mộc* hoặc *Kim* mà cùng với *Tử vi*, *Tả*, *Hữu* thì làm nên to. Nếu cùng *Khoa*, *Quyền*, *Khôi*, *Việt*, *Xương*, *Khúc* thì đỗ và làm nên. Nếu cùng song *lộc* cũng làm nên to và giàu lắm.

Nếu hãm địa lại gặp tuổi *Hỏa* hoặc *Thổ* thì không làm to được. Nếu cùng các sao tốt thì chỉ buôn bán cũng danh giá và có phẩm hàm. Cùng các sao xấu như là *Hình*, *Kỵ*, *Đại*, *Tiểu hao* dẫu có làm nên chức nhỏ cũng bị cách, dù *Thiên tướng* có đắc địa lại cùng các sao tốt mà gặp *Tuân*, *Triệt* cũng bị ách.

Nếu *Thiên tướng* hãm địa lại cùng *Tả, Hữu, Thiên Tài, Thiên tho, Thiên y, Thiên riêu* thì làm thầy thuốc và nổi tiếng là danh sư. *Thiên tướng* ngộ khốc, hự thì làm thầy địa lý. Nếu gặp *tả phụ, Hỏa tinh* thì làm thợ rèn. Gặp *Long trì, Mộc dục* thì làm nghề thuyền chài.

THIÊN TƯỚNG Ở CUNG TÀI BẠCH

Nếu đắc địa lại hợp Mệnh và cùng các sao tốt như là: *Khôi, Việt, Xương, Khúc, Quyền, Song Lộc, Long, Phượng, Thai, Toạ* thì làm nên to bà giàu. Nếu khắc Mệnh và hãm địa lại ngộ *Không, Kiếp, Đại, Tiểu hao, Tuần, Triệt* thì nghèo. Nếu có *Cô, Quả, Hỏa, Linh* thì lại có tiền nhưng cũng tán tài lắm. Nếu cùng *Thái tuế, bạch tuế, bạch hổ, Quan phủ, Thiên hình* cùng với *Kình* hoặc *Đà*, thì hay bị tán tài vì kiện tụng. Nếu có phục binh cũng bị kiện tụng mà tán tài hoặc mất trộm, mất cắp, hoặc có người lừa đảo. Nếu *Thiên tướng* cùng tấu thư thì làm nghề đàn hát mà kiếm tiền. *Ngô Hồng, Vũ* thì làm thợ may mà kiếm tiền. Tuổi Ất mà có *Kiếp, Không*, ở tài thì nghèo khổ suốt đời.

THIÊN TƯỚNG Ở CUNG THIÊN RI

Nếu hợp Mệnh mà có *Thiên tướng* ở cung *Thiên ri* có *Lộc, Mã* ra ngoài là người đại phú thương. Nếu gặp *song lộc* và *Thiên mã* cùng *Tả, Hữu, Khoa, Quyền*, thì làm nên to và giàu lắm. Nếu khắc Mệnh và hãm địa lại cùng các sao xấu như *Không, Kiếp, Kình, Đà, Tuần, Triệt, Đại, tiểu hao* thì nghèo hèn. Nếu cùng *Hóa kỵ, hình, Quan phủ, Thái tuế, Liêm trinh* thì hay bị tù tội. Nếu gặp *Phục binh, Thiên hình, Lộc, Mã* và *Địa kiếp* tuy buôn bán làm giàu nhưng phải phòng trộm cướp đâm chém mà cướp tiền.

THAM LANG Ở CUNG QUAN LỘC

Mệnh, thủy, mộc, hỏa mà gặp *Tham lang* cùng *Hỏa* hoặc *Linh* ở *Mão, Dậu* lại cùng *Tử vi* thì làm quan to. Nếu cùng *Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc* thì đỗ cao và làm nên to lắm. Nếu hãm địa lại gặp tuổi *Kim* hoặc *Thổ* mà cùng các sao xấu như là: *Không, Kiếp, Tuần, Triệt, Kình, Đà, Đại, tiểu hao, Hóa Kỵ* thì không thể làm gì nên được.

THAM LANG Ở CUNG TÀI BẠCH

Nếu hợp Mệnh lại đắc địa mà gặp *tham* ở cung *thìn*, *tuấn* thì hoạnh phát. Nếu cùng *song Lộc* thì chóng giàu lắm. Nếu cùng *Khoa, Quyền, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Cô, Quả, Hỏa, Linh, Đẩu quân* thì làm nên và giàu lắm. Nếu hãm địa lại khắc Mệnh và cùng các sao xấu như *Không, Kiếp, Kình, Đà, Tuần, Triệt* thì lúc có lúc không vì *tham* chủ về tài cho nên lúc nào cũng có tiền, chỉ vì tán quả cho nên không giàu được.

THAM LANG Ở CUNG THIÊN RI

Nếu hợp Mệnh lại cùng *Linh, Hỏa*, và *Tử vi* thì ra ngoài làm nên danh giá lắm. Nếu cùng *Khoa, Quyền, Khôi, Việt, Tả, Hữu* thì đỗ và làm nên. Cùng *song Lộc* và *Thiên mã* thì ra ngoài chỉ buôn bán mà làm giàu.

Nếu khắc Mệnh lại hãm địa mà cùng với các sao xấu như là: *Không, Kiếp, Tuân, Triệt* thì ra ngoài chả ra gì, đi không lại về rồi. Nếu cùng *Đại, tiểu hao* ra ngoài tán tài lắm. Cùng *Liêm* ở Tý, Hợi và *Thái tuế, Hình kỵ, qua phủ* ra ngoài hay bị tù tội, vì người ta ghét lắm. Nếu Tham hãm địa cùng với *Lộc, Mã* chỉ nên buôn bán thịt thì giàu. Nếu cùng *Vũ khúc* và *Lộc* thì ngoài bà mười tuổi sẽ là người đại phú thương.

CỰ MÔN Ở CUNG QUAN LỘC

Tuổi Thủy, Kim, Mộc gặp cự môn đắc địa như là ở cung Tý hoặc Ngọ lại cung *Khoa, Quyền, Lộc, Việt, Tả Hữu, Xương, Khúc* thì đỗ và làm nên to. Nếu tuổi Thổ hoặc Hỏa gặp Cự hãm địa lại cùng *Không, Kiếp, Đại, tiểu hao* hoặc *Hoá kỵ* hoặc *Tuân, Triệt* thì cả ra gì, dẫu có làm nên cũng phải cách. Tuy rằng Cự ở Thìn, Tuất gặp Kỵ rất xấu, đến năm Thìn hoặc Tuất phải phòng sông nước không thì chết đuối, nhưng tuổi Tân thì lại tốt lắm. *Cự môn* ở Quan lộc làm việc quan hay bị lỗi thời kiện tụng.

CỰ MÔN Ở CUNG TÀI BẠCH

Nếu hợp Mệnh, đắc địa lại cùng các sao tốt như là: *Khoa, Quyền, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Long, Phượng, Thai, Toạ, Quang, Quý* thì đỗ và làm nên. Nếu cùng *Song lộc, Cô, Quả, Đẩu quân* thì khéo giữ tiền và trở nên nhà đại phú. *Cự* ở tài thì hay phải nghĩ ngợi mới có tiền. Nếu cùng với *Thái túê, Quan phủ* hoặc *quan phú* và *Đại, Tiểu hao, Không, Kiếp, Kinh, Đà*, thì hay bị quan tụng mà tán tài. Nếu hãm địa lại khắc Mệnh thì không thể giàu được, kiếm đồng nào lại tiêu hết đồng ấy.

CỰ MÔN Ở CUNG THIÊN RI

Nếu hợp Mệnh mà gặp Thái dương ở cung Dần cùng *Xương, Khúc, Khoa, Quyền, Khôi, Việt*, thì ra ngoài đỗ và làm nên. Nếu cùng *Lộc* và *Thiên mã* thì ra ngoài làm nên giàu. Nếu cùng Kỵ ở Thìn, Tuất thì bị chết đuối. Nếu có *Tả, Hữu* hoặc *Tuân, Triệt* thì có người vớt lên không việc gì. Có *Không, Kiếp* hoặc *Kinh, Đà* thì thể nào cũng chết. Nếu hãm địa lại khắc Mệnh mà cùng *Hình, Không, Kiếp, Quan phủ, Quan phù* hoặc *Thái tuế* thì ra ngoài đã chả ra gì lại còn bị quan tụng tù tội nữa. Nếu có *Tuân, Triệt, Thiên giải, Giải thân* thì giải bớt những sự xấu ấy đi. Nếu có *Phục binh* ngộ sao *Tử* thì sẽ bị chết trận hoặc chết đường.

THẤT SÁT Ở CUNG QUAN LỘC

Tuổi Hỏa, Thổ, Mộc mà gặp Thất sát đắc địa *Hoá quyền*, làm quan võ to lắm. Nếu ở Dần, Thân gặp *Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Long, Phượng, Thai, Toạ* thì văn võ đều giỏi và đỗ cao. Nên gặp tuổi Kim hoặc Thủy ăm gặp *Không, Kiếp, Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Tuân, Triệt*, thì chả ra gì, chỉ làm lính là cùng. *Liêm, Sát Sửu* Mùi gặp *Hóa kỵ, Thiên hình*, hay bị tù tội. Thất sát, ở cung Tý mà chiếu về cung Quan ở Ngọ lại có *Kinh, Hình*, ở đây cung hay bị tù tội.

THẤT SÁT Ở CUNG TÀI BẠCH

Nếu hợp Mệnh lại đắc địa mà cùng *Tử vi, Song Lộc* thì giàu lắm, nhưng rất rất, không dám làm sự gì trái phép mà lấy tiền bao giờ. Nếu gặp *Tả, Hữu, Khôi, Việt, Xương, Khúc, Khoa, Quyền*, thì ra ngoài đồ và làm nên to.

Nếu khắc Mệnh lại hãm địa mà cùng với *Liêm, Trinh* thì sẽ chết đường. Nếu có *Thiên Hình, Kinh, Đà, Không, Kiếp, Tuân, Triệt*, thì nghèo hèn, vất vả, mà hay bị người ta phản trắc mà bị chết hoặc bị tù tội mà chết. Nếu gặp *Linh, Hỏa, Hóa, Kỵ, Cốt Quả* thì lúc nào cũng có tiền nhưng vất vả khó nhọc mới kiếm ra tiền.

THẤT SÁT Ở CUNG THIÊN RI

Nếu hợp Mệnh và đắc địa lại cùng *Tử vi, Tả, Hữu, Hoa Cái, Hóa quyền* thì ra ngoài làm nên danh giá và nhiều người yêu mến. Nếu gặp *Khoa, Xương, Khúc, Khôi, Việt* thì đồ cao và làm nên danh giá, văn võ kiêm toàn. Nếu Thân cư Thiên ri mà gặp Sát ở Ngọ thì sẽ làm nên quan võ danh giá lắm.

Nếu khắc Mệnh lại ở cung Sửu, Mùi cùng *Liêm* thì sẽ chết đường. Nếu gặp *Hình, Kỵ* thì chết về tù tội. Cùng các sao xấu như là: *Không, Kiếp, Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Tuân, Triệt* ra ngoài vất vả, lận đận, nay đây mai đó chả ra gì và không ai giúp đỡ.

PHÁ QUÂN Ở CUNG QUAN LỘC

Nếu gặp tuổi Thủy, Mộc hoặc lại cùng các sao tốt, như là *Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu* thì đồ cao, văn võ kiêm toàn và làm nên to.

Nếu hãm địa lại khắc Mệnh và cùng các sao xấu như *Không, Kiếp, Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Tuân, Triệt*, thì nghèo hèn chả làm nên được. Cùng *Đại tiểu hao* làm việc hay bị trắc trở.

PHÁ QUÂN Ở CUNG TÀI BẠCH

Tuy đắc địa và hợp Mệnh lại cùng *Lộc tồn* hoặc *Hóa lộc* cũng hay tán tài lắm, kiếm được lắm lại tiêu nhiều ngoài ba mươi mới đỡ tan. Nếu ham địa lại khắc Mệnh mà cùng các sao xấu như *Kiếp, Không, Kinh, Đà, Tuân, Triệt, Đại, Tiểu hao, Phá toái* thì không mấy khi có tiền, tụ rồi lại tán ngay. Nếu gặp *Tử vi, cô quả, đầu quân hóa kỵ* thì lại giàu có. Cùng *Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Tam hóa* thì đồ, làm nên và giàu, nhưng cũng hay tán tài, vì phá quân chủ về việc hao tán.

PHÁ QUÂN Ở CUNG THIÊN RI

Nếu đắc địa lại cùng *Tử vi* tam *Hoa, Khôi, Việt, Xương, Khúc, Thai, Tọa, Long, Phượng, Tả, Hữu* thì ra ngoài nhiều người yêu mến kính trọng, đồ và làm nên quyền cao chức trọng. Nếu gặp *Khôi, Việt*, hoặc *Tả, Hữu* hoặc *Quang, quý* cũng làm nên danh giá.

Nếu hãm địa lại cùng *Tuân, Triệt* thì sẽ chết đường. Cùng *Liêm, Việt, Linh* và *Hỏa* mà không gặp *Triệt, Tuân* thì sẽ bị sét đánh hoặc cây gãy đè phải mà chết. Gặp *Hình, Kỵ, Kiếp, Không, Kinh, Đà* ra ngoài vất vả khổ sở.

Cùng *Linh Hỏa, Thiên mã, Tang môn* chỉ đi phiên lưu nay đây mai đó rồi sẽ bị bệnh lao mà chết. Ngọ *Bệnh phù Thiên hình* thì bị bệnh phong sưng mà chết. Ngọ *địa kiếp, tướng quân, Thái tuế, Hình, Đà* hoặc *Kinh* vì trộm cướp của người mà bị án chém.

CÁC SAO Ở CÁC CUNG SỐ CUNG PHỤ MẪU

1. *Tử, phủ* thì bố mẹ thọ và danh giá.
2. *Đồng, lương* bố mẹ thọ.
3. *Thiên phủ, phùng không, kiếp, tuần, triệt* bố mẹ không song toàn và nghèo.
4. *Xương, khúc, khoa, quỳên, lộc*, bố mẹ đỗ vì làm nên.
5. *Cơ, lương* ở thìn, tuất bố mẹ danh giá và thọ.
6. *Thái dương* từ Dần đến Ngọ thì bố mẹ giàu sang và thọ.
7. *Thái âm* thì từ Mùi đến Tý bố mẹ giàu sang và thọ.
8. *Thiên tướng, phùng tả, hữu*, cha mẹ danh giá và thọ.
9. *Sát, Phá, Tham, Liêm* thì bố mẹ không được song toàn.
10. *Cự môn* thì bố mẹ không được song toàn nếu gặp *kỵ* thì mình bà bố mẹ không hợp. Mệnh *Hỏa* thì bố bị ngã xuống sông hoặc ao, nếu có *tả, hữu, tuần, triệt* thì có người vớt lên ngay.
11. *Kình, Đà* thì bố mẹ có tật hoặc điếc hoặc mất và không song toàn.
12. *Không, Kiếp* thì nghèo hèn và chết sớm.
13. *Lộc mã* thì bố mẹ buôn bán làm giàu.
14. *Bạch hổ Tang môn* hoặc *Thiên khốc* bố mẹ yếu.
15. *Am, Dương* gặp *Tuần, Triệt* và *Không, Kiếp* thì bố mẹ chết sớm chết cùng một năm.
16. *Thiên cơ* ngộ *Tang* thì bố mẹ lìa nhau.
17. *Thái dương* hãm địa cùng với *Thanh long* thì bố chết đuối.
18. *Long trì, Mộc dục, Hỏa Tinh* cùng *Thái âm* hãm địa thì mẹ chết bỏng.
19. *Bệnh phù* ngộ *Thiên hình* cùng *Thái dương* hãm thì cha có bệnh phong.
20. *Thái âm* hãm ngộ *Tang, Hỏa* thì mẹ chết cháy.
21. *Tuần* hoặc *Triệt* và *Thiên mã* thì bố mẹ bỏ nhau.
22. *Cơ, Lương* ngộ *Thái tuế, Tang môn* cha mẹ lăm đều hay đánh chửi con.
23. *Phục binh, Thái tuế, Hóa kỵ* cha mẹ kiện nhau.
24. *Thái âm* ngộ *Thiên đức, Tả* hoặc *Hữu, An quang, Thiên mã, Thiên đồng* mẹ có nhiều của hồi môn.
25. *Thiên cơ* ngộ *Địa kiếp* bố mẹ bị lên đậu hoặc có bệnh Trĩ.

CUNG PHÚC – ĐỨC

1. *Hỷ thần, Thiên hỷ Thai, toạ* thì được đất, (kết)
2. *An quang* gặp thầy địa lý để đất giả ơn.
3. *Đào, hồng, ngộ, tuyệt* thì đất ấy không tốt.
4. *Triệt* thì có ngôi mả bị thất lạc.
5. *Lương* hoặc *Tham* thì sống lâu.
6. *Trường sinh Đế vượng* thì đa tình.
7. *Tang môn* và *cô, quả* trong họ có người vô tự.
8. *Quan phủ, Quan phù, Thái tuế* hay sinh kiện tụng nhau.
9. *Hóa kỵ* thì bất hóa.
10. *Cô quả* và *Lộc tôn* trong họ có người chỉ có một con.
11. *Quả tú, Tang môn* có người con gái goá chồng.

12. *Mã, Cơ, Lương* có con gái lẳng lơ.
13. *Phục binh* hoặc *Tướng quân* ngọ *Tử* (sao tử) có người chết trận.
14. *Đào, Hồng*, lại có *Lộc chiếu* về *Phúc đức* có con gái lấy chồng xa.
15. Trong *Phúc đức* có *Tấu thư* ngoài có *Đào, Hồng* và *Hóa lộc* có con trai lấy vợ xa.
16. *Mộ* gặp *Hỷ thần, Phá toái, Thiên quý* thì đất kết to lắm.
17. *Mộ* và *Đà* có người dễ trộm ở cạnh mả.
18. *Vũ khúc* gặp *Tuần* hoặc *Triệt* thì mộ ở đấy có đường đi khuất khúc.
19. *Tử vi* ở *Thìn*, *Tý* hoịu là mộ thượng tổ.
20. *Thái dương* là cha, ông hoặc cụ.
21. *Thiên đồng* là ba đời, *hãm địa* là 4 đời.
22. *Vũ khúc* là 5 đời.
23. *Thiên cơ* là 6 đời
24. *Liêm trinh* là 7, 8 đời. Nhưng sao đã kể ở trên thuộc *Dương Mộ*.
25. *Sát Phá* là *Tổ* xa đời.
26. *Thiên tướng* là 5 đời.
27. *Tham lang* là 6 đời.
28. *Thiên lương* là 8 đời.
29. *Cự môn* là 7 đời.
30. *Thái âm* là 2, 3, 4 đời.
31. *Phá* ngọ *Triệt*, *mộ* ở gần đường, các sao đã kể là âm mộ.
32. *Hỏa* hoặc *Linh* cùng *Tang* trong họ hay bị cháy nhà hoặc phải bỏng.
33. *Tham, Ky, Riêu* có người chết đuối.
34. *Đào, Thái* ngọ *Kiếp* có người con gái chữa hoang đem trầm cái thai đi.
35. *Riêu, Kinh, Hỏa* có người điên dồ.
36. *Phá quân* và *Thái tuế* có người bị kiện.
37. *Hình, Việt, Hỏa* hoặc *Linh* có người sét đánh.
38. *Thiên quan, Thiên phúc* mộ ở gần đình chùa.
39. *Khốc, hư* ở đất ấy có nhiều mả cũ.
40. *Khong, Kiếp* ở đấy là chỗ mộ các âm hồn.
41. *Riêu, Ky, Không* ở đấy bị nước ngập.
42. *Tướng, Phá, Triệt* ở trong *tiểu* có nhiều đất ngập cả xương.
43. *Tử vi* ở *Mão, Dậu* mộ dễ ruộng đền hoặ chùa.
44. *Lộc, Mã* thì giàu.
45. *Không* và *Đại, tiểu hao* thì nghèo.
46. *Quan phù*, phong cáo nhiều người trong họ được phẩm hàm.
47. *Thái tuế, Xương, Khúc* làm Chánh tống hoặc làm Thầy kiện.
48. *Mộ* ở *Thìn, Tuất, Sửu, Mùi* thì họ hàng thịnh vượng.
49. *Tử, Phù* thì đa đình và phúc hậu.
50. *Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc, Khôi, Việt* thì nhiều người đỗ và làm nên.
51. *Vũ, lộc* có người buôn bán hoặc làm thợ mà giàu.
52. *Hồng tử* phủ có người làm đến Công Hầu.
53. *Cự, kỵ* ở *Thìn, Tuất* thì trong họ có người chết đuối.
54. *Liêm, sát* có người chết đường.
55. *Triết* ngọ *Tử* (sao tử) cũng chết đường.

56. *Kinh*, *kỵ* có người hóa hủi.
57. *Thiên hình*, *Bệnh phù* thì bị bệnh phong.
58. *Phi liêm* ngộ *hồng loan* cung bị bệnh phong.
59. *Tấu thư*, *hồng loan* ở cung *Mộc* hoặc *Hỏa* có người bị bệnh ho lao.
60. *Thất sát*, *Kinh* và *Bệnh phù* nhiều người ghẻ lở.
61. *Thiên riêu* ngộ sao *Tử* ở cung *Thủy* lại cùng *Thanh long*, *Long trì* có người chết đuối.
62. *Mã* ngộ *Kiếp*, *Không* có người chết đường.
63. *Kinh* quan phủ cổ người trí trá gian xảo.
64. *Liêm*, *tham* ở *Tị*, *Hợi* hay có người bị tù.
65. *Xương*, *tham* ở *Dần* *Thân* cũng thế.
66. *Hỏa*, *lính* và *kinh dương* có người phải bỏng hoặc cháy.
67. *Tướng quân*, *Hình*, *Kinh* hoặc *Đà* có người chết chem.
68. *Thiên riêu*, *Tuế* cùng *đà* hoặc *Kinh* có người chết trận.
69. *Đà* ngộ *Dương* có người để trộm mả.
70. *Thiên đức*, *Nguyệt đức* và *Kỵ* đất thiên táng được làm *Thành Hoàng* (cứ xem sao to ở đây, vì có *Tử vi*, tức là ông tổ xa đời lam *Thành Hoàng*)
71. *Riêu* *kỵ* đất phạm hoàng toàn chết người.
72. *Bạch hổ*, *Thanh long* tức là *Long Hổ* chiếu về *Mộ* thì tốt lắm.
73. *Đào*, *hồng*, *Hoa* cái cùng *Tử vi* hoặc *Thái dương* có người trong họ lấy vua.
74. *Mã* ngộ *Tuần* có người bỏ làng đi nơi khác.

CUNG ĐIỀN TRẠCH

1. *Xương*, *Khúc*, *Khôi*, *Việt* ở nhà ấy rồi để con giỏi lắm.
2. *Tướng*, *phủ*, hoặc *Am*, *Dương*, hoặc *Cự*, *Cơ* thì nhiều nhà và ruộng.
3. *Lộc*, *Mã* thì buôn bán rồi tậu được nhà to lắm.
4. *Tuần*, *Triệt*, *Không*, *Kiếp* đã không có nhà ở, lại có khi nhịn đói.
5. Ở cung *Dần*, *Thân* ngộ *Không*, *Kiếp* dù gặp sao tốt cung xánh kiệt gia tài.
6. *Tham lang* ở *Hợi*, *Tý* tay trắng làm giàu, nhưng ba bốn lần mới thành.
7. *Đồng lương* *Tả* hoặc *Hữu* có nhà từ thuở nhỏ.
8. *Vũ tướng* có nhà để cho con mà con về sau lại tậu thêm được nhiều nữa.
9. *Hỏa*, *lính* thì bán hết nếu ở cùng *Hỏa*, *tang* thì cháy nhà.
10. Tuy có *Tuần*, *Triệt* ở cung *kim* cũng có nhà.
11. *Điền trạch* ở cung *Hỏa* lại gặp sao *Hỏa* thì cháy nhà.
12. Sao *Kim* ở cung *Kim* thế nào cũng có người bỏ đồ *kim* khi quốc cấm vào nhà mà bị lôi thôi.
13. Sao *Thủy* ở cung *thổ* thì bị nhà đổ.
14. Có nhiều sao *mộc* như *Thiên cơ* mà ở cung *Thủy* thì có thuyền, tức là thuyền chài.
15. Có nhiều sao *Mộc* ít sao *Kim* tức là người *Tiêu* phu cứ ở trong rừng luôn luôn.
16. *Đồng*, *Lương* thì nhà bán hàng thuốc.
17. Cung *Điền* ở *Tý* có *Thái âm*, con về sau có nhiều nhà và ruộng hơn bố.
18. Ở *Tị* có *Thái dương* cũng thế.
19. *Thiên hư* *phùng* *Địa kiếp* thì không có nhà mà đồ đạc cũng soàng lắm.
20. *Long*, *Phượng*, *Thai*, *Toạ* thì nhà ở nguy nga.

21. Cung *Điền* ở *Tứ mộ* (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) gặp *Thất sát* thì có nhà.
22. Có *Tuần*, *Triệt* thì bỏ làng đi nơi khác làm ăn và cũng tậu được cửa nhà.
23. *An quang* ngộ *Lộc* có người ngoài cho nhà hoặc ruộng.
24. *Tang*, *ân* và *đồng* cũng có người trong họ cho.
25. *Tấu thư*, *xương*, *khúc*, tự tay mình tậu.
26. *Thái tước*, *quan phù* ở nhà ấy hay sinh kiện tụng.
27. *Vũ khúc* ngộ *tả*, *hữu* vừa của bố mẹ để cho vừa của mình tậu được nhiều và ở dưới nhà ở có cửa chôn.
28. Cung *Điền* gặp *cô* hoặc *quả*, *hình* hoặc *kỵ*, *Đẩu quân* thì khéo giữ. Nếu có sao dữ ở đấy cũng không phải bán đi.

CUNG QUAN LỘC

1. Tuổi Kim mà vũ ở quan thì làm nên danh giá.
2. *Am*, *dương* cũng làm nên danh giá.
3. *Kiếp*, *không* hoặc *đại*, *tiểu hao* và *kỵ* khó mà làm nên giàu, có làm việc quan cũng bị cách.
4. Tuổi Âm nữ cung Quan có *hỏa* và *kiếp* thì chả ra gì.
5. Tuổi Tý, Ngọ mà gặp phải *Quan lộc* ở cung Mão, Dậu thì phải có *xương*, *khúc* mới làm nên được.
6. Tuổi Sửu, Mùi mà cung *Quan lộc* ở Ty, Hợi dù chẳng có *lộc*, mã, cũng làm nên được.
7. Cung Quan ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi chỉ nên làm ruộng thì phong lưu lắm.
8. *Thiên tướng* ngộ *quan*, *phúc* hoặc *tả*, *hữu* thì làm thầy thuốc
9. *Thiên tướng* ngộ *đào hoa* thì làm quan.
10. *Cung Quan* có *văn Tinh* lại có *vũ khúc* chiếu, tự nhiên đặc cách làm quan to.
11. Mệnh có *thai*, *Tử vi*, mà tuổi Dân, Thân thì đến năm Ty, Hợi ra làm quan.
12. Tuổi Thìn, Tuất gặp các sao ấy thì đến năm Sửu hoặc Mùi cũng ra làm quan.
13. *Thiên phúc* song *lộc* ở cung quan cũng thế.
14. Mệnh ở Thân, *Quan lộc* ở Tý, Mệnh ở Tuất, *Quan lộc* ở Dần cũng phải khó nhọc mới làm nên được.
15. *Thiên khốc* ngộ *văn Tinh* thì làm nên nhưng chậm thăng chức.
16. *Hoa cái* ở Quan thì làm việc quan chóng thăng chức, và hay được ở nhà mới làm.
17. *Thái dương* đắc địa cùng *văn xương* làm quan to.
18. *Tham*, *vũ* thì lắm liệt anh hùng.
19. *Dương* và các sao xấu như là *Kỵ*, *tuần*, *triệt không*, *kiếp* chỉ nương nhờ người mà ăn.
20. *Tấu thư*, *bác sĩ*, *lộc tồn*, thì hay làm việc về đẳng đơn từ hiếu má
21. *Lực sĩ*, *tướng quân* thì làm quan võ anh hùng.
22. *Đào*, *hồng cư* Tý thì đỗ sớm và làm nên sớm.
23. *Thân cư* *Quan* có *thiên phủ* giáp *nhật*, *nguyệt* cũng làm nên to.
24. *Thiên tướng* giáp *tả*, *hữu*, *thai*, *tọa* thì công danh sớm.
25. *Cơ*, *lương*, *quang*, *quý* ở Thìn, Tuất cũng làm nên.
26. *Quang*, *Quý*, *Xương*, *Khúc*, *Tả*, *Hữu*, *Thai*, *Tọa* hoặc *Khôi*, *Việt* cũng làm nên.
27. *Thiên lương* ở Ngọ và *Hóa quyền* cũng làm nên.
28. *Vũ*, *khúc*, *thiên phủ* ngộ *Quyền*, *Lộc* cũng làm nên to.

29. Cự môn ở Tý Ngọ gặp Tam hóa thì làm nên.
30. Thất sát ở Dần, Thân, Khoa, Quyền, Khôi, Việt thì làm nên
31. Phá quân ở Tý, Ngọ gặp Tả, Hữu, Quyền, Lộc cũng làm nên to.

CUNG NÔ BỘC

1. Tử, Phủ, Lương, Đồng, Khôi, Việt, Thiên tướng, Tam hoá nếu có một sao nói ở trên ở cung nô bộc thì đầy tớ và bạn tốt.
2. An quang, Thiên lý đầy tớ giúp chủ và anh em bạn cũng tử tế hay giúp đỡ mình.
3. Vũ khúc lúc mình danh giá đầy tớ và bạn giúp đỡ, nếu mình gặp phải vận hạn thì đầy tớ và bạn không nhìn nhận gì đến.
4. Liêm trinh thì vô ơn mình.
5. Tham lang thì làm hại mình đến nỗi hao tài.
6. Cự môn thì hay oán mình.
7. Phá quân lúc tử tế thì có đầy tớ lúc bị vận thì đầy tớ bỏ chủ.
8. Không, kiếp, phục binh thì đầy tớ hay ăn trộm ăn cắp của mình.
9. Kinh, đà, tiểu hao thì oán chủ và làm chủ bị thiệt hại.
10. Cung nô bộc có Lộc thì đầy tớ làm lợi cho chủ.
11. Đào, hồng, hoa cái thì có vợ lẽ (nhưng người nào có đào hoai thì đa dâm lắm).
12. Tả, hữu cũng có vợ lẽ và đầy tớ giúp chủ.
13. Cung nô bộc ở cung nào đứng phải tuổi mình thì có nhiều người danh giá làm đầy tớ mình.
14. Thái tuế, khôi hoặc việt, và hóa khoa nếu mình là thầy giáo thì có nhiều học trò đỗ và làm nên, nếu không phải thầy giáo thì có nhiều người danh giá làm đầy tớ mình.
15. Phá quân ngộ Kỵ đầy tớ phản thầy.
16. Thái dương hãm địa thì không thể nuôi đầy tớ lâu được, nó chóng chán mình rồi tự ý nó bỏ đi.
17. Thái âm hãm địa thì vợ lẽ đa tình và đầy tớ chóng chán chủ.
18. Đàn bà mà Đào hoa thì người ấy hư lắm, nhưng nếu Mệnh có Tử, Phủ hay Thiên hình thì lại đứng đắn.

CUNG THIÊN RI

1. Âm dương ra ngoài nhiều người danh giá quý hóa và làm ăn được như ý.
2. Lực sĩ phùng Dương hay được ra vào cửa quan.
3. Lộc, Mã ra ngoài buôn bán phát tài.
4. Song Lộc ra ngoài danh giá, nhiều người kính trọng.
5. Phục binh, hình, tuế ra ngoài hay ganh tỵ kiện tụng.
6. Phá quân phùng triệt hoặc liêm, sát đồng cũng ra ngoài rồi chết ở làng khác.
7. Vũ khúc hoặc thiên lương ra ngoài buôn bán làm giàu.
8. Kiếp, không ra ngoài chả ra gì.
9. Đào, hồng chỉ ra ngoài mới tốt.
10. Thi mã ở Hợi lại gặp sao xấu ra ngoài long đong vất vả.
11. Khôi hoặc việt hoặc quyền ra ngoài danh giá.

12. *Tả, hữu* nhiều người giúp đỡ.
13. *Hỏa, hình, riêu, kỵ* nhiều người ghét.
14. *Lộc* và *thiên hỷ, hỷ thần*, đi xa gặp người làng.
15. *Long trì, mộc dục, lín* hoặc *hỏa* ra ngoài phải bỏng hoặc cháy.
16. *Hổ, hình, kinh* hoặc *đà* ra ngoài hay bị chó cắn hoặc súc vật cắn.
17. *Thiên tướng, khúc, việt, hỏa* hoặc *lính* thì làm thợ rèn, nhưng cũng biết chữ.
18. *Cơ, cái, phượng, long* là thợ vẽ.
19. *Tham, riêu, đà* là người bán hàng cơm hoặc cao lầu.
20. *Tướng quân phùng vũ, hỏa* hoặc *lính* ra ngoài hay bị người ta đánh.
21. *Hồng, vũ* là người làm nghề tẩm tang.
22. *Hồng* gặp *cơ* là người dệt vải hoặc thợ thêu, thợ may.
23. *Thiên lương* ra ngoài giàu to.
24. *Khúc, xương, tử phủ, việt, khô, khoa, quyền, âm, dương, tả, hữu, thiên đồng, thiên tướng* đều được tốt và hay gặp quý nhân phù trợ.
25. *Tham* thì ra ngoài không tốt lại hay tước chèn cờ bạc hoang tàng.
26. *Nhị hao* ra ngoài tán tài.
27. *Cự môn* hay bị khẩu thiệt.
28. *Phá quân, quan phủ, quan phù* thì chết ở làng khác.
29. *Tham, kỵ* thì chết đường.
30. *Cự, lính* hoặc *hỏa* cũng chết đường.
31. *Cự, kỵ* ở cung Thìn, Tuất thì chết đuối.
32. *Liêm trinh* cùng *quan phù*, *quan phủ* chết về nghề mình làm.
33. *Liêm, sát, phá* có khi bị cướp trộm.
34. *Thất sát, quan phù, kinh* thì ở nhờ nơi khác.
35. *Bệnh phù* ngộ *thiên hình* ra ngoài bị bệnh Phong.
36. *Liêm, phá, hình, việt, hỏa* hoặc *lính* thì bị điện giật chết hoặc sét đánh, nhưng có *tuần, triệt* thì không việc gì.
37. *Song lộc phùng tướng quân, quốc ấn, thiên mã* thì ra ngoài làm quan võ to lắm.
38. *Hoa cái* ra ngoài nhiều người yêu mến quý trọng.
39. *Thiên tướng* ra ngoài danh giá lừng lẫy.
40. *Lộc tồn* và *thiên mã* ra ngoài buôn bán làm giàu.
41. *Kinh, đà* đặc địa ra ngoài danh giá lắm.

CUNG GIẢI ÁCH

1. *Am, dương* phản bội thì mặt không được sáng lắm nếu ngộ *kỵ hình* hoặc *đà* thì mù tịt. Nếu mệnh có *Không, kiếp* nữa thì thông minh.
2. *Phá, Liêm, hình, kỵ, đà, kinh* đã hay đau mắt mà có khi lại hoá điên nữa.
3. *Tử, phủ, xương, khúc, khô, việt, khoa, quyền, tả, hữu, đồng, lương, triệt, đại, tiểu hao* thì khoẻ mạnh ít ốm đau và không có tai nạn.
4. *Thiên cơ* hay bị tê thấp.
5. *Ngộ lính, hỏa* hay bị ma chêu.
6. *Vũ, không, kiếp* hay bị đờm xuyên, hoặc bệnh trĩ.
7. *Thái âm* thì đau bụng

8. *Đồng, kỵ cũng thế*
9. *Thái dương hay nhức đầu.*
10. *Phá thì kém khí huyết.*
11. *Thiên tướng hay có bệnh ngoài da.*
12. *Cự môn mặt hay cso vết.*
13. *Hỏa, linh, trì, mộc thì phải bỏng.*
14. *Kinh đà thì điếc, câm hoặc nói lắp hoặc mắt có tật.*
15. *Địa kiếp hay có mụn dọt.*
16. *Cơ, thốc, hư có bệnh hủi.*
17. *Tham, sát, kinh, đà có bệnh rượu hoặc chơi gái mắc bệnh kín.*
18. *Kiếp, không, ngộ, đào, hồng cũng bị bệnh kín.*
19. *Mộc dục hay có bệnh khí huyết hư.*
20. *Bệnh phù, hình có bệnh phong.*
21. *Kinh hoặc đà cùng sao dưỡng và cái thì lên đậu.*
22. *Mã ngộ hỏa, linh và tang môn có bệnh ho lao.*
23. *Kiếp cơ cũng lên đầu hoặc có bệnh trĩ.*
24. *Bạch hổ, hình thì trĩ mũi.*
25. *Kinh, tướng quân thì bị đâm chém.*
26. *Hình, khốc thì điếc.*
27. *Đào, hồng thì nhiều nốt ruồi đẹp.*
28. *Bạch hổ ngộ kinh chó cắn hay châu bò húc.*
29. *Liêm kỵ ngộ hỏa bị bệnh tê thấp.*
30. *Đồng, lương, tử, phủ, ít khi có tai nạn.*
31. *Sát, phá, cư, tham thì hay có sự buồn rầu.*
32. *Riêu phòng chết đuối.*
33. *Sát, kiếp phòng trộm cắp.*
34. *Tham hãm phòng ma tà.*
35. *Cung giải ách tuy có *khôi* hoặc *việt* mà có *thái dương* ngộ *mộ* và hình cũng hay đau yếu.*
36. *Thiên đức, nguyệt đức, thiên tài, thiên thọ, thiên quan, thiên phúc, thiên giải, giải thần cũng giải được các tai nạn và yếu đau.*
37. *Mệnh có *bệnh phù*, mà giải ách có *mã, đà* bị người ta đâm chém hoặc có cái gì rơi phải mà thành sẹ to.*

CUNG TÀI BẠCH

1. Nếu dương Nam, âm Nữ dù cung tài không có chính Tinh cũng không cần, nếu cung Tài ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, gặp *vũ, khôi, việt* thì giàu sang.
2. Dương Nam, âm Nữ có *lộc tồn* ở cung Nô mà mệnh tốt, cung Tài cũng tốt thì giảm mất 5 phần tốt.
3. Nếu Mệnh xấu và Tài xấu lại có *lộc tồn* ở cung nô bộc thì nghèo.
4. Cung Tài có phủ ngộ *hỏa* hoặc *linh* tuy giàu nhưng chả giám ăn tiêu gì, hà tiện lắm.
5. *Cơ* cung *đế vượng* thì giàu lắm.
6. *Tử vi* ở Ngọ đóng vào cung Tài chỉ làm ruộng cũng giàu lắm.
7. *Hỏa, tả* thì làm thợ rèn mà kiếm tiền.

8. *Lòng trì, mộc dục* làm nghề chài lưới.
9. *Khốc, hư, lính* hoặc *hỏa* làm thợ nhạc.
10. *Tấu thư* là người đàn hát.
11. *Đồng, lương* có tiền nhiều và được ăn uống sung sướng luôn luôn.
12. *Thiên tướng, thiện phúc* hoặc *thiên y, tả, hữu* thì làm thầy thuốc giỏi.
13. Tuổi Ất có *Kiếp*, không ở tài thì nghèo lắm nên đi tu hơn.
14. *Cung tài* có *tuần, triệt* thì lúc có lúc không.
15. Có *tả, hữu* ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi được bổng lộc nhiều.
16. *Cung tài* có thiên phủ giáp âm, dương thì giàu lắm.
17. *Tử vi* ngộ song *lộc* cũng giàu lắm.
18. *Phượng* các và *tướng quan* hay có người biểu ngỗng, vịt hoặc ngan.
19. *Hỏa tính* và *kình dương* làm người giết trâu bò mà kiếm ăn.
20. Tuổi Giáp để tháng Giêng thì được ăn uống suốt đời và có tiền nhiều.
21. Tuổi Đinh để tháng ba ăn uống khổ sở và không có tiền.
22. *Tang* ngộ *ân lộc* ở *cung tài* hoặc *diên trạch* có người để của cho.
23. *Đại, tiểu hao, kiếp* không thì tán tài.
24. *Sao dưỡng* ngộ *Đào hoa* làm nghề thầy cúng.
25. *Phục binh, thất sát, địa kiếp* hoặc *kiếp sát* hay bị mất trộm.
26. *Thái tuế* *quan phù, phá quân* hay sinh kiện tụng mà tán tài.
27. *Lộc, xương, khúc, thái tuế* làm thầy kiện mà kiếm tiền.
28. *Lộc, mã, vũ* buôn bán làm giàu.
29. *Tử, phủ* có của ông cha để cho mà giàu to.
30. *Thiên hình, cô, quả, linh, hỏa, kỵ* thì khéo giữ tiền.
31. *Thiên tướng* hãm ngộ *thiên quan* hoặc *thiên phúc* thì làm thầy thuốc.

CUNG TỬ TỨC

1. *Tử, phủ, tướng, âm, dương, lương, đồng* đắc địa thì nhiều con, nếu gặp thêm một hai sao như là *xương, khúc, khô, việt, tam hóa* thì con đỗ và làm nên danh giá, có thêm *trường sinh, đế vượng, thiên hỷ, hồng loan* thì càng nhiều con.
2. Nhiều sao Nam đầu mà ở *cung Dương* thì nhiều gái.
3. Nhiều sao Bắc đầu mà ở *cung Âm* thì nhiều gái.
4. *Không, kiếp* thì ít con và chả ra gì.
5. *Thái dương* hoặc cự môn hãm thì có con cũng như không, *thái dương* ở từ Mùi đến Hợi thì chậm có con.
6. *Thất sát* hãm *cung* ít con.
7. *Kình, đà, kỵ*, trong các con có đứa điếc tàng tật và con hay cãi nhau.
8. *Hồng loan* ở Mão, Dậu cùng sao tốt thì làm nên.
9. *Thiên hình*, ngộ *Phí liêm, Đẩu quân* thì hiếm, có con cũng chả ra gì, nếu cùng bệnh phù thì có đứa bị bệnh phong.
10. *Đồng, lương* thì có con với vợ lẽ.
11. *Khốc, Hư, Dưỡng, Tang, Hổ*, để nhiều nuôi ít.
12. *Lính, Hỏa, Không, Kiếp* để ra ngoài thai.

13. *Bạch hổ ngộ Thai* để con thiếu hình người, để non.
14. *Khôi, Việt* thì con học giỏi và có nhiều nốt ruồi.
15. *Xương khúc*, thì con trai học giỏi con gái lẳng lơ.
16. *Đà mắt* đưa con nào cũng to.
17. *Kinh* thì điếc.
18. *Hồng* con gái dệt vải và vá may khéo.
19. *Đào hoặc Riêu hoặc Hồng* ngộ *Thai* có con gái chữa hoang hoặc theo giai.
20. *Thái âm* hãm ngộ *Thai* thì phải cầu tự mới có con.
21. *Hỷ thần, ngộ dưỡng* thì con làm nên và nhiều con.
22. *Tuyệt ở cung tử tức* thì có con với vợ lẽ.
23. *Nhật nguyệt* gặp sao thai thì dễ sinh đôi.
24. *Thái dương phùng thiên hỷ* hoặc *hỷ thần* cũng dễ sinh đôi.
25. *Thái âm cùng thiên phúc quý nhân* cũng sinh đôi.
26. *Hỷ thần phùng tuyệt* cũng sinh đôi.
27. *Thai ngộ hỏa, tinh* hay dễ ra quái thai.
28. *Kinh, hình, liêm, sát phùng phí liêm, kiếp, không, hỏa* hoặc *lính* thì phá gia chi tử
29. *Tướng quân và phúc binh chiếu* lại có sao thai ở ngay cung *Tử tức* thì vợ chồng đã có con riêng rồi
30. *Cung Mão, Dậu* gặp sao *thiên quý* hoặc *thiên quan quý nhân* thì phải cầu tự mới có con.
31. *Thái dương ở cung Dương* thì 5 con giai.
32. *Thái âm ở cung âm* thì 5 con gái.
33. *Tử vi* thì 3 giai 2 gái
34. *Phá hoặc đồng* cũng 3 con.
35. *Phủ, tả, hữu, khôi, việt, xương, khúc*, cung 5 con.
36. *Thiên cơ* thì 2 con
37. *Cự cùng đồng* thì 4 con.
38. *Lương, đồng* thì 3 con, nếu ở cung *Thân* thì gái nhiều giai ít
39. *Am, đồng* thì 5 con.
40. *Sát, phá, liêm, tham, vũ* thì 2 con, *Tử vi* ở cung *Tý* gặp *tả* hoặc *hữu* có con gái oán chồng bỏ đi *Thiên hình hổ* và *kình* hoặc *đà, lính, hỏa kiếp* thì không có con.
41. *Tử vi* ngộ *khôi* thì con trưởng học giỏi và làm nên to.
42. *Việt* ngộ *tả phù* con thứ giàu lắm.
43. *Hỷ* ngộ *trường sinh* con giở lắm.
44. *Riêu, hổ* thì hiếm con, nếu có con thì hoang tàng chơi bởi có khi bị chó dại hoặc súc vật cắn.
45. *Đào hoa* ngộ *văn xương* thì con giai làm nên to con gái hư.
46. *Cung Tử vi* có *tứ, không* thì đường con cái chả ra gì, (nếu có một không cung thế).
47. Mệnh có *thiên hình* cũng thế.
48. *Cung Tử* ở *Thổ* lại gặp nhiều sao *thổ* thì nhiều con.
49. Tuổi *Dần* mà cung *Tử* ở *Dần* cũng thế.

50.

*Khoa, quyền, hóa lộc thì con đỗ làm nên và giàu.***CUNG PHU HOẶC THÊ**

1. *Thanh long, Phượng các thì vợ hoặc chồng đẹp, Đào hồng cũng đẹp.*
2. *Thiên mã là con nhà giàu có danh giá.*
3. *Đào, hồng, Riêu thì có ngoại tình.*
4. *Phá, tướng quân hoặc phục binh, cùng đào hồng, thai thì chim nhau mà lấy nhau không phải cưới nhưng vợ lẳng lơ.*
5. *Kiếp, không, triệt thành rồi lại hồng, lật đật mấy lần rồi mới thành vợ chồng.*
6. *Mã ngộ không thì bỏ nhau đi mỗi người mỗi nơi*
7. *Đồng lương cùng một họ lấy nhau.*
8. *Long, phượng và thiên tướng, thì yêu mến nhau lắm.*
9. *Hình, kỵ, phục binh thì hay cãi nhau đánh nhau.*
10. *Tang, khốc, cô, quả, hổ thì hóa vợ hoặc hóa chồng*
11. *Phá thì bỏ nhau rồi lại về ở với nhau.*
12. *Mã ngộ đà thì có tật.*
13. *Liêm trinh thì lấy con nhà nghèo và sát.*
14. *Phá toái thì biến lận.*
15. *Đế vượng ngộ khô thì có mụn nốt ruồi.*
16. *Kiếp ngộ khô trên đầu có vết.*
17. *Tử, phủ, quyền, khô, thì vợ hoặc chồng danh giá và là con trưởng.*
18. *Thiên việt là con thứ.*
19. *Hồng ngoài có hỉ chiếu con gái lấy chồng gần nhà.*
20. *Hỷ và có hồng chiếu con gái lấy vợ gần nhà.*
21. *Am, dương hãm ngộ kỵ thì mất kém.*
22. *Tường thì lấy vợ đảm đang.*
23. *Lộc, hồng phùng đào hoặc riêu lấy nhau không phải cưới mà vợ có của đem về cho chồng.*
24. *Cung phu có tham ngộ đào mà mệnh có chính Tinh thì làm vợ cả và chồng tử tế.*
25. *Mệnh không có chính Tinh thì làm vợ hai.*
26. *Có hoa cái, Phượng, Đào, Hồng vợ đi đâu thì nhờ lắm.*
27. *Kỵ, kiếp, khốc, đào, hư và cơ, lương hoặc sát, phá, tham, kinh, đà, hỏa, lính thì vợ giết chồng hoặc lập tâm cho chồng ăn bùa ăn bả để dứt hết tiên rồi bỏ.*
28. *Hồng ngộ kỵ vợ có ngoại tình.*
29. *Không, kiếp 2, 3 lần mới thành.*
30. *Không phùng phá cũng 2, 3 lần mới thành.*
31. *Thái âm, thiên đức, ân quang, Mã, Đồng thì vợ giàu lắm, nếu thêm có thiên quan, thiên phúc, tấu thư quyền, lộc thì vợ là con quan đại thần.*
32. *Thiên đức, Nguyệt đức ngộ Đào thì vợ hay chồng đẹp lắm.*
33. *Phục binh, Hóa kỵ chỉ nay giận mai hơn cãi nhau đánh nhau luôn.*
34. *Hình ngộ Đào hai bên đều dễ dàng mới lấy nhau.*
35. *Khúc, Xương, ngộ Thái tuế vợ chưa ngoa lắm*
36. *Đà, Tham, Riêu vợ hay cờ bạc rượu chè.*

37. *Cơ, Lương* thì vợ khôn ngoan, nhưng gian tra.
38. *Hồng ngọ Tả, Hữu* 2 vợ.
39. *Thất sát* thì đã sát chồng hoặc vợ rồi.
40. *Thiên hư* cả hai vợ chồng đều đa dâm.
41. *Triệt* hoặc *Tuần* lấy người làng khác.
42. *Cự, đồng* trước đã có chồng; nếu không cung có nhân tình trước rồi mới đi lấy chồng.
43. *Thái âm* ở *Mão*, *Thìn* thì vợ kinh nguyệt xấu và không đều.
44. *Cự môn phùng lính, Hỏa* ba lần lấy vợ hoặc chồng chưa thành.
45. *Thất sát* ngọ *Quyên* thì sợ vợ lắm.
46. *Cự* ở *Sửu* vợ hoặc chồng có mụn nốt ruồi nếu ở *Ngọ* thì xa cách nhau.
47. *Tả, Hữu* thì hai vợ.

CUNG HUYNH ĐÊ (anh chị em)

Nhiều Nam đầu thì nhiều anh em giai nhiều Bắc đầu thì nhiều chị em gái.

1. *Tử vi* đắc địa thì 3 anh em giai, 2 chị em gái, nếu cùng *Khoa, Quyền, Khôi, Việt* thì anh em đỗ đạt và danh giá.
2. *Thiên phủ* hoặc *Thiên đồng* cùng *Tả, Hữu, Xương, Khúc* cũng 4, 5 người và danh giá, nếu có *Không, Kiếp* thì còn có 2 người.
3. *Thiên cơ* thì hai người (1 giai 1 gái).
4. *Cự môn* cùng với *Thiên đồng* thì 4 người nhưng bất hòa.
5. *Thiên lương, Thiên đồng* thì 4 người (2 giai 2 gái).
6. *Kình dương* hoặc *Lính* hay *Hỏa* chỉ có 1 người.
7. *Thái dương* đắc địa thì 4, 5 người và giai nhiều hơn gái.
8. *Thái âm Thiên đồng* thì năm anh em, và gái nhiều nếu ở cùng *Ngọ* ngọ tứ không thì giai nhiều.
9. *Vũ khúc* đắc địa thì 2 giai, 3 gái.
10. *Tham, Liêm, Sát, Phá* đắc địa thì hai người nếu hãm địa lại cùng hung Tinh thì một người, nếu có nhiều thì sung khác.
11. *Thiên tướng* thì hai người.
12. *Phi Liêm* hoặc *Thiên hình* hoặc *Đẩu quân* thì chỉ có một mình.
13. *Tuần* hoặc *triệt* thì có người anh cả bỏ đi nơi khác.
14. *Thái dương* cùng *Thiên hỷ* hoặc *Hỷ thần* thì có anh em dị bào, nghĩa là anh cùng bố khác mẹ.
15. *Thái âm* cùng *Thiên phúc* cũng có dị bào.
16. *Đế vượng thiên tướng* lại có sao *Thai chiếu* về cung *Bào* cũng có anh em dị bào
17. *Tử vi* và *Hữu* bật ở cung *Tý* thì anh em chỉ lừa đảo dối trá người ta.
18. *Phá quân, Hình, Kỵ, Thái tuế* anh em không thuận hoà, hay kiện nhau.
19. *Nhật, Nguyệt* giáp *Thại* thì có anh em sinh đôi.
20. *Đào, Riêu, Hỷ* lại có *Phá, Tướng quân chiếu* thì có chị em gái theo trai mà có chữa hoang.

ĐẠI TIỂU HẠN

1. Gặp một hai sao như sau này cùng một cung, còn các sao ở các cung khác chiếu lại thì sẽ phải bồng, nếu không có sao giải thì chết; *phá quân, liêm trinh, tham lang, thiên riêu, hóa kỵ*. (những sao này ở Mệnh hay Giải ách cũng thế.)
2. Vận hạn có sao hung tinh mà gặp *sao thiên đức, nguyệt đức, giải thần, thiên giải, thiên quan, thiên phúc, tuần* và *triệt* thì giải đỡ được hạn xấu.
3. Mệnh hoặc hạn gặp các *sao thiên đồng, hóa kỵ, kinh dương* và các sao xấu thì chết đuối.
4. Hạn gặp *linh tinh, hỏa tinh, đà la* thì sinh kiện sự lỗi thời.
5. Hạn gặp *thiên riêu, bạch hổ* mà cùng các sao xấu thì bị chó hoặc ác thú cắn.
6. Hạn gặp *hóa kỵ, cự môn* và các sao xấu thì chớ đi sông nước mà chết đuối.
7. Hạn gặp *kình, đà, không, kiếp, hỏa, lính* và các sao xấu mà đại tiểu hạn đều gặp thì chết.
8. Hạn gặp *tang, hỏa* hoặc *linh* thì cháy nhà hoặc bị phỏng.
9. *Cơ, lương* ở cung Thìn, Tuất cùng *không, kiếp, kình, đà, linh, hỏa, thái tuế* hạn gặp chớ trèo cây mà ngã chết.
10. *Than* ngộ mã thì súc vật chết.
11. *Tham lang* và *hổ* ở cung Thìn, Tuất cùng các sao *không, kiếp, kình, đà, linh, hỏa, tuế, kỵ* thì bị ác thú cắn chết.
12. *Riêu, Hỉ, Đào, Hồng* có tin mừng lấy vợ lấy chồng nếu đã thành vợ chồng rồi thì có con.
13. *Quan phù, quan phủ* và *thái tuế, bạch hổ* thì hay sinh kiện tụng cãi nhau và ốm.
14. *Tuế, đà, kỵ, cự, không, kiếp*, nếu đi sông nước thì chết đuối.
15. *Thiên tướng* hãm ngộ *không, kiếp* làm việc quan thì phải về.
16. *Quan phù, hình, không, kiếp* (hoặc *bệnh phù, tử phù, chực phù*) gặp thì có người thù, chực hại mình.
17. *Thái, thanh long, hỉ thần* hoặc *thiên hỉ* thì đẻ con.
18. *Kình*, hoặc *đà* cùng sao *dương* và *hoa cái* gặp thì lên đậu hoặc sỏi.
19. *Thái tuế, phục binh, hóa kỵ* sinh ra kiện tụng thù hằn.
20. *Khoa, quyền, lộc* hoặc *lộc tồn, thiên mã, và khô* hoặc *việt*, hoặc *xương*, hoặc *khúc* gặp thì đi thi đỗ.
21. *Khốc, hư, tang*, quả gặp thì có tang.
22. *Kiếp, không, hình, đà, kình hạn* gặp thì sinh yếu đau khổ sở, nếu tham có bệnh phù thì sinh ra bệnh hủi, nếu thêm cả thiên hình nữa thì có bệnh phong.
23. *Lộc mã* thì phát tài.
24. *Am, dương* gặp *kình, đà, kỵ* thì đau mắt.
25. Mã ngộ *tuần* hoặc *triệt* thêm *tả, hữu* và các sao hung gặp họa luôn 2 lần (ví như mất trộm lại thêm ốm đau nữa).
26. *Hỏa* hoặc *lính* cùng *long trì, mộc dục* thì bồng có sao giải thì khỏi, nếu có thêm sao sát thì chết bồng.
27. *Hổ, đà, hình*, hoặc *kình* và thêm sao xấu thì chó dại cắn chết nếu có sao giải thì chữa khỏi.
28. *Vũ, riêu, lộc tồn* hoặc *hoá lộc, thiên mã, thiên hỷ* hoặc *hỷ thần, đào* hoặc *hồng* thì cưới vợ.
29. Hạn gặp *thái tuế* ở cung Dậu cùng với *thiên hình* chiếu thì hay bị kiên tụng tù tội.
30. Hạn gặp *thất sát, hình, hổ, quan phủ* hoặc *quan phù* thì phải tù tội.

31. *Hạn* gặp *không*, *kiếp* thì tán tài, nhưng gặp sao *giải* thì *giải* được.
32. *Cung Dần*, *Thân* gặp *tham*, *xương* thì mắc nạn vào nhà thương.
33. Người làm việc gặp *vũ khúc* hoặc *cự* và *quyền* thì được thăng chức.
34. Sao *mộ* gặp *tả*, *hữu* cũng thăng chức.
35. *Việt*, *khôi*, *long*, *phượng* và *văn tinh* đi thi đỗ.
36. *Cơ*, *lương* ngộ *hỏa* hoặc *lính* bị tổn hại.
37. *Kinh*, *hỏa*, *cự*, *riêu*, *thương*, *sứ* hại người tổn của.
38. *Tham* cùng các sao xấu thì chó cắn.
39. *Đại*, *tiểu hao* thì hao tài.
40. *Sát*, *phá*, *liêm*, *tham* cùng *tuế*, *đà*, *kiếp*, *không* sinh quan tọng và tù tội, yếu đau đủ mọi sự không hay đưa đến.
41. *Cự*, *dương* được thăng chức.
42. *Cơ* thì làm nhà.
43. *Mộc* *dục* ở *Phúc đức* gặp sao xấu, *hạn* gặp thì dinh tai biến mọi sự không hay.
44. *Gái* *đẻ* mà gặp năm ấy có *âm*, *kỵ* thì khó *đẻ* nếu gặp nhiều sao xấu thì chết về *đẻ* khó.
45. Sao *tham lang* hãm mà *hạn* gặp lại có nhiều sao xấu thì hay mất trộm
46. *Tham lang* *phùng* sao *thai*, *hạn* *đàn bà* gặp thì hậu sản.
47. *Sứ*, *thương*, *gặp cơ*, *hỉ thần*, *kinh* thì hay sinh đánh nhau.
48. *Am* *phùng Riêu*, *Hổ* và các sao xấu thì mẹ chết.
49. *Bạch hổ*, *tang*, *Bệnh phù*, *điều khách* thì có tang.
50. *Cung Sửu*, *Mùi* gặp *hung tinh* mà có sự không hay đưa đến là vì lỗi lệch về ông *Thành Hoàng*
51. *Cung Sửu*, *Dần* có *linh*, *Hỏa* hay có bệnh ma làm.
52. *Hỉ* *phùng long*, *Phượng* thì có việc vui mừng.
53. *Lộc* *tồn*, *tử*, *linh*, *Mã* tự nhiên phát tài.
54. *Phá*, *đại*, *tiểu hao* thì hao tài, nhưng gặp *thiên lương* thì *gải* được.
55. Tuy gặp *hạn* từ *không* nhưng gặp *tử*, *khôi*, *việt*, *giải* được.
56. *Hạn* gặp *không*, *kiếp* ở *cung Tý*, hoặc *Ngọ* là lỗi lệch về thần thánh.
57. Gặp *tử*, *tham*, *khôi*, *việt* ở *Ngọ*, *Mùi*, *Dậu*, *Tuất* là lỗi lệch về Long thần.
58. Gặp *hung tinh* ở *Mão* lỗi lệch về *Táo quân*.
59. *Cung Thiên ri* giáp *khôi*, *việt*, *thiên quan*, *thiên phúc*, đi qua miếu thiêng sợ quá hóa ốm.
60. *Thiên tướng* gặp tuần ở quan lộ thì phải cách chức.
61. *Già* gặp *thiên cơ* thì sắp tận số.
62. *Già* gặp *Đào hoa* thì có tang hoặc vợ chết.
63. *Đại*, *tiểu hao* *cung* *hung tinh* tán tài về việc tang thương.
64. Gặp *Bạch hổ*, *Phục binh* hay sinh quan tọng về việc ruộng hoặc nhà.
65. *Tang môn*, mà gặp tuổi *Mộc* thì phải *luông* 2 tang.
66. *Hổ*, là kim mà gặp tuổi *Kim* bị ác thú cắn.
67. Gặp *điều khách* thì có tang nhỏ.
68. *Quan phù*, thì có người phản mình.
69. Tuổi *Kim*, *Mệnh* ở *cung hỏa* *hạn* gặp sao xấu thì sinh ghẻ lở.
70. *Mệnh* có *hỏa*, *Tang* mà không có sao *Thủy* thì bị cháy nhà.
71. *Hạn* *Kinh dương* làm việc gì *cung hồng*.
72. Gặp *tả*, *thiên tướng* dễ làm ăn.

73. Gặp tam *Hoá*, đi thi đỗ.

74. *Tang, Kinh*, phòng trâu bò chết.

75. *Am, Dương* gặp *Đà*, *Kỵ* mất đầu.

76. *Riêu, Hỏa, Cự, Đà* cung có tang.

77. *Thương, Sửu, Kinh, Cơ, Cự* sinh kiện tụng.

78. *Bạch hổ*, ở Thìn là con rồng ở Tị là con rắn ở Tuất là con chó, ở Sửu là con trâu, ở Tý là con chuột, ở Dần là hổ, ở Mão là mèo, ở Ngọ là ngựa, ở Mùi là dê, ở Thân là khỉ, ở Dậu là gà, ở Hợi là lợn. Nếu Mệnh ở Dần ngộ hung tinh như là *Kiếp, Không, Sát, Hình* hạn gặp đến đây phòng hổ cắn chó cắn ở Tị phòng rắn cắn ở Tuất gặp *Đà* phòng chó cắn, ở cung nào thuộc về con gì mà tiểu hạn gặp các sao xấu cùng với *Bạch hổ, Riêu, Hình* thì phòng con ấy cắn.

CÁCH DÂY ĐOÁN SỐ VÀ TÍNH XEM NGƯỜI ẤY THUỘC VỀ HẠNG NÀO

Muốn xem người ấy số tốt hay xấu và thuộc vào hạng thượng lưu, trung lưu hoặc hạ lưu thì xem Thân Mệnh và sao *Lộc tồn* có cùng với *không, kiếp, tuần, triệt, kinh, đà, linh, hỏa* không? Rồi xem Mệnh và Thân có các sao đặc địa không và sinh. Khắc thế nào thử xem đến Thiên ri, Tài bạch, Quan lộc, và các sao chiếu có tốt hay xấu thế nào, rồi xem đến Phúc đức, nếu mấy cung ấy đều có sao tốt lại hợp Mệnh lại ở cung đặc địa thì giàu sang sống lâu, nếu các cung gặp sao xấu và hãm địa thì nghèo hèn và chết non (người đẻ giờ Mão hoặc giờ Dậu thì càng nghèo hèn lắm) nếu các cung Phụ mẫu, Thê, tử đều gặp sao xấu nữa thì là người đi tu – nếu không đi tu thì cũng là người cô độc. Mệnh tuy là không có sao chính nhưng Quan và Tài đều có sao tốt cũng được giàu sang – nếu lại có sao xấu sung chiếu thì đi ra ngoài mới tốt.

Mệnh có sao tốt lại đặc địa và hợp Mệnh lại gặp các sao nhỏ đều tốt thì làm quan to; nhưng Mệnh không có sao chính và có nhiều sao chiếu tốt và đặc địa lại hợp Mệnh thì làm quan nhỏ. Nhưng các sao tốt mà thêm một vài sao nhỏ xấu thì làm Lại hoặc làm chức dưới quyền. Tuy rằng gặp các sao xấu nhưng gặp *song lộc* và *khoa, quyền, thiên mã* thì cũng làm Thư ký, Giáo học vân vân.

Mệnh có *hóa kỵ*, cùng các sao xấu mà có *khoa, quyền, lộc, mã* cũng làm nên nhưng chết non và hiếm con.

Mệnh Cục tương sinh lại ở cung hợp Mệnh như Dương thì ở cung Dương. Âm thì ở cung Âm lại gặp *tử, phủ* hoặc *tham, linh* hoặc *tham, hỏa* hoặc *âm, dương* hoặc *phủ, tướng* hoặc *đồng* hoặc *lương* hoặc *Sát Phá tham liêm*, mà các sao ấy đặc địa, hợp mệnh lại cùng các sao tốt như là *tả, hữu, xương, khúc, quyền, lộc mã, quang, quý, long, thương, thai, tọa, thiên quan, thiên phúc, khô, việt* thì làm đến nhất phẩm. Tuy rằng các sao ấy đặc địa nhưng gặp một hai sao xấu thì chỉ làm đến nhị, tam phẩm; nếu gặp 3,4 sao xấu thì làm đến tứ ngũ phẩm nhưng không tốt đều hoặc là sát vợ hoặc là hiếm con.

Nếu gặp các sao to chỉ đặc địa một nửa còn một nửa hãm địa, và không hợp Mệnh nhưng hợp cách lại cùng các sao tốt, nhưng cũng có thêm sao xấu kém thì chỉ làm đến cửu phẩm, thất hoặc bát phẩm hoặc làm tổng lý hoặc buôn bán làm giàu và có phẩm hàm.

Xem số đàn ông cần nhất cung Phúc đức, rồi xem đến cung Mệnh, Tài, Quan và *Thiên ri* hợp 4 cung ấy lại mà xem được cách gì, nếu 4 cung đều xấu cả thì tìm cung hợp Mệnh xem có tốt không nếu cung hợp ấy tốt thì cũng đỡ xấu, nếu cung hợp ấy cũng xấu thì xấu lắm.

Đoán số tùy theo cách dây nhưng cũng phải kinh nghiệm lâu năm mới suy xét được câu nào hay và đúng thì tin, nếu câu nào không đúng thì không tin. Quyển Tử vi này soạn giả vì kinh nghiệm mà làm ra cho nên có nhiều câu trong sách nói nhưng kinh nghiệm thấy không

đúng đã bỏ cả đi rồi, như là sách dạy: “*giáp Thiên tướng thiên lương*” thì không bao giờ có thể giáp được hai bên, vì *thiên tướng* và *thiên lương* là hai sao đi liền nhau mỗi sao một cung. Nếu mệnh gặp một sao còn một sao ở bên kia thì không gọi là giáp được: lại như sách dạy “*thiên đồng cùng tham lang ở Ngọ lại gặp kinh, dương* thì làm nên to lắm” không bao giờ *thiên đồng* gặp *tham lang* được, vậy chỉ nên nhớ rằng *thiên đồng* cùng *kinh, dương* ở Ngọ thì làm to còn *tham lang* không thể cùng *thiên đồng* được, hoặc *tham lang* gặp *kinh, dương* ở cung Ngọ cũng làm to, nhưng đã gặp *kinh, dương* ở Ngọ thì thế nào Cũng Bất Đắc Kỳ Tử (chết về tai nạn rủi ro).

Cách xem tuổi nào gặp hạn thái tuế ở cung nào, mà đại, tiểu hạn gặp thì tốt hay xấu. Cứ tra cái bảng sau này mà xem sẽ biết hay, dở

Bảng đồ xem hạn thái tuế từng năm một

NĂM TÝ

TUỔI	GẶP CÁC SAO	TỐT	TUỔI	GẶP CÁC SAO	XẤU
Quý Kỷ Canh	<i>Thất sát</i> hoặc <i>Phá quân</i>	Mạnh khỏe	Bính Mậu Nhâm	<i>Tử vi</i>	Tán tài và xấu lắm
Ất Quý	<i>Cự, cơ</i>	Mạnh khỏe	Cả các tuổi	<i>Tham, Tử vi, lương, kỵ, dương, kinh</i>	Tán tài tang thương quan tụng
Đinh Kỷ Canh	<i>Phủ, tướng</i>	Phát tài			
Đinh	<i>Thiên đồng</i>	Mọi sự tốt			
Cả các tuổi	<i>Lộc tôn, xương, khúc, tả, hữu, cơ, đồng, phá, tướng, liêm, vũ, phủ, cự, sát</i>	Phát tài			

NĂM SỬU

TUỔI	GẶP CÁC SAO	TỐT	TUỔI	GẶP CÁC SAO	XẤU
Bính Tán	<i>Lương</i>	Tốt, mọi sự đều hay	Giáp Ất	<i>Dương</i>	Làm gì cũng hỏng hay phải hối hận
Mậu	<i>Tướng</i>	Tốt, mọi sự đều hay	Quý	<i>Cơ</i>	Xấu làm gì cũng không gặp dịp
Bính và Mậu	<i>Am Vũ</i>	Tốt, mọi sự đều hay	Đinh và Canh	<i>Đồng, Liêm</i>	Quan tụng và khẩu thiệt
Bính Mậu Tân	<i>Lương</i>	Tốt, mọi sự đều hay	Cả các tuổi	<i>Đồng, cự, vũ, tham, dương, kỵ, và kinh dương</i>	Quan tụng, tang thương, tán tài

Cả các tuổi	<i>Tử, tướng, lương, âm, phủ, tồn, phá, xương, khúc, tả, hữu.</i>	Tốt, mọi sự đều hay			
-------------	---	---------------------	--	--	--

NĂM DẦN

TUỔI	GẶP CÁC SAO	TỐT	TUỔI	GẶP CÁC SAO	XẤU
Canh Đinh Kỷ	<i>Tử, dương, vũ, lương, sát</i>	Mọi sự như ý (tốt)	Bính Mậu	<i>Liêm, tham, phá</i>	Quan tụng, khẩu thiệt
Cả các tuổi	<i>Tử, phủ, cơ, âm, sát, vũ, đồng, tường, cự, dương, lương</i>	Vượng tài	Cả các tuổi	<i>Tham, đà, kỵ</i>	Quan tụng, tán tài

NĂM MÃO

TUỔI	GẶP CÁC SAO	TỐT	TUỔI	GẶP CÁC SAO	XẤU
Ất Tân	<i>Tử, cơ, dương, tướng, phủ, đồng, vũ</i>	Vượng tài	Giáp bính	<i>Liêm</i>	Tán tài
Cả các tuổi	<i>Am, dương, tử, cơ, đồng, phủ, tham, cự sát</i>	Phát tài, có sự mừng vui, cưới vợ, đẻ con	Giáp Ất Canh	<i>Am</i>	Tán tài
			Cả các tuổi	<i>Trinh, phá, tướng, kinh, đà, kỵ</i>	Tán tài, quan tụng, khẩu thiệt

NĂM THÌN

TUỔI	GẶP CÁC SAO	TỐT	TUỔI	GẶP CÁC SAO	XẤU
Giáp	<i>Tử, tham, sát</i>	Phát tài, quan lộc, vượng	Nhâm	<i>Tham, vũ</i>	Hung, tai (xấu)
Đinh Canh	<i>Cơ dương</i>	Phát tài, quan lộc, vượng	Nhâm Quý	<i>Liêm</i>	Hung, tai (xấu)
Mậu Canh Quý	<i>Đồng</i>	Phát tài, quan lộc, vượng	Ất Mậu	<i>Dương, âm</i>	Hung, tai (xấu)
Bính Tân	<i>Cự</i>	Vừa ý	Cả các tuổi	<i>Trinh, phủ, âm, cự, tướng, phá, kỵ</i>	Tang thương,

					quan tụng, khẩu thiệt
Cả các tuổi	<i>Dương, lương, cơ, sát, tham, xươmg, khúc, tả, hữu</i>				

NĂM TỶ

TUỔI	GẶP CÁC SAO	TỐT	TUỔI	GẶP CÁC SAO	XẤU
Bính Mậu Canh	<i>Tử, phủ, đồng, cự, tướng, lương, phá</i>	Phát phúc (mạnh khỏe)	Quý Canh	<i>Cự, tham</i>	Khẩu thiệt, tai ương
Nhâm Tân Bính	<i>Cơ, âm</i>	Phát tài	Cả các tuổi	<i>Am, phá</i>	Tai ương và yếu đau khổ sở
Giáp Mậu	<i>Tham</i>	Bình thường	Cả các tuổi	<i>Vũ, liêm, tham, cự, tướng, phá, kỵ</i>	Sinh ác bệnh khẩu thiệt tán tài, quan tụng
Cả các tuổi	<i>Dương, đồng, phủ, lương, tử, lộc tồn</i>	Vui mừng luôn			

NĂM NGỌ

TUỔI	GẶP CÁC SAO	TỐT	TUỔI	GẶP CÁC SAO	XẤU
Đinh Kỷ Giáp Quý	<i>Tử, dương, đồng, liêm, phá, sát</i>	Đinh tài đều tốt	Bính Nhâm Quý Ngọ	<i>Tham</i>	Tán tài quan sự và khẩu thiệt
Cả các tuổi	<i>Tử, vũ, cơ, dương, phủ, liêm, cự, lương, tướng, phá, lộc tồn</i>	Phát tài và có sự vui mừng	Cả các tuổi	<i>Tham, đồng, âm, kình, đà, kỵ</i>	Tán tài quan sự và khẩu thiệt

NĂM MÙI

TUỔI	GẶP CÁC SAO	TỐT	TUỔI	GẶP CÁC SAO	XẤU
Nhâm Ất	<i>Tử, phủ, tướng cơ</i>	Phát phúc, mạnh khỏe	Giáp Ất Đinh Canh	<i>Dương, đồng</i>	Nhiều vận hạn
Canh Nhâm	<i>Am</i>	Phát tài	Nhâm Quý	<i>Vũ</i>	Khẩu thiệt quan sự, tán tài yếu đau
Cả các	<i>Tử, phủ, liêm,</i>	Phát tài,	Cả các	<i>Am, dương, vũ,</i>	Ốm đau

tuổi	<i>cơ, phá</i>	nhiều việc mừng	tuổi	<i>đồng, tham, cự, kình, đà, kỵ</i>	tang thương, quan tụng tán tài
------	----------------	--------------------	------	---	--------------------------------------

NĂM THÂN

TUỔI	GẶP CÁC SAO	TỐT	TUỔI	GẶP CÁC SAO	XẤU
Giáp Canh Quý	<i>Tử, liêm, phá</i>	Phát phúc	Ất Mậu	<i>Cơ</i>	Quan tụng yếu đau
Giáp Quý Canh Tân	<i>Cự</i>	Phát phúc	Đinh Bính	<i>Cự</i>	Xấu lắm
Giáp Đinh Canh	<i>Cơ</i>	Phát phúc	Giáp Canh	<i>Đồng</i>	Tai hoạ
Cả các tuổi	<i>Tử, phủ, liêm, duong, cự, sát, vũ, xương, lộc tồn</i>	Phát tài và có sự vui mừng luôn luôn	Cả các tuổi	<i>Đồng, lương, tướng, âm, phá, kỵ</i>	Yếu đau quan tụng tang thương tán tài

NĂM DẬU

TUỔI	GẶP CÁC SAO	TỐT	TUỔI	GẶP CÁC SAO	XẤU
Bính Mậu Ất Tân	<i>Tử, lương, âm</i>	Phát tài	Giáp Ất Canh Nhâm	<i>Âm, đồng, vũ</i>	Xấu lắm
Cả các tuổi	<i>Lộc tồn, tử, phủ, xương, khúc, tả, hữu</i>	Phát tài mọi sự như ý	Giáp Canh	<i>Tướng</i>	Xấu lắm
			Giáp Canh Bính Tân	<i>Liêm</i>	Xấu lắm
			Giáp Canh	<i>Phủ</i>	Xấu lắm
			Cả các tuổi	<i>Liêm, cơ, cự, vũ, kình, đà, kỵ</i>	Tán tài khẩu thiệt quan tụng

NĂM TUẤT

TUỔI	GẶP CÁC SAO	TỐT	TUỔI	GẶP CÁC SAO	XẤU
------	-------------	-----	------	-------------	-----

Nhâm Giáp Đinh Kỷ	<i>Tử</i>	Phát tài	Quý	<i>Tham</i>	Xấu
Đinh Kỷ	<i>Am</i>	Mọi sự đều hay	Canh	<i>Đồng</i>	Xấu
Đinh Kỷ Giáp Canh	<i>Vũ</i>	Mọi sự đều hay	Mậu	<i>Cơ</i>	Xấu
Giáp Ất Đinh Kỷ	<i>Cơ</i>	Mọi sự đều hay	Đinh	<i>Cự</i>	Xấu
Đinh Kỷ Tân Quý	<i>Cự</i>	Mọi sự đều hay	Giáp	<i>Dương</i>	Xấu
Đinh Kỷ Giáp	<i>Đồng, liêm, phá, sát</i>	Mọi sự đều hay	Bính	<i>Liêm</i>	Xấu
Cả các tuổi	<i>Cơ, âm, lương, phủ, vũ, sát, tham, tả, hữu, đồng</i>	Mọi sự đều hưng vượng	Nhâm	<i>Vũ</i>	Xấu
			Cả các tuổi	<i>Cự, dương, tả, tướng, phá, kỵ</i>	Yếu đau tán tài quan tụng

NĂM HỢI

TUỔI	GẶP CÁC SAO	TỐT	TUỔI	GẶP CÁC SAO	XẤU
Nhâm Quý Mậu	<i>Tử, đồng, cự, lương</i>	Tốt lắm	Bính Nhâm Quý	<i>Liêm</i>	Xấu
Nhâm	<i>Cơ</i>	Tốt lắm	Nhâm Bính	<i>Vũ</i>	Xấu
Đinh Kỷ Bính Mậu	<i>Tướng</i>	Tốt lắm	Giáp	<i>Dương</i>	Xấu
Mậu Kỷ	<i>Am</i>	Làm việc quan thì thăng chức, buôn bán			

		thì phát tài			
Cả các tuổi	<i>Đồng, âm, lương, tử, phủ, xương, khúc, lộc tồn</i>	Có mừng và mọi việc đều hay	Cả các tuổi	<i>Liêm, phá, sát</i>	Hao tài quan tụng khẩu thiệt, và yếu đau nặng

Các cách hay

1. *Mộ chung Thai, Tọa* (sao mộ ở 4 cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi gặp *Tam thai*, và *Tát tọa* cùng một cung hay chiếu thì làm nên to).
2. Giáp *Tam thai*, *Tát tọa* còn trẻ tuổi đã làm nên.
3. Giáp *Liêm*, *Sát* cũng làm nên nhưng hậu vận mới tốt.
4. *Sát, Phá, Tham, Vũ* thì làm nên.
5. *Mã* ngộ *Khốc*, *Khách* làm nên danh giá lừng lẫy.
6. Giáp *Khôi*, giáp *Việt* cũng làm nên danh giá.
7. *Khốc*, *Hư* cư *Tý* hoặc *Ngọ* trước nghèo sau giàu.
8. *Tham*, *Vũ* đồng cung thì ngoài 30 tuổi mới giàu có danh giá.
9. *Hồng loan* ở cung *Tý* thì *Mệnh* ở *đấy* hoặc chiếu *Mệnh* thì *đỗ* sớm.
10. *Đào hoa* ở cung *Quan lộc* thì làm việc quan sớm.
11. *Mệnh vô chính diệu* *đắc Tam Không* *nhị phú quý* *khả kỳ*: Ở cung *Mệnh* không có sao chính tinh mà gặp *Tuần*, *Triệt*, *Địa không*, hoặc *Thiên không*, ở *MỆNH* hoặc chiếu *Mệnh* mà gặp tuổi *Kim* hoặc *Hỏa* thì vừa phú vừa quý, còn tuổi *Thủy*, *Mộc*, *Thổ*, thì tốt vừa thôi.

Mệnh không có chính tinh mà gặp một *Không* là: *Mệnh vô chính diệu* *đắc nhất không*.

Gặp hai không là: *Mệnh vô chính diệu* *đắc Nhị Không* *Mệnh vô chính diệu* *đắc Tam Không* lại tốt hơn *đắc Nhất Không*. Nói tóm lại *Mệnh* không có chính tinh mà gặp *nhất không* hoặc *nhị không* mà có song, *Lộc*, *Khoa*, *Quyền*, *Khôi*, *Việt*, *Xương Khúc* thì *đỗ*, làm nên và thọ.

NÓI RIÊNG VỀ ĐÀN BÀ

Cách hay, cách dở

Tuy rằng *Thân*, *Mệnh* tốt mà cung *Phu* xấu thì cũng xấu.

1. Giáp *Nhật*, *Nguyệt* thì phong lưu.
2. Giáp *Tả*, *Hữu* lấy chồng sớm.
3. Cung *Phu* có *Hồng loan* ở *Dần*, *Thân*, *Tị*, *Hợi* thì tốt lắm.
4. Cung *Tử* có *Thiên hỷ* và *Thiếu dương*, *Thiếu âm* thì tốt.
5. *Mệnh* có *Long trì*, *Phượng* các thì đẹp.
6. *Mệnh* có, *Khốc Hư* tuy nói thì giữ tợn nhưng tử tế.
7. *Riêu*, *Hỷ* thì ngủ hay mơ màng và đa dâm.
8. *Không*, *Kiếp* thì nghèo và hay vì lời nói mà sinh cãi nhau.
9. *Thai*, *Hoa* *phùng Kiếp* thì đẻ con hay gián đoạn (ở cung *Tử* tức).
10. Ở cung *Tử* tức có *Nhật*, *Nguyệt* giáp *Thai* thì đẻ sinh đôi hoặc *thai* *bọc*.
11. *Mệnh* hoặc cung *Phu* có *Đào* ngộ *Mã* lấy chồng không phải cưới.
12. Cung *Giải* ách có *Bạch hổ* ngộ *Thai* thì khi huyết đen xấu lắm.
13. Cung *Tử* ngộ *Bạch hổ* và *Thai* thì đẻ con hay *thiếu hình* và *chết* *luôn*.
14. *Tuế* và *Kình* hay *kiện* *tụng* và *cãi* *nhau*.
15. *Thiên tướng* ngộ *Hồng loan* ở cung *Phu* hoặc *Mệnh* thì lấy chồng làm *quan* *to*.

16. *Mộc*, *Cái* thì lẳng lơ.
 17. *Xương*, *Khúc*, *Mã Đào* thì học giỏi và đẹp nhưng lẳng lơ.
 18. Cung Phu có *Phủ*, *Tướng* hoặc *Nhật*, *Nguyệt* lấy chồng quan.
 19. *Liêm* ở Mệnh thì đứng đắn.
 20. *Liêm*, *Tham* ở cung Phu thì chỉ lấy lẽ hoặc lấy chồng đã dở dang thì lấy được nếu không thì sát chồng.
 21. Mệnh có *Xương*, *Khúc* và *Riêu* thì làm nghề mãi dâm dung thân.
 22. Mệnh có *Cô* hoặc *Quả*, *Linh*, *Kinh* mà cung Phu có *Cự môn*, lại cung Tử có *Trường sinh* thì lấy 3 chồng, mà có cả con với 3 chồng ấy.
 23. Cung Phu có *Liêm* thì chồng nghèo và sát chồng.ư
 24. Cung Phu có *Lộc*, *mã* lấy chồng giàu.
 25. Cung Tử tức có *Khôi*, *Việt* để con học thức và làm nên.
 26. Cung Phu có *Long Phượng*, *Đào hoa*, thì chồng chơi bởi cả nghĩ gì đến vợ.
 27. Mệnh có *Thất sát*, *Riêu*, *Kinh dương* thì lảm điều.
 28. Mệnh có *Cơ*, *Hỏa* hoặc *Linh* và *Khốc* thì hay bị ma tà làm hoặc mình dở người ăn nói như là người có tà ma làm.
 29. *Mã ngọ* *Thai* và *Thiên riêu* mà Mệnh không có tử, trẻ thì theo giai.
 30. *Kinh dương*, *Sát*, *Hình*, *Riêu* dữ tợn lắm.
- Đàn và tuy gặp các sao xấu thì lẳng lơ nhưng gặp *Tử*, *Phủ*, *Hình*, *Thiên quý* thì lại đứng đắn.

Hình dáng tính nết người tùy theo sao thủ Mệnh (tiếp theo trang 124)

1. *Tử vi* và *Hoa cái* đồng cung Thìn, Tuất tính hòa nhã, phúc hậu.
2. *Liêm*, *Tham* thì tính tham và gian đảo.
3. *Vũ*, *Tham* đầu nhỏ mà mình thì to nhớn.
4. *Phá*, *Liêm* cung to và cao, tính thêu thào.
5. *Cự*, *Cơ* ở Mão, Dậu thì người đẹp nhưng thâm môi.
6. *Cơ*, *Lương* thì thông minh oai vệ.
7. *Xương*, *Khúc* thì người đẹp và học giỏi.
8. *Việt*, *Khôi* là người văn chương nhưng có nhiều nốt ruồi kín.
9. *Vũ*, *Tham* phùng *Lộc* thì râu quai nón.
10. *Long*, *Phượng* thì học giỏi và đẹp.
11. *Khốc*, *Hư* người đen mà nói thì dữ tợn nhưng bụng tử tế.
12. *Vũ* ngọ *Kỵ* thì đen và ai cũng ghét.
13. *Không*, *Kiếp Đà*, *Kinh* là người lảm điều hay cãi nhau.
14. *Mộc* dục thì hay làm dáng.
15. *Lâm* quan thì hay khoe.
16. *Trường sinh* ăn nói khôn ngoan.
17. *Tương quân* hoặc *Lực sĩ* hay thích về đăng võ.
18. *An quang* ăn nói dịu dàng ai cũng nể.
19. *Thanh long* thì thạo lắm.
20. *Tấu thư* thì ai cung yêu.
21. *Hỉ thần*, và *Hoa cái* thì môi ngắn miệng nhỏ.
22. *Bệnh phù* người gầy gò hay ốm.
23. *Đại*, *Tiểu hao* thì người gầy bé nhỏ.
24. *Hỏa*, *Linh* mặt lúc nào cũng nhăn nhó.
25. *Kinh dương* thì điếc hoặc có tật.

26. *Đà la* nói lấp hoặc mắt to mắt bé.
27. *Đào, Hồng* mặt tươi.
28. *Đồng, Cự, Kỵ* có tật ở chân.
29. *Vũ, Riêu, Phá toái* thì câm.
30. *Việt, Kỵ* thì nói ngọng.
31. *Thái dương, Riêu, Kỵ* hiếng mắt.
32. *Am, Dương* hãm phùng *Riêu, Kỵ* chột một mắt
33. *Lương, Hao, Không* thì tai bé mắt to.
34. *Mã, Bệnh phù, Đà, Kỵ* thì gù lưng và có bệnh tê thấp.
35. *Tuần, Triệt* đồng cung ở Mệnh thì tính không nhất định.
36. *Cô, Quả* chỉ thích ở một mình không thích đông người.
37. *Thái tuế* hay kiện tụng không ưa ai cả và người ta ai cũng ghét mình.
38. *Lộc tồn* thì tham nhưng đôn hậu.
39. *Đế vượng* là người hiền lành.
40. *Điều khách, Thiên riêu* hay chích cờ bạc.
41. *Thiên Quan, Thiên phúc* hay thích lễ bái và tin thần quyền.
42. *Hình, Sát, Kinh, Riêu* dữ tợn lắm.
43. *Việt, Cơ* thì sợ sấm sét.
44. *Tử vi* và *Sát* thì rất lắm.
45. *Tả, Hữu* ở Mệnh mà không có chính tinh thì cả đời chỉ ở xa quê mình.
46. *Mộ* thì không được thông minh.
47. *Thai* thì hay mê hoặc.
48. *Triệt* ở Kim cung thông minh.
49. *Tuyệt* ở cung *Hỏa* thì mạnh bạo.
50. *Hoá lộc* tính khí dịu dàng.
51. *Hoá quyền* thích hơn người.

QUYỂN III

TỬ VI CHỈ NAM, QUYỂN III CÁC CÁCH HAY VÀ DỞ

1. *Đàn ông*, Mệnh lập ở cung *Hợi*. *Đàn bà*, Mệnh ở cung *Dần* mà tuổi *Nhâm Thân* thì giàu sang lắm còn các tuổi khác thì tốt vừa.
2. **HỢP LỘC:** nghĩa là: ví dụ Mệnh ở *Dần* mà cung *Hợi* có *Lộc*, hoặc Mệnh ở *Tị* cung *Thân* có *Lộc*, mệnh ở *Thìn* cung *Dậu* có *Lộc* là cách HỢP LỘC thì giàu (cứ xem cung nào hợp với mệnh mà thấy có *Lộc* là *hợp Lộc*)
3. **Khoa minh Lộc ám cách.** như tuổi *Giáp* Mệnh lập tại *Hợi* có *Hoá khoa* cung *Dần* có *Hoá Lộc* thì làm nên to lắm.
4. **Khoa Lộc tuần phùng.** Như mệnh có sao tốt và các cung chiếu cũng có sao tốt mà trước mệnh 3 cung có *Khoa, Quyền, Lộc* thì làm nên to lắm.

5. Minh Lộc ám Lộc. Như tuổi Giáp mệnh tại Hợi có *Hóa Lộc* mà cung Dần có *Lộc tồn* là cách đại phú quý.

6. Thái âm phùng Văn Khúc. Ở cung Thê hoặc Phu. Như *Thái âm* cung Thê lại có các sao tốt nữ mà *Đại tiểu hạn* gặp thì con gái thi đỗ, làm nên, con gái được phong tằng.

Các cách dở

1. **Hao cư Lộc vị** là số đi ăn xen (như *Quan lộc* gặp *Đại Tiểu hao* lại phùng *Hình, Kỵ, Không, Kiếp* hoặc tuổi Dần, Ngọ, Tuất, mà mệnh ở cung Ngọ, tuổi Tị, Dậu, Sửu mệnh tại Dậu, tuổi Hợi, Mão, Mùi, mệnh tại Mão và Tuổi Thân, Tý, Thìn mệnh tại Tý gặp các sao ấy cung thế)

2. Cung Mệnh hoặc Thân hoặc Giải ách mà gặp *Cự môn, Kinh dương, Đà la* thì người ấy yếu đau và khổ sở cả đời.

3. Cung *Quan Lộc* có *Hình, Sát*, và *Liêm* mà *Đại, Tiểu hạn* gặp, thì chẳng gặp tai vạ cũng tù tội.

4. Cung *Thiên ri* có *Quan phù* và *giáp Hình, Sát* mà gặp hạn *Thái tuế* cũng bị tù tội.

5. Mệnh có *Thiên tướng* cùng với hung tinh lại *giáp* có *Kinh Dương, Đà* là tức là người ấy chết về tử nghiệp (mình làm về nghề gì chết về nghề ấy).

Vũ Khúc ở Huỳnh đệ

Tức là được 4 người và nhiều gái ít trai, nếu hợp mệnh lại đắc địa và có *Tàng sinh* hoặc *Đế vượng* hay *Thiên Phủ* thì lại càng nhiều lên, anh em thuận hòa và giàu có, nếu hãm địa và khắc mệnh và lại gặp các sao xấu thì bớt đi và nếu có nhiều cũng tàng tậ và xung khắc, phải nên suy xét và tùy các sao cùng với *Vũ khúc* mà đoán, ví như đã đắc địa lại hợp mệnh và lại gặp các sao *Kinh dương* và *Hỏa, Linh* đều đắc địa thì có người anh em trai làm nên về đàng võ, danh giá lừng lẫy và giàu. *Vũ khúc* ở hãm địa lại phùng *Cô thần* hoặc *Quả tú* thì có người chị em gái cô độc.

Vũ khúc ở cung Phu hoặc Thê

Vũ khúc mà đắc địa lại hợp mệnh thì nên lấy muộn nhưng lấy được vợ hoặc chồng giàu có, nếu hãm địa và khắc mệnh thì sinh ra bỏ nhau hoặc chết trước, nếu không cũng sinh ra phá sản. Có *Vũ khúc* ở cung Phu hoặc Thê thì bao giờ cũng lấy người con trưởng và lấy chậm, người vợ hay chồng bao giờ cũng có quyền hơn nếu cùng với *Phá quân* thì người vợ hoặc chồng đã dở dang rồi mới lấy nhau. Nếu có *Kinh, Đà, hình, Kỵ* thì người chồng có bệnh Hoa Liễu.

Vũ khúc ở Nô bộc

Nếu hợp mệnh và hãm địa lại gặp nhiều hung tinh thì đầy tớ giỏi và can đảm, giúp được nhiều việc cho chủ, nếu khắc mệnh và đắc địa lại gặp nhiều cát tinh thì tức là đầy tớ vương hơn chủ thì xấu, hay vô ơn chủ, và hay ăn cắp. Cần nhất mệnh có sao tốt mà cung Nô có sao *Vũ khúc* thì đầy tớ mới đắc lực, nếu mệnh có *Thiên không, Địa không, Địa kiếp* mà có *Vũ khúc* ở Nô đắc địa thì đầy tớ hay phản chủ. Sao *Vũ khúc* tức là lén, nếu mà *Quan võ* thì có nhiều lính nhưng chỉ sợ trước mặt, chứ sau lưng vẫn oán trách.

Vũ khúc ở Tử tức

Nếu hợp mệnh và đắc địa lại thêm có *Trường sinh* hoặc *Đế vượng* thì được 4, 5 người con, nếu hãm địa lại không hợp mệnh và có các sao *Tử, Tuyệt* lại thêm các sao Hung tinh, như là *Không, Kiếp, Dương, Đà, Hỏa, Linh, Đẩu quân, Hình, Kỵ, Riêu* thì người vợ cả chỉ có một con trai, sau lấy vợ lẽ thì có nhiều cần xem: ví như *Vũ khúc* là Kim mà lại gặp các sao là Thổ, như là *Thiên phủ* tức là sinh kim thì lại có thêm lên. Người tuổi *hỏa* mà gặp các sao cũng là *Hỏa* như

là, *Không, Kiếp, Dương, Đà Hỏa, Linh, Khốc, hư*, thì lại càng sát nhiều, dù có gặp *Vũ khúc* đặc địa cũng chết nhiều, chỉ nuôi được 2 người là cùng, nhưng con cũng có tật, nếu không cũng là đứa ngỗ nghịch, vì sao *Vũ khúc* là Bắc đẩu và Âm tính, và là sao tai tính mà ở vào cung Tử cho nên không đặc vị, nhưng nếu ở vào cung Âm thì con gái nhiều, và con gái hiếm hoi và hoá chồng sớm.

Thiên đồng ở cung Phu hoặc Thê

Nếu đặc địa và hợp mệnh lại gặp nhiều sao tốt thì vợ chồng ở với nhau bền, nếu cùng với *Thiên Lương* thì còn có họ xa với nhau, nếu hãm địa và gặp nhiều sao xấu thì ở với nhau không bền, hoặc ly di hay là chết trước và người chồng hoặc vợ ấy người ngu đần và xấu; nếu cùng với sao *Cự môn* ở Sửu hay Mùi thì khiếm hòa và người ấy có tàng tật và không thể ở với nhau lâu bền được. Cùng với *Tả, Hữu* thì 2 vợ hoặc 2 đời chồng. Cùng *Kình, Đà* thì hay đánh nhau cãi nhau. Cùng *Phục binh, Thái tuế* vì đánh nhau mà sinh kiện tụng rồi bỏ nhau. Cùng *Tang môn* và *Khốc Hư* thì sinh ra hoán cải. Cùng *Mã* và *Tuần* hoặc *Triệt* hay *Không, Kiếp* thì bỏ nhau, nếu gặp nhiều cát tinh và Giải tinh thì rồi lại tái hợp. Cùng với *Mã* và các sao tốt thì lấy vợ hoặc chồng nhà giàu. Nên tùy theo các ban tinh tốt, xấu mà đoán.

Thiên Đồng ở Tử –tức

Nếu đặc địa lại hợp mệnh và cùng các sao tốt thì được 6 người con., nếu gặp tuổi Thổ thì khắc 2 còn 4, - nếu gặp Trường Sinh hoặc Đế-vượng thì được 8,9 người, - nếu thêm nhiều sao tốt thì được 10 đến 12 người, vị Thiên-đồng là sao Âm mà gặp các sao Âm lại ở vào cung Âm thì được nhiều con gái, -nếu ở cung Dương lại gặp nhiều sao Dương thì 3 trai 3 gái cứ gặp 1 sao hung tức là khắc 1 con, nếu không cũng có 1 người tăng- lật và ngu xuẩn.

Nói tóm lại Thiên Đồng ở tử tức dù có gặp nhiều sao xấu thì cũng vẫn có con, chỉ hiếm đẻ nhiều mà nuôi ít thôi, và con về sau không được thịnh vượng.

Thiên Đồng ở Điền Trạch

Nếu đặc địa và hợp Mệnh tại gặp nhiều tài tình như là Song lộc và Thái âm thì có cửa tổ-nghiệp để cho và mình cũng tựu thêm được nhiều nữa, nếu có Long, Phượng nữa thì lại càng tựu được nhiều nữa, - cùng với *Hình, Ky, Tang, Ân* thì có người vô tự để cho, nhưng dương cơ bao giờ cũng khuyết, và hay sinh ra bệnh tật. Người tuổi hỏa hay mộc mà gặp Thiên Đồng hãm lại cùng *Không, Kiếp, Đại Tiểu hao* thì người ấy bán hết của tổ nghiệp để cho, nếu lại thêm có *Tuần* hay *Triệt* thì tuy bán đi rồi lại tựu được, có sao Thiên-đồng ở *Điền Trạch* thì hay canh cải nay tựu chỗ này, mai bán đi lại tựu chỗ khác, - nếu có *Hỏa* hay *Linh* và *Tang* mà không có nhiều sao thủy ở đấy và cũng không có *Tuần, Triệt* thì thế nào cũng bị cháy nhà.

Thiên Đồng ở phụ mẫu

Nếu đặc địa lại hợp Mệnh và cùng các sao tốt như là Thái-âm và Song lộc thì bố mẹ danh giá giàu có, - nếu cùng *Xương, Khúc, Khôi, Việt* thì bố mẹ do khoa cử xuất thân làm nên danh giá, -nếu hãm địa lại cùng *Kình, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp*, và *Đại, Tiểu hao* thì bố mẹ tàng tật và nghèo nên, - nếu cùng *Hình, Ky*, và *Bệnh Phù* thì hay yếu đau luôn, -nếu cùng *Bạch Hổ, Tang, Khốc* thì không song toàn.

Thiên Đồng ở Nô Bộc

Nếu hãm địa và hợp Mệnh lại cùng Không hoặc Kiếp hay Tang, Hổ thì đầy tớ trung thành và đắc lực –nếu khắc Mệnh lại đắc địa và gặp nhiều cát tinh thì đầy tớ hay phản trắc và chống chái chủ, phần nhiều đầy tớ là đàn bà vì Đồng là sao âm, -nếu cung Nô Bộc của đàn ông có Đào, Hồng mà Mệnh có nhiều quý tinh thì nhiều vợ lẽ và nhiều đầy tớ gái, phần nhiều lấy đầy tớ gái làm vợ lẽ còn như đàn bà mà gặp Đào-Hoa ở cung Nô thì Mệnh phải có Tử, Phủ, Quang, Quý, Hình và Thiên quan, Thiên Phúc thì mới đứng đắn, nếu Mệnh không có các sao ấy thì người ấy lẳng lơ.

Thái âm ở tài.

Nếu đắc địa lại hợp Mệnh và gặp song Lộc thì đại phú , - nếu hãm địa lại để về ban ngày mà gặp các sao xấu như là : Không, Kiếp, Đại Tiểu Hao thì dù có tài, cũng tán hết, -nếu Hình, Kỳ, Cô , Quả thì lại giữ được của,-như gặp Đông và Thiên Phúc thì chỉ làm người thủ từ ở đền, chùa mà có tiền,- như gặp Đào, Hồng, Riêu, Hỷ thì chỉ làm nghề mãi dâm mà có tiền muốn tránh thì nên học làm bà đỡ mà kiếm tiền thì phát tài.

Thái Âm ở quan-lộc

Nếu đắc địa lại hợp Mệnh lại là người để ban đêm và cùng các sao Xương, Khúc, Khôi Việt, Lộc-tồn và Tam-hóa thì đỗ và làm nên danh giá-nếu hãm địa lại để ban ngày và không hợp Mệnh lại cùng các sao xấu như là Kiếp, Kinh , và không thể làm nên được, lại bị sàng tạt nữa, chỉ làm thầy dạy học tư hay thầy cúng, thầy số thôi, nhưng cũng nổi tiếng là thầy hay.

Thái âm ở Thiên –Ri

Nếu đắc địa, hợp mệnh và là người để ban đêm lại gặp Song Lộc thì ra ngoài làm giàu, -nếu gặp Khoa, Quyền, Khôi, Việt hay Xương, Khúc thì ra ngoài đỗ cao và làm nên to, - nếu hãm địa lại khắc mệnh và là người để ban ngày mà có Kiếp, Kinh, Đà, Hình, Ky, Đại, Tiểu-Hao thì ra ngoài khó nhọc vất vả, chả làm nên công trạng gì cả và lại bị tâng tạt.

ĐOÁN SỐ THEO CÁC CÁCH.

Xem thi đỗ hoặc thăng chức.

Cần có Đào, Hồng, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Thái Phụ, phong-cáo, Quốc Ấn.

Xem lấy vợ hoặc đẻ non.

Cần có Thiên Hỷ, Hỷ Thần, Thiên –Riêu, Đào, Hồng, Long, phượng, Sát, Phá, Tham, Liêm.

Cần có Thiên-Hỷ, Hỷ Thần, Thiên-riêu, Đào, Hồng, Long, phượng, Sát, Phá, Tham, Liêm.

Xem Tù Tội, yếu đau

Có Tham, Liêm ở Ty, Hợi, Kinh-Đà ở Dần, Thân, Không, Kiếp, Hình, Ky, Hổ, Thái Tuế, Quan-Phù, Quan-Phủ, Thiên Sứ.

Xem Tang, Thương

Có Trúc-la đại hạn là Sát, Phá, Tham, Tang, Hư, Khốc, Khách, Bạch-Hổ, Kinh, Đà, Thiên-Thương.

Xem Chết Non.

Cần xem phúc đức có Sát, PháLiêm Tham, hãm địa và xem có Không, Kiếp ở Dần, Thân, các chính tinh đã hãm địa lại cùng các sao xấu như là Hình, Ky, Riêu và Thân, Mạnh hãm gặp

Kinh, Đà, Kiếp, Không, Bạch Hổ, Thái Tuế, hoặc Thân, Mệnh, bất hợp cách hoặc âm dương phản bội.

Phúc, Thọ cách

Tuổi Tỵ, Ngọ, Mùi gặp Thiên Đồng, Thiên tương thì phúc thọ song toàn.

Tuổi Hợi, Tý, Sửu, gặp Tử Vi, Vũ Khúc, Phá Quân, Tham lang cũng được thọ.

Thông minh cách

Người nào có Xương, Khúc, Phủ, Vũ, Tướng Phá, âm Dương đắc địa Thai, Tọa, Tả, Hữu.

Uy, Dũng Cách

Vũ, Xương, Kinh, Sát ở Mệnh lại gặp Quyền, Lộc, Tử, Phủ, Tả, Hữu chiếu.

Văn Chức Cách (Văn)

Xương, Khúc, Tả, Hữu, Khôi, Việt ở Mệnh lại có Tam Hóa chiếu.

Võ chức cách

Vũ, Sát ở Mệnh lại có Thai, Tọa, Quyền, Lộc Khôi Việt chiếu.

Phú, Quý cách

Tử, Phủ, Tướng, Tam-hóa, Nhật, Nguyệt, Xương, Khúc, Tả, Hữu, Khôi, Việt.

Hình danh sách (Phải tù tội)

Kinh, Đà, Sát, Liêm, Phá, Vũ, Thiên Không, Địa Không, Địa Kiếp, Đại, Tiểu-Hao và Hóa Ky mà hãm địa.

Bệnh Tật

Tham, Liêm, Tinh, Đà, Thiên-Không, và Thông, Kiếp, Hỏa Linh, Ky.

Tăng-Đạo cách (đi tu)

Cơ, Lương, Sát, Phá, Thông, Kiếp, Tử-vi, Hóa, Sát.

Cách xem tiểu hạn

- 1- Học trò mà gặp Xương, Khúc, Khoa, Quyền, thì thi đỗ.
- 2- Làm ruộng mà gặp Cơ, Lương, Diêu ; Ky thì được mùa có nhiều thóc lúa.
- 3- Làm thợ mà gặp Tham, Vũ, Cơ, Hình thì phát tài
- 4- Buôn bán gặp Long, Phượng, Việt, Lộc, Mã thì phát tài.
- 5- Thầy thuốc mà gặp Diêu, Tuế, Hình, Kiếp, Ky thì hay có ngoại lộc (phát tài).
- 6- Thầy cúng mà gặp Hổ, Tang, Tuế, Khốc thì phát tài
- 7- Thầy số hoặc Thầy bói mà gặp Tuế, Quan-Phù thì phát tài.
- 8- Thầy địa lý gặp Phong-cáo, Vũ, Thái Dương thì phát tài.
- 9- Thợ rèn gặp Kinh, Hỏa, Tang, Hình thì phát tài.
- 10- Thợ âm nhạc (thổi kèn đánh trống) gặp Hỷ Thần, Tang, Tuế thì phát tài

Phàm xem tiểu hạn cứ Văn gặp sao Văn thì sự nghiệp thành, Vũ gặp sao Vũ thì công danh đạt

Cách Xem Người Ta Ở Đâu Thì Làm An Thịnh Vượng

Như người nào có Hổ, Tang thì ở sơn lâm phát tài, - có Lộc, Mã thì cứ ở vào phương Bắc thì phát tài, -có Tham, Riêu, Cự, Ky thì phải phòng sông nước, nhưng nếu ở vào phương Nam

thì phát tài và không lo ngại gì về sông nước nữa, - có Đào, Hồng, Riêu, Cái thì hay lắm
dục thị phi, nhưng nếu ở thành thị thì vừa ý.

Xem sao nào ở mệnh thì sống được bao nhiêu tuổi.

Tử – Vi đắc địa thọ 81	Thiên - Cơ Thọ 73 tuổi	Kinh Dương 33
Thiên – Phủ 84	Thái Âm 73	Thiên – Đồng 93
Thiên Tướng 70	Thất Sát 80	Cự – Môn 70
Văn Khúc 63	Hãm – Địa 50	Văn – Xương 77
Hỏa hoặc Linh 40	Lộc – Tồn 73	Đà- La 49

Nếu đàn bà gặp Xương, Khúc thì giảm thọ

Như Xương, Khúc, cùng với Liêm, Tham, Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Cự, Sát, Riêu, Hình, Phá, Suy, Bệnh Tử, Tuyệt, hoặc Lộc Ngộ Không, Kiếp, Đào, Hồng ngộ Kiếp, Không dù có đắc địa cũng chỉ được trung thọ chứ không được thọ lắm, nếu hãm địa thì chỉ được 40 tuổi, - Như mệnh mà gặp các sao đã kể ở trên mà đều hãm địa cả thì chỉ sống được 35 tuổi.-Nếu trong cung mệnh hoặc chiếu có được nhiều sao tốt thì thọ được thêm 10 tuổi nữa, nếu thêm có ít sao tốt thì chỉ thọ thêm được 4 hay 5 tuổi nữa thôi.

Xem thọ yếu phải suy xét rất cẩn thận mới đúng, ví dụ như cung Phúc-đức mà có Lộc tồn thì thọ 73 tuổi, nhưng Mệnh lại có Kinh dương thì sống được có 33 thôi, thế thì số 73 hãy đem trừ đi 33 còn 40 lại lấy 40 đem chia làm hai, còn 20 , rồi lấy 20 cộng với 33 thế là người ấy chỉ sống được 53 tuổi. Nhưng nếu Mệnh lại có thêm một cách yếu nữa thì cái số 40 kia lại phải chia làm 3, ấy một phần mà thôi thế là người ấy lại chỉ sống được có 46 hoặc 47 thôi.

Như thân Mệnh có nhiều sao lành, ít sao giữ mà hạn gặp Sát, Phá, Tham, miếu, vượng thì cũng gọi là hạn Trú – La nhưng có nhiều sao tốt đối chiếu thì không gọi là hạn Trú-la được (tuy không phải là hạn Trú – La nhưng cũng xấu).

Như Tiểu hạn gặp Sát, Phá, Tham, mà hạn đến cung ấy có nhiều sao Thổ thì hay bị bệnh nôn mửa, nên gặp sao Kim hoặc Thủy thì trước rét sau sinh ra phù thũng, gặp sao Thủy thì hay rét, sao Hỏa thì hay nóng.

Xem đàn bà chữa.

Như đàn bà chữa thì cứ lấy năm ấy mà xem nếu gặp nhiều sao Mộc thì hay xảy ra sự phải lo ngại

Nếu có Hỷ- thần ngộ Dương thì sinh con quý-tử, nếu Thai ngộ Đào, Hồng thì đẻ con gái Âm, Dương ngộ Trường sinh ở Thìn, Tuất thì đẻ con giai sau làm nên to.

Cơ, Cự phùng Thái Âm thì đẻ sinh đôi nếu ngộ Tuân, Triệt thì nuôi được một.

Tử, Phủ Phùng Thiên Tướng thì sinh con quý tử.

Đào, Hồng ngộ, Tử –vi cũng đẻ con quý tử.

Tử, Phủ ở Dần, Thân phùng Đại, Tiểu Hao đẻ con phá gia.

Thiên Phủ và Đào Hoa ở Mão, Dân đẻ con giai.

Nhật, Nguyệt đắc địa thì đẻ sinh đôi.

Cự, Cơ Ngộ Riêu để con gái.

Vũ, Sát ở Mão, Dậu để con gái.

Đồng, Lương phùng Lộc, Mã để con gái, rồi giàu to.

Tử, Phủ Phùng Tả, Hữu ,để con gái, lấy chồng quan to.

Cách xem ngày nào được ăn thức gì của ai cho.

Muốn biết đến ngày nào được ăn thức gì của ai cho thì phải gọi tháng giêng từ năm ấy (ví dụ như năm Hợi thì tính tháng giêng ở cung Sửu tức là năm Hợi rồi tính nghịch lại đến tháng 3 ở cung Hợi rồi tính thuận đến ngày để tức là cung Dần ấy là tháng giêng ở đấy, nếu mình tìm tháng 5 thì ở cung Ngọ-Muốn xem ngày nào thì tính mồng một ở cung ấy thuận đến ngày nào mình muốn xem, nếu muốn tìm giờ thì lại tính giờ Tý tự cung ấy tính thuận đến giờ nào mà mình muốn xem. Ví như xem ở cung ấy có Thái Dương là của ông già cho, có Thái âm là bà già cho , có Thiên Khôi là của người Hương-Trưởng, Tộc Trưởng cho, có Thiên –Phúc là của ông sư, ông cụ hoặc các thầy chùa cho, có Xương –khúc là học trò cho, có Phượng Cát, Đáo , Hồng là của gái cho.

Có Thanh-Long, Thiên Hỷ có người báo tin mừng, có Tang Điều, Khốc, Hư có người báo tin thương xót, có quý tinh là quý khách, có ác tinh là ác khách, có Thiên mã là ông quan hoặc người có quyền chức, có Bạch-Hổ, Tham-lang là loài thú , ở Tuất là chó, ở Tỵ là rắn, có Kinh dương cũng là loài thú, ở Sửu là trâu, ở Mùi là dê, -có Tả, Hữu là đầy tớ, có Tử, Tướng là quân-sư, có Hồng-loan, Phượng Các là thịt chim, có Thanh-Long là cá hoặc tôm, có Đào Hoa là hoa quả, có Riêu, Liêm cũng là hoa quả, có Đà, Riêu là rượu nước hoặc đồ uống, ở bản cung là nội vật, ở chiếu cung là ngoại vật, ở cung thủy là vật ướt ,ở cung hỏa là vật khô,-Nếu gặp Tam_không thì không có .-

Ở cung Tý là chuột, ở Dần là Hổ, ở Mão là Mèo, ở Thìn là Rồng, ở Ngọ là Ngựa, ở Thân là Khỉ, ở Dậu là Gà ở Hợi là Lợn.

Số Hoàng Đế

Huynh Nễ Thái Dương Tuyeät,Phau Toaui Thieân-Vieät, Phi lieâm, Tröic phuoè	Meänh Phá Quân Thai, Thieân Phuộc Hỷ-Thần, Thái tuế,Tam-thai 2	Phuĩ Maâu Dööông, Thieáu- döông, Beänh phuoè, Quoaéc-aán, Thieân khoâng, Nöa kieáp 12	Phuộc Nöüc Töü Vi Thiên Phủ Thieân Giaüi, Hoüa Quyeàn, Thieân Maö, Trööông Sinh, Coä thaàn, Baüt toïa, Nãi hao, Tang- moän 22 TUÂN
Theä Vuö-Khuüc Hoa Kí, Hoüa- khoa chööng caüc, Taü-phuĩ, Taáu- thö, Nïeäu khaüch, Giaüi thaàn, Moä	Mùi Dậu Thân Tuất		Nïeän Traïch Thaüi aâm Phuïc binh, Thieán aâm, Duïc, Loan, Hinh, Hoüa.
Töi Lööc Thiên Đông Nöa-khoâng, Nïaü	Năm Nhâm Ngọ Thaùng Giêng ngày 15 giờ Ngöi Thaân		

Cách . 1. Sát, Phá, Liêm, Tham, phùng Quan, Phúc và Văn-Xương, Văn-Khúc tuổi Mộc thì hợp cách

Dương cư Dương vị, Mệnh Cục tương sinh

Thân Mệnh đều ở cung Dương cả, thế là Thân, Mệnh đều hợp.

Thiên-rii giáp Song-lộc (cách này quý lắm) Pháquân ở Mệnh đắc địa lại gặp Tham-Lang, Thất sát, Liêm Trinh đều đắc địa cả và có Bạch –hổ cư Dân tức Hồ cư Hồ-vị cho nên tốt lắm.

Cung Phúc Đức cũng tốt quá vì có Tử, Phủ, Hóa –quyền, Hóa-Khoa và Thiên Mã.

SỐ QUẬN CÔNG

Giải ách Thiên Phu Hoàng, Quang Lâm, Tiểu Long-nhục, Sầu.	Tài bạch Thân Thiên –nhàng Thài âm Tồùng, Võông Hoả, Xông, Caò	Tử Tức Tham, Vu Suy, Quaun, Phuoc nhuc, Thõ, Viêt, Nhõong phu, Khoa khoang, Quaun 12	Thê Thài Dõng Cõi moan Khuoc, Khauch, Khoac, Kì, Thiên Giaui.
Thiên-ri Thoi, Thai, Phu, Thanh Long, Nhõi, Hõ. 66	<div><div>Hội Tý</div><div>Sửu Dần</div><div>Năm Giáp Tuất</div><div>Thùng Gieang ngày 13</div><div>Meio Tuaát</div><div>giờ Thìn</div><div>Daau Thinnu</div><div>Dõng Nam</div><div>Hoúa Meanh</div><div>Hoúa Luic Cuic</div><div>Thân Mùi</div></div>		Huynh Đệ Thiên Tồùng TỬ Thiên Phuoc Hyu Thaàn, Hinh
Noa boac Lieâm Trinh Phau Quaun Kính, Nao, Kieap, Quyean, Loac, Duic, Lõic, Phuoc, Thõng 56			Meanh Cõ, Lõong Moã Caui, Aãn, Phu, Toia, Baät, Beanh-phuoc, Tuea. 42

Cách-1.Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương phùng Lộc Mã và Văn Xương-2. Mộ trung Thai, Tọa-3. Hợp Quyền, Lộc-4. Quốc Ấn, Thai-Phụ, Phong-Cáo, Hoa-cai chiếu mệnh.

Mệnh-Có Cơ, Lương ở cung Tuất lại Mệnh Hỏa gặp Cơ là Mộc và Mệnh là Giáp Tuất tức là Dương mà ở cung Dương cho nên xuất thân về võ mà làm đến Quận Công.

Thọ được 67 tuổi vì tuổi Tuất mà hạn đến cung Thìn Tuất rất kỵ vì nhẽ ấy đại hạn ở cung Thìn có Thái-tuế, Khốc, Khách Kỵ chiếu, tiểu hạn ở cung Tuất mà năm ấy là năm Thìn, tức là Thìn, Tuất tương xung và năm ấy gặp Thái tuế, Bạch Hổ cho nên chết.

Số này vì có Bạch Hổ, Tướng Quân chiếu mệnh cho nên tính nóng vì nhẽ ấy có một người vợ bỏ đi là vì cung Thê có Tuần, Triệt và Hóa kỵ lại Thiên Mã chiếu cho nên vợ chẳng bỏ đi thì cũng chết có 3 vợ và 4 con, 2 con gái, 2 con gái và con đều làm quan cả nhưng ngoài 30 tuổi mới làm nên vì rằng sách mới giàu.- Nhưng vì có Thiên Việt là con thứ mà lại có sao Địa Không ở đấy cho nên tuy người con thứ cũng làm nên nhưng nghèo và chết non.

SỐ THƯỢNG THƯ

Nô Bộc Thiên Quan, Tọa, Lộc tồn Bác, Thương 55	Thiên –ri Thiên –cơ Lực sĩ, Kinh, Quyền, Khốc, Hư, Văn 65	Giải ách Tử vi Phá-quân Thanh long, Long Đức Thiên Sứ 75	Tài bạch Hổ, Tiểu hao Thiên Giải, Phụ, Xương, Khoa, Trường sinh
Quan Lộc Thân Thái Dương Phù, Tri, Thọ, Đà, Quan Phủ, Cáo 45	Mùi Thân Dậu Tuất Ngo Tháng Giêng Mùng sáu giờ Dần Hợi	<div> <div>Tử tức Thiên Phủ Tam thai, Việt, Hình, Thiên-đức Tướng, Đào</div> <div> <div>Thê Thái Âm Hữu, Các, Tấu, Đối, Khách</div> <div> <div>Thìn Mẹo Dần Sửu</div> <div> <div>Ty</div> <div>Dương Nam Thủy Mệnh Thổ Cục</div> <div>Ty</div> </div> </div> </div> </div>	
Diễn trạch Thất sát Vũ Khúc Hong, Bình Thiếu âm, Tử 35			
Phúc Đức Thiên Đồng Thiên Lương Lộc, Mã, Đại, Tang, Quý 25	Phụ-mẫu Thiên Tướng Bệnh phù, y, Riêu, Ấn, Suy 15	Mệnh Cự môn Thiên Phúc Vạn, Tuế, Quang, Tài, Hỷ 5	Huynh Đệ Liêm Trinh Tham-Lang Khôi, Kỵ, Lâm-quan, Phi.

Cách-. Cự Nhật phùng Xương, Khúc, Khoa, Quyền, và Bạch Hổ chiếu Tây Phương.

Mệnh .- Có Cự môn cư Tý tức là cách Thạch trong ẩn ngọc mà mệnh là Thủy lại gặp Cự Môn là Thủy cho nên hợp , lại thêm Dương cư Dương Vị và Thân Mệnh đều hợp cho nên học giỏi, đỗ và làm nên đến Thượng Thư. Nhưng vì Mệnh có Thái, Cự môn cho nên hay có Quan tụng và cung Quan lại có Triệt cho nên dương làm quan mà bị kiện phải về nghỉ một hạn là 3,4 tháng rồi lại ra là vì có Tả –phụ ở đấy. Số này giàu lắm và có nhiều nhà với ruộng . Cung Tử-tức có Thiên Phủ cho nên được 6,7 người con vsà đều làm nên danh giá cả. Chính năm Thân (1932) vì hạn Thái tuế, Cự môn cho nên vì bị kiện mà phải về rồi lại được ra ngay.-Hiện năm 1935 còn sống và về hưu trí

SỐ ĐỐC HỌC

Phúc Đức Vũ Khúc Phá –Quân Phúc –đức, Tồn Bật 23	Điền Trạch Thái Dương Khoa, Xương, Quang, Linh, Hỏa, Dương 33	Quan Lộc, Thiên Phủ Loan, Long Địa-không. 43	Nô-Bộc Thái Âm Thiên Cơ, Tiểu, Khúc, Quyền, Tuế, Quý. 53
Phụ Mẫu Thiên Đồng Lộc, Hổ, Cái. 13	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> Mẹo Thìn Tý Ngọ </div> <div style="text-align: center;"> <p>Năm Bính-Thân Tháng 6, ngày 26, giờ Thìn</p> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> Dần Mùi </div>		Thiên-ri Tử-vi Tham-lang Việt, Phù, Quân Không, Hoa 63
Mệnh Vượng, Long-đức, Bính, Kiếp 3	Sửu	Dương Nam Hỏa, Mệnh, Mộc Tam Cục Thân	Giải ách Cự –môn Tang, thư
	Tý	Hợi	Tuất
			Dậu
Huynh Đệ Lâm, Mã Đại,Các	Thê Liêm-Trình Thất-Sát Thiên-hỷ, Kỵ, Đối	Tử-tức Thiên Lương Hỷ thần, Tri.	Tài –bạch THÂN Thiên-tướng Khôi, Sinh.

Cách 1: 1.Mệnh vô chính diệu đặc Nhị Không.

2. Tử, Phủ, Tướng, phùng Tả Phụ, Khôi, Việt chiếu Mệnh.

3. Phủ, Tướng chiếu viên toàn gia thực lộc

4. Tiền Cái hậu Mã

5. Cung Quan giáp Nhật-Nguyệt, Khoa, Quyền.

Mệnh Tuy có Địa –Kiếp nhưng được có Tử –Phủ và TảPhụ . Khôi, Việt chiếu Mệnh cho nên học giỏi và đỗ làm Giáo-sư rồi làm lên đến Đốc-học nhưng vẫn nghèo vì tán tài lắm, có Đào Hồng ngộ Kiếp, Không mà sao không chết non là vì đại hạn đương tốt và gặp Thái Dương cư Ngọ vả lại Phúc-Đức có Lộc Tồn cho nên năm 1935 còn sống. –Vợ chết trước vì có Liêm sát và Hóa Kỵ-Cung huynh đệ có Thiên Mã , Đại Hao ,Tuế Phá thế mà được 7 anh em đều làm nên danh giá cả. – Cung Phụ Mẫu có Thiên –Đồng cùngBạch –Hổ và Tuần, Triệt mà sao bố mẹ hiện năm 1935 còn song toàn cả, như thế thì không nên tin cung Phụ Mẫu mà suy vào số mình xem đúng hay sai, chỉ nên suy xét tính nết mình mà xem số có đúng không, chứ xem cung Phụ Mẫu mà suy vào số mình xem đúng hay sai, chỉ nên suy xét tính nết của mình mà xem số đó đúng hay Không, chứ xem cung pPhụ, Mẫu nếu có thấy Bạch –Hổ và Tuần, Triệt thì cho là chết sớm, như thế có phải sai cả không. Vậy xem số không nên lấy cung bố mẹ và anh em mà xem có đúng hay không ? Chỉ nên suy xét tính nết của mình xem nếu đúng thì cho là đúng nếu sai thì cho là sai.Vì tôi lấy nhiều số đều thấy cung Phụ Mẫu và Huynh Đệ 10 phần sai đến 7 hoặc 8 phần.

SỐ VÕ NHẤT PHẨM (THỐNG CHẾ)

Cách – 1^o **Cự Nhật, Đồng Cung** phùng **Bạch Hổ, Phục-Binh , Tả, Hưu, Xương, Khúc -2^o Lộc, Mã, chiếu Mệnh.**

Mệnh : Có các cách đã kể ở trên mà tuổi Canh thì hợp lại Dương cư Dương vị cho nên văn, võ kiêm toàn Mệnh Thổ lại ở cung Mộc cho nên lúc còn ít tuổi vất vả mãi đến năm 37 tuổi đến cung Tỵ và Đại hạn cũng ở đấy nên mới xuất thân làm việc quan rồi lên dần dần đến Thống chế, năm 73 tuổi thì chết và ngày mồng một tháng giêng vì Tiểu hạn năm ấy ở cung Thìn là năm Tuất mà gặp Thái Tuế, Hư Khốc, Khách và tuổi Tuất rất kỵ hạn đến cung Thìn, Tuất lại đúng vào năm Tuất là năm tuổi và tháng năm là tháng Ngọ-Được 2 trai 3 gái vì cung Tử –tức có Thiên Phủ ở cung Âm cho nên nhiều gái .-Hai vợ mà vợ cả chết trước vì có Tang, Hổ chiếu về cung Thê.

SỐ TUẦN PHỦ

Cách –1. Âm Dương, đắc địa phùng Quyền , Lộc và Văn Khúc, Tấu Thư-2. Lộc , Mã, Giao Trì-3. Cơ, Nguyệt, Đồng Lương.

Mệnh .- Có các cách đã kể ở trên cho nên học giỏi và đỗ Cử –nhân mà làm đến Tuần Phủ, nhưng bất đắc kỳ tử vì là cung Thiên –Ri có Thái Tuế, Đà la, Hỏa Tinh. Sách dạy rằng : Thái Tuế gặp Đà La ở cung Thìn, Tuất rất độc vì người thù mà ám sát năm 37 tuổi, vì đại hạn gặp Thất Sát, Phục Binh, Thiên Hình và có Liêm, Tham ở Hợi chiếu về chính cung đại hạn là cung Mão tức là hạn Sát , Phá, Tham lại Tiểu Hạn năm ấy là năm Sửu và ở cung Mùi cũng gặp Sát, Phá, Tham, Thiên Hình, Phục Binh, Địa Kiếp cho nên bị chết vì ám sát.

Vợ chết sau và được 3 trai , 2 gái và con về sau cũng làm nên to, vì cung Tử Tức có Tử Vi, Hồng loan , Bát tọa chiếu về.

SỐ VÕ NHẤT PHẨM (THỐNG CHẾ)

Điền Trạch Tử – Vi Thất-Sát Loan, Đại – hạn Long-đức 35	Quan-lộc Thai, Hổ, Bính, Xương, Bật, Cáo 45	Nô –Bộc Thiên Quang Phúc –Đức, Khôi, Thiên –Đức, Đà, Không. 55	Thiên-ri Khách, Lộc –tồn Trường, Tả, Khúc, Khốc, Mã. 65
Phúc Đức Thiên Hương Thiên Cơ Mộ, Quốc Ấn 25	<div><div>Hợi</div><div>Tuất</div><div>Dậu</div><div>Thân</div><div>Mùi</div><div>Ngọ</div><div>Ty</div><div>Tý</div><div>Sửu</div><div>Dần</div><div>Năm Canh Tuất</div><div>Tháng 5 ngày 20,</div><div>giờ Thìn</div><div>Mẹo</div><div>Dương -</div><div>Nam,Thổ</div><div>Mệnh, Thổ</div><div>ngũ cục</div><div>Thìn</div></div>		<div>TUẦN TRIỆT</div> <div>Giải Ách</div> <div>Liên Trinh</div> <div>Phá Quân</div> <div>Thiên Phúc</div> <div>Lực, Mộc, Lộc,</div> <div>Quyền, Kinh.</div> <div>75</div>
Phụ mẫu Thiên-tướng Kiếp, Hoa, Thai, Hỷ- Thần, Tử phù			Tài-bạch THÂN Thái Tuế, Đối, Cái, Thai Phụ, Đầu.
Mệnh Thái –Dương Cự-Môn Ky, Tri, Quý.	Huỳnh-Đệ Tham –Lang Vũ –Khúc Khoa, Việt, Tấu –thư.	Thê Thiên-Đồng Thái Âm Tang, Quân, Các Vượng, Quang Tài, Giải-Thần.	Tử Tức Thiên Phủ Tiểu, Lâm, Tọa, Thiên-Hỷ, Thiên Không, Cô.

SỐ TUẦN PHỦ

Giải Ách Thiên Quan Cơ, Không, Tồn.	Tài bạch Thiên cơ Tang, Sĩ, Khúc, Các, Quyền, Kinh.	Tử –tức Tử –vi Phá –Quân Thiên-hình	Thê Tiểu hao, Văn Xương, Long Trì, Hoa- khoa
TRIỆT			

Thiên –ri Thái Dương Đà, Cái, Cáo, Thái Tuế, Quang.	Hợi Tuất Tý Sửu Năm Bính Thìn Tháng 11 Ngày 10 Giờ Dần Mẹo Thìn		Huynh Đệ Thiên Phủ Tướng, Việt, Hoa, Địa
Nô-bộc Thất –sát Vũ Khúc Tọa, Vượng, Bình, Thương	Dậu Dương Nam Thổ Mệnh Mộc Tam Cục Thân Mùi Ngọ Tỵ		Mệnh Thái-âm Thư, Quý, Hư.
Quan Lộc THÂN Thiên Đồng Thiên- Lương Lộc, Mã, Khốc, Tả, Đại, Khách.	Điền Trạch Thiên Tướng Tú, Kiếp, Ấn, Đối	Phúc-đức Cự Môn Thiên Phúc Hổ, Dục, Bật	Phụ Mẫu Liêm Trinh Tham –lang Sinh, Thai, Khôi, Ky, Loan, Y.

Cách – 1. Âm, Dương, đặc địa phùng Quyền, Lộc và Văn Khúc, Tấu Thư-2. Lộc, Mã, Giao Trì –8 Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương.

Mệnh -. Có các cách đã kể ở trên cho nên học giỏi và đỗ Cử nhân mà làm đến Tuần Phủ; nhưng bất đắc kỳ tử là vì cung Thiên-ri có Thái Tuế, Đà La, Hỏa tinh. Sách dạy rằng : Thái Tuế gặp Đà La ở cung Thìn. Tuất rất độc, vì người thù mà ám sát năm 37 tuổi, vì đại hạn gặp Thất Sát, Phục binh, Thiên hình và có Liêm, Tham ở Hợi chiếu về chính cung đại hạn là cung Mão tức là Hạn Sát, Phá, Tham lại tiểu hạn năm ấy là năm Sửu và ở cung Mùi cũng gặp Sát, Phá, Tham, Thiên –hình, Phục –binh, Địa kiếp cho nên bị chết vì ám sát.

Vợ chết sau và được 3 trai, 2 gái và con về sau cũng làm nên to, vì cung Tử Tức có Tử vi, Hồng Loan,, Bát Tọa chiếu về.

Số Bà Tuần Phủ

Thê Thiên Cơ Hổ, Lực, Đà.	Huynh Đệ Tử Vi Tồn, Bác, Đào Hồng, Kiếp	Mệnh Khách, Dục, Quả, Kinh.	Phụ Mẫu Phá Quân Bình, Sinh, Việt.
<div>TRIỆT</div>			

25	15	5	
Tử Tức Thất Sát Vương, Quang Tả, Thai, Đẩu Quân, Địa 35	Mùi Thân Dậu Tuất Ngọ Hợi Tý Thìn Mẹo Dần Sửu	Âm Nam Thổ Mệnh Thổ Ngũ Cục	Phúc Đức THÂN Đại, Thái Tuế, Khốc, Thiên quan, Cáo, Hình
Tài-bạch Thái Dương Thiên-lương Tiểu, Xương Hư, Khoa 45	Ty		Điền-Trạch Thiên Phủ Liên Trinh Quý, Hữu, Tọa, Không.
THIÊN Giải – Ách Vũ Khúc Thiên Tướng Quân, Lộc, Thiên Phúc, Ấn. 55	Thiên-ri Thiên-Đông Cự – môn Cái, Riêu, Y. 65	Nô-bộc Tham –lang Khôi, Thiên-Hỷ Quyền.	Quan Lộc, Thái âm , Tang, Khốc, Mã, Ky, Cô.

Cách –1 Nhật, Nguyệt tịnh minh phùng Xương, Khúc và Hóa Khoa-2. Thiên –Ri giáp Song Lộc Mệnh – Có các sao đã kể ở trên và sách nói rằng Âm Dương, Xương Khúc, văn quan Nhất Phẩm mà sao chỉ làm đến Bối-chánh hạn nhì , là vì có Hóa Kỵ và Kinh Dương.

Năm 16 tuổi đỗ Tú tài vì hạn gặp Tử, Phủ, Vũ, Tướng, Thai, Tọa, Tả, Hữu và Song lộc Đào, Hồng.-Năm 20 tuổi đỗ Cử Nhân vì rằng cũng gặp Tử, Phủ, Vũ, Tướng –28 tuổi được đi Hậu Bối và để con năm ấy vì hạn cũng lại gặp Tử, Phủ, Vũ, Tướng, cho nên được bổ Tri-huyện rồi làm dần dần đến Bối Chánh và thọ 66 tuổi.

Thê : Vì có Bạch Hổ cho nên vợ chết trước và có 2 vợ

Tử Tức : Vì có Đế Vương, Thất Sát, Tả Phụ, cho nên được 3 trai 2 gái và có con với vợ lẽ.

Chết năm 66 tuổi vì đại hạn ở cung Thiên –Ri có Bạch Hổ, Thái Tuế , Kinh Dương và tiểu hạn cũng ở đấy , mà năm ấy là năm Mão tức là Mão, Dậu tương xung cho nên chết và chết vào ngày 25 tháng 6.

SỐ QUAN PHỦ

Giải Ach Bình, HỔ, Hỏa	Tài-Bạch Thiên Sơ Lộc, Khúc Đào, Loan <div>45</div>	Tử Tức Tử Vi Phá Quân Khoa, Thai, Tú, Tọa, Hình <div>35</div>	Thê Thiên Phúc Xương, Việt Hỷ Thần, Linh <div>25</div>
Thiên Ri Thái Dương Thiên Quan Kinh, Cáo	Mùi <div>Thân</div> Ngọ <div>Âm Nam</div> Ty Thủy Mệnh Thổ Ngũ Cục <div>Thìn</div> <div>Mẹo</div>	Dậu Tuất Năm Ất Dậu Tháng 11 Ngày 30 Giờ Dần Hợi <div>Tý</div> Dần Sửu	Huynh –Đệ Thiên Phủ Thái Tuế, Khốc, Địa, Không.
Nô Bộc Thất Sát Vũ Khúc Tôn, Bác.			Mệnh Thái Âm, Kỵ, Thư Thiên Không.
Quan Lộc THÂN Thiên Đồng Thiên lương Quyên, Tả, Quý, Đà	Điền Trạch Thiên Tướng Long, Cát Cái, Kiếp	Phúc, Đức Cự Môn, Hữu, Khôi, Đại, Quang, Thiên-Hỷ	Phụ Mẫu Liêm Trinh Tham Lang Mã, Tướng, Riêu, Ấn, Y, Tang.

Cách 1- Âm Dương đắc địa phùng Văn-khúc và Quyên-Lộc

2- Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương.

Mệnh : Có các cách đã kể ở trên và có Thái Âm phùng Hòa Kỵ cho nên bị cận thị, học giỏi và đỗ Cử Nhân và được bổ Tri Huyện , hiện năm 1935 đã làm Tri phủ. Vì có Hóa Kỵ và Kinh, Đà Chiếu lại Mệnh Thủy ở vào cung Thổ cho nên khác, bởi vậy cho nên năm 1932 tức là Nhâm Thân bị điền rồi về nghỉ phép, đến năm 1933 mới được thăng Tri-phủ. Năm Thân vì bị hạn ở cung Ngọ có Hóa Kỵ, Đà La, Cự Môn và đại hạn cũng ở đấy tức là đại, tiểu hạn trùng phùng, vả lại năm ấy có Kinh Đà lưu niên cũng chiếu về hạn cho nên độc lắm, vì nhẽ ấy hóa điền, Tử Tức có Tử Vi ngộ tuần, Triệt cho nên được 3 người con (2 trai 1 gái), cung Thê có Cự Môn chiếu cho nên 2 vợ.

Số Y Tá

Cách –Cơ, Nguyệt, Đồng Lương phùng Thiên Y, Thiên Riêu, Thiên Tài, Thiên Thọ và Lộc Tồn.

Mệnh : Có các cách đã kể ở trên cho nên xuất thân ra lính rồi lên đội, hiện 1935 đương làm khán hộ có công danh sớm vì có Bát tọa ở cung Quan , có Phẩm Hàm và huy chương vì Hoa Cái

ở Cung Quan, Mệnh có Thái Tuế là Hỏa vì ở cung Hỏa, cho nên tuy không bị kiện nhưng cũng bị thượng cấp quở trách cho nên chậm được thăng chức.

Số này chẳng ưa ai và chẳng ai ưa mình. Vì có Thái Tuế Địa Kiếp thủ mệnh và tán tài lộc, năm 1935 hiện đương làm việc.

Đáng nhẽ số có Cự, Ký ở Thân thì chết đuối mà làm sao chỉ bị ngã xuống ao, rồi lại có người vớt vì rằng có Triệt đắc địa ở đấy cho nên giải hạn.

Cung Thê có Tuần và Địa Không cho nên vợ chết sớm được 2 trai 1 gái với vợ 2.

SỐ Y TÁ

Huỳnh Đệ Thiên Phủ Tiểu	Mệnh Thiên Đồng Thái Âm Thái Tuế, Kiếp, Quân.	Phụ Mẫu Tham-lang Vũ Khúc Khoa, Việt, Thiên Không.	Phúc-Đức THÂN Cự Môn Thái Dương Mã, Ky, Hình, Tang, Cô, Hỏa, Linh, Bính.
TUẦN	5	15	TRIỆT 25
Thê Giải Tuần, Thanh, Các, Khách, Thai, Địa, Không.	Mùi Thân Dậu Tuất Năm Giáp Ngọ Tháng Chạp Ngày 26 Giờ Mùi		Điền-Trạch Thiên-Tướng Thiên-Phúc Hổ, Hỷ-thần 35
Tử Tức Liêm Trinh Phá Quân Quyển, Lộc Quang, Tả, Kinh, Đào, Xương.	Ty Thìn Mẹo Dần Sửu	Tý Dương Nam Kim Mệnh Thổ Ngũ Cục	Quan Lộc Thiên Cơ Thiên Lương Tọa, Tri, Cái. 45
Tài-Bạch Đẩu Quân, Hổ, Tồn, Bác, Thọ	Giải Ach Long, Đức Đà, Khôi	Thiên-Ri Khốc, Hư, Y, Riêu, Bình, Vượng 65	Nô-bộc Tử-vi Thất Sát Khúc, Hữu Quý, Đại. 55

SỐ THÔNG PHÁN

(Nghịch Quan lại Bắc Phần)

Thiên Ri Thái Âm Thai, Sinh, Lược, Lộc. Hư, Mã, Đà	Giải Ách Tham Lang Lộc tồn Bác sĩ	Tài Bạch Cự Môn Thiên –Đồng Hổ, Cái Quyền, Kinh Khốc, Kỵ	Tử Túc Vũ-Khúc Thiên Tướng Bình.
Nô-Bộc Thiên Phủ Liêm Trinh Thanh Long Tử,Khúc	Mẹo Thìn Năm Đinh Hợi Tháng 10 Ngày mùng 5 Giờ Tý	Ty Ngọ Mùi	Thê Thái Dương Thiên Lương Tọa, Khách Đại, Việt
Quan Lộc Long Trì, Tiểu hao.	Âm nam Thổ Mệnh Kim tứ Cục Sửu	Thân	Huỳnh-Đệ Thất –Sát Xương.
TRIỆT	Tý	Hợi	Tuất
Điền Trạch Tướng Quân Lâm -Quan	Phúc –Đức Tả, Hữu, Quang, Quý, Thư, Tang.	Phụ –Mẫu Tử-Vi Phi-liêm Thiên-không.	Mệnh Thân Thiên Cơ Thái Tuế, Hỷ, Khôi, Các, Khoa Kiếp, Không

Cách . Thiên Cơ phùng Tam Hóa và Lộc, Mã

Mệnh : Có Thái Tuế, Thiên Cơ, Tam –hóa, và Lộc, Mã và Mệnh là Âm, Thân cũng ở Âm,Thân cùng với Mệnh tức là Âm Cư Âm vị, cho nên đồ và làm Thông phán sở Nhà nước làm sao người ta có Triệt cư Quan lộc thì công danh lận đận hoặc phải cách mà cố này thì làm cho đến hưu trí là vì cung Quan không có sao chánh lại gặp Triệt đắc địa tức là hoạnh phát công danh cho nên làm được việc thăng chức luôn luôn và được phẩm hàm cao và nhiều Huy Chương. Vì có Lộc Mã cho nên đương làm việc cũng thích buôn bán chung nhau vì sách nói rằng Lộc Mã buôn bán làm giàu, số này bây giờ đương buôn bán to và hiện năm 1935 còn sống. Vì Mệnh có Thái Tuế cho nên trong đời người cũng đã 2,3 lần thưa kiện nhau và chính năm 1935 cũng phải ra tòa làm chứng vì hạn phùng. Cự, Kỵ và Kinh Đà .Vì sao có Cự, Kỵ chiếu mệnh và không ngã xuống sông hoặc ao là vì Cự, Kỵ Phùng, Tuần ngay ở đấy giải được hạn.

Một vợ và 2 con trai : 1 trai một gái hay đánh nhau, cãi nhau vì có Phục Bình ở đấy.

SỐ TRẠNG SỰ

(ĐỖ 2 KHOA TIẾN SĨ LUẬT KHOA VÀ BÁC SĨ)

Tử Tức Thiên Lương Hong, Khúc Đại, Long Đức	Thê Thất – Sát Thiên Phúc Hổ, Bình Khôi	<div> <div>TRIỆT</div> </div> Huỳnh-đệ Đà-La Phúc – Đức Quả-tú	Mệnh Liêm Trinh Mã, Khách, Tồn Bác, Sinh Khốc, Thọ Y, Riêu
Tài Bạch Tử Vi Thiên Tướng Hình, Thai Ấn, Đầu	Hợi Tý Sửu Dần Tuất Mão		Phụ-Mẫu Lực-sỹ Văn Xương Kinh Dương
Giải ách Thiên Cơ Cự Môn Đào- Hữu Hỷ Thần <div>TUÂN</div>	<p>Năm Canh Tuất Tháng 8, ngày 6 Giờ Sửu</p> <p>Dậu Thìn</p> <p>Dương Nam Kim Mệnh Thủy nhị Cục</p> <p>Thân Mùi Ngọ Ty</p>		Phúc Đức THÂN Phá Quân Thái Tuế Thanh-Tọa Cái, Địa Không
Thiên Ri Tham Lang Việt, Trì	Nô Bộc Thái âm Thái Dương Khoa, Lộc Quang, Quý	Quan Lộc Thiên Phủ Vũ Khúc Quân Các Quyền, Tang	Diễn Trạch Thiên Đồng Thiên Quang Kỵ, Tả Thiên Không Tiểu, Cô

Cách- 1. Tử , phủ , vũ tướng,

2- Mã ngộ Trường sinh

3- Lộc Mã giao trì

Mệnh : Có Liêm trinh phùng Lộc, Quyền, Thiên Y, Thiên Riêu, Thiên Việt cho nên học giỏi và đỗ Tiến sĩ Luật và Bác Sĩ Y Khoa mà làm Trạng Sư và giàu lắm.

Cung Thê có Bạch Hổ, Phục Bình cho nên vợ chết trước và 2 đời vợ.

Cung Tử tức có 4 con (1 giai 3 gái) vì có Thiên Lương ngộ Hồng Loan và ở cung Âm cho nên nhiều gái ít giai. Chết năm Tý tức là 63 tuổi, ngày mồng một tháng 11 vì đại hạn gặp Sát, Phá, Liêm, Tham và Thai Tuế, Bạch Hổ. Tiểu hạn cũng gặp Sát, Phá, Liêm, Tham và Không, Kiếp, Thái Tuế, Bạch Hổ.

SỐ THAM TÁ

Nô Bộc Tướng Quân Tam Thai Thiên Mã Thiên Phúc TRIỆT	Thiên Ri Thiên Cơ Tiểu, Khôi Thiên -Hỷ	Giải Ách Tử Vi Phá Quân Thanh, Trì Phượng, Cái Giai Thần, Số	Tài-bạch THÂN Lực sĩ Trường Sinh Đà La
Quan Lộc Thái Dương Tấu, Vượng Quang, Quyền	Mùi Thân Dậu Tuất Ngọ Năm Tân Mão Tháng 9 ngày 13 giờ Tuất	Tử Tức Thiên Phủ Tồn, Bác, Tọa Thiên Quan Kiếp	
Điền Trạch Vũ Khúc Thất Sát Thái Tuế	Ty Âm Nam Mộc Mệnh Thổ Ngũ Cục Thìn Mão Dần Sửu	Thê Thái Âm Thiên Quý Kinh Dương	
Phúc Đức Thiên Đồng Thiên Lương Khúc, Hữu Khoa, Việt	Phụ-Mẫu Điều –Khách Địa-Không	Mệnh Cự Môn Phúc Đức Đại, Xương, Tả Lộc, Kỵ, Đào Hồng, Linh	Huynh Đệ Tham Lang Liêm Trinh Hổ, Bình, Hỏa.

Cách; Cự Môn cư Tý thạch trung ẩn ngọc, cùng Văn Xương, Tả Phụ và Quyền, Lộc cho nên đồ Tú Tài là vì có Hóa Kỵ ở đấy, vì có Cự, Kỵ ở Mệnh mà bị ngã xuống ao chính vào năm Dần nhưng lại vớ được cái cọc, rồi có người vớt lên, là vì Mệnh Mộc tức là cây mà ở vào cung Thủy lại gặp Cự Kỵ là thủy, cho nên nhiều nước quá cây phải ngập nhưng có Tả Phụ vạy nên có người vớt lên được.

Hiện(1935) đương làm Tham tá, 3 vợ mà hai vợ chết trước vì có Kinh-Dương; được 5 con gái và 1 con trai vì có Lộc Tồn, Địa Kiếp, Thiên Phủ cho nên ít con trai.

SỐ GIÁO HỌC

Thiên Ri Cự Môn Thiên Tài Thiên Y	Giải Ách Liên Trinh Thiên Tướng Quân, Vượng, Lộc, Thái Tuế. Địa Kiếp, Hữu	Tài-Bạch Thiên Lương Thiên Quan Thư, Thọ, Việt, Thiên – Không	Tử Túc Thất Sát Mã, Tả, Long Cô, Hỏa, Linh
Nô Bộc Tham Lang Thai, Quỳ, Long, Khách Các, Không	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> Mùi Tuất Thân Dậu </div> <div style="text-align: center;"> <p>Năm Giáp Ngọ Tháng Năm Ngày 21, Giờ mùi</p> <p>Hội</p> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> Ngo Dương Nam Kim Mệnh Hỏa Lục Cục </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> Ty Tý Sửu </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> Thìn Mão Dần </div>		<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> TRIẾT </div> <p>Thê Thiên Đồng Thiên Phúc Hỷ, Cáo, Hồng Đẩu Quân</p>
Quan Lộc Kinh Xương Thiên Hỷ, Lộc, Đào			Huỳnh Đệ Vũ Khúc Tri, Cát Quang, Tọa Ấn Khoa, Mộ
Điền Trạch Tử Vi Thiên Phủ Sinh, Tồn Bác, Hổ	Phúc Đức THÂN Thiên Cơ Khôi, Đà Hình 26	Phụ Mẫu Phá Quân Khốc, Hư Quyền, Binh 16	Mệnh Thái Dương Đại, Kỵ Khúc 6

Cách-Âm Dương, Xương, Khúc tức là văn quan nhất phẩm, mà sao số này kỵ làm quan to là vì Âm, Dương hãm lại phùng Kinh-dương Hóa kỵ

Mệnh : số này cũng giống như số thầy-bói tuổi Giáp-thìn mà sao số này thì học giỏi và đỗ mà làm nên, cũng được Lục phẩm và huy chương, mắt chỉ hay đau, mà tuổi Giáp Thìn kia lại mù là vì mệnh Kim cung Thủy và gặp Hóa Kỵ cũng là thủy sinh Kim cho nên không bị mù, nhưng sách dạy rằng: Âm, Dương phản bội gặp Kỵ dù có làm nên cũng hiếm con thật là đúng quá, vì

hiện nay mới được 1 con giai với vợ lẽ, và con giai mới đẻ năm Hợi(1935) nhưng bây giờ mắt lèm nhèm và hay bị đau luôn.

Vì sao lại có con với vợ lẽ, là vì cung Tử Tức có Tả-Phụ mà sao vợ cả đẻ con hay chết, là vì có Thất Sát, Hỏa, Linh và Khốc.

Số này hiện đương làm giáo học, sắp được đi Huấn Đạo.

SỐ GIÁO HỌC

(Ho Lao)

Nô Bộc Thiên Cơ Thiên Mã Điếu Khách Lực, Khoa, Đà, Tả Phụ	Thiên Ri THÂN Tử Vi Tồn, Bác Hỏa, Quý	Giải Ách Tuế , Vượng Cái, Linh Xương, Kinh, Khúc Thai, Tọa	Tài Bạch Phá Quân Bình, Hồng Thiên Không Địa Không Cò, Quang
Quan Lộc Thất Sát Phúc Đức Thanh Long Quả Tú	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> Hợi Tý Sửu Dần </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> Tuất Mão Thìn Tỵ </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> Dậu Âm Nam Mùi Ngọ </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> Thân Mùi Ngọ Tỵ </div> <div style="text-align: center;"> <p>Âm Nam Thủy Mệnh Mộc Tam Cục</p> </div>		Tử Tức Tang, Đại, Việt Thiên Giải, Hữu
Điền Trạch Thiên Lương Thái Dương Hổ, Tiểu, Các Giải Thần			Thê Thiên Phủ Liêm Trinh Thiên Hình
TUÂN TRIỆT Phúc Đức Vũ Khúc Thiên Tướng Tướng Quân, Y Địa Kiếp, Riêu Thiên Quan	Phụ Mẫu Cự Môn Thiên Đồng Tấu, Quyền Kỵ, Hư	Mệnh Tham Lang Phi Liêm Đào Hoa	Huỳnh Đệ Thái Âm Hỷ Thần, Sinh Khôi, Lộc Thiên Phúc Trì, Khốc

Cách-1.Giáp , Quyền Lộc

2-Thân có Tử Phủ Vũ Tướng.

Mệnh- Có Phi Liêm và Đào Hồng, Thiên –Không. Sách dạy rằng : có bệnh hủi hoặc ho lao. Thân và Mệnh là Âm đều , ở cung Dương cả, lại thêm Kiếp, Không lâm Tài, Phúc, cung Giải Ách có Kinh Dương ngộ Hoa cái, Linh Tinh, lại có Cự, Kỵ. Thái Tuế chiếu và chữ Đinh là Hỏa lại ở cung Thủy cho nên tuy làm giáo học nhưng năm Ất Hợi 1935 phải bệnh ho lao mà chết vào ngày 23 tháng ba. Vì rằng : hạn gặp Mã, Đà, Khốc Khách, Tang Hư, Cự, Kỵ, Thiên-

thương ở cung Ty rất độc , đại hạn ở cung La, Vong ngộ-Thiên-hình, Bệnh phù nên bị bệnh lao mà chết.

SỐ GIÁO HỌC

(Thái âm cư tử tức mà có nhiều con giai)

Huynh Đệ Cự Môn Sinh, Quân Khúc, Khốc Hữu,Khoa, Lộc,	Mệnh Thiên Tướng Liêm Trinh Y, Riêu, Tiểu Việt,Đào	Phụ Mẫu Thiên Lương Tài, Hư Thanh Long.	Phúc Đức THÂN Thất Sát Thiên Hỷ Đà La Lực Sỹ
Thê Tham Lang Mộc, Dục Tấu Thư	Hợi Túat Mão	Tý Sửu Dần Năm Tân Sửu Tháng 6 ngày 7 Giờ Sửu	Điền Trạch Thiên Đồng Thiên Quan Hổ, Xương, Tả Kỵ, Thọ, Thần
Tử Tức Thái Âm Thai, Phi, Tang	Dậu Thìn	Âm nam Thổ Mệnh Kim Tứ Cục	Quan Lộc Vũ Khúc Địa Không Kinh Dương
Tài Bạch Tử Vi Thiên Phủ Khôi, Quang Hồng, Hình Không, Hỏa	Thân Mùi	Ngọ Ty	Nô-Bộc Thái Dương Mã, Quyền Binh, Tọa Khách, Linh

Cách-Tử, Phủ, Vũ, Tướng phùng Khôi Việt.

Mệnh-Là Âm, mà ở cung Dương lại gặp Kinh Dương, Không, Kiếp, cho nên chỉ đỗ và làm thầy chứ không làm chính thức được.

Vì cung Phụ Mẫu có Thiên Lương cho nên bố mẹ đã ngoài 60 mà còn thọ. Cung Huynh Đệ có Cự Môn, Trường Sinh và Khoa, Lộc cho nên được 6 anh em đều làm nên danh giá cả.

Cung Tử Tức có Thái Âm hãm, theo trong sách dạy thì không có con, dù có cũng chỉ có một hai người con gái và để nhiều nuôi ít, thế mà ông này lại có 5 con giai, lần đầu để con gái thì không nuôi được, đủ tỏ ra rằng cung Tử Tức không nên tin một số người chồng mà biết được mấy

người con, phải xem cả số vợ mới đúng. Vì con là của chung 2 vợ chồng. Người này nhiều con là bởi số vợ có nhiều con giai : cung Tử Tức của vợ có Thái Dương cư Mão, phùng Thiên-lương, Thiên Khốc Long Trì, Phượng Các.

SỐ THƯ KÝ

Giải Ach Liêm Trinh Tham Lang Thiên Phúc Tuế, Quân, Thai Các, Ấn 53	Tài Bạch Cự Môn Tiểu, Cáo, Kỵ Xương, Khôi, Lộc, Quang. 43	Tử Tức Thiên Tướng Địa Kiếp, Tang, Vượng, Long. 33	Thê Thiên Đồng Thiên Lương Khúc, Lực, Đà Cô, Khoa, Quý 23 TUẦN
Thiên Ri Thái Âm Hỷ, Tả, Thư, Quả			Huỳnh Đệ Vũ Khúc Thất Sát Tồn, Bác, Hình Tọa Thiên Quang Đẩu Quân
Nô Bộc Thiên Phủ Địa Không Khách, Tài	<p>Năm Tân –Ty Tháng giêng, Sửu ngày mồng 2 giờ Thân Thìn, Âm nam kim Mệnh Mộc tam cục</p> <p>Tý Hợi Tuất Dậu</p>		Mệnh Thái Dương Hữu, Kinh Quyển, Hồng
Quan Lộc Việt, Linh Hỷ-Thần	Diễn Trạch Tử Vi Phá Quân Riêu, Ý, Ho Cái, Khốc	Phúc Đức Thiên Cơ Long Đức Đại Hao	Phụ Mẫu Thọ, Bệnh Sinh, Hỏa Mã, Hư.

Cách- Nhật, Nguyệt phùng Không và Quyền Lộc, Tả Hữu, Khôi.

Mệnh Tuy rằng gặp Nhạ Nguyệt hãm và Kinh Dương hóa Kỵ mà sao không mù là vì Phùng Không tức là lại sáng ra, nhưng hay đau mắt và cận thị. Học giỏi thi đỗ làm Thư ký sở Nhà Nước, được thưởng Phẩm hàm, Huy chương, hiện đến (1932) còn sống.

Sách nói rằng : Liêm, Tham, Ty, Hợi hình ngục nan đào, vì nhẽ ấy (1932) đương làm việc bị từ nợ, phải giam 3 tháng rồi đổi đi mạn ngược . Năm ấy tiểu hạn ở cung Sửu gặp Sát, Phá, Liêm, Tham lại thêm Thái Tuế, Bạch –Hổ nhưng bị qua loa, là vì đại hạn ở cung Ngọ còn tốt, đến năm (1935), đại hạn gặp Liêm, Tham ở Ty, tiểu hạn ở cung Sửu gặp Bạch-Hổ, Thái Tuế,

Địa Kiếp cho nên bị một năm tù án treo và phải cách chức mất cả lương hưu trí. Năm ấy bị ốm nặng lắm. Bây giờ mắt kém và làm nhà đất công, anh em chả có ai.

Vợ cả chết trước vì cung Thê có Đà La và Tuân. Không có con gái vì cung Tử Tức có Địa Kiếp, chỉ được có hai con gái. Hiện nay có vợ lẽ.

SỐ KÝ RƯỢU

(Bất Đắc Kỳ Tử)

Phúc Đức Tử Vi Thất Sát Hong, Lâm Tiểu, Không Kiếp 26	Diễn Trạch Hổ, Quân Vượng, Tọa 36	Quan Lộc Thư, Hỏa Việt, Suy 46	Nô Bộc Tam-Thai Khách, Mã Y, Riêu 56
Phụ Mẫu Thiên Lương Hình, Long Đới, Xương 16	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> Hợi Tý Sửu Dần </div> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;"> <p>Năm Giáp Tuất Tháng 8, ngày 10</p> <p>Tuất Giờ Ngọ Mão</p> <p>Dương Nam, Hỏa Mệnh, Hỏa Lục cục</p> </div>		<div style="border: 1px solid black; padding: 2px; text-align: center; margin-bottom: 5px;">TUÂN TRIỆT</div> Thiên Ri Phá Quân Liên Trinh Quyền, Lộc Hỷ, Thần, Trực Linh
Mệnh Thân Thiên Tướng Hữu, Kinh, Dục Tả, Đào 6	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> Dậu Thân Mùi Ngọ </div> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;"> <p>Thân</p> <p>Ty</p> </div>		Giải Ách Thái Tuế Bệnh Phù Mộ, Khúc, Cái
Huỳnh Đệ Cự Môn Thái Dương Trì, Sinh, Lộc Bác, Kỵ	Thê Tham Lang Vũ Khúc Dương, Đà Khôi, Khoa Quan Phù	Tử Tức Thái Âm Thiên Đồng Thai, Các, Binh	Tài Bạch Thiên Phủ Đại, Tả Thiên Hỷ Thiên Không Tuyệt

Cách-Phủ, Tướng triều viên, phùng Quyền, Lộc-Dương cư Dương vị.

Mệnh- Có Thiên Tướng, Xinh-dương, Quyền, Lộc, Thiên –Việt cho nên học hành cũng vào bậc xoàng thôi và xuất thân làm Ký –rượu, giàu có được 5 cái nhà và vốn có chừng một vạn. Vì cung Giải Ách có Hoa Cái và Mệnh có Kinh –Dương cho nên vì lên đậu mà rối mắt nhưng hậu vận kém làm ăn thua lỗ nhiều, gặp đại hạn gặp Suy ở Cung Mùi, lại có Thiên Không, Đại Hao

và Kinh Đà . Năm Thìn tức là tiểu hạn đến cung Tuất Ngọ Thái Tuế, Bạch Hổ, Cự, Kỵ cho nên bất đắc kỳ tử (tự vẫn) và chết ngày 25 tháng tám năm ấy.

Được 5 con gái và 1 con trai, là vì cung Tử Tức có Thái Âm gặp Thiên Hình, Thiên Y Thiên Riêu chiếu cho nên con gái có 1 người có tật.

2 vợ và vợ có con riêng, vì Đà La phùng Tham, Vũ cho nên 1 vợ chết trước. Tử Tức có Thai, Phục Binh và Tướng Quân chiếu về Tử Tức, cho nên vợ có con riêng thật là sách dạy không sai.

SỐ THẦU KHÓAN TO

<div>Tài Bạch Thiên Phủ Thiên Mã Lâm, Linh, Khách, Bình, Xương</div> <div>TUẦN42</div>	<div>Tử Tức Thái Âm Thiên Đồng Ly, Không Đối Đại, Trực Phù</div> <div>32</div>	<div>Thê Thân Vũ Khúc Tham Lang Mộc, Cái, Tuế Bệnh Phù</div> <div>22</div>	<div>Huynh Đệ Cự Môn Thái Dương Thiên Phúc Giải, Hỷ, Việt Thiên Không,</div> <div>12</div>
<div>Giải Ách Thiên Quang Thiên Đức Sứ, Tài, Kiếp, Hỏa, Tả, Vượng</div>	<div>Hợi</div> <div>Tý</div> <div>Sửu</div> <div>Dần</div> <div><div>Năm Ất Mùi Tháng Giêng Ngày 12, giờ Tý Tuất Âm Nam Kim Mão</div><div>Mệnh Thủy Nhị Cục</div></div>	<div>Mệnh Thiên Tướng Phi, Tang Dưỡng, Hình Khúc,</div> <div>2</div>	
<div>Thiên Ri Liêm Trinh Phá Quân Suy, khô, Quý, Hổ, Tồn, Bác, Các.</div>	<div>Dậu</div> <div>Thìn</div> <div>Thân</div> <div>Mùi</div> <div>Ngọ</div> <div>Tý</div>	<div>Phụ Mẫu Thiên Cơ Thiên Lương Thái, Quyền, Lộc, Hữu</div>	
<div>Nô Bộc Long, Đức Thiên Hỷ Thọ, Đà Lực, Thương.</div>	<div>Quan Lộc Tử, Thanh Toái, Hư Y, Riêu,</div>	<div>Diên Trạch, Nguyệt Đức Tiểu, Đào Thiên Giải.</div>	<div>Phúc Đức Tử Vi Thất Sát Khốc, Ấn, Tam Thai Quang, Thai Phụ, Khoa, Trì.</div>

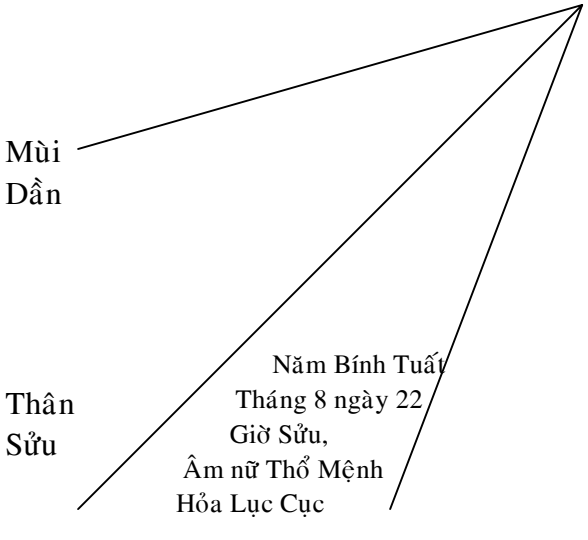
Cách – Phủ Tướng Triều Viên Phùng Mã Lộc

Mệnh- Là Kim lại ở vào cung Kim và Âm cư Âm vị lại thêm có Xương Khúc và Thiên Hình Đắc Địa cho nên thông minh lắm, nhưng mặt hơi vết đen. Con quan Tổng Đốc và có chấn Ám

Sinh mà không làm việc quan là vì đại hạn từ 22 đến 31 xấu lắm, vì gặp Sát, Phá, Tham, Thái Tuế, Bạch Hổ cho nên không ra làm việc, hiện nay đương thâu khoán to. Hai vợ và hiện vợ cả không có con, vợ lẽ được 2 đứa con, một gái một gái, sách nói rằng có Âm,, Dương hoặc có Tả, Hữu ở cung Tử Tức thì có con với vợ lẽ mà cung Tử Tức có Thái Âm hãm phòng Không lại có Hữu Bật chiếu cho nên vợ lẽ dễ nuôi hơn vợ cả.

Số này có bệnh đau bụng kinh niên vì có Thiên Hình, Tang môn ở Mệnh và cung Giải ách có Đại Kiếp , Hỏa Tinh cho nên phải đeo bệnh suốt đời.

SỐ BÀ ĐỖ

Tử Tức Thiên Quan Hồng, Lâm Bác, Khúc Tồn, Quang Long Đức	Phu Thiên Cơ Hổ-Quyền Lực Vượng, Tọa, Tài, Kinh	Huynh Đệ Tử Vi Phá Quân Thiên Đức, Quả Thanh Long	Mệnh Tam thai, Tiêu Khách, Khốc, Y Mã, Thọ, Riêu Bệnh
TRIỆT Tài Bạch Thái Dương Hình, Đối, Đẩu Hư, Đà	Ngọ Ty Thìn Mão  Mùi Thân Dậu Thân Sửu Dậu Tuất Hợi Tý		Phụ Mẫu Thiên Phủ Việt, Xương Quý, Quân Khoa, Linh Tử
Giải, Ách Vũ Khúc Thất Sát Hữu, Bình Dục, Sửu, Đào Thiên Giải			Phúc Đức Thân Thái Âm Thái Tuế, Thư Cái, Địa-Không Hỏa, Mộ
Thiên Ri Thiên Đồng Thiên Lương Trì, Sinh, Lộc Đại Hao	Nô Bộc Thiên Tướng Thiên Âm, Toái Thiên Thương	Quan Lộc Cự Môn Địa Kiếp, Các Tang, Hỷ Thần Thiên Phúc Thai	Điền Trạch Tham Lang Liêm Trinh Tả, Khôi, Kỵ Thiên Không Hỷ, Cô, Tuyệt

Cách :- 1.Mệnh vô chính diệu đặc Nhất không.

2. Giáp,Tử,Phủ, -Mã ngọ Trường Sinh và Lộc, Mã chiếu Mệnh-4.Hợp Lộc.

Mệnh : Là Thổ và là Dương lại ở cung Dương Kim lại có cách đã kể ở trên cho nên đỗ và làm bà Đỗ, nhưng về già mắt kém, vì có Thái Dương phùng Thiên Hình . Hiếm con vì cung Giải Ach xấu quá bởi có sao Mộc Đục cho nên hay yếu đau, lại Mệnh Thiên Riêu cho nên khí huyết xấu, cung Tử Tức có Lộc Tồn chủ cô, lại có Triệt cho nên hiếm.

Lấy chồng danh giá vì có Hóa-Quyền nhưng chồng bị đau yếu cả năm vì có Kinh Dương và Thái Tuế, Địa Không Chiếu, thế nào chồng cũng chết trước-Số này lấy chồng thì người chồng trước đã có vợ rồi mới có thể ở với nhau bền tới nay (1935). Nếu người chồng chưa có vợ trước thì không ở bền, vì Kinh –Thương cự Ngọ rất xấu, tức là Mã Đầu Đời kiếm nên chồng lại ngã xe mà chết vào năm Tỵ tức là số đúng lắm.

SỐ NGHỊ VIÊN

Giải Ach Mã, Hư Đà, Sỹ, Thọ Sinh, Sửu	Tài Bạch Thân Thiên Cơ Long Đức Tồn, Sỹ	Tử Tức Tử Vi Phá Quân Hổ, Khốc Kinh, Y, Riêu	Thê Phúc Đức Bính Thiên Đức
Thiên Ri Thái Dương Hồng, Dục Thanh, Hữu Nguyệt, Đức	Mão Ngọ Dần Mùi Sửu Thân Tý Dậu	Thìn Tỵ Hợi Tuất	Huỳnh Đệ Thiên Phủ' Đại, Khách Địa, Kiếp Toái, Tài
Nô Bộc Vũ Khúc Thất Sát Địa Không Hình, Đối Tiểu Trì , Thương	Năm Đinh Hợi Tháng 7, ngày 27 Giờ Tuất, Âm Nam Thổ Mệnh, Kim Tứ Cục		Mệnh Thái Âm Mô, Bệnh Phù, Tả, Thiên Hỷ
Quan Lộc Thiên Đồng Thiên Lương Thiên Quang Khúc, Lâm Quân, Tọa, Ấn	Điền Trạch Thiên Tướng Linh, Âm Quý, Thư, Tang	Phúc Đức Cự Môn Bệnh, Không Xương, Đào Thai, Cáo, Liêm	Phụ Mẫu Tham Lang Liêm Trinh Thiên Phúc Thái Tuế Hỷ Thần, Cáo.

Cách: 1. Nhật Nguyệt đắc địa phùng Tả, Hữu, Văn Khúc và Lộc Tồn
2. Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương.

Mệnh : Có các cách đã kể ở trên nhưng không hợp, nên chỉ làm con quan Huyện, xuất thân làm thư ký rồi sau thôi về làng làm Lý Trưởng, Hội Viên và Nghị Viên số này tiền vận phú quý, trung vận kém đi rồi hậu vận lại giàu có và danh giá.

Hai, ba vợ và được ba người con, bị cướp đâm 5,6 vết thương ở mặt và đến 9,10 vết thương ở người mà nay thành nhiều sẹo to chứ không chết, hiện năm 1935 còn sống đương làm Nghị Viên và giàu có.

Vì cung Giải Ach có Đà La, Thiên Hư, Linh Tinh, Tang Môn, Thái Tuế, Liêm, Tham cư Hợi và Địa Kiếp chiếu, Mệnh có Thái âm tức là mặt ngũ Bệnh Phù tức là có tật, bị chém năm Tý, là hạn Kinh Dương, Thái Tuế lại gặp Kinh Dương lưu niên độc lắm.

SỐ GÁI GIANG HỒ

Huỳnh Đệ Thiên Lương Thiên Phúc Hữu Khúc Khoa, Tuế Phá, Sinh.	Mệnh Thất Sát Dục, Đại, Y Riêu, Long Đức Khôi	Phụ Mẫu Cái, Hổ, Bình Đới, Khốc	Phúc Đức Thân Liêm Trinh Đà, Lâm Quan Phủ
Phu Tử Vi Thiên Tướng Dương, Hy ² -thần Tử, Hong	<div><div>Mùi</div><div>Ngọ</div><div>Ty</div><div>Thìn</div><div>Thân Mão</div><div>Dậu</div><div>Dần</div><div>Tuất</div><div>Hợi</div><div>Tý</div><div>Sửu</div><div><div>Năm Tân Hợi</div><div>Tháng 6, ngày 15</div><div>Giờ Sửu</div><div>Âm Nữ Kim Mệnh</div><div>Kim Tứ Cục</div></div></div>		Điền Trạch Vượng, Tả Khách, Tôn Bác, Xương, Kỵ Thiên Quang
Tử Tức Cự Môn Thiên Cơ Tri, Phi Thai, Lộc			Quan Lộc Phá Quân Thiên Hỷ Kình, Lực Suy Kiếp
Tài Bạch Tham Lang Hình, Tấu Tuyệt, Việt	Giải Ach Thái Dương Thái Âm Quyển, Âm Tang, Mộ	Thiên Ri Thiên Phủ Vũ Khúc Đào, Tiểu Địa-Kiếp	Nô Bộc Thiên Đồng Các, Thanh Long Thái Tuế, Bệnh Giải Thương.

Cách-1. Sát, Phá, Tham, Vũ

2. Tọa, Khôi, Hưởng, Việt

Mệnh – Tuy rằng có Thiên Phủ và Thiên Hình chiếu mà vẫn sống về nghề mãi mãi vì rằng có Không, Kiếp chiếu cho nên nghèo mà phải làm nghề đê tiện, sách có câu rằng :

Đào Riêu số gái ai hay.

Chồng ra khỏi cửa đất giai ngay vào.

Ngộ Hình gặp Quý giám đầu.

Cũng là Tử, Phủ một mẫu chính chuyên.

Nhưng vì có Không, Kiếp, Kinh Dương cho nên không thể đứng đắn được, là vì nghèo mà phải làm để kiếm tiền, cũng vào bậc biết chữ vì có Khôi, Việt.

Vì cung Phúc có Tử Vi cho nên lấy chồng đều danh giá cả chỉ vì hư mà người ta bỏ, và lại cung Phu có Hồng Loan cho nên nhiều chồng. Hiên năm 1957 còn sống và không có con. Đàn bà có Tham Lang ở Dần nên bạc tình, lấy người nào ít tiền thì bỏ ngay.

Từ ngày có lệnh bãi trừ Tứ Đổ Tướng thì người này đã hối cải và chịu khó buôn bán bưng mà sinh sống bởi cung Thiên Ri có Thiên Phủ chiếu về Mệnh. Bởi trong sách nói rằng Sát Phá, Tham Vũ thì buôn bán.

SỐ THẦY BÓI MÙ CẢ HAI MẮT.

Thiên Ri Thân Cự Môn Tiểu, Mệnh Thiên Hỷ, Cô	Giải Ach Thiên Tướng Liêm Trinh Tang, Quân Tử, Các Háo, Sửu	Tài Bạch Thiên Lương Tâu, Mộ Thiên Quan Riêu, Y	Tử Tức Thất Sát Phi, Tuyệt Long Trì
Nô Bộc Tham Lang Tuế, Thanh Long Suy Cái, Quý, Hữu Thượng 56	Hợi Tý Sửu Dần Năm Giáp Thìn Tháng 7, ngày 11 Giờ Dậu Dương Nam, Hỏa Mệnh Kim Tứ Cục Tuất Mão Dậu Thìn Thân Tý Mùi Ngọ		Thê Thiên Đồng Hỷ Thần, Thai Thiên Phúc Đào
Quan Lộc Thái Âm Lực, Vượng Kinh, Hình 46			Huỳnh Đệ Vũ Khúc Bệnh-phù Dưỡng, Quang Tả, Khoa
Điền Trạch Tử Vi Thiên Phủ Khách, Tồn, Mã Bác, Lâm, Thai 36	Phúc Đức Thiên Cơ Phúc Đức Đời, Khôi Xương Khúc Linh, Tú, Đà 26	Phụ Mẫu Phá Quân Hổ, Bình, Dục Tọa, Quyền 16	Mệnh Thái Dương Long Đức, Đại, Sinh, Kỵ, Hồng Hỏa 6

Cách-. Âm Dương phản bội

Mệnh- Có Thái Dương hãm lại gặp, Thái Âm cũng hãm chiếu mệnh và gặp Hóa Kỵ, Hoa Tinh, Thiên Hình, Kinh Dương, Thiên Riêu, lại Mệnh Hỏa ở cung Thủy và Hóa Kỵ là thủy lại gặp phải Hỏa Tinh là Hỏa cho nên mù tịt, nhưng cũng thông minh và nay làm Thầy Bói hiện nay có

3,4 cái nhà là vì cung Điền Trạch tốt quá, có Tử, Phủ, Lộc, Mã hợp với cung Mệnh tức là cung Hợi cho nên giàu.

Nay cũng chưa có con vì cung Tử Tức xấu, vì rằng Thất Sát ở đấy lại gặp Phi Liêm và có Bạch Hổ chiếu về.

Hai ba vợ mà vợ nào cũng có ngoại tình, vì có Thiên Đồng phùng Đào Hoa và Thai, rồi có khi vợ đến chữa hoang nữa, sách dạy rằng Đào Hoa đi cùng với sao Thai thì chữa hoang.

Năm Tuất hạn Thái Tuế, Bạch Hổ và Thanh Long cho nên đi xem Bói hay bị người ta mắng cho, và hay yếu đau, nhưng có Thanh Long cho nên cuối năm vì xem bói nói đúng mà người ta thưởng cho.

SỐ CÂM VÀ KHOÈO TAY

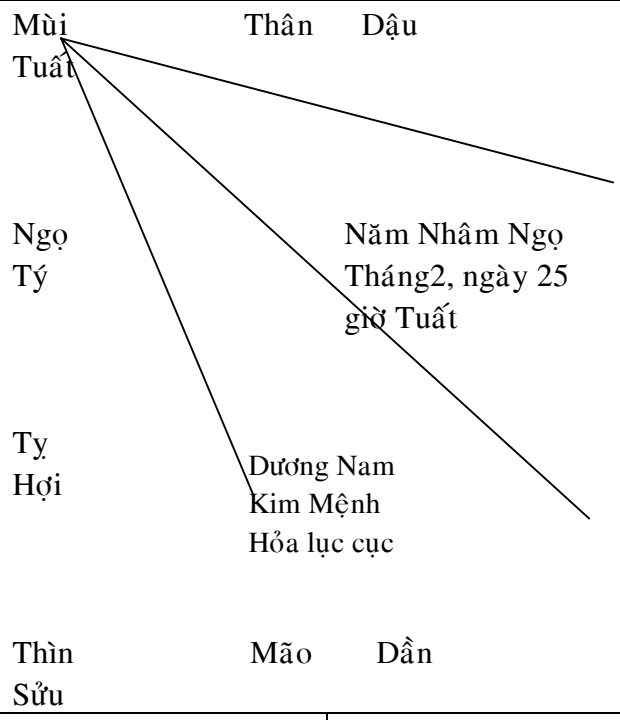
Mệnh Thiên Lương Toái, Việt, Hổ Thiên Hình Thiên Phúc Lâm, Xương Hỷ-Thần	Phụ Mẫu Thất Sát Địa Không Thiên Đức Thiên Quan Đời, Quang Hong, Đào, Phi	Phúc Đức Mộc-Dục Điều Khách Tấu-Thư.	Điền Trạch Liêm Trinh Trường Sinh Thiên Quý Tướng Quân
Huynh Đệ Tử Vi Thiên Tướng Kiếp, Vượng Bệnh Phù	<div>MùiThânDậuTuất</div> <div>NgoHợi</div> <div>TỵTý</div> <div>ThìnSửu</div> <div>Năm Quý Dậu Tháng 9, ngày 15; giờ Tỵ, Âm Nam Kim Mệnh Thổ Ngũ Cục</div>		Quan Lộc Thái Tuế Khốc, Khúc, Tiểu, Y, Riêu
Thê Cự Môn Thiên Cơ Suy, Hư Quyền, Đại			Nô Bộc Phá Quân Thiên-Không Thương, Lộc <div>TUẦN</div>
Tử Tức Tham Lang Nguyệt Đức Bệnh, Hưu Kỵ,Binh	Tài Bạch Thái Dương Thái Âm Kinh, Tử Cái, Khoa	<div>TRÉT</div> Giải Ách Vũ Khúc Thiên Phủ Tồn, Sỹ,Mô Sứ, Thiên-Hỷ	Thiên Ri Thiên Đồng Tang, Lực Mã, Đà, Tuyệt

Cách-Thiên Lương phùng Xương.,Khúc, Hóa Khoa và Thiên Việt.

Mệnh- Có Thiên Việt, Phá Toái, Thiên Hình, Thiên Riêu, Kinh, Đà, Mã, Hoa Cái và Bạch Hổ vì nhẽ ấy mà năm lên hai tuổi sinh ra lên đậu nặng thành ra khoèo tay và câm.

Số này đáng nhẽ học giỏi và thi đỗ làm nên quan to nhưng vì Phúc Đức xấu quá không được hưởng, thành ra vừa cầm vừa khoèo tay.

SỐ LÝ TRƯỞNG BỊ CÁCH, ĐIẾC VÀ HAY PHẢI TÙ.

Mệnh Liêm Trinh Tham Lang Khoa, Việt, Tả Thai, Lâm Quan 6	Phụ Mẫu Cự Môn Thiên Phúc Thái Tuế Hỷ Thần Vượng 16	Phúc Đức Thiên Tướng Thiên dương Thiên Không Bệnh Phù Suy 26	Điền Trạch Thiên Tướng Thiên Đồng Tang, Đại, Lộc Mã, Cô 36
Huynh Đệ Thái Âm Tấu Thư Quả Tù, Đối Khách, Các	 <p>Năm Nhâm Ngọ Tháng 2, ngày 25 giờ Tuất</p> <p>Ngọ Tý</p> <p>Ty Hợi</p> <p>Thìn Sửu</p> <p>Thân Dậu</p> <p>Mão Dần</p> <p>Dương Nam Kim Mệnh Hỏa lục cục</p>		Quan Lộc Vũ Khúc Thất Sát Tử, Bình, Hữu Tọa, Hong, Kỵ Kiếp TUẦN 46
Thê Thiên Phủ Đào, Khôi Quân, Quý Linh, Dục TRIỆT			Nô Bộc Thái Dương Mô, Cái, Trì Hình Thương Đà 50
Tử Tức Hỏa, Hổ, Riêu Y, Khúc Sinh, Tiểu	Tài Bạch Tử Vi Phá Quân Quyền, Long Địa Không Dương	Giải Ách Thiên Cơ Lực sỹ, Xương Kinh, Khốc Hư, Sư, Thai	Thiên Ri Tồn, Tử Phù Quang Tài Nguyệt Đức

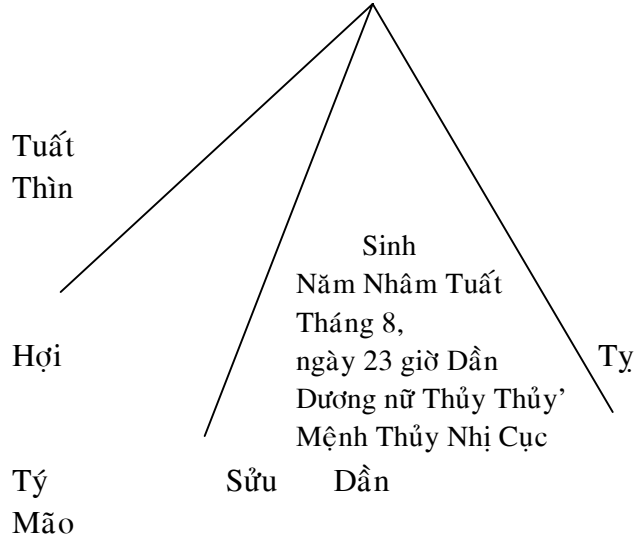
Cách- Sát, Phá, Liêm, Tham, Phùng, Khoa, Quyền Lộc, và Hợp Lộc, Mã.

Mệnh-Có Kiêm Y ham ở Ty cho nên phải hai lần tù và phải cách (Điếc là vì có Kinh Dương ở Giải Ách).

Cung Điền Trạch có Lộc, Mã ngọ Đại hao nên đã có bốn cái nhà lại bán hết. Cung Thê có Tướng Quân, Thiên Phủ tuy lấy vợ con nhà tử tế nhưng hay cãi nhau đánh nhau. Cung Tử Tức có Riêu Hổ Hình cho nên trước để đứa con giai đã lên 16 tuổi mà giữa năm Thìn bị chó đại cắn chết, đến nay mới được 2 đứa con gái (hiện năm 1935 còn sống.)

Năm Ngọ là năm 47 tuổi bị tù và năm Dần là năm 55 tuổi lại bị tù và chết. Vì hạn gặp Thái Tuế Thiên sứ lại đại hạn ở Cung Dậu, đương gặp Sát, Phá Tham và Hóa Kỵ, Không Kiếp.

SỐ CHẾT CHÉM.

Phu Thái Âm Việt, Lâm Liêm, Hồng Linh. 22	Huynh Đệ Tham Lang Văn Khúc Thư, Đới 12	Mệnh Cự Môn Thiên Đồng Dục, Quân Thiên Đức	Phụ Mẫu Thiên Tướng Vũ Khúc Sinh, Kỵ, Tiểu Y, Riêu Mã, Xương
Tử Tức Liêm Trinh Thiên Phủ Hình, Khoa Vượng Hỷ Thần Thiên Hình	Dậu Thân Mùi Ngọ 		Phú Đức Thái Dương Thiên Lương Địa-Không Lộc, Dường Thanh Long.
Tài Bạch Khôi, Hữu, Suy Bệnh, Đào, Thiên Giải	Hợi Tý Mão Sửu Dần		Điền Trạch Thất Sát Đà, Lực, Thai, Cái, Thái Tuế.
Giải Ách Phá Quân Sử, Mệnh	Thiên Ri Tử, Bình, Kiếp Thiếu Âm	Nô Bộc Tử Vi Kinh, Quyền Thương, Mộ, Giải Thần, Tang	Quan Lộc Thân Thiên Cơ Tồn, Bác, Tả Tuyệt, Hỏa Thiên Hỷ Thiên Không

Cách- Thiên Đồng phùng Lộc Tôn Thiên Khốc và Tả, Hữu.

Mệnh – Tuy có Thiên Đồng, Tả, Hữu, Thiên Khôi Lộc Tôn, nhưng có Hỏa Tinh, Đào Hoa, Địa Kiếp, và Mệnh là Thủy lại gặp Cự Môn là Thủy mà ở cung Thổ cho nên Khắc, vì nhẽ ấy là người rất điêu ngoa gian ác và đa dâm lãm.

Cung Phu có Hồng Loan và Thái âm hãm, lại có địa kiếp chiếu cho nên 3 đời chồng.

Cung Tử Tức có Thiên Hình và Kinh, Đà Chiếu nên không có con.

Cung Giả Ách có Phá Quân lại có Thái Tuế và Đà La chiếu cho nên bị chết chém.

Năm Kỷ Sửu là năm 28 tuổi ngày mồng 5 tháng 8 vì đại hạn ở cung Ty gặp Linh, Hỏa, Kiếp, Không, Phục Bình và tiểu hạn gặp Phục Bình, Đại Kiếp, Linh Tinh, Cự Môn cho nên bị chết chém vì bị người ta thù mà hãm hại.

SỐ CON GÁI 17 TUỔI TỰ TỬ CHẾT.

Điền Trạch Vũ Khúc Phá Quân Tồn, Lâm, Bác	Quan Lộc Thái Dương Tả, Đối, Kinh Thái tuế, Linh	Nô Bộc Thiên Phủ Xương, Khúc Mộc, Việt, Bính Thương Thiên Không	Thiên Ri Thân Thiên Cơ Thái Âm Sinh, Ky, Quyền, Kiếp, Khoa Tang Hữu, Mã, Đại
Phúc Đức Thiên Đồng Vương, Lực, Đà Y, Riêu, Tọa Quý, Giải Thần	<div style="text-align: center;"> <p>Tý Thìn Mão Dần</p> <p>Năm Mậu Ngọ Tháng 4 ngày 17 Giờ Mão</p> <p>Dương Nữ Hỏa Mệnh Thủy Nhị Cục</p> <p>Tý</p> <p>Mùi</p> <p>Thân Dậu Tuất</p> <p>Hợi</p> </div>		Giải Ách Tử Vi Tham Lang Lộc, Dư Hồng, Bệnh phù
Phụ Mẫu Quan, Phúc Suy, Phúc Đức Thanh Long			Tài Bạch Cự Môn Tam Thai, Cái Hỷ Thần, Tri Hỏa Quang, Thai Quan Phù
Mệnh Hổ, Tiểu, Bệnh Địa Không	Huynh Đệ Thất Sát Liêm Trinh Khôi, Quân, Tử Long Đức	Phu Thiên Lương Thư, Khốc, Hư Hình, Mộ Tuế Phá	Tứ Túc Thiên Tướng Tuyệt, Tử phù Nguyệt đức

Cách- 1. Mệnh vô chính diệu đắc Nhất – Không

2. Nhật Nguyệt tịnh minh chiếu mệnh.

Mệnh- Có Tiểu Hao, Bạch Hổ, Địa Không lại có Kinh Dương cư Ngọ chiếu mệnh tức là Mã đầu dơi kiếm, lại thêm có Địa Kiếp chiếu nữa, và Văn Xương cùng với Thiên Thương tức là chết non. Số này chẳng chết tự vẫn cũng lại là bị ác thú cắn chết, vì có nhiều sao xấu chiếu mệnh. Đây là số cô con gái 17 tuổi và là con một ông Tham nhà giàu ở Hà Đông thế mà tự nhiên tự tử chết năm Giáp Tuất, là vì năm ấy có hạn Thái Tuế, Địa Kiếp, Kinh, Đà, Khốc, Hư, Điều Khách, Tang Môn, Đại hạn lại gặp Sát, Phà, Tham cùng với Thương Sứ và cả Văn Xương cùng Thiên Thương cho nên chết tự vẫn.

SỐ CÔ GÁI ĐÁP CẦU BỊ ÁM SÁT

Điền Trạch Thiên Lương Tồn, Bác, Hữu Xương, Khoa Thiên Quan	Quan Lộc Thất Sát Khoa, Tri, Y, Riêu, Kinh, Suy Địa - Không	Nô Bộc Nguyệt Đức Vương, Bình Thiên – Hỷ Thương	Thiên Ri Liêm Trinh Đại, Các, Mã Lâm, Hư, Kỵ Hỏa, Linh Giải Thần
<div>TRIỆT</div> Phúc Đức Tử Vi Thiên Tướng Lực Sỹ, Tang Kiếp, Khốc, Đà, Tử	<div> <div>Ty</div> <div>Thìn</div> <div>Mão</div> <div>Dần</div> <div>Năm Mậu Ngọ</div> <div>Tháng 4 ngày 17</div> <div>Giờ Mão</div> <div>Ngo</div> <div>Sửu</div> <div>Mùi</div> <div>Tý</div> <div>Thân</div> <div>Hợi</div> <div>Dậu</div> <div>Tuất</div> <div> Dương Nữ Hỏa Mệnh Thủy Nhị Cục </div> </div>		Giải Ách Khúc, Đối, Tả Việt, Long- đức Bệnh Phù
Phụ Mẫu Thiên Cơ Cự Môn Quyền, Đào Thiên Không Long, Mộ			Tài Bạch Phá Quân Cái, Dục Hổ, Hỷ Thần
Mệnh Tham Lang Tiểu, Hình Thái Tuế, Tuyệt	Huynh Đệ Thái Dương Thái Âm Hồng, Thai Quân, Giải Trục Phù	Phu Thân Thiên Phủ Vũ Khúc Khách, Thư Thiên Phúc	Tử Túc Thiên Đồng Khôi, Sinh, Phi Phúc Đức Thiên Đức Đường

Cách-Sát, Phá, Tham, Vũ

Mệnh- Có Tham Lang, Thiên Hình, Thái Tuế, Kinh Dương, Thất Sát Cư Ngọ chiếu và gặp Địa Không thì chết phi mạng, thực là sách dạy không sai. Số này nếu chẳng chết về ám sát cũng bị ác thú cắn chết. hoặc sinh ra diên rồi bị giam lại thì cũng tự tử mà chết.

Đây là số cô Thị Gái ở Đáp cầu mà các báo đăng rằng : Năm 1934 đi học Thầy Giáo Tư rồi bố Thầy Giáo vay tiền của Bố Cô Gái không được , sinh ra thù rồi bóp chết”. Năm 1934 tức là năm lên 9 tuổi , tiểu hạn ở Cung Giải Ách (theo sách Tâu) sách ta thì nói lên 9 hạn đến cung Tử Túc nhưng dù đến cung Giải Ách hay Tử Túc cũng đều xấu cả. Đây nói đến cung Giải Ách thì gặp hạn Thiên Sứ, Thiên Không và năm Giáp Tuất có Kinh Dương lưu niên ở Mão Chiếu lại, cho nên rất độc, vả lại tuổi Dần gặp Năm Tuất cũng xấu cho nên chết vì bị đánh rồi bóp cổ không cho kêu mà bị chết.

SỐ TRẺ CON CHẾT ĐUỐI.

Huỳnh Đệ Thiên Đồng Tả, Khoa Hỷ Thần, Hổ Lâm Quang Đẩu	Mệnh Thiên Phủ Vũ Khúc Linh, Ky, Phi, Phúc Đức, Đới, Thiên Đức	Phụ Mẫu Thái Âm Thái Dương Tấu, Khách Mộc.	Phúc Đức Tham Lang Kiếp, Quân Trực Phù Sinh.
Phu Phá Quân Bệnh Phù Long Đức Vượng, Cái	<div style="text-align: center;"> <p>Hợi Tuất Dậu</p> <p>Năm Nhâm Thân Tháng 2 ngày 18 giờ Dậu</p> </div>		Điền Trạch Cự Môn Thiên Cơ Thiên Không Thái Tuế, Tiểu Dương, Quý, Hữu
Tử Túc Đại-Tuế-Phá Suy, Tọa, Thái <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">TRIỆT</div>			Quan Lộc Tử Vi Thiên Tướng Quyền, Đà, Hình Khốc, Hỏa, Tam Thanh Long <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">TUÂN</div>
Tài Bạch Liêm Trinh Hư, Mã, Địa Y, Riêu, Bình Bệnh, Các Nguyệt-Đức	Giải Ach Sứ, Quan Phù Tử, Xương Khúc.	Thiên Ri Thân Thất Sát Trì, Kình, Thiếu âm, Mộ	Nô Bộc Thiên Lương Lộc Tồn, Lực Tang Tuyệt Thương, Cáo.

Cách- Tử,Phủ, Vũ , Tướng.

Mệnh- có Tử, Phủ, Vũ, Tướng mà làm sao lại chết đuối, vì Nhâm là Thủy lại Mệnh là Kim ở cung Hỏa cho nên khắc lại thêm có Kình, Đà, Linh Tinh, Long Trì cho nên chết đuối, nếu không cũng chết bỏng vì có Linh Tinh, Long Trì nếu không cũng ho lao vì có Tang Môn, Thiên Mã và Linh Tinh.

Năm Hợi (1935) ngày 30 tháng 3 tiểu hạn ở cung Phu năm ấy lên 4 tuổi có Sát , Phá, Tham tức là hạn Trúc La. Lại Dần Thân, Tý, Hợi là năm sung và có Kình, Đà, Không Kiếp, lại thêm có Kình Dương lưu niên nữa cho nên vì ngã xuống ao mà chết đuối, vả lại cung Phúc Đức có Địa Kiếp cho nên chết nữa.

SỐ TRẺ CON CHẾT NON VÀ LÊN ĐẬU MÀ CHẾT.

Huỳnh Đệ Thiên Cơ Việt, Hữu Khúc, Hỷ Thần, Hồ Đẩu, Thọ 16	Mệnh Tử Vi Hong, Đào, Riêu Bệnh, Phúc Đức, Y, Thiên Quan.	Phụ Mẫu Thư, Khách Thai Phụ, Suy Quả Tú	Phúc Đức Thân Phá Quân Lộc, Lâm, Quân Trực -phu
Thê Thất Sát Bệnh Phù Long Đức 26	<div> <div>Mùi</div> <div>Thân</div> <div>Dậu</div> <div>Tuất</div> <div>Năm Quý Dậu Tháng 5 nhuận Ngày 30 , giờ Sửu</div> <div>Âm Nam Kim Mệnh Hỏa lục cục</div> </div>		Điền Trạch Thái Tuế, Tiễn Xương, Đối Tả, Khốc
Tử Tức Thái Dương Thiên lương Hỏa, Cáo,Tài Khôi, Đại Tuế phá 36	<div> <div>Ty</div> <div>Hợi</div> <div>Thìn</div> <div>Sửu</div> <div>Mão</div> <div>Dần</div> </div>		Quan Lộc Thiên Phủ Liêm Trinh Linh Thanh Long Mộc, Địa,Không Thiên Không
Tài Bạch Vũ Khúc Thiên Lương Hình, Thai, Bình Nguyệt đức	Giải Ách Cự Môn Thiên Đồng Quang, Trì, Các Quý, Cái, Kinh Sư, Giải Thần	Thiên Ri Tham Lang Tọa, Tồn, Bác Địa Kiếp Thiên Hỷ	Nô Bộc Thái âm Sinh, Khoa, Mã Lực, Tang Đà, Thương

Cách-Tử , Phủ, Vũ , Tướng.

Mệnh-Tuy rằng có Tử Vi cư Ngọ nhưng chữ Quý là Thủy ai ở vào cung Hỏa thì Khắc ; Âm Nam cư Dương cung, lại thêm có Đào, Hồng ngọ Kiếp, Không tức là chết non. Vì sách có câu rằng :Đào , Hồng, Ngọ, Kiếp, Không làm thủ, sá chi bàn những lũ yếu vong. Vả lại năm lên 3 tức là hạn đến cung Giải Ách mà gặp Kinh Dương, Hoa Cái cho nên bị lên đậu mà chết. Mệnh tuy tốt nhưng có nhiều sao xấu chiếu về cung Giải Ách lại xấu lắm, có Cự, Ky, Long trì, Quan phù, Quan Phủ,thì tuy rằng có Triệt và Thiên Giải, Giải Tuần nhưng cũng không thể giải được- Sách dạy : Hạn gặp kinh Dương Hoa Cái và Dương thì lên đậu” mà số này năm lên 3 gặp cả 3 sao ấy cho nên bị lên đậu nặng quá mà chết về tháng sáu năm ấy.

SỐ ĐÀN BÀ BỊ HẬU SẢN MÀ CHẾT :

Quan Lộc Tham Lang Liêm Trinh Thiên Phúc Ky, Khôi, Trì Khốc, Thư 44	Nô Bộc Cự Môn Xương, Quyền Thương, Quan Đào, Mộc	Thiên Ri Thiên Tướng Địa Không, Tả, Phá, Đì, Hữu Hỷ Thần, Hư	Giải Ách Thiên Đồng Thiên Lương Bệnh Phù Thiên Hỷ Khúc, Sửu
Điền Trạch Thái Âm Quân, Dưỡng Riêu, Y 34	<div style="text-align: center;"> Mão Dần Sửu Tý Năm Quý Sửu Tháng 4 ngày 9 Giờ Thìn Thìn Hợi Ty Ngọ Dậu Mùi Thân Tuất Âm Nữ Mộc Mệnh Kim Tứ Cục </div>		Tài Bạch Thân Vũ Khúc Thất Sát Vượng Hổ Giải, Phượng Đại
Phúc Đức Thiên Phủ Tang, Tiểu Thai, Tam, Việt, Kiếp 24			Tử Tức Thái Dương Binh, Suy Cáo, Khoa
Phụ Mẫu Hồng, Tuyệt Thanh, Không Thai phụ 14	Mệnh Phá Quân Tử Vi Quý, Kinh, Cái, Lực Quang, Thái Tuế	Huynh Đệ Thiên Cơ Hinh, Bác, Tử Lộc Tồn	Phu Tọa, Đà Khách, Bệnh Mã.

Số này lấy lẽ và tự do kết hôn vì có Đào Hoa Cư Nô Độc Mệnh tuy có Tử Vi nhưng gặp Triệt và Kinh Dương Thái Tuế Văn Xương đi cùng Thiên Thương cho nên chết non, vì đại hạn đương ở cung Dần có Văn Xương, Thiên Dương chiếu. Sách đã nói rằng : Thái Dương hãm thì khó nuôi con cho nên vì đẻ về tháng 3 chính năm Bính Tý mà chết về hậu sản. Tức là chết năm 24 tuổi.

Cung Phu Quân có Đà La ngộ Thiên Mã tuy rằng lấy lẽ và nhà chồng nhưng chồng cứ bỏ đi không nghĩ gì đến vợ, là vì có Không Kiếp và Liêm, Tham chiếu Cung Phúc Đức có Thiên Phủ phùng Địa Kiếp cho nên có ngôi mộ “tổ” bị thất lạc – Trong sách dạy rằng : Thiên phủ phùng địa Kiếp thì con cả bại và chết non, chính tuổi này là con đầu lòng cho nên chết non, thực là sách dạy không sai.

(HẾT PHẦN I)